# TẠNG LUẬT (Vinayapiṭaka) - TẬP YẾU (Parivāra) I & II

*Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)*

TẠNG LUẬT (VINAYAPITAKA)

TẬP YẾU (PARIVĀRĀ)

LỜI GIỚI THIỆU Parivārā là tập cuối của Vìnayapitaka (tạng Luật), về ý nẹhĩa của từ parivārā, học giả L B. Homer phân tích như sau: parỉ là tiếp đau ngữ có ý nghĩa: đi vòng quanh, bao bọc xung quanh, v.v... và vãra lấy theo từ gốc của Sanskrit là ylvr có nghĩa là bao phỉi." (a/vf còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó? chúng tôi tạm lấy tên là "Tập yếu" có ý nghĩa nôm na là "Tập hợp lại những điều chính yếu'" Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật Suttavibhañga và Khandhaka rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt. Như vậy, phải chăng bộ Tập yếu "Parivārā" này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng đinh rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các cau hỏi sau: "Các điều học đã được quy đinh ở bao nhiêu đỉa điếm? Moi đỉa điểm như vầy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy đỉnh chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khĩm-ni? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho Tỳ-khưu, cho Tỳ-khưu-nỉ? Là các điều học nào? V.V.." Parivārā đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại. Mười chín chương của bộ Tập yêu (Parivārā) được trình bày theo thứ tự như sau: L Chương mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khưu: Tóm lược đầy đủ 227 điều học của Tỳ-khưu. II. Chương mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khưu-nh Là phần tóm lược Bhikkhunīvibhañga gồm các điều học được quy định riêng cho Tỳ-khưu-ni9 cách trình bày cũng tương tợ như ở chương trên dành cho Tỳ-khưu. HL Tóm lược về nguồn sanh tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn5 có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguôn sanh tội giông nhau. IV Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự trùng lặp liên tục, và (b) Phân tích cách dàn xếp, nhimg phần (b) chỉ là phàn tiếp theo của phần (a)



chưa được hoàn tát. Sở dĩ nhận ra được hai phân riêng biệt do việc các nhà két tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phan đau: "Antarapeyyālam nitthitam" có nghĩa là "Sự trùng lặp liên tục được cham dứty Ve phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (mātikā). V. Các câu hỏi về bộ Hợp phần (Khandhaka): Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gom có Đại phẩm {Mahāvagga) và Tiểu phẩm (Cullavagga) dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ 22 chương của bộ

Luật này. VI. Tăng theo từng bậc: Được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tợ như ở Kỉnh Tăng chỉ bộ (Añguttaranikāya) thuộc tạng Kinh. VIL Các câu vấn đáp về lễ Uposatho v.v...: Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ Uposatha, lễ Pavāranā,... hành phạt Mānatta. và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu "Mahāvaggo nitthito)" nghĩa là "Đại phẩm được chấm dirt' trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở Đại phàm {Mahāvaggo). VUI. Sưu tập các bài kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra còn phân y A các điêu học thành nhóm theo nhiêu khía cạnh khác nhau như quy đinh chung, quy đinh riêng, v.v... IX. Phân tích sự tranh tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy r *5 £ cách dàn xép. Chủ đê được trình bày cô đọng nhưng không kém phân súc tích cần được tham khảo. X. Sun tập khác về các bài kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội can phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác. XL Chương cáo tội: Là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội và vị xét xử. XII. Xung đột (phần phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vi xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua. XIII. Xung đột (phân chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tợ như ở bộ Phân tích Giới bổn. trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.



XIV. Phân tích Kathinat Các điều cần biết về Kathina được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tông quát nhưng không kém phân súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương Kathina thuộc Đại phẩm (Mahāvagga). XV Nhóm năm của Upāli: Là các câu hỏi của ngài Ưpâli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong Đại phẩm {Mahāvagga) và Tiểu phẩm (Culỉavagga). XVI. Nguồn sanh khỏi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một. XVII. Sưu tập các bài kệ (phần hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn dề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô L B. Homer trong bản dịch tiếng Anh. XVUI. Các bài kệ làm xuất mồ hôi: Là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. về chương này, phần cước chú là điều không the thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phan giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn. XIX. Năm phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự? điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự,

bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tong hợp theo chín vấn đề khác nhau. *** về phần tác giả, nói đúng hơn là vị đã biên tập tài liệu này, chúng ta chỉ biết được tên vị ấy là Dīpā qua lời tổng kết ở phần cuối của tập sách. Vị ấy được giới thiệu là "bậc trí tuệ đã học hỏi từ các vỉ thay và thực hiện Parivārā nhằm làm sáng tỏ Chánh pháp, giúp cho người học Phật giải quyết những hoài nghỉ đã sanh khởi y Có ý kiên cho răng Dīpā là một vị xuất gia người ở đảo Tích Lan.1 về thời điểm, cũng không thể xác định chắc chắn. Dựa vào bài kệ liệt kê tên các vi Trưởng lão kế thừa tạng Luật được đề cập ở đoạn [3] nêu tên năm vị thuộc x L .I A e . Jambudīpa (An Độ), kê tiêp là nhóm năm vị dân đâu là ngài Mahinda có trách nhiệm đi hoằng pháp ở Tambapanni, và vị Trưởng lão cuối cùng trong danh sách ấy có tên là Sĩva. Có tài liệu phỏng đoán rằng vị Sĩva đã sống vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch;2 như vậy, có thể suy luận rằng tập Parivārā được thực

1 Dịch giả L B. Homer ghi lại theo Wintemitz, A History ofIndian Literature, Vol. II, p. 33. 2 Oskar Vòn Hinūber, A Handbook of Pali Literature, xem phần giải thích về Parivārā.



hiện vào khoảng thời gian đó. Địa điểm đã thực hiện Parivārā được mặc nhiên chập nhận là ở trên hòn đảo Tambapanni ây (tức là nước Sri Lanka ngày nay). Vê nội dung, có các vân đê đáng được lưu ý như sau: 1. Parivārā tuy được xếp vào Tipitaka (Tam tạng), nhưng phần lớn của Parivārā không phải là những điêu đã được nghe trực tiêp từ chính kim khâu của đức Phật và được ghi lại nguyên văn như hai bộ Luật kia hoặc các bộ thuộc tạng Kinh; điều này được dễ dàng xác định qua văn bản. Parivārā tuy không khẳng định là Phật ngôn nhưng các vấn đề thảo luận không đi ra ngoài những lời dạy của đức Phật. 2. Parivārā hiện đang sử dụng gồm có 19 chương; tuy nhiên cuối chương XIV có dòng chữ "Parivāram nitthitam" báo hiệu sự kết thúc của Parivārā. Dịch giả L B. Homer dẫn chứng rang các bản Chủ giải ve Luật và Kỉnh Trường bộ của ngài Buddhaghosa đề cập đến ^soḶasaparivârcỉ' nghĩa là Parivārā gồm có ló chương và lưu ý chúng ta về chương IV gồm có 2 phần riêng biệt là Anantarapeyyãla (Sự trùng lặp liên tục) và Samathabheda (Phân tích cách dàn xếp) và chương VII gồm có Uposathādipucchāvisscyjanā (Các câu vấn đáp về lễ Uposatha, v.v...) và Atthavasapakararia (Lời giải thích về điều lợi ích) đã được thu gọn lại; theo cách giải thích này chúng ta có được Parivārā với mười sáu chương theo như các Chú giải đã đề cập. Như vậy, phải chăng các chương XV-XIX ở phần Chánh tạng và Chú giải đã được thêm vào sau thời kỳ của ngài Buddhaghosa?3 Điều này cần phải chờ đợi câu trả lời từ các công trình nghiên cứu nghiêm túc hoặc từ sự tìm ra các di tích từ những công cuộc khảo cổ để có được câu trả lời thích đáng. 3. Có điêu cân nói thêm răng: Parivārā không phải là sách đê đọc thông thường mà được xem là tài liệu học tập, là học cụ giúp cho người nghiên cứu Luật hiểu rõ và nắm vững các vấn đề thuộc về Luật. Sự trình bày vấn đề dưới nhiêu góc cạnh, theo từng chủ đê có thê giúp cho người đọc xác định lại kiên thức và góp phần vào việc củng cố sự ghi nhớ. Tuy nhiên, người đọc phổ thông cũng có the học hỏi được những nét đa dạng trong nghệ thuật phân tích vấn đề. Trong bản

tiếng Việt này, chúng tôi đã giữ nguyên từ Pâli đối với tên gọi của các tội vi phạm và một vài thuật ngữ có tính cách chuyên môn, hy vọng sẽ không gây trở ngại cho việc nghiên cứu của quý vị. về phần cước chú, bản Chú giải của ngài Buddhaghosa tương đối rõ ràng giúp cho chúng ta có thể hiểu được vấn đề, nhưng muốn có được trích dẫn chính xác cần phải sử dụng bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Homer do có phần cước chú đã được thực hiện rất công phu nhưng thiếu phần tóm lược sự việc nên không giúp cho người đọc liên tưởng ra được vân đê. Chúng tôi đã tôn nhiêu công sức đê sử dụng cả hai nguôn tư liệu trên cho phan cước chú của bản dịch này; tuy nhiên, chúng tôi chỉ thực hiện một số cước chú cho những vấn đề càn thiết, một số chúng tôi đã bỏ qua do ngài Buddhaghosa không giải thích, hoặc do chúng tôi không hiểu được ý

3 Vào khoảng thế kỷ v.



của ngài, một số vấn đề liên quan đến tạng Kinh chúng tôi không có tài liệu để đôi chiêu, và một sô khác chúng tôi nghĩ răng quý độc giả có thê biêt được vân đề đang được trình bày ở phần nào trong hai bộ Luật kia. *** Cũng như các bản dịch trước, bản dịch Tập yếu (Parivārā) của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pâli La-tinh từ Compact DiskBUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ sô đánh dâu ở đâu môi vân đê; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vi tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo. Tuy đã nỗ lực tối đa nhimg chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu. Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSIRIV. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ khi nhận được từ Thượng tọa Chánh Kiến bản dịch Parivārā có tên là Tạp sự bộ do chính vị ấy đã thực hiện từ bản tiếng Thái vào thời gian trước dây, và cũng không quên tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh ve CD Tam tạng Chattha Sañgāyana. đong thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô L B. Homer. CD Buddhasāsanā. quà biếu của Dr. Bình Anson, đã đóng góp phan công đức không nhỏ với các tài liệu về Luật bằng tiếng Việt của quý ngài Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, v.v... Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tìm ra phương thức giải quyêt cho những diêm khó vê văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến các sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vi: Hòa thượng Chánh Minh, Dr. Bình Anson, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, bà Diệu Đài, Phật tử Ngọc Ngân. Không có sự khích lệ của quý vi, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao mọi ước nguyện của quý vị đều được thành tựu như ý. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. r x 9r Mong sao hét thảy chúng sanh đêu được tiên hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp. Colombo, ngày 15 tháng 5 nam 2004 Kính bút, Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng) (Hiệu đỉnh lần thứ nhất

hoàn tất ngày 30-10-2004)

ĐẠI PHÂN TÍCH (MAHĀVIBHAÑGO)

1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, āieu Pārājika thứ nhất đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ơ đấy, có điêu quy đinh, co điêu quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điêu quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho)? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? ở đấy, điêu gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở đay, điều gì gọi là Giới bổn (Pãtỉmokkhă)! ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtỉmokkhd)! Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Pārājika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ nhất đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại Vesālī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. ở dấy, có điều quy định, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?



ở dấy, có một điều quy đinh, có hai điều quy định thêm, không có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho cả hai.

[Điêu áy] được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Thuộc về nhóm tội Pārājika. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội? Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điêu ây được làm lăng diu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở đấy điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở dấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkha)? Sự quy đinh gọi là Giới bổn (Pãtỉmokkhd). Sự phân tích gọi là tăng thượng

Giới bon (Pâtimokkhă). Điều gì là sự phạm tội? —Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.



Điều gì là Sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vị ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Pārājika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? -Điều Pãrãịika thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chê những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? - Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong. [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?
-Những vị nào rành rẽ,12những vi ấy duy trì.
Là lời dạy của ai?
Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

(i) Vi Upãli, luôn cả vị Dãsakaf vi Soụaka, vỉ Siggava là tương tợ, với vị Moggallỉputta là thứ năm, các vỉ này là ở đảo Jambu huy hoàng. (ii) Từ nơi ẩy, vị Mahindá1 và vị Itthiyā, vỉ Uttiya luôn cả vi Sambala và bậc thông thải tên Bhaddā, các vỉ hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đen nơi dây. (iii) Các vỉ ấy đã giảng dạy tạng Luật ở

Tambapanni.3 Các vỉ ấy đã giảng dạy năm bộ Nikâya và bảy bộ Vỉ diệu pháp.

1 Yesarn vattatĩtỉyesamyinayapitakañca atthakathā ca sabbāpagunāti attho (VinA. VII. 1303) = ^Yesam vattati có nghĩa là uđối với những vị nào mà toàn bộ tạng Luại và Chủ giai được rành re.,i 2 Sau kỳ kết tập Tam tạng lần thứ ba (thế kỷ III TTL), ngài Mahinda và bốnxvị được kể tên kế tiếp là Itthiyā, Uttiya, Sambala và Bhaddā đa theo lệnh ngài Moggalliputtatissa từ Ấn Độ (Jambudīpa) đa đi đến Tích Lan (Tambapanni) để hoằng khai giáo pháp (ND). 3 Tức là đảo Tích Lan (Ceylon), nay là nước Sri Lanka (ND).



(iv) Sau đó, vi Arittha thông minh, vỉ Tissadatta thông thái, vi KãỊasumana cỏ lòng tự tin và vỉ Trưởng lão tên Dīghā và vị Dĩghasumana thông thái, (v) Thêm nữa là vi KãỊasumana, Trưởng lão Nāgā và vi Buddharakkhỉta, vỉ Trưởng lão Tissa thông minh và vỉ Trưởng lão Deva thông thải (vi) Thêm nữa là vị Sumanā thông minh và năm vững vê Luật. Vi CũỊanãga nghe nhiêu học rộng, khó công kích giông như con voi vậy. (vii) Và vỉ tên Dhammapãlita ở xứ Rohana đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khemā là vi đại tuệ, ỉà bậc thông Tam tạng đã sảng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ, (viii) Và vị Upatỉssa thông minh, vỉ Phussadeva là đại Pháp sư. Thêm nữa là vi Sumanā thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng. (ix) Vi Mahãsĩva là đại Pháp sư, rành rẽ vê mọi vân đê trong Tam tạng. Thêm nữa là vi Upãli thông minh và năm vững vê Luật, (x) Vị Mahānāgā là bậc đại tuệ, rành rẽ vê truyên thông của Chánh pháp, Thêm nữa là vi Ābhāya thông minh, rành rẽ ve mọi van đe trong Tam tạng. A (xi) Và Trưởng lão Tissa thông minh, năm vững vê Luật, Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu. (xii) Và vỉ Cūlābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vỉ Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ vê truyền thông của Chánh pháp. (xiii) Và vi Phussadeva thông minh, nắm vững về Luật. Và vi Trưởng lão Sĩva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật. (xiv) Những vi hàng đâu ây có đại tuệ, là những vỉ thông Luật, rành rẽ vê đường lôi, đã phô biên tạng Luật ở hòn đảo TambapannL 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ nhì đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Dhaniya, con trai người thợ gôm đã lây các cây gô của đức vua là những vật chưa được cho. Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có the sanh lên do thân, do khau và do ý. ...(nt).



3. Điêu Pārājika thứ ba đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy đinh tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.
về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khmi đã đoạt lây mạng sông lân nhau. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điêu Pārājika thứ tư đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā.

về sự việc gì? Trong sự việc ầy, các vị Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi vê pháp thượng nhân của vị này vị nọ đen các cư sĩ. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). Dứt bốn điều Pãrãịika.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Bốn điều Pārājika là việc đôi lứa, vật chưa được cho, việc đoạt [mạng sống] của con người và pháp thượng nhân, sự việc nên được chia chẻ, không còn nghi ngờ. —ooOoo—

1.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa đên vi găng sức và làm xuât ra tinh dịch đã được quy đinh tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ở đấy, có điều quy định, có



điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ- khưu và Tỳ-khiru-ni]? [Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phân nào trong năm cách đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhaṃ! Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [tranh tụng]? ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở dấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pãtimokkha)? ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkha)? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập [điều ấy]? Những ai có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì [điều ấy]? Là lời dạy của ai?

Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra

tinh dịch. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều

quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điêu quy định chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khiru-ni]? [hay] là điêu quy định riêng? Là điêu quy định riêng [cho Tỳ-khiru]. Là điêu quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điêu quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng].

ĐẠI PHÂN TÍCH* 983

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ Được gôm chung vào phân mở dâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Sañghādisesa.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xép [sự tranh tụng], điêu ây được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Điều ấy được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện

diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (PãtỉmokkhdỴÌ Sự quy đinh gọi là Giới bổn ỤPãtimokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ trì, vi ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Sañghādisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Điều Sañghādisesa đến vị đã gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được

đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự



lạc tru của các Tỳ-khưu hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nhằm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? —Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]? Những vị nào rành rẽ? những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai?
-Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại?
Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].
Vi Upālỉ luôn cả vi Dãsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapanni. 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa đên vi thực hiện việc xúc chạm thân thê với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân the với người nữ. —Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3. Điều Sanghãdỉsesa đến vị nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì?



Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điều Sañghādisesa đến vi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
—Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 5. Điều Sañghādisesa đến vị tiến hành việc mai mối đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì?
Trong sự việc áy, Đại đức Udāyi đã tiên hành việc mai môi.
Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do khâu, không do thân không do ý; có thê sanh lên do thân và do khâu, không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do 9 ?

thân; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). 6 Điều Sañghādisesa đến vị tự mình xin [vật liệu] rồi cho xây dựng cốc liêu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Ālavī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru ở Ālavī.



về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khxru ở Ālavī sau khi tự mình xin [vật liệu] rồi

đã cho xây dựng các cốc liêu. y Có một điêu quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ,..(nt).

7. Điều Sañghādisesa đến vi cho xây dựng tru xá lớn đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy đinh tại Kosambī.
Liên quan đên ai?
Liên quan đến Đại đức Channa.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của tru

xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Sañghādisesa đến vị bôi nhọ Tỳ-khưu với tội Pārājika không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các vi Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi

nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với tội Pārājika không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 9. Điều Sañghādisesa đến vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vi Tỳ-khưu về tội Pārājika đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm

lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 987

10. Điều Sañghādisesa đến vi Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điều Sañghādisesa đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khiru xu hướng theo Devadatta, là kẻ đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng, đã trở thành những kẻ chủ trương phe nhóm. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 12. Điều Sanghãdisesa đến vi Tỳ-khiru khó dạy và không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vi Tỳ-khuru nói đúng

theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 13. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình và không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Assaji và Punabbasuka.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội

chúng thực thi hành sự xua đuôi đã nói xâu các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vi vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt mười ba điều Sañghādisesa.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc xuất ra [tinh dịch], sự xúc chạm thân thê, lời thô tục, nhục dục cho bản thân, việc mai môi luôn cả cóc liêu, trú xá và không có nguyên cớ. Và điều nhỏ nhặt nào đó, sự chia rẽ, những kẻ xu hướng theo chính vi ấy, vị khó khuyên bảo và việc làm hư hỏng các gia đình, là mười ba điều Sañghādisesa. —ooOoo—

1.3. CHƯƠNG Ānīyata Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhất đã được quy định tại đâu? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhất đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi. về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ

ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?  ở dấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy

định khi [sự việc] chưa xảy ra.



Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực?  Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy định riêng?  Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bôn (Patimokkho), [điêu áy] được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào? [Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? - Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ tư. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Có thể thuộc về nhóm tội Pārājika, có thể thuộc về nhóm tội Sañghādisesa, có thể thuộc về nhóm tội Pãcittiya. Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điêu ây được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật

với sự hiện diện, có the là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là cách dùng cỏ che lấp. ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy đinh gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật.

ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (PãtimokkhăỴÌ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pâtimokkhă)! Sự quy định gọi là Giới bổn {Pãtỉmokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng

Giới bổn (Pãtỉmokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiêm chê là sự phạm tội.



Điều gì là sự thành tựu? Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? uTôi sẽ không làm việc như thế", sau khi thọ tri, vi ấy học tập về các điều

học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Ānīyata thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy đinh vì bao nhiêu lợi ích? Điều Ānīyata thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích:

Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nham sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhăm sự tôn tại của Chánh pháp, [và] nhăm sự hỗ trợ của Luật. Những ai học tập [điều ấy]? Các bậc Thánh Hữu học và các thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy].

Những ai có việc học tập đã học tập xong? Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

[Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì [điều ấy]?
Những vị nào rành rẽ, những vi ây duy trì.
Là lời dạy của ai?
Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.
Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vi Upâli, luôn cả vị Dâsaka, ...(nt)... ở hòn đảo Tambapannī. 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Ānīyata thứ nhì đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ

ngồi ở nơi kín đáo. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy đinh thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?

ĐẠI PHÂN TÍCH 991

- ở đấy, CÓ một điều quy định, không có điều quy đinh thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy định cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khtru và Ty-khiru-ni], [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khxru].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng].

Trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pâtỉmokkhă). [điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào? -[Điều ấy] được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? y

Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Có thể thuộc về nhóm tội Sañghādisesa. có thể thuộc về nhóm tội Pãcittiya.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý,

không do khẩu; có thể sanh lên do khau và do ý? không do thân; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng], điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Điều ấy được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật

với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cỏ che lấp. (nt) Dứt hai điều Ānīyata.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Thuận tiện cho việc hành động, đúng y như vậy luôn cả không như vậy9 các điều Ānīyata đã khéo được quy định bởi đức Phật là vị đứng đầu như thế ấy. —ooOoo—

992 TẬP YẾU

1.4. CHƯƠNG NISSAGGIYA 4.1. 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Nissaggiya Pãcittỉya đên vi vượt quá mười ngày vê [việc cát giữ] y phụ trội đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã cất giữ y phụ trội vượt

quá mười ngày. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vi xa lìa ba y một đêm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu sau khi giao y tận tay của các Tỳ-khưu

rồi đã ra di, du hành trong xứ sở với y nội và y vai trái. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Nỉssaggiya Pãcittỉya đến vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi [cất giữ] vượt quá một tháng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi đã

[cất giữ] vượt quá một tháng. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

ĐẠI PHÂN TÍCH 993

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khâu, không do ý; có thê sanh lên do thân, do khâu và do ý. ...(nt). 4. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vi bảo Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến giặt y cũ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan

đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã bảo vi Tỳ-khưu-ni không phải là thân

quyến giặt y cũ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điều Nỉssaggiya Pâcỉttỉya đến vị thọ lãnh y từ tay Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã yêu câu

người con trai nhà đại phú không phải là thân quyến về y. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôi! sanh tội:...(nt). 7. Điều Nissaggỉya Pãcỉttỉya đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng cho phép đã được quy định tại đâu?



Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không biêt chừng mực và

yêu câu nhiêu y. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn vê y. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt)

9. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được

thỉnh câu trước đã đi đên gặp các gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Nissaggiya Pâcittiya đên vị đạt được y băng lời nhác nhở quá ba lần và bằng hành động đứng [im lặng] quá sáu làn đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?

ĐẠI PHÂN TÍCH < 995

-Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi được nam

cư sĩ nói rằng: "Thua ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay”đã không chờ đợi.  Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm Kathina là thứ nhất

4.2. 1. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vị bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Ālavī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì?  Trong sự việc ây? các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đên gặp các người thợ dệt tơ tằm và nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.,^  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội:...(nt). A r e ĩ y y

2. Điêu Nissaggiya Pâcỉttiya đên vị bảo làm tâm trải năm băng lông cừu thuần màu đen đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm tấm trải nằm

bằng lông cừu thuần màu đen.  Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 3 Điêu Nỉssaggiya Pãcỉttiya đên vị bảo làm tâm trải năm mới mà không lây một phân lông cừu màu trăng và một phân lông cừu màu nâu đỏ đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

996  TẬP YẾU

-Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã để vào một chút ít màu

trắng ở viền và theo như thế ấy, đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Nỉssaggiya Pãcỉttỉya đến vị bảo làm tấm trải nằm mỗi năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã bảo làm tấm trải nằm mỗi năm.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

5. Điêu Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya đên vị bảo làm tâm lót ngôi mới mà không lây ở phần xung quanh của tấm lót cũ một gang tay của đức Thiện Thệ đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu đã quăng bỏ các tâm trải năm và thọ

trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khất thực, pháp của vị sử dụng y pamsukūla. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điều Nissaggiya Pãcỉttỉya đến vi thọ lãnh các lông cừu và đem đi quá ba do-tuần đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi thọ lãnh các lông cừu đã đem đi

quá ba do-tuần.



y -Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 7. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vị bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo các Tỳ-khưu-ni không

phải là thân quyến giặt các lông cừu. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ..(nt). 8. Điều Nỉssaggiya Pâcittỉya đến vi nhận lãnh vàng bạc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã nhận lãnh

vàng bạc. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Nissaggiya Pãcittỉya đên vị tiên hành việc trao đôi vàng bạc dưới nhiều hình thức đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tiến hành việc trao đổi

vàng bạc dưới nhiều hình thức. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Nỉssaggiya Pācittiya đến vị tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu?



Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã tiến hành

việc mua bán với du sĩ ngoại đạo. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm "To* tằm" là thứ nhì.

4.3. 1. Điều Nỉssaggiya Pãcittiya đến vi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã cát giữ bình bát phụ trội. -Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Nissaggỉya Pãcỉttiya đến vi với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá lại sắm bình bát mới đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư với [bình bát] bi bể chỉ chút

ít, bị nứt chỉ chút ít, bi trầy chỉ chút ít đã yêu cầu nhiều bình bát. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Nissaggỉya Pâcittỉya đến vị thọ lãnh các loại dược phẩm rồi [cất giữ] vượt quá bảy ngày đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

ĐẠI PHÂN TÍCH 999

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khxru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm

đã [cát giữ] vượt quá bảy ngày. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina\..(xứ).

4. Điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vi tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nang còn hơn một tháng đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tìm kiếm y choàng tắm mưa

lúc mùa nắng còn hơn một tháng. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya đến vi sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi tự mình cho y đến vi Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi đã giật lại. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

6. Điêu Nissaggiya Pãcỉttiya đên vị tự mình yêu câu chỉ sợi roi bảo các thợ dệt dệt thành y đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy đinh tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

- Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

4 Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

1000 TẬP YẾU

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tự mình yêu cầu chỉ sợi

rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ,..(nt). 7. Điều Nỉssaggỉya Pãcỉttiya đến vi khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyên và đưa ra sự căn dặn vê y đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi chưa được

thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Nissaggiya Pãcỉttiya đến vi sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi [cất giữ] vượt quá thời hạn về y đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã [cất

giữ] vượt quá thời hạn về y. y

Có một điêu quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 9. Điêu Nỉssaggiya Pãcittiya đên vi sau khi đê lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà, rồi xa lìa hơn sáu đêm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của bay ở trong xóm nhà rồi đã xa lìa hơn sáu đêm. Có một điều quy định.



Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 10. Điều Nissaggiya Pācittiya đến vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được

khẳng đinh là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho bản thân. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

Phẩm wBình báp là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY Mười ngày, một đêm và một tháng, việc giặt [y cũ] và việc thọ lãnh [y], không phải là thân quyến, đã được dành riêng, của cả hai điều và bởi người sứ

giả. Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức. Hai điều về bình bát, dược phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm, tự mình, việc bảo dệt, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc về hội chúng. Dứt ba mươi điều Nissaggiya Pãcittìya. —ooOoo—

1.5. CHƯƠNG PẴCITTIYA

5.1.

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pãcỉttỉya về việc cố tình nói dối đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

- Liên quan đến Hatthaka, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, Hatthaka, con trai dòng Sakyā trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận.



CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 2. Điều Pãcittiya về nói lời mắng nhiếc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-

khưu hiên thiện đã măng nhiêc các Tỳ-khmi hiên thiện. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pãcittiya về việc đâm thọc các Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(ìit)

4. Điều Pãcittiya đến vị dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do khâu, không do thân không do ý; có thê sanh lên do khâu và do ý, không do thân. ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm đã được quy đinh tại đâu?

ĐẠI PHÂN TÍCH 1003

Đã được quy định tại thành Ālavī. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã nằm chung chỗ ngụ với người chưa

tu lên bậc trên. Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pãcittiya đến vi nằm chung chỗ ngụ với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Anuruddha.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Anuruddha đã nằm chung chỗ ngụ với người nữ.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu.5...(nt).
7. Điêu Pãcittiya đên vi thuyêt pháp đên người nữ hơn năm hay sáu câu đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Đại đức Udāyi.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã thuyết pháp đến người nữ quá năm

hay sáu câu. Có một điều quy đinh, có hai điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều pháp theo từng câu.6...(nt). 8 Điều Pãcittỉya đến vị tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. 5 Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND). 6 CÓ thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (ND).

1004 TẬP YẾU

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã.

về sự việc gì? —Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudã đã khen ngợi pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu không do ỷ. ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vị công bố tội xấu của Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã công bố tội xấu của Tỳ"
khưu đến người chưa tu lên bậc trên.
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).
10. Điều Pãcittỉya đến vị đào đất đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy đinh tại thành ÂỊavĩ.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ đã đào đất.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm “N6i đốp là thứ nhất

5.2. 1. Điêu Pãcittiya vê việc phá hoại sự sông của thảo mộc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành ÂỊavĩ.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1005

về Sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu ở AỊavĩ đã chặt cây. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 2. Điêu Pâcittiya vê việc nói tránh né, vê việc gây khó khăn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi đang được xác định tội ở giữa hội

chúng đã phản kháng cách này hoặc cách khác. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 3 Điêu Pâcittỉya vê việc phàn nàn, vê việc phê phán đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã phàn

nàn với các Tỳ-khưu về Đại đức Dabba Mallaputtā. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

4. Điều Pãcỉttiya đến vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi trải ra vật nằm ngồi thuộc về

hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo. -Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điêu Kathỉna ...(nt).



5. Điều Pãcỉttiya đến vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn và đã ra đi không thông báo. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 6. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khtru đã đến trước rồi nằm xuống ở trong tru xá thuộc về hội chúng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chen vào [chỗ] các Tỳ-

khưu trưởng lão rồi nam xuống. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: Sanh

lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị vì nổi giận, bất bình rồi lôi kéo vị Tỳ-khiru ra khỏi tru xá thuộc ve hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đên ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận, bất bình đã lôi

kéo các vi Tỳ-khưu ra khỏi trú xá của hội chúng.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 8. Điều Pâcittỉya đến vị ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

ĐẠI PHÂN TÍCH  1007

Liên quan đến ai?  Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây9 vị Tỳ-khưu nọ đã ngôi lên một cách vội vã trên chiêc

giường, loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vi sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp lại quyết đinh vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Channa. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi trú xá đã được làm hoàn tất lại cho người lợp thêm ở mái nhiều lớp, tô trét thêm ở tường nhiều lớp, khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống.  Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội:...(lít). 10. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn tưới lên cỏ hoặc đất sét đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành ÃỊavĩ. Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu ở ÂỊavĩ.

về sự việc gì?
-Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru ở AỊavĩ dâu biêt nước có sinh vật đã tưới lên cỏ và đất sét.
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt).
Phẩm wThảo mQc" là thứ nhì.
5.3. 1. Điều Pãcỉttiya đến vị chưa được chỉ định mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?  Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

1008  TẬP YẾU

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chưa được chỉ định đã giáo

giới các Tỳ-khưu-ni. ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt). 2. Điều Pãcittỉya đến vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Cullapanthaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Cullapanthaka đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi

mặt trời đã lặn. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). 3. Điêu Pãcittiya đên vị sau khi đi đên chô ngụ của Tỳ-khiru-ni roi giáo giới các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đên Ni viện roi đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni. -Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 4. Điều Pãcỉttiya đến vị phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳkhưu-ni vì nguyên nhân lợi IQc" đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã phát ngôn răng: "Cc Tỳ-

khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi 16c." Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt)

5. Điều Pãcittỉya đến vị cho y đến Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khmi nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã cho y đến vi Tỳ-khưu-ni không phải

là thân quyến. Có một điêu quy định, có một điêu quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt)

6. Điều Pãcittiya đến vị may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã may y cho vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội:

..(ĩit). 7. Điều Pãcittỉya đến vị hẹn trước rồi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni đã được quy đinh tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni.



Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.  Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có

thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ- khưu-ni đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. r

Liên quan đên ai?  Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi cùng lên một chiêc thuyên với các Tỳ-khưu-ni.

—Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội:

..(nt).

9. Điều Pâcỉttiya đến vị dầu biết vẫn thọ thực thức ăn được Tỳ-khun-ni môi giới cho đã được quy định tại đâu?

—Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

—Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ấy, Devadatta dầu biết đã thọ thực thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho.

Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 10. Điều Pâcỉttiya đến vị cùng với Tỳ-khưu-ni9 một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Udāyi. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.  Có một điều quy định.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1011

r , H /K Ằ Á — # Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). Phẩm wGiáo giới" là thứ ba.

5.4. 1. Điều Pãcittỉya đến vị thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi tiếp tục tru ngụ, đã

thọ dụng vật thực ở phước xá. Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt).
2. Điêu Pâcittiya trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Rājagaha.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Devadatta.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Devadatta cùng với tùy tùng đã liên tục yêu cầu các gia

đình rồi thọ thực. Có một điều quy định, có bảy điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt). 3. Điều Pãcỉttiya trong trường hợp vật thực thỉnh sau đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khtru được thỉnh mời nơi này đã thọ thực ở nơi khác.

1012 TẬP YẾU

-CÓ một điều quy định, có bốn điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở âiê\i Kathina. ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị sau khi đã thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát bánh ngọt lại thọ lãnh quá mức ấy đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu? Đã

được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khxru.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu khi thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm] đã thọ thực [thêm] ở nơi khác.  Có một điều quy định, có điều quy định thêm.

Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt). 6. Điều Pãcittiya đến vị yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mem không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến vị Tỳ-khmi nọ.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã thỉnh câu vị Tỳ-khưu đã thọ thực

xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là thức ăn còn thừa.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).



7. Điều Pãcittỉya đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã thọ dụng vật thực

vào lúc sái thời.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 8. Điều Pãcittỉya đến vi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến Đại đức Belatthisīsa.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Đại đức Belatthisīsa đã thọ dụng vật thực đã được tích trữ.

- Có một điều quy định.  Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vị yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu các loại vật thực

hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng.  Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: ...(nt). 9y r r 10. Điêu Pãcittiya đên vị đưa thức ăn chưa được bô thí vào miệng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.



về Sự việc gì?

r r

-Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã đưa thức ăn chưa được bô thí vào miệng.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] y ở điêu lông cừu. ...(nt). Phẩm uVật thực95 là thứ tư.

5.5.

L Điều Pãcittỉya đến vi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến Đại đức Ānanda.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã cho nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái. Có một điều quy đinh.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 2. Điều Pãcỉttỉya đến vi [nói với] vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng hoặc thi trấn để khất thực", sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā [nói với] vị Tỳ-

khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng để khất thực", sau khi bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đã đuổi đi. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 3. Điều Pãcỉttỉya đến vi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai?

Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chông roi ngôi xuông. -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do

khẩu. ...(nt). 4. Điêu Pãcittỉya đên vị cùng với người nữ ngôi xuông ở chô ngôi kín đáo, được che khuất đã được quy định tại đâu? —Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã cùng với người nữ ngôi xuông ở chô ngôi kín dáo, được che khuất. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttiya đến vị cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? -Liên quan đến Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pãcỉttiya đến vị5 khi đã được thỉnh mời khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn mà không thông báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā.



về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā khi đã được

thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn. —Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathỉna. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị yêu cầu dược phẩm trị bệnh vượt quá thời hạn [thỉnh cầu] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng
Sakyā nói rằng: "Thua các ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay", đã không chờ đợi.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ,..(nt).

8. Điều Pãcittiya đến vi đi để xem quân đội động binh đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy5 các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội
động binh. Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt) 9. Điều Pãcitíỉya đến vị cư ngụ trong binh đội quá ba đêm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ"khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cư ngụ trong binh đội quá ba đêm.



CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt).
10. Điều Pãcittỉya đến vị đi đến nơi tập trận đã được quy định tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến nơi tập trận.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). Phẩm wĐạo sĩ lõa thể" là thứ năm.

5.6. 1. Điêu Pãcỉttiya vê việc uông rượu và men say đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Sâgata.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Sâgata đã uông rượu mạnh. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khâu không do ý; có thê sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). 2. Điều Pãcittỉya về việc thọt léc bằng ngón tay đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vi Tỳ-khưu

bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).



3. Điều Pãcittiya về việc chơi giỡn ở trong nước đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Mười Bảy Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đùa giỡn trong nước ở dòng sông Aciravatī. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt).

4. Điêu Pãcỉttiya vê sự không tôn trọng đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy định tại Kosambī.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Đại đức Channa.
về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Channa đã thê hiện sự không tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcittiya đến vị làm Tỳ-khiru kinh sợ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm vị Tỳ-khưu kinh sợ.
Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 6 Điều Pãcittỉya đến vị tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru đã tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởd ấm. Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1019

7. Điều Pãcittiya đến vị tắm khi chưa đủ nửa tháng đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy định tại thành Rājagaha.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.
về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thây đức vua roi đã tăm không biết chừng mực.
Có một điêu quy định, có sáu điêu quy định thêm.
Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực?
Là điều quy định cho khu vực.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều lông cừu. ...(nt)

8. Điều Pãcỉttiya đến vị sử dụng y mới khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khxru.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu đã không nhận biêt y của bản thân.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điêu lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vi sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vi Tỳ-khưu hoặc đến vi Tỳ-khtru-ni hoặc đến cô Ni tu tập sự hoặc đến vi Sa-di hoặc đến vi Sa-di-ni lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā sau khi chú

nguyện dùng chung y của mình đến vị Tỳ-khưu rồi đã sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).

1020 TẬP YẾU

10. Điều Pâcittỉya đến vị thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị Tỳ-khiru đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thu giâu bình bát và y của các Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). Phẩm 66R1TỢU và chất say" là thứ sáu.

5.7. 1. Điêu Pãcittiya đên vị cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật.

Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điêu Pãcỉttiya đên vi dâu biêt nước có sinh vật vân sử dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư dâu biêt nước có sinh vật đã

sử dụng.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pãcỉttiya đến vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

ĐẠI PHÂN TÍCH < 1021

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dâu biêt sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa.  Có một điều quy định.  Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ,..(nt).

4. Điều Pâcỉttỉya đến vị dầu biết vẫn che giấu tội xấu của vi Tỳ-khưu [khác] đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến vi Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ dầu biết đã che giấu tội xấu của vị Tỳ-

khưu [khác],  Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttỉya đến vi dầu biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai?  Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu dâu biêt đã cho tu lên bậc trên người

chưa đủ hai mươi tuổi.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)

6. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn hẹn trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì?  Trong sự việc áy, vị Tỳ-khưu nọ dâu biêt vân hẹn trước roi đã đi chung đường xa với đám người đạo tặc.

1022  TẬP YẾU

- Có một điều quy định.  Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 7. Điều Pâcittiya đến vi hẹn trước rồi đi chung đường xa với người

nữ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với

người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pâcỉttỉya đến vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru Arittha trước kia là người huấn luyện chim ưng.

về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưuArittha trước kia là người huấn luyện chim ưng đã không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9. Điều Pâcỉttỉya đến vị dầu biết vẫn hưởng thụ chung với vị Tỳ-khưu phát ngôn như thế, là vi không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư dâu biêt đã hưởng thụ chung

với Tỳ-khưu Arittha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy. Có một điều quy đinh.



Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 10. Điều Pãcittiya đến vị dầu biết vẫn dụ dỗ vị Sa-di đã bị trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư dầu biết đã dụ dỗ Sa-di

Kandaka đã bi trục xuất như thế [vì không từ bỏ tà kiến]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "C6 sinh vậtw là thứ bảy.

5.8. 1. Điều Pãcỉttỉya đến vị khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp lại nói rằng: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ ve Luậf9 đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại Kosambī. Liên quan đến ai? —Liên quan đến Đại đức Channa. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở đúng

Pháp đã nói rang: "Này các Đại dức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luat." —Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

2. Điều Pãcỉttiya đến vị chê bai Luật đã được quy định tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chê bai Luật. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt).



3. Điều Pâcittỉya về việc [giả vờ] ngu dốt đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã [giả vờ] ngu dốt.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pãcỉttỉya đến vi vì nổi giận bất bình rồi tung cú đánh vào vi Tỳ- khưu [khác] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư vì nôi giận bát bình đã tung cú đánh vào các Tỳ-khiru. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 5. Điêu Pãcỉttiya đên vị vì nôi giận bát bình roi giơ tay dọa đánh vi Tỳ-khiru [khác] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã giơ

tay dọa đánh các Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khiru [khác] về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

ĐẠI PHÂN TÍCH 1025

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 7. Điều Pãcittỉya đến vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc cho vị Tỳ-khưu [khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cô ý gợi lên nôi nghi hoặc cho các vị Tỳ-khưu. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt) 8. Điều Pãcittiya đến vị đứng lắng nghe các Tỳ-khiru đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đứng lắng nghe các Tỳ-

khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp sau đó đã tiến hành việc phê phán. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt).

1026 TẬP YẾU

10. Điều Pãcỉttiya đến vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi không trao ra sự tùy thuận rồi đã

từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điều Pãcỉttỉya đến vị sau khi cùng với hội chúng hợp nhất cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi cùng với hội chúng

hợp nhát cho y, sau đó đã tiên hành việc phê phán. - Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 12. Điều Pãcittiya đến vi dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư dâu biêt lợi lộc đã được khăng định là dâng đên hội chúng đã thuyêt phục dâng cho cá nhân. Có một điều quy định.

—Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) Phẩm “Theo pháp59 là thứ tám.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1027

5.9. 1. Điều Pãcittiya đến vị đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ānanda.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Ānanda đã đi vào hậu cung của đức vua khi

chưa báo tin trước. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).
2. Điều Pãcittiya đến vi nhặt lấy vật quý giá đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu nọ đã nhặt lấy vật quý giá.
Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội9 điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pâcittiya đến vị đi vào làng lúc sái thời không báo cho vị Tỳ-khiru hiện diện đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi vào làng lúc sái thời.

Có một điều quy định, có ba điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như]

ở điều Kathina. ...(nt).

4. Điều Pãcittỉya đến vi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại xứ Sakkā.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.



về sự việc gì? Trong sự việc ây? nhiêu vị Tỳ-khưu không biêt chừng mực đã yêu câu nhiêu ông đựng kim. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcittỉya đến vị bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Ưpananda, con trai dòng Sakyā.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức ưpananda, con trai dòng Sakyā đã nằm ở

giường cao. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điêu Pãcỉttỉya đên vị bảo làm giường hoặc ghê có độn bông gòn đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm giường và ghế

có độn bông gòn. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pâcittiya đến vi bảo làm tấm lót ngồi vượt quá kích thước đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã sử dụng các tấm lót ngồi

không đúng kích thước. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).



8. Điêu Pãcittỉya đên vị bảo làm y đăp ghẻ vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các y đắp ghẻ

không đúng kích thước.

-Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt).

9. Điều Pãcỉttiya đến vị bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các vải choàng

tắm mưa không đúng kích thước. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Pãcittỉya đến vị bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Nandā.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Nandā đã sử dụng y băng kích thước y của đức

Thiện Thệ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). Phẩm uĐức vua" ỉa thứ chín. Dứt chín mươi hai điều Pãcittiya.



TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Nói dối, sự mắng nhiếc, nói đâm thọc, theo từng câu, hai điều về việc năm, việc thuyêt giảng, và luôn cả việc tuyên bô? tội xâu, việc đào xới. 2. Thảo mộc, nói tráo trở, vị đã phàn nàn, giường và việc nằm được nói đến, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo rời được, cửa lớn, có sinh vật. 3. Chưa được chỉ định, khi [mặt trời] đã lặn, chỗ trú ngụ [của Tỳ-khưu-ni] và vì vật chất, vị cho [y], vị may [y], với sự hẹn trước, [chung] thuyền, [nếu] thọ thực, [ngồi] chung. 4. Vật thực [ở phước xá], [vật thực] chung nhóm, [thọ thực] nơi khác, bánh ngọt, vi đã ngăn [vật thực], đối với vi đã ngăn [vật thực], lúc sái thời, sự tích trữ, sữa tươi với tăm xỉa răng, các điêu ây là mười. 5. Nữ đạo sĩ lõa thể, việc đuổi đi, sau khi đi vào, được che khuất và với nơi kín đáo, vị đã được thỉnh mòi, với các vật dụng, [xem] đội quân, việc trú ngụ [nơi binh đội], nơi tập trận. 6. Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn [ở trong nước], sự không tôn trọng và sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân [chú nguyện], do việc thu giấu. 7. Cố ý [giết hại], nước [có sinh vật], [khơi lại] các hành sự, [che giấu] tội xấu, chưa đủ hai mươi tuổi, [đám người] đạo tặc, người nữ, trong khi chỉ ra, về việc ngụ chung

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu nọ.

về sự việc gì? -Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu nọ đã thọ lãnh vật thực từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Pātidesariīya đến vi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã không ngăn cản vi Tỳ-

khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Pātidesañīya đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

-Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khau không do ý; có the sanh lên do thân và do y, không do khẩu. ...(nt). 4. Điều Pātidesañīya đến vi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng rồi thọ thực đã được quy định tại đâu?

1032 TẬP YÊU

Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu đã không thông báo về bọn trộm cướp

đang ẩn náu trong tu viện. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có the sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt bốn điều Pātidesamya.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Không phải là thân quyến, vị đang chỉ bảo bày thức ăn, bậc Thánh Hữu học, với vị ngụ ở rừng, bốn điều Pātidesanīya đã được giảng giải bởi đấng

Toàn Giác.

—ooOoo—

1.7. CÁC ĐIỀU SEKHIYA 7.1. 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Dukkata đên vị quân y [nội] đê lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã quân y [nội] đê lòng thòng phía trước và phía sau. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt). 2. Điêu Dukkata đên vị trùm y [vai trái] đê lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tồn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã trùm y [vai trái] để lòng

thòng phía trước và phía sau. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đê hở thân roi đi ở nơi

xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 4. Điều Dukkata đến vị để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(ỉit) Trong sự việc ây? các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đê hở thân roi ngôi ở nơi

xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi đi

nơi xóm nhà. y Có một điêu quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 6. Điều Dukkata đến vị múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt) Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi

ngồi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do v, không do khẩu. ...(nt). 7. Điêu Dukkata đên vị nhìn chô này chô nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt).

1034 TẬP YẾU

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 8. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà. Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý? không do khẩu. ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vi ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự vén y lên. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm ÍẾTròn đềuw là thứ nhất

ĐẠI PHÂN TÍCH 1035

7.2. 1. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
-Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục
1036 TẬP YẾU

6. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng ...(nt)  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa thân. ...(nt). 7. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt).  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

đung đưa cánh tay. ...(nt). 8. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng ...(nt).  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa cánh tay. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng ...(nt).  Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

đung đưa đầu. ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với

sự đung đưa đầu.  Có một điều quy định.

 Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôi! sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm wCười vang” là thứ nhì.

7.3. 1. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.



về Sự việc gì?  Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự

chống nạnh. - Có một điều quy đinh.  Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Dukkata đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vi ngôi ở nơi xóm nhà với đâu trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt). 5. Điều Dukkata đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vị ngồi ôm đầu gối ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng...(nt). 7. Điêu Dukkata đên vị thọ lãnh đô khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng ...(nt) 8. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 9. Điêu Dukkata đên vị thọ lãnh quá nhiêu súp do không có sự tôn trọng ..(nt). 10. Điều Dukkata đến vị thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không

có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ lãnh đồ khất thực

được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm ốíChống nạnh" là thứ ba.



7.4. 1. Điêu Dukkata đên vị thọ dụng đô khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thọ dụng đồ khất thực

không nghiêm trang do không có sự tôn trọng. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu.…(nt). 2. Điều Dukkata đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng ...(nt) 4. Điều Dukkata đến vị thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng ..(nt). 5 Điêu Dukkata đên vi vun lên thành đông roi thọ dụng đô khát thực do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vi dùng cơm che lấp súp và thức ăn do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều Dukkata đến vị không bị bệnh yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt) Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội? điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ,..(nt). 8. Điều Dukkata đến vi nhìn vào bình bát của các vi khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng ...(nt) Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điêu Dukkata đên vị làm vát cơm dài do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã làm vắt cơm dài do không

có sự tôn trọng.  Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khau. ...(nt). Phẩm WĐỒ ăn khất thực55 là thứ tư.

7.5.
1. Điều Dukkata đến vị há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu?
—Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã há miệng ra khi vắt cơm

chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng.  Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý9 không do khẩu. ...(nt). 2. Điều Dukkata đến vị đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị nói khi miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng ...(nt).. sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vị thọ thực theo lôi đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng ...(nt)...sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu. ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng ...(ĩ!t) 6. Điều Dukkata đến vi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều Dukkata đến vị thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt).



8. Điều Dukkata đến vi thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng ...(nt). 9. Điều Dukkata đến vị thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng ..(nt) 10. Điều Dukkata đến vi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng ...(nt). Phẩm “Vắt cơm” là thứ năm.

7.6. 1. Điều Dukkata đến vị thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai?  Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru.

về sự việc gì?  Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu đã uông sữa có làm tiêng sột sột.
Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Điêu Dukkata đên vị thọ thực có sự liêm tay do không có sự tôn trọng ...(nt). 3 Điều Dukkata đến vị thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vi thọ thực có sự liêm môi do không có sự tôn trọng ..(nt). 5. Điêu Dukkata đên vi thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?  Đã được quy

định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay

có dính thức ăn. ...(nt). 6. Điều Dukkata đến vị đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.



về Sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm

ở nơi xóm nhà. ...(nt). 7. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. ...(nt). Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do khẩu và do ý, không do thân. ...(nt). 8. Điêu Dukkata đên vi thuyêt pháp đên người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt) 9. Điều Dukkata đến vi thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vi thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng ...(nt) Phẩm ^Tiếng sột sột99 là thứ sáu.

7.7. 1. Điêu Dukkata đên vị thuyêt pháp đên người có mang giày do không có sự tôn trọng ...(nt) 2. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng ...(nt). 3. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng ...(nt). 4. Điêu Dukkata đên vị thuyêt pháp đên người đang năm do không có sự tôn trọng ...(nt) 5. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng ...(nt) 6. Điều Dukkata đến vị thuyết pháp đến người đội khăn ở đàu do không có sự tôn trọng ...(nt) 7. Điều Dukkaịa đến vị thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng ...(nt) 8 Điều Dukkata đến vị ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt).



Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khẩu và do ý.7 9. Điêu Dukkata đên vị ngôi ở chô ngôi tháp roi thuyêt pháp đên người ngôi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng ...(nt). 10. Điều Dukkata đến vị đứng thuyết pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng ...(nt).

11. Điều Dukkata đến vị đang đi phía sau thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng ...(nt). 12. Điều Dukkata đến vi đang đi bên đường thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng ...(nt). 13. Điều Dukkata đến vị đứng đại tiện, hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng ...(nt). Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do y, không do khẩu. ...(nt). 14. Điêu Dukkata đên vi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng ...(nt) 15. Điều Dukkata đến vi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiêu tiện và khạc

nhổ vào trong nước. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.…(nt). Phẩm “GiAy dép” là thứ bảy. Dứt bảy mươi lăm điều Sekhiya.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY r _ \ r r

1. [Quân] tròn đêu, che kín, khéo thu thúc, mát nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, giọng nói [nhỏ nhẹ] và luôn cả ba việc đung đưa.

7 Tam tạng Thái Lan ghi rằng: sanh lên do khẩu và do ý, không do thân."

ĐẠI PHÂN TÍCH 1043

2. Và luôn cả việc chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sự ôm đầu gối. Một cách nghiêm trang, và chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng, vừa ngang miệng bình bát. 3 Một cách nghiêm trang, chú tâm ở bình bát, theo tuần tự, lượng súp tương xứng, vun lên thành đống, được che lấp, sự yêu cầu, ý định tìm lỗi. 4. [Nắm cơm] không lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói, liên tục đưa cơm, việc cắn [từng chút], làm phồng má, rảy tay, việc làm rơi đổ cơm. 5. Và luôn cả việc le lưỡi, tiêng chép chép, tiêng sột sột, [liêm] tay, bình bát, [liếm] môi, [tay] có dính thức ăn, [nước] có cơm. 6. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến người có dù ở bàn tay; cũng thế, tay cầm gậy, tay cầm dao và vũ khí. 7. Và luôn cả người [mang] dép, giày, ngồi xe, đang nằm, người ngồi ôm đầu gối và người đội khăn, trùm đàu. 8. ở nền đất, chỗ ngồi thấp, đứng, [đi] phía sau và bên lề đường. Vi đứng không nên làm ở trên cỏ và trong nước.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY Tròn đêu, cười lớn tiêng, việc chông nạnh và đô khát thực là tương tợ như thế ấy, các vắt cơm, luôn cả tiếng sột sột với giày dép là thứ bảy. Dứt phần quy đinh tại đâu thuộc bộ Đại Phân tíchĩ —ooOoo—

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

.

2.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?

Vi trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika\ vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi the đã bi [thú] ăn nhiều phan thì phạm tội Thullaccaya\ và vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhimg không bị va chạm thì phạm tội Dukkata. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này. 2. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm

cắp vật chưa được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka thì phạm tội

8 Phần phân tích về giới dành cho Tỳ-khưu có tên là Đại Phân tích hoặc Phân tích Giới Tỳ-khưu (ND).



Pãrậiika; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một mãsaka hoặc kém năm mâsaka thì phạm tội Thullaccaya; vi lây theo lôi trộm cap vật chưa được• cho tri —giá 1 một • mãsaka hoặc • kém một• mãsaka thì phạm • tội • Dukkata. • Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này. 3. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố

để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội Dukkata; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội Thullaccaya; [nạn nhân] chét đi thì phạm tội Pārājika. Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông con người vi phạm ba tội này. 4. Vi trong khi khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không c6, không thực chứng

vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pārājika\ vị nói răng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ây là bậc A-la-hán", [ngu&i nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya^ [người nghe] không hiểu được thì phạm tội Dukkata. Vi trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này. Dứt bốn điều Pãrậiika.

2.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa^ vị có ý đinh, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội Thuỉlaccaya; lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. 2. Vi trong khi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vi phạm ba tội: Vị sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa\ vị sờ vào vật được găn liên với thân [người nữ] băng thân [vị áy] thì phạm tội Thullaccaya\ vị sờ vào vật được găn liên với thân [người nữ] băng vật được găn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội Dukkata. 3. Vị trong khi nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vi nói lời ca ngợi, nói

lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội Sanghãdisesa; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội Thullaccaya; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gan liền với thân thì phạm tội Dukkata.



4. Vị trong khi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội Sañghādisesa; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội Thullaccaya} vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội Dukkata. 5. Vị trong khi tiến hành việc mai mối vi phạm ba tội: Vi nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội Sañghādisesa; vi nhận lời, thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Thullaccaya; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Dukkata. 6. Vị trong khi tự xin [vật liệu] rồi bảo xây dựng cốc liêu vi phạm ba tội: Vi bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ây đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Vị trong khi bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuôi cùng thì phạm tội Thullaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sañghādisesa\ sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mang nhiếc.9 9. Vị sau khi năm lây sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc vê cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika vi phạm ba tội: Vi khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata với tội Sañghādisesa; sau khi đã thỉnh ý [đe • • , • L \ r e 7

buộc tội], có ý định măng nhiêc, roi nói lời [măng nhiêc] thì phạm tội nói lời măng nhiêc. 10. Vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdisesa. 11. Các Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ vị chia rẽ [hội chúng] trong khi được nhắc nhở đến làn thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 12. Vị Tỳ-khưu khó dạy trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời

9 Tức là tội Pãcittỉya thứ nhì (ND).



r tuyên ngôn của hành sự phạm các tội Thullaccaya; vào lúc châm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình

trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. y Dứt mười ba điêu Saũghãdisesa.

2.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA 3.1. 1. Vị trong khi vượt quá mười ngày ve [việc cất giữ] y phụ trội vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pâcỉttiya. 2. Vị trong khi xa lìa [một trong] ba y một đêm vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pãcittiya, 3. Vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ, trong khi vượt quá một tháng vi phạm một tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 4. Vị trong khi bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ dơ vi phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được giặt xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pâcỉttỉya. 5. Vị trong khi nhận lãnh y từ tay của Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến phạm hai tội: Vi nhận lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nhận lấy thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittỉya. 6 Vi trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyên vê y vi phạm hai tội: Vị yêu câu, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã yêu câu thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. 7. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng ấy vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã yêu câu thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. 8. Vi khi chưa được thỉnh câu trước lại đi đên gặp người gia chủ không phải là thân quyên, trong khi đưa ra sự căn dặn vê y vi phạm hai tội: Vi đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 9. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nissaggiya Pãcittỉya.

ĐẠI PHÂN TÍCH 1047

10. Vị trong khi đạt được y băng lời nhăc nhở quá ba lân và băng hành động đứng quá sáu lần vi phạm hai tội: Vị đạt được [y], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đạt được [y] thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcỉttỉya. Phẩm Kathina là thứ nhất

3.2. 1. Vi trong khi bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcỉttỉya. 2. Vi trong khi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vi phạm hai tội: Vị bảo làm5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 3. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và một phần lông cừu màu nâu đỏ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkatư, khi đã được làm xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya. 4. Vị trong khi bảo làm tâm trải năm môi năm vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata*. khi đã được làm xong thì phạm tội Nissaggỉya Pâcittiya. 5. Vi trong khi bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm trải nằm cũ một gang tay của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Nissaggiya Pãcitíiya. 6. Vị sau khi thọ lãnh các lông cừu, trong khi mang đi quá ba do-tuần vi phạm

hai tội: Vị mang đi quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata\ mang đi quá bước thứ nhì thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya. 7. Vi trong khi bảo Tỳ-khiru-ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được giặt xong thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 8. Vị trong khi nhận lãnh vàng bạc vi phạm hai tội: Vị cầm lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cầm lấy thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 9. Vi trong khi thực hiện việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vi thực hiện. lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata* khi đã thực hiện thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. 10. Vi trong khi thực hiện việc mua bán dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vi thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Nissaggiya Pâcittỉya. Phẩm “Tt*m" là thứ nhì.



3.3. 1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về [việc cất giữ] bình bát phụ trội vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 2. Vị trong khi sắm bình bát mới khác với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá vi phạm hai tội: Vi sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sam thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya, 3. Vi sau khi thọ lãnh các dược phẩm, trong khi [cất giữ] vượt quá bảy ngày vi phạm một tội Nissaggiya Pãcittiya, 4. Vị trong khi tìm kiếm y choàng tắm mưa khi còn hơn một tháng của mùa nắng vi phạm hai tội: Vị tìm kiếm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã kiếm được thì phạm tội Nissaggiya Pâcittiya. 5. Vị sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu rồi nổi giận bất bình, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giật lại thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcittiya. 6. Vi sau khi tự mình yêu cầu chỉ sợi, trong khi bảo các thợ dệt dệt thành y vi phạm hai tội: Vi bảo dệt. lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được dệt xong thì phạm tội Nissaggỉya Pãcittiya. 7. Vị khi chưa được thỉnh câu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyên, trong khi đưa ra sự căn dặn vê y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đưa ra sự căn dặn thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 8. Vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt, trong khi [cất giữ] vượt quá thời hạn về y phạm một tội Nissaggỉya Pãcittỉya. 9. Vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở nơi xóm nhà, trong khi xa lìa quá sáu đêm vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcỉttỉya, 10. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho bản thân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thuyết phục được thì phạm tội Nissaggỉya Pâcittiya. Phẩm “Binh bát" là thứ ba. Dứt ba mươi điều Nissaggiya Pãcittiya.

2.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA 4.1. L Vi trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bi thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pârãjika\ vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu ve tội Pãrâỉỉka



không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa; vị nói rằng: "Vi [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán9\ [người nghe] hiên được thì

phạm tội Thullaccaya, [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Dukkata; khi cố tình nói dối thì phạm tội Pãcittiya. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội này. 2. Vị trong khi mắng nhiếc vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc người đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị mang nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 3. Vi trong khi tạo ra sự đâm thọc vi phạm hai tội: Vi tạo ra sự đâm thọc đối với người đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. 4. Vị trong khi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu vi phạm hai tội: Vị dạy đọc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcỉttiya. 5. Vi trong khi năm chung chô ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pâcittiya. 6. Vị trong khi nằm chung chỗ ngụ với người nữ vi phạm hai tội: Vị nằm xuồng, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã năm xuông thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vị trong khi thuyết pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu vi phạm hai tội: Vị thuyết giảng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcittỉya. 8. Vi trong khi tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị tuyên bố, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tuyên bố thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị trong khi công bô tội xâu xa của vi Tỳ-khưu đên người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị công bô? lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã công bố thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị trong khi đào đất vi phạm hai tội: Vị đào9 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo từng nhát đào thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “N6i d6i” là thứ nhất.

4.2. 1. Vị trong khi phá hoại thảo mộc vi phạm hai tội: Vị phá hoại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo từng hành động phá hoại thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Vị trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác vi phạm hai tội: Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, vi phản kháng cách này hoặc cách khác thì



phạm tội Dukkata\ khi tội nói tránh né đã được phán quyết, vi phản kháng cách này hoặc cách khác thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi phàn nàn về vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vi phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phàn nàn thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua chỗ rơi của cục đất [được ném bởi người đàn ông có sức mạnh bậc trung] bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 6 ơ trong trú xá thuộc vê hội chúng, vi dâu biêt vân chen vào [chô] của vị Tỳ-khưu đã đên trước, trong khi năm xuông vi phạm hai tội: Vị năm xuồng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị nổi giận, bất bình trong khi lôi kéo vị Tỳ-khiru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vi phạm hai tội: Vị lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vị trong khi ngôi lên trên chiêc

giường hoặc ghê loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vi phạm hai tội: Vị ngồi lên, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi lên thì phạm tội Pãcittiya. o r 9 9. Vị sau khi quyêt định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp, trong khi quyêt định vượt quá mức ây vi phạm hai tội: Vi quyêt định, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã quyết đinh thì phạm tội Pãcỉttiya. 10. Vi dầu biết nước có sinh vật trong khi tưới lên cỏ hoặc đất sét vi phạm hai tội: Vị tưới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tưới thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “Tho mQc” là thứ nhì.

4.3. 1. Vị chưa được chỉ đinh trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vị trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni lúc mặt trời đã lặn vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittiya.



3. Vị sau khi đi đến Ni viện, trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giáo giới thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị trong khi phát ngôn rằng: "Các Tỳ-khưu giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân lợi lộc" vi phạm hai tội: Vị phát ngôn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phát ngôn thì phạm tội Pãcỉttiya. 5. Vị trong khi cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pãcỉttỉya. 6. Vi trong khi may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị may, lúc tiến hành thì phạm tội DukkaIa; theo từng đường kim thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với Tỳ-khưu-ni vi phạm hai tội: Vi thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata: khi đã thực hiện thì phạm tội Pãciítiya. 8. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi cùng lên một chiếc thuyền với Tỳ- khmi-ni vi phạm hai tội: Vị lên [thuyền], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lên [thuyền] thì phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vi dầu biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ rT rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vi trong khi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vi ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pãcittỉya. Phẩm ^Giáo giới” là thứ ba.

4.4. r 1. Vi trong khi thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ây vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ n” rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vi trong khi thọ dụng vật thực dâng chung nhóm vi phạm hai tội: Vị [nghi rằng]: “Ta sẽ án” rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi thọ dụng vật thực thỉnh sau vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ an" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcỉttiya. 4. Vị sau khi đã thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy bánh ngọt, trong khi thọ lãnh quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị thọ lãnh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thọ lãnh thì phạm tội Pãcittỉya.

5. Vị thọ thực xong và đã từ choi [vật thực dâng thêm], trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mem không phải là đô còn thừa vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lân nuôt xuồng thì phạm tội Pãcittiya, 6. Vị trong khi yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Do lời nói của vị ấy, vị kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn,5 rồi thọ lãnh [vị nói] thì phạm tội Dukkata; vào lúc [vị kia] chấm dứt bữa ăn [vị nói] thì phạm tội Pãcittỉya, 7. Vi trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n” rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; môi một lân nuôt xuông thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n” rồi thọ lãnh thì phạm tội Ả r 1 A 1 A .

Dukkata; môi một lân nuôt xuồng thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vị sau khi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn,, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị trong khi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuông thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm í4Vật thựcw là thứ tư.

4.5. 1. Vị trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ

ĐẠI PHÂN TÍCH 1053

5 Vị trong khi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pācittiya. 6. Vị đã được thỉnh mời, đã có bữa trai phạn, trong khi đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn không có sự thông báo đến vị Tỳ-khiru hiện diện vi phạm hai tội: Vi vượt qua khu vực lân cận bước thứ nhát thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pācittiya. 7. Vị trong khi yêu cầu dược phẩm quá thời hạn [thỉnh cầu] vi phạm hai tội: Vi yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã yêu cầu thì phạm tội Pācittiya. 8. Vị trong khi đi để xem quân đội động binh vi phạm hai tội: Vi đi thì phạm tội Dukkata\ nơi nào đứng lại roi nhìn thì phạm tội Pācittiya. 9. Vị trong khi cư ngụ ở nơi binh đội quá ba đêm vi phạm hai tội: Vị cư ngụ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cư ngụ thì phạm tội Pācittiya. 10. Vi trong khi đi đến nơi tập trận vi phạm hai tội: Vị đi thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội Pācittiya. Phẩm “Bạo sĩ lõa thể55 là thứ năm.

4.6. 1 Vị trong khi uống rượu mạnh vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ u6ng" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pācittiya. 2. Vị trong khi chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc vi phạm hai tội: Vị chọc cười, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã chọc cười thì phạm tội Pācittiya. 3. Vị trong khi chơi giỡn ở trong nước vi phạm hai tội: Vị chơi giỡn ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội Dukkata\ vị chơi giỡn ở trong nước ngập trên mắt cá

chân thì phạm tội Pācittiya. 4. Vị trong khi thể hiện sự không tôn trọng vi phạm hai tội: Vị thể hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã thể hiện thì phạm tội Pācittiya. 5. Vị trong khi làm vị Tỳ-khưu kinh sợ vi phạm hai tội: Vị làm kinh sợ5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã làm kinh sợ thì phạm tội Pācittiya. 6. Vị sau khi tự mình đốt lên ngọn lửa, trong khi sưởi ấm vi phạm hai tội: Vi tự mình đốt lửa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đốt lửa thì phạm tội Pācittiya. r r 7. Vị chưa đủ nửa tháng, trong khi tăm vi phạm hai tội: Vị tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pācittiya.



8. Vị khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó thuộc về ba cách hoại sắc, trong khi sử dụng y mới vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vi sau khi đích thân chú nguyện dùng chung y đến vi Tỳ-khưu hoặc đến vị Tỳ-khưu-ni hoặc đên cô Ni tu tập sự hoặc đên vị Sa-di hoặc đên vị Sa-di-ni, trong khi sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện [của vị kia] vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị trong khi thu giâu bình bát hoặc y, hoặc vật lót ngôi, hoặc ông đựng kim, hoặc dây thắt lưng của vi Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vi thu giấu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thu giấu thì phạm tội Pãcittỉya. Phẩm “Rượu và chất say” là thứ sáu.

4.7. 1. Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi cô ý đoạt lây mạng sông sinh vật vi phạm bôn tội: Vị đào hố không xác định [đối tượng, nghĩ rằng]: “Ai rơi xuống sẽ chết” thi phạm tội Dukkata; loài người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi [vi đào] thì phạm tội Pãrặjỉka\ dạ-xoa hoặc nga quỷ, hoặc loài thú dạng người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội Thullaccaya; loài thú sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi thì phạm tội Pãcittỉya. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội này. 2. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp, trong khi khơi lại để làm hành sự lần nữa vi phạm hai tội: Vị khơi lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã khơi lại thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vi biết tội xấu xa của vi Tỳ-khưu [khác], trong khi che giấu vi phạm một tội Pâcỉttiya. 5. Vị dâu biêt người chưa đủ hai mươi tuôi, trong khi cho tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị cho tu lên bậc trên, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã cho tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcỉttỉya. 6 Vi dàu biết rồi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcittiya. 7. Vi sau khi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với người nữ vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pãcittiya.



8. Vị trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba mà không dứt bỏ tà kiến ác vi phạm hai tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkaịa\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì

phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vị dầu biết vị Tỳ-khưu là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, trong khi hưởng thụ chung vi phạm hai tội: Vị hưởng thụ chung, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hưởng thụ chung thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vi dầu biết vi Sa-di đã bi trục xuất như thế trong khi dụ dỗ vi phạm hai tội: Vị dụ dỗ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã dụ dỗ thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm “C6 sinh vập là thứ bảy.

4.8. L Vị Tỳ-khưu, trong khi được các Tỳ-khưu nhắc nhở theo pháp, mà nói rằng: “Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luaf9 vi phạm hai tội: Vị nói, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã nói thì phạm tội Pãcittỉya. 2. Vị trong khi chê bai Luật, vi phạm hai tội: Vị chê bai, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã chê bai thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vị trong khi [giả vờ] ngu dốt, vi phạm hai tội: Khi sự ngu dốt chưa được khẳng đinh, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội Dukkata; khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị [giả vờ] ngu dốt thì phạm tội Pâcittỉya. 4. Vị nổi giận, bất bình trong khi tung cú đánh vào vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị đánh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đánh thì phạm tội Pãcỉttỉya. 5. Vị nổi giận, bất bình trong khi giơ tay dọa đánh vị Tỳ-khiru vi phạm hai tội: Vi giơ tay, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giơ tay thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị trong khi bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Sañghādisesa không có nguyên cớ vi phạm hai tội: Vị bôi nhọ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã bôi nhọ thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị trong khi cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi vi Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị gợi lên, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã gợi lên thì phạm tội Pâcỉttỉya. 8. Vị trong khi đứng lắng nghe các Tỳ-khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nghe" rồi đi đến thì phạm tội Dukkata\ nơi nào đứng lại rồi lắng nghe thì phạm tội Pãcittiya.



9. Vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng Pháp, sau đó, trong khi gây điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcittiya. 10. Trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, vi sau khi không trao ra sự tùy thuận, roi từ chô ngôi đứng dậy, trong lúc bỏ đi vi phạm hai tội: Vị đang lìa khỏi hội chúng một tầm tay thì phạm tội Dukkata; khi đã lìa khỏi thì phạm tội Pãcittiya. 11. Vị sau khi đã cùng với hội chúng hợp nhất cho y, sau đó trong khi gây ra điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcittiya. 12. Vị dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho cá nhân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thuyết phục thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm í6Theo pháp55 là thứ tám.

4.9. 1. Vị trong khi đi vào hậu cung của đức vua chưa được báo tin trước vi phạm hai tội: Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkaía; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Vi trong khi nhặt lên vật quý giá vi phạm hai tội: Vị nhặt lấy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} khi đã nhặt lấy thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vi trong khi đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện vi phạm hai tội:

Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vi trong khi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya. 5. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttiya. 6. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittiya. 7. Vị trong khi bảo làm vật lót ngôi vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcỉttỉya.



8. Vị trong khi bảo làm y đắp ghẻ vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị trong khi bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được làm xong thì phạm tội Pâcittỉya. 10. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm bao nhiêu tội? Vị trong khi bảo làm y băng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai

tội: Vi bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội này. Phẩm ẾÍĐức vua" là thứ chín. Dứt chín mươi hai điều Pãcittiya.

2.5. CHƯƠNG PĀTIDESANIYA 1. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ- khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-

khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này. 2. Vị sau khi không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; môi một lân nuôi xuồng thì phạm tội Pātidesariīya. 3. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Thánh Hữu học, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. 4. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mem chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? -Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong

khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesamya. Vi sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mem chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này. Dứt bốn điều Pãtỉdesanĩya.

2.6. CÁC ĐIỀU SEKHIYA 6.1. 1. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do

không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vị trong khi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. 2. Vị trong khi trùm y [vai trái] để lòng thòng phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vi để hở thân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm ÍT • một • tội • Dukkata. •

4. Vị đê hở thân trong khi ngôi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi múa máy tay hoặc chân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 6. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkaía. 7. Vi nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi ngôi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm 64Tròn đều^ là thứ nhất.

ĐẠI PHÂN TÍCH « 1059

6.2. 1. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vi trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm 6íCười vang" là thứ nhi.

6.3. 1. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm

lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng phạm một tội Dukkata. 6. Vi trong khi ngồi ở nơi xóm nhà ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.



7. Vi trong khi thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vi nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vị trong khi thọ lãnh quá nhiêu súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm ÍẾChống nạnh55 là thứ ba.

6.4. 1. Vị trong khi thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vị vun lên thành đống trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi dùng cơm che kín súp và thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vi không bị bệnh sau khi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân, trong khi thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 9. Vi trong khi làm vắt cơm lớn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi làm vắt cơm dài do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm ỐÍĐồ ăn khất thực^ là thứ tư.

6.5. 1. Vi trong khi há miệng ra khi vát cơm chưa được đưa đên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.



2. Vị trong khi đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 3. Vị trong khi nói bằng miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi thọ thực theo lôi căn văt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị trong khi thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 9. Vi trong khi thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng phạm một tội Dukkata. Phẩm “Vắt cơm” là thứ năm.

6.6. L Vị trong khi thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 2. Vị trong khi thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 3 Vị trong khi thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vi trong khi thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 5. Vi trong khi thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6. Vị trong khi đô bỏ nước rửa bình bát có lân cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vi trong khi thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata.



9. Vị trong khi thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 10. Vị trong khi thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Phẩm “Tiếng sột sộtw là thứ sáu.

6.7. 1. Vị trong khi thuyết pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 2. Vi trong khi thuyết pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 3. Vị trong khi thuyết pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 4. Vị trong khi thuyết pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkaịa. 5. Vị trong khi thuyêt pháp đên người ngôi ôm đâu gói do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 6 Vị trong khi thuyêt pháp đên người đội khăn ở đâu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 7. Vị trong khi thuyêt pháp đên người có đâu được trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 8. Vị ngồi ở nền đất trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 9. Vi ngồi ở chỗ ngồi thấp trong khi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngoi cao do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 10. Vi đứng trong khi thuyêt pháp đên người đang ngôi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 11. Vị đang đi phía sau trong khi thuyết pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 12. Vi đang đi bên đường trong khi thuyết pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata, 13. Vị đứng trong khi đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 14. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. 15. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội?



Vị trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nho vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Phẩm 6'Giày dép” là thứ bảy. Dứt các điều Sekhiya. Dứt phần “Bao nhiêu tội95 là thứ nhì. —ooOoo—

3. PHÀN Sự HƯ HỎNG 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? -Tội vi phạm của vi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước J r

do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Dứt phần éẾSự hư hỏngw là thứ ba. -ooOoo-

4. PHÀN ĐƯỢC TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào ba

nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?



-Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Dứt phần 4íĐược tổng hợp" là thứ tư. —ooOoo-

5. PHẢN NGUỒN SANH TÔI 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ..(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Dứt phần ^Nguồn sanh tội55 là thứ năm. —ooOoo—

6. PHÀN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm của vi thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước ỉ do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần tranh tụng59 là thứ sáu. —ooOoo—



7. PHÀN Sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội vi phạm của vi thực hiện

việc đôi lứa được làm lắng diu bởi ba • X7 • • • • • • • cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Tội vi phạm của vi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? -Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* dàn xếp” là thứ bảy. —ooOoo—

8. PHÀN sự QUY TỤ 1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? -Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi the chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika\ vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thullaccaya} vi đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội Dukkata. Vị trong khi thực hiện việc đôi lứa vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự

hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện



và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Vi trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do

không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Vi trong khi đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự



1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Sudinna Kalandaputta.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với

người vợ cũ. ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, có hai điều quy đinh thêm, không có điều

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]5 [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy đinh chung.

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho cả hai.

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Pārājika.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khâu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão].

Vi Upãlỉ luôn cả vi Dãsaka, vỉ Sonaka, vỉ Sỉggava là tương tợ, với vị Moggallỉputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt).



Những vị hàng đâu ây có đại tuệ, là những vỉ thông Luật, rành rẽ vê đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 2. Điêu Pārājika do duyên của việc lây vật chưa được cho đã được đức Thê Tôn ấy ...(nt).. quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Dhaniya, con trai người thợ gôm đã lây các vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua. - Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê

sanh lên do thân và do ý? không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý ...(nt). 3 Điêu Pārājika do duyên của việc đoạt lây mạng sông con người đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khtru đã đoạt lây mạng sông lân nhau. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 4. Điều Pārājika do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudâ đã khen ngợi vê pháp thượng nhân của vị này vị nọ trước các cư sĩ. Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) Dứt bốn điều Pārājika.



9.2. PHÀN SAÑGHĀDISESA VV.. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Sañghādisesa do duyên của việc sau khi đã găng sức roi làm xuât ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Seyyasaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Seyyasaka đã găng sức băng tay và làm xuất ra tinh dịch. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ơ đây, có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm, không có điêu

quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni], [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy đinh riêng [cho Tỳ-khiru].

Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng].

[Điều ấy] được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ Được gôm chung vào phân mở đâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phân đọc tụng nào? - Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bôn điêu hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc về nhóm tội Sañghādisesa.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội?



Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không

do khẩu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão].

Vi Upāli luôn cả vỉ Dãsaka, vi Sonaka. vi Siggava là tương tợ, với vỉ Moggalliputta là thứ năm, các vỉ này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt). Những vi hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vi thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 2. Điều Sañghādisesa do duyên của việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thê với

người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 3 Điều Sañghādisesa do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục. Có một điều quy định.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hâu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.



về Sự việc gì? Trong sự việc ây, Đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hâu hạ tình dục cho bản

thân trong sự hiện diện của người nữ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu áy sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 5. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc tiên hành sự mai môi đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Udāyi.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối.

Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: Có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do y9 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do y9 không do thân; có thể sanh lên

do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 9y e L 6. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc bảo xây dựng cóc liêu do tự mình xin [vật liệu] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Ālavī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu ở Ālavī.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu ở Ālavī đã bảo xây dựng cốc liêu do tự

mình xin [vật liệu]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

7. Điều Sañghādisesa do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại Kosambī.

Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú

xá đã bảo người đôn ngã cội cây nọ vôn được dùng làm nơi thờ phượng.



Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Pārājika không có nguyên cớ đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi

nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika không có nguyên cớ. Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điều Sañghādisesa do duyên của việc bôi nhọ vi Tỳ-khtru về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã năm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā về tội Pārājika, -Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Devadatta.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhát. Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 11. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhăc nhở đến lần thứ ba của các Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] đã được quy định tại đâu?

ĐẠI PHÂN TÍCH 1073

-Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu.

về sự việc gì?

Trong sự việc áy, nhiêu vị Tỳ-khưu đã là những kẻ tuyên bô ly khai, những kẻ xu hướng theo Devadatta là người đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu áy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh

lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 12. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc r y • : nhở đên lân thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại Kosambī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Đại đức Channa.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Đại đức Channa trong khi được các vị Tỳ-khiru nói đúng

theo pháp đã tỏ ra ương ngạnh. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân, do khau và do ý. ...(nt). 13. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vi Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka.

về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã chê bai các Tỳ-khưu là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Có một điều quy đinh.

-Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 14. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thay, điều Dukkata do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?

1074 > TẬP YÊU

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiêu tiện và khạc nhổ vào trong nước.  Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh

lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Dứt phần 66Quy đinh tại đâuw là thứ nhất

10. PHẢN BAO NHIÊU TÔI .

10.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội?  Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội: Vi thực hiện việc

đôi lứa nơi thi thể chưa bị [thú] ăn thì phạm tội Pārā/ika; vị thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bi [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thullaccaya; vi đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bi va chạm thì phạm tội Dukkata; trong [trường hợp] gậy ngắn bằng nhựa cây thì phạm tội Pācittiya.w Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội này. 2. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vi lấy theo lối

trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm mãsaka hoặc hơn năm mãsaka thì phạm tội Pārājỉka\ vi lây theo lôi trộm cap vật chưa được cho trị giá hơn một mãsaka hoặc kém năm mâsaka thì phạm tội Thullaccaya; vị lây theo lôi trộm căp vật chưa được cho trị giá một mâsaka hoặc kém một mãsaka thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc lay vật chưa được cho vi phạm ba tội này. 3. Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội? -Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bẫy người [nghĩ rằng]: "Người rơi xuống sẽ chết” thi phạm tội Dukkata; khi đã bi rơi xuông, cảm thọ khô sanh khởi [ở nạn nhân] thì phạm tội Thullaccaya^ [nạn nhân] chét đi thì phạm tội Pārājika. Do duyên của sự đoạt lây mạng sông con người vi phạm ba tội này.

10 Đây là phần thuộc về Tỳ-khưu, không rõ vì sao lại đề cập các điều học của Tỳ-khưu-ni? (ND)

ĐẠI PHÂN TÍCH  1075

4. Do duyên của việc khoác lác vê pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội?  Do duyên của việc khoác lác vê pháp thượng nhân không c6, không thực

chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bi thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pārājika; vị nói rằng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán,\ [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thullaccaya; [người nghe] không hiêu được thì phạm tội Dukkata. Do duyên của sự khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng vi phạm ba tội này. Dứt bốn điều Pārājika.

10.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA VV.. 1. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm bao nhiêu tội?  Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba

tội: Vị có ý đinh, gắng sức, bi xuất ra thì phạm tội Sañghādisesa; vi có ý định, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội Thulỉaccaya; lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội này. 2. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni

nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika; vị Tỳ-khưu sờ vào thân [nệười nữ] bang thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa\ vị sờ vào vật được gan liền với thân [người nữ] bang thân [vị ấy] thì phạm tội Thullaccaya; vị sờ vào vật được gắn liền với thân [người nữ] bằng vật được gắn liền với thân [vị ấy] thì phạm tội Dukkata; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. 3 Do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu thì phạm tội Sañghādisesa; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu thì phạm tội Thullaccaya; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gắn liền với thân thì phạm tội Dukkaịa. 4. Do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ thì phạm tội Sañghādisesa; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn thì phạm tội Thuỉỉaccaya; vi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú thì phạm tội Dukkata.



5. Do duyên của việc tiến hành sự mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại [hồi báo] thì phạm tội Sañghādisesa\ vi nhận lời, thông báo, không đem lại [hoi báo] thì phạm tội Thullaccaya; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại [hồi báo] thì phạm tội Dukkata. 6. Do duyên của việc bảo xây dựng cóc liêu do tự mình xin [vật liệu] vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya} khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Do duyên của việc bôi nhọ vi Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sanghãdisesa; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mang nhiếc. 9. Do duyên của việc bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc ve cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt vi phạm ba tội: Vi khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội Dukkata và tội Sanghãdisesa; vị sau khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý đinh mắng nhiếc, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc. 10. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội

Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdỉsesa. 11. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhăc nhở đên lân thứ ba, các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ [hội chúng] vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Ỉ2. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu khó dạy vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 13. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. ..(nt).

ĐẠI PHÂN TÍCH 1077

14. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong

nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nho vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. Dứt phần “Bao nhiêu t0i” là thứ nhì.

11. PHÀN SựHƯHỎNG 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự

hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần “Sự hư hỏng55 là thứ ba.

12. PHẦN ĐƯỢC TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? -Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thuỉlaccaya, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Dukkata. ..(nt) 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội?

1078 * TẬP YẾU

-Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc o 7 nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được tông hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm

tội là nhóm tội Dukkata. Dứt phần 4íĐược tổng hợp" là thứ tư.

13. PHẦN NGUỒN SANH TÔI 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do

một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý9 không do khẩu. Dứt phần 6íNguồn sanh tQi" là thứ năm.

14. PHẦN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần uSự tranh tụng" là thứ sáu.



15. PHẢN DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng diu

bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? -Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc 9 r nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lăng diu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần "Dàn x2p" là thứ bảy.

16. PHẢN Sự QUY TỤ 1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bon tội: Vị thực hiện việc

đôi lứa nơi thi thể chưa bi [thú] ăn thì phạm tội Pārājika; vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần thì phạm tội Thuỉlaccaya; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm thì phạm tội Dukkata; trong [trường hợp] gậy ngan bang nhựa cây thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi

phạm bốn tội này. 2. Các tội ây liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dằn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự

hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Dukkata. Được



sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khâu. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 3. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? -Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội Dukkata. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này. 4. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dằn xếp? -Tội ây liên hệ với một sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần "Sụ* quy tq" là thứ tám. Dứt tám phần uvề nguyên nhân.”

DỨT MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC BÔ ĐẠI PHÂN TÍCH VÀ Bô ĐẠI PHÂN TÍCH ĐƯỢC CHẤM DỨT —ooOoo-

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI

1. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điều quy định chung [cho Tỳ-khmi và Tỳ-khưu-ni]? [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khiru và Tỳ-khưu-ni]? [Điều ấy] được gồm

chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhăyiỵ Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bon sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp [sự tranh tụng]? ở đấy, điều gì gọi là Luật? ở đấy, điều gì gọi là Thắng luật? ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn ự^ãtỉmokkhă)^ ở dấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pãtimokkhdyỉ Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều Pãrậịika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những vi Ni nào học tập [điều ấy]? Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong? [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Những vị Ni nào duy trì? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại? L Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì?

1 Tỳ-khưu-ni không có giới Ānīyata nên chỉ có 4 cách đọc tụng Giới bổn (Pãíimokkhà), còn Tỳ-khưu có 5 cách. Xem tr. 123 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I chứoíng II.



Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiêm dục vọng đã ưng thuận việc xúc chạm thân the của người nam nhiễm dục vọng. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy đinh, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy đinh cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực? Là điều quy đinh cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khiru-ni], [hay] là điều quy đinh riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkha)? - Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? - Thuộc về nhóm tội Pārājika. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong bảy cách dàn xép [sự tranh tụng], điêu ây được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Điêu ây được làm lăng dịu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. ở dấy, điều gì gọi là Luật? ở dấy, điều gì gọi là Thắng luật? Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng luật. ở đấy, điều gì gọi là Giới bổn (Pātimokkhaṃ ở đấy, điều gì gọi là tăng thượng Giới bổn (Pātimokkhaṃ

Sự quy đinh gọi là Giới bổn (Pâtimokkhă). Sự phân tích gọi là tăng thượng Giới bổn (Pătimokkhă). Điều gì là sự phạm tội? Việc không tự kiêm chê là sự phạm tội. Điều gì là sự thành tựu? -Việc tự kiềm chế là sự thành tựu. Điều gì là sự thực hành? "Tôi sẽ không làm việc có hình thức như thế", sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng. Điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Điều Pārājika thứ năm cho các Tỳ-khtru-ni đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiềm chế những Tỳ-khưu-ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khmi-ni hiên thiện, nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, [và] nham sự hỗ trợ [của] Luật. Những vị Ni nào học tập [điều ấy]? Các bậc nữ Thánh Hữu học và các nữ thiện nhân phàm phu học tập [điều ấy]. Những vị Ni nào có việc học tập đã học tập xong? Các vi Ni là bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong. [Điều ấy] được tồn tại ở đâu? Được tồn tại ở các vị Ni có sự ưa thích việc học tập. Những vị Ni nào duy trì [điều ấy]? Những vị Ni nào rành rẽ, những vị Ni ây duy trì. Là lời dạy của ai? Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão]. (i) Vị Upâlỉ luôn cả Vỉ Dãsaka, vi Sonaka, vị Sỉggava là tương tợ, với vi Moggalliputta ỉa thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. (ii) Từ nơi ấy, vỉ Mahinda, vi Itthiyā, vỉ Uttiya luôn cả vi Sambala và bậc : y ỉ thôngr thải tên Bhaddā, các vỉ hàng đâu ây có tuệ Vỉ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đên nơi đây.



(iii) Cdc vỉ ây đã giảng dạy tạng Luật ở Tambapanni. Các vi ây đã giảng dạy năm bộ Nikãya và bảy bộ Vỉ diệu pháp, (iv) Sau đó, viArittha thông minh và vị Tỉssadatta thông thái, vi KãỊasumana có lòng tự tin, vị Trưởng lão tên Dīghā và vỉ Dĩghasumana thông thải, (v) Thêm nữa, là vỉ KãỊasumana, Trưởng lão Nāgā, vỉ Buddharakkhita, vị Trưởng lão Tissa thông mình và vỉ Trưởng lão Deva thông thái. (vi) Thêm nữa là vỉ Sumanā thông minh và nắm vững về Luật, vỉ Cūlanāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy. (vii) Và vi tên Dhammapãlỉta ở xứ Rohana đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khemā là vỉ đại tuệ, là bậc thông Tam tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chua của các vì sao nhờ vào trí tuệ. (viii) Và vỉ Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư, thêm nữa là vị Sumanā thông mình, vỉ có tên Puppha nghe nhiều học rộng. (ix) Vị Mahãsĩva là đại Pháp su, rành rẽ vê mọi vân đê trong Tam tạng, Thêm nữa là vỉ Upãli thông minh và nam vững ve Luật. (x) Vỉ Mahānāgā là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp. Thêm nữa là vị Ābhāya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam tạng. (xi) Và Trưởng lão Tissa thông minh và năm vững vê Luật. Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì giáo pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu. (xii) Và vị Cūlābhaya thông minh, năm vững vê Luật. Và vỉ Trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh pháp, (xiii) Và vỉ Phussadeva thông minh, năm vững vê Luật. Và vỉ Trưởng lão Sĩva thông minh, rành rẽ ve mọi van đe ve Luật. y

r  (xiv) Những vỉ hàng đâu ây có đại tuệ, là những vi thông Luật, rành rẽ vê đường loi, đã pho biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni, 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika thứ sáu cho các Tỳ-khiru-ni đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ dầu biết vị Tỳ-khưu-ni vi phạm tội Pārājika đã không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm.  Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯƠ-NI  1085

3. Điều Pārājika thứ bảy cho các Tỳ-khiru-ni đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha trước đây là người huấn luyện chim ưng [là vi] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo.  Có một điều quy định.  Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm2...(nt). 4. Điều Pārājika thứ tám cho các Tỳ-khưu-ni đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám.  Có một điều quy định.  Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt tám điều Pārājika.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc đôi lứa, việc lấy vật chưa được cho, việc đoạt mạng người, [pháp] thượng nhân, việc xúc chạm thân thể, vị Ni che giấu [tội], các vị bị án treo, vị Ni làm đủ tám việc, đấng Đại Hùng đã quy định, các sự việc nên được chia chẻ không còn sự hoài nghi. —ooOoo—

1.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu? Liên quan đen ai? Ve sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại?

2 Là sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

1086  TẬP YÊU

1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa đến vi Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thưa kiện đã được quy định tại đâu?  Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?  Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì?  Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã sống là người nói lời tranh chấp. ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không?  ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy đinh cho tất cả mọi noi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực?  Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. A 5

Là điêu quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], [hay] là điêu quy định riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy đinh cho một [hội chúng], [hay] là điều quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ"khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy đinh cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhã)! Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đàu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? -Thuộc vê nhóm tội Sañghādisesa. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? Điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vi Trưởng lão]. Vỉ Upãli, luôn cả vi Dãsaka,...(nt).. tạng Luật ở Tambapanni,



2. Điều Sañghādisesa đến vị Ni tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandă. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã tiếp độ nữ đạo tặc. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 3. Điều Sañghādisesa đến vị Ni một mình đi vào trong làng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ chỉ một mình đã đi vào làng. Có một điều quy định, ba điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất.3...(nt). 4. Điều Sañghādisesa đen vị Ni khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm rồi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandã khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư. - Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

3 Là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).



5. Điều Sañghādisesa đến vi Ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni

Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 6. Điêu Sañghādisesa đên vị Ni xúi giục răng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di" đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục rằng: "Này Ni su, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật h;3

Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt). 7. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni nổi giận, bất bình, không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Candakālī. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tap."



CÓ một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó lại không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đen lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi đã nói như vầy: "Các Tỳ-khiru-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hi." -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điêu Sañghādisesa đên các Tỳ-khưu-ni sông thân cận [với thê tục] và không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đen lan thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sống thân cận [với thế tục]. Có một điều quy đinh. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa đến vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy song thân cận, các vị chớ có song cách khác,9 và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xúi giục răng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác." Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt mười điều Sanghãdisesa.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Sự tranh chấp, nữ đạo tặc, vào trong làng, [phục hồi] vị Ni bị án treo, vật thực loại cứng, í6sẽ làm gì Ni su", vị Ni nổi giận, [cuộc tranh tụng] nào đó, sống thân cận [thế tục], được biết là mười điều. —ooOoo—

1.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vị Ni thực hiện việc tích trữ bình bát đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã thực hiện việc tích trữ bình bát. -Có một điều quy định. -Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở phần Kathina.4...(nf). 2. Điều Nissaggiya Pâcỉttiya đến vị Ni sau khi xác đinh y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn^, rồi bảo phân chia đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi xác đinh y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn,, rồi đã bảo phân chia. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt). 3. Điêu Nissaggiya Pãcittiya đên vị Ni sau khi trao đôi y với vi Tỳ-khưu-ni rồi giật lại đã được quy định tại đâu?

4 Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý (ND).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯƯ-NI 1091

Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ sau khi trao đổi y với vi Tỳkhiru-ni rồi đã giật lại. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 4. Điều Nissaggiya Pãcittỉya đến vị Ni sau khi yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây? Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi yêu câu vật này đã yêu cầu vật khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Nissaggỉya Pãcittiya đến vị Ni sau khi bảo sắm vật này lại bảo sắm vật khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi bảo săm vật này đã bảo sam vật khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt) 6. Điều Nissaggiya Pãcittiya đến vi Ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì?

1092 TẬP YẾU

-Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội:...(nt). 7. Điêu Nissaggiya Pãcỉttỉya đên vi Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phàn tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điêu Nissaggiya Pâcỉttỉya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa băng phân tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Nissaggỉya Pãcìttiya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cau của việc khác.



CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Nỉssaggiya Pãcittỉya đên vị Ni bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân đã được chỉ đinh vê việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khuru-ni Thullanandâ đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc ve cá nhân đã được chỉ đinh về việc khác cho nhu cầu của việc khác. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 11. Điêu Nissaggỉya Pãcittỉya đên vị Ni bảo săm tâm choàng loại dày vượt quá bốn kamsa đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã yêu cầu đức vua tấm choàng len. y

Có một điêu quy đinh. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội:...(nt). 12. Điêu Nissaggiya Pãcỉttiya đên vị Ni bảo săm tâm choàng loại nhẹ vượt quá hai kamsa rưỡi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khmi-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Thullanandã đã yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh. - Có một điều

quy đinh.  Trong sáu nguôi! sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt). Dứt mười hai điều Nissaggiya Pãcittiya.



TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Bình bát [tích trữ], ngoại thời và trong thời, khi đã được trao đổi, vi yêu cầu, sau khi bảo sắm, lợi ích khác, thuộc hội chúng, thuộc nhóm, tự mình xin, thuộc cá nhân, [áo choàng] bon kamsa và hai kamsa rưỡi. —ooOoo—

1.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA

4.1.

L Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thây, điêu Pãcittiya đên vi Ni nhai tỏi đã được quy đinh tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ấy, Tỳ-khmi-ni Thullanandâ đã không biết chừng mực và bảo mang đi [nhiều] tỏi.

Có một điều quy định.

—Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu.5...(nt).

2. Điều Pãcittỉya đến vị Ni cạo lông ở chỗ kín đã được quy định tại đâu?

—Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

-Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

—Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã cạo lông ở chỗ kín.

-Có một điều quy đinh.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pãcittỉya về việc đập vỗ bằng lòng bàn tay đã được quy định tại đâu?

Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến hai Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

-Trong sự việc ây, hai Tỳ-khtru-ni đã thực hiện việc đập vô băng lòng bàn tay.

Có một điều quy định.

5 Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārajika thứ nhất. ...(nt). 4. Điều Pãcỉttỉya về việc gậy ngắn bằng nhựa cây đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 5. Điều Pãcittiya đến vị Ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước tối đa hai lóng tay đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khiru-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị Ni với nước uống hoặc với quạt đứng gần vi Tỳkhưu đang thọ thực đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khiru-ni nọ với nước uống và với quạt đã đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở phần lông cừu....(nt). 7. Điều Pãcittiya đến vị Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội:...(nt). 8. Điều Pãcỉttiya đến vi Ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa ở phía bên kia bức tường, hoặc phía bên kia hàng rào đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đô bỏ phân ở phía bên kia bức tường, ở phía bên kia hàng rào. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 9. Điêu Pâcittiya đên vị Ni đô bỏ phân, hoặc nước tiêu, hoặc rác rên, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã đô bỏ phân, nước tiêu, rác rên và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt). 10. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni đi đê xem vũ, hoặc ca, hoặc tâu nhạc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khmi-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem vũ, ca, tấu nhạc.



y

Có một điêu quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt)

Phẩm 6'T6i" là thứ nhất.

4.2. 1. Điều Pãcỉttiya đen vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc.6...(nt). 2. Điêu Pãcỉttiya đên vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến vị Tỳ-khmi-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất. —Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt) 3 Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì?

6 Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý.



Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt). 4. Điều Pâcittiya đến vị Ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Thullanandã đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều đám người đạo tặc. ...(nt). 5. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni sau khi đi đên các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi đã ra đi không thông báo chủ nhân. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kaịhỉna. ...(nt). 6 Điều Pãcittiya đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân đã ngồi xuống trên chỗ ngồi. -Có một

điều quy định.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI * 1099

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kaíhina. ...(nt). 7. Điều Pâcittỉya đến vị Ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm roi ngoi xuống đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khiru-ni sau khi đi đến các gia đình, vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân đã trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 8 Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi phàn nàn với vị khác đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khxru-ni nọ do hiểu sai do xét đoán sai đã phàn nàn với vi khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 9. Điều Pãcittỉya đến vi Ni nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khtru-ni Candakālī. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Candakālī đã nguyên rủa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt). 10. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

1100 TẬP YẾU

Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakājī đã tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).

Phẩm 66Bóng tối59 là thứ nhỉ.

4.3.

1. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni lõa thể tắm đã được quy định tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã lõa thể tắm.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như]

A ở điêu lông cừu. ...(nt).

2. Điều Pãcittìya đến vị Ni bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước.

-Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: ...(nt).

3. Điều Pãcittỉya đến vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳkhưu-ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯ-NI noi

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi đã không khâu lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] khâu lại. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị Ni vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây9 nhiêu vị Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳkhưu-ni đã ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiề\x Kathina. ...(nt). 5. Điêu Pâcittiya đên vi Ni sử dụng y thiêt thân [của vị Ni khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã trùm y của vị Tỳ-khưu-ni khác mà không hỏi ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathỉna. ,..(nt). 6. Điều Pãcittỉya đến vị Ni cản trở lợi lộc về y của nhóm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì?



\ x y . o •i A 9 r Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã cản trở lợi lộc vê y của nhóm. y

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 7. Điều Pãcittỉya đến vị Ni ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên

quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khiru-ni Thullanandâ đã ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã cho y của Sa-môn đến người nam tại gia. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do sáu nguôn sanh tội: ...(nt) 9. Điều Pãcittiya đến vi Ni để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khvru-ni Thullanandâ đã để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt) 10. Điều Pãcittỉya đến vị Ni ngăn cản sự thu hồi Kathina đúng Pháp đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai?

Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.

về sự việc gì?

Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã ngăn cản sự thu hồi Kathỉna đúng Pháp.

Có một điều quy định.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

Phẩm "Tắm" là thứ ba.

4.4. 1. Điều Pâcittiya đến hai vị Tỳ-khưu-ni nằm chung trên một chiếc giường đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã năm chung hai [người] trên một chiêc giường. Có một điều quy đinh. —Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ..(nt). 2. Điều Pãcỉttiya đến hai vi Tỳ-khiru-ni nằm chung một tấm trải tấm đắp đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? —Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni hai [người] đã nằm chung một tấm trải tấm đắp. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội? điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 3. Điêu Pâcittỉya đên vị Ni cô ý quây rây vị Tỳ-khưu-ni [khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai?

-Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, Tỳ-khmi-ni Thullanandã đã cô ý quây rây vị Tỳ-khưuni [khác].
-Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt)
4. Điều Pãcittiya đến vị Ni không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc đã được quy định tại đâu?
-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến Tỳ-khuru-ni Thullanandâ.
về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc.
y
Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sau khi đã cho vi Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra ngoài đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni chỗ trú ngụ lại nổi giận, bất bình rồi đã lôi kéo ra ngoài. -Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ..(nt). 6. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sống thân cận [với thế tục] và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī đã sống thân cận [với thế tục]. Có một điều quy định.



Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 7. Điều Pãcittiya đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Có một điều quy đinh. —Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 9. Điều Pâcỉttiya đến vị Ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên

quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã đi du hành trong mùa [an cư] mưa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).



10. Điều Pãcittiya đến vị Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa mà không ra đi du hành đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khmi-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không ra đi du hành. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ,..(nt). Phẩm "Nm chung" là thứ tư.

4.5. 1 Điêu Pâcittỉya đên vị Ni đi đê xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triên lâm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khmi-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khuru-ni nhóm Lục Sư đã đi đê xem hí viện của đức vua và nhà triển lãm tranh. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 2. Điều Pâcittiya đến vị Ni sử dụng ghế trường ky, hoặc ghế nệm lông thú đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã sử dụng ghế trường kỷ và ghế nệm lông thú. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).



3. Điều Pâcittiya đến vị Ni xe chỉ sợi đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
, r .
Liên quan đên ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
-Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã xe chỉ sợi.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).
4. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni phục vụ người tại gia đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã phục vụ người tại gia.
x

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu....(nt) 5. Điều Pâcittiya đến vi Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" rồi không giải quyết cũng không nô lực cho việc giải quyêt đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã khi được vị Tỳ-khiru-ni nói rằng: "Thua Ni su, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này9\ sau khi trả lời rằng: "Tốt thoi!^ rồi đã không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 6. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai?



Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Tronệ sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tự tay cho vật thực cứng và vật thực mem đến người nam tại gia. - Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vị Ni sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiều Kathina. ...(nt). 9. Điều Pãcittiya đến vị Ni học tập kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã học tập kiến thức nhảm nhí.



CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điêu pháp theo từng câu. ...(nt). 10. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni dạy kiến thức nhảm nhí đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã dạy kiên thức nhảm nhí. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). Phẩm í6Nhà triển lãm tranh" là thứ năm.

4.6. 1. Điêu Pãcittiya đên vi Ni trong khi biêt tu viện có Tỳ-khưu, chưa hỏi ý lại đi vào đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý mà đã đi vào tu viện. Có một điều quy định, có hai điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội5 điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 2. Điêu Pãcỉttiya đên vi Ni măng nhiêc gièm pha vị Tỳ-khưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã mắng nhiếc Đại đức upãli. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).



3. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni bị kích động rồi gièm pha nhóm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ bi kích động đã gièm pha nhóm. - Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pâcittỉya đến vị Ni đã được thỉnh mời, hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ dụng vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở nơi khác đã được quy định tại đâu? —Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và từ chối [vật thực dâng thêm] đã thọ thực ở nơi khác. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Điêu Pâcỉttỉya đên vị Ni bon xẻn vê gia đình đã được quy định tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bon xẻn về gia đình. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 6. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni sông mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳkhưu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khưu-ni đã sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Ty-khưu.



CÓ một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điêu lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pâcittỉya đến vi Ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu [không hành lễ Pavãranã] ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni khi đã trải qua mùa [an cư] mưa đã không thỉnh cầu [không hành lễ Pavāranā] nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Pâcittỉya đến vi Ni không đi vì việc giáo giới, hoặc vì việc đồng cộng trú đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại xứ Sakkā. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? Trong sự việc ây, các

Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư đã không đi vì việc giáo giới. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 9. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã không hỏi vê lê Uposatha, cũng đã không thỉnh cầu sự giáo giới. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).



10. Điều Pãcỉttỉya đến vi Ni khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt, hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã cùng với người nam, một nữ với một nam xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều Kathina. ...(nt). Phẩm “Tu viện55 ỉa thứ sáu.

4.7.

1. Điều Pãcittỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ mang thai đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ mang thai.
Có một điều quy đinh.
-Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt).
2. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ người nữ còn cho con bú đã được quy định tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ây? nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ người nữ còn cho con bú.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).
3. Điều Pãcittỉya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy đinh tại đâu?



Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
-Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

y

Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt). 5. Điều Pâcittỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội5 điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ..(nt) 6. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.



về Sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pâcỉttỉya đến vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, đã không dạy dỗ cũng đã không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vi Tỳ-khmi-ni đã không hàu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ

cho trong hai năm.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1115

CÓ một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 10. Điều Pācittiya đến vi Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy] cũng không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly đã được quy định tại đau? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu~ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỵ-khưu-ni Thullanandã sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni áy] cũng không làm cho [vi Ni ấy] được cách ly. y -Có một điêu quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Phẩm "Sản phq" là thứ bảy.

4.8. 1. Điêu Pãcỉttỉya đên vị Ni tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 2. Điêu Pãcittiya đên vị Ni tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuôi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khiru-ni đã tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

1116 TẬP YẾU

CÓ một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 3. Điều Pācittiya đến vi Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhung] chưa được hội chúng chấp thuận. -Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 4. Điều Pācittiya đến vị Ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khiru-ni đã tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên]. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt) 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] đã tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt). 6.

Điều Pãcỉttiya đến vị Ni khi được nói rằng: "Nàỵ Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ'\ đã trả lời rằng: "Tót th6i!" sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu?



Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Candakālī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ'\ đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" sau đó đã tiến hành việc phê phán. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vi Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây? Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 8. Điều Pãcittiya đến vi Ni sau khi đã nói với co Ni tu tập sự rằng: “Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự răng: "Này cô Ni, nêu cô sẽ hâu cận ta hai năm, như thê thì ta sẽ tiếp độ cho rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu áy sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt).



9. Điều Pâcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhân tâm, là nguôn gây sâu khô [cho người khác] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:...(nt) 10. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ, hoặc người chồng cho phép đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do y. ...(nt). 11. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập

sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parỉvãsa đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khmi] đang chịu hành phạt Parivãsa. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguồn sanh tội: ...(nt).

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1119

12. Điều Pãcittiya đến vị Ni tiếp độ hàng năm đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
- Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã tiêp độ hàng năm.
Có một điều quy định.
Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(ĩit)
13. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tiếp độ hai người trong một năm đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã tiếp độ hai người trong một năm.
Có một điều quy đinh.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội:...(nt)
Phẩm "Thiếu nữ*" là thứ tám.
4.9.
L Điều Pâcittiya đến vị Ni sử dụng dù dép đã được quy đinh tại đâu?
Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã sử dụng dù dép.
> y
Có một điêu quy định, có một điêu quy định thêm.
Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).
2. Điều Pãcỉttiya đến vị Ni di chuyển bằng xe đã được quy đinh tại đâu?
-Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?
1120 TẬP YẾU

Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã di chuyên băng xe. Có một điều quy định, có một điều quy đinh thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 3 Điều Pãcittiya đến vị Ni mang vật trang sức ở hông đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vi Tỳ-khưu-ni nọ đã mang vật trang sức ở hông. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 4. Điều Pãcittỉya đến vi Ni đeo đồ trang sức của phụ nữ đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đeo đồ trang sức của phụ nữ. Có một điều quy định. -Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 5. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni tắm bằng vật thơm có màu sắc đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? - Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng vật thơm có màu sắc. - Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt).

PHÂN TÍCH GIÓI TỲ-KHƯ-NI « 1121

6. Điều Pâcittỉya đến vi Ni tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương đã được quy định tại đâu?
Đã được quy định tại thành Sāvatthi.
Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
r e y
Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã tăm băng bã dâu mè có tẩm hương.
Có một điều quy định. -Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 7. Điều Pãcittỉya đến vi Ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây5 nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. - Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 8. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thề]. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt). 5 r e 9

9. Điêu Pãcỉttỉya đên vi Ni bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thê] đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: [Như] ở điều lông cừu. ...(nt) 10. Điều Pãcittỉya đến vị Ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? - Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thề]. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điêu lông cừu. ...(nt). 11. Điều Pãcittiya đến vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳkhưu khi chưa có sự hỏi ý đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy? nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vi Tỳ-khtru khi chưa có sự hỏi ý. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở âiề\x Kathina. ...(nt). 12. Điều Pãcỉttỉya đến vị Ni hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? —Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khiru-ni. về sự việc gì?



Trong sự việc ây, nhiêu vi Tỳ-khưu-ni đã hỏi câu hỏi ở vi Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: [Như] ở điều pháp theo từng câu. ...(nt). 13. Điêu Pãcittỉya đên vị Ni không mặc áo lót đi vào làng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vi Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vi Tỳ-khưu-ni nọ không mặc áo lót đã đi vào làng. -Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). Phẩm 6'DÙ dép^ là thứ chín. Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Tỏi, vê việc cạo nhô lông, lòng bàn tay [đập vô], gậy ngăn, việc làm sạch sẽ, [đứng gần] vị đang ăn, các thóc lúa còn nguyên hạt, hai điều với vật dơ, việc xem [ca, vũ, nhạc]. 2. Trong bóng tối, ở chỗ bị che khuất, ở khoảng trống, ở nơi xa lộ, trước và sau [bữa ăn], lúc trời tôi, vi đã hiên sai, [nguyên rủa] vê địa ngục, vi đánh đâm [bản thân]. 3. Lõa thể, [choàng tắm] nước, sau khi tháo rời [y], [quá] năm ngày, y thiết thân, [của] nhóm, sự phân chia, [y của] Sa-môn? không chác chăn và [thu hôi] Kathỉna. 4. Chung một giường với tấm trải, cố ý [quấy rầy], vi nữ đệ tử, sau khi cho [chô ngụ], [sông] thân cận, bên trong, bên ngoài [quôc độ], [du hành] mùa mưa, không ra đi. 5. Đức vua, ghê trường kỷ, [xe] chỉ sợi, [phục vụ] người tại gia với sự giải quyết [tranh tụng], vi cho [vật thực], y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập và chỉ dạy [điêu nhảm nhí].

6. Tu viện, sự mắng nhiếc, sự kích động, vị thọ thực, bòn xẻn về gia đình, việc cư ngụ [mùa mưa], lễ Pavāranā. sự giáo giới, [không hỏi về] hai pháp và phần dưới thân. 7. Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, [học tập] về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi và đã được tròn đủ, hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ và [cách ly] năm sáu [do-tuần]. 8. Hai điêu vê thiêu nữ, [chưa được châp thuận] bởi hội chúng, mười hai năm [thâm niên], do vị đã được châp thuận, thôi đi [chưa phải lúc], nêu [dâng y], hai năm [hâu cận], vị Ni thân cận và [chưa cho phép] bởi chông. 9. Các vị đang chịu hành phạt Parỉvãsa, hàng năm với việc tiếp độ hai người, với dù, xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật [thơm] có màu sắc. 10. Bã dầu mè, luôn cả vị Tỳ-khưu-ni [xoa bóp], cô Ni tu tập sự5 vị Sa-di- ni, người nữ tại gia, phía trước vi Tỳ-khưu, việc chưa thỉnh ý trước, vi không mặc áo lót.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM ẤY Tỏi, bóng tối, việc tắm, việc nằm chung, [nhà] triển lãm, tu viện và luôn cả người nữ có thai, thiếu nữ, dù và dép. —ooOoo—

1.5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA

.

L Điêu Pātidesanīya đên vị Ni yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng đã được quy định tại đâu?

Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.

về sự việc gì?

Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu bơ lỏng roi thọ dụng.

Có một điêu quy đinh, có một điêu quy định thêm.

Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bôn nguôn sanh tội: ...(nt).

2. Điêu Pātidesanīya đên vị Ni yêu câu dâu ăn roi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu?

-Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?

Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.



về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. ...(nt). 3. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu mật ong rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. .L(nt). 4. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu đường mía rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu đường mía rồi thọ dụng....(nt) 5. Điều Pātỉdesanĩya đến vi Ni yêu cầu cá rồi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu?...(nt). -Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu cá roi thọ dụng. ...(nt). 6. Điều Pātidesanīya đến vị Ni yêu cầu thịt rồi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ây, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu câu thịt roi thọ dụng. ...(nt). 7. Điêu Pātidesañīya đên vị Ni yêu câu sữa tươi roi thọ dụng đã được quy định tại đâu? ...(nt). -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục

Sư đã yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. .L(nt). 8. Điêu Pātidesanīya đên vi Ni yêu câu sữa đông roi thọ dụng đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? -Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. -Có một điều quy đinh, có một điều quy định thêm. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Dứt tám điều Pātidesanīya.



TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sau khi yêu cầu bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía và luôn cả cá nữa, thịt, sữa tươi, cả sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni [thọ dụng]. Tám điều Pātidesañīya đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác. Những điều học nào đã được giải thích chi tiết ở Phân tích Giới Tỳ-khưu, những điều ấy được rút gọn lại ờ Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni.

Dứt phần “Quy đinh tại đâu ỉa thứ nhất.” —ooOoo—

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

2.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? -Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội Pārājika\ vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên từ đầu gối trở xuống thì phạm tội Thullaccaya; vi Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khxru-ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này. 2. Vi Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội: Vi Ni biết rồi che giấu tội Pārājika [của vi Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika\ vị Ni có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya; vị Ni che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Vị Tỳ-khưu-ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội này. 3. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vi [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vị [Tỳ-khưu] bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārộịĩka. Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo vi [Tỳ-khưu] bi phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội này.



4. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói răng: "Hãy đi đên chô tên như v2y", vị Ni đi đên [nơi hẹn] thì phạm tội Dukkata^ khi đã vào ở trong tầm

tay của người nam thì phạm tội Thulỉaccaya; vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám thì phạm tội Pārājika. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này. Dứt các điều Pārājika.

2.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Vi Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp lúc tiến hành việc thưa kiện vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội Dukkata. nói với người thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya^ vào lúc kết thúc vụ xử án thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Vị Ni trong khi tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata^ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thulỉaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa, 3. Vi Ni một mình trong khi đi vào trong làng vi phạm ba tội: Vi Ni đi thì phạm tội Dukkata\ vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya\ vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Vị Ni trong khi phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 5. Vị Ni nhiễm dục vọng, sau khi tư tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng, trong khi thọ thực vi phạm ba tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ an99 rồi thọ nhận thì phạm tội Thullaccaya\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Sañghādisesa; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. 6. Vi Ni trong khi xúi giục rằng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ an" rồi thọ nhận, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Dukkata; môi lân [vị Ni kia] nuôi xuông, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt bữa ăn, [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Sañghādisesa.



7. Vị Tỳ-khưu-ni nổi giận trong khi không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 8. Vị Tỳ-khưu-ni khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 9. Các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thê tục] trong khi không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 10. Vị Ni xúi giục rằng: uNày các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác", trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các

tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. Dứt các điều Sañghādisesa.

2.3. CHƯƠNG NISSAGGIYA L Vị Ni trong lúc thực hiện việc tích trữ bình bát vi phạm một tội Nỉssaggiya Pãcittỉya. 2. Vị Ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn", trong lúc bảo phân chia vi phạm hai tội: Vị Ni bảo phân chia, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được phân chia thì phạm tội Nỉssaggiya Pãcỉttiya. 3. Vi Ni sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị Ni giật lại, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã giật lại thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 4. Vị Ni sau khi đã yêu cầu vật khác, trong khi yêu càu vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị Ni yêu cầu, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được [vật] yêu cầu thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittỉya. 5. Vi Ni sau khi đã bảo sắm vật khác, trong khi bảo sắm vật khác nữa vi phạm hai tội: Vi Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggiya Pãcỉttỉya. 6. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo săm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya.

PHÂN TÍCH GIÓI TỲ-KHƯU-NI > 1129

7. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc vê hội chúng đã được chỉ đinh vê việc khác cho nhu câu của việc khác : " r 9 r . *

vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được : ĩ

[vật] bảo săm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 8. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggỉya Pãcỉttỉya. 9. Vị Ni trong khi bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc vê nhóm đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được ] ỉ _ [vật] bảo săm thì phạm tội Nissaggiya Pãciítiya. 10. Vị Ni trong khi bảo săm vật khác nữa do tự mình yêu câu băng phân tài vật thuộc vê cá nhân đã được chỉ định vê việc khác cho nhu câu của việc khác : ỉ 9 r *

vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sam thì phạm tội Nỉssaggiya Pâcỉttiya. 11. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày vượt quá tối đa bốn kamsa vi phạm hai tội: Vị Ni bảo săm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được : ỉ

[vật] bảo săm thì phạm tội Nỉssaggỉya Pãcittiya. 12. Vị Ni trong khi bảo sắm tấm choàng loại nhẹ vượt quá tối đa hai kamsa rưỡi vi phạm hai tội: Vị Ni bảo sắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được [vật] bảo sắm thì phạm tội Nissaggiya Pãcittiya. A

Dứt các điêu Nissaggiya Pãcittìya.

2.4. CHƯƠNG PĀCITTIYA 4.1. 1. Vị Ni trong khi nhai tỏi vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai^, rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata\ môi một lân nuôi xuông thì

phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vị Ni trong khi cạo [nhổ] lông ở chỗ kín vi phạm hai tội: Vị Ni cạo [nhổ], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cạo [nhổ] thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vị Ni trong khi đập vỗ bằng lòng bàn tay vi phạm hai tội: Vi Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcỉttỉya. 4. Vị Ni trong khi áp dụng gậy ngăn băng nhựa cây vi phạm hai tội: Vị Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã áp dụng thì phạm tội Pãcittỉya. 5. Vi Ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước vượt quá tối đa hai lóng tay vi phạm hai tội: Vi Ni áp dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã áp dụng thì phạm tội Pâcỉttiya.



6. Vị Ni với nước uống hoặc với quạt, trong khi đứng gần vị Tỳ-khưu đang thọ thực vi phạm hai tội: Vi Ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi rời xa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 7. Vi Ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dqng" rồi thọ nhận thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuôi xuống thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào vi phạm hai tội: Vi Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đổ bỏ thì phạm tội Pâcittiya. 9. Vi Ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vi phạm hai tội: Vị Ni đổ bỏ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đổ bỏ thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc vi phạm hai tội: Vị Ni đi thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm 66T6Ì" là thứ nhất

4.2. 1. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối, ban đêm không có đèn vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tâm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 2. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội Pãcừtiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkata. 3. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tầm tay thì phạm tội Pãcittiya; sau khi lìa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội Dukkata. 4. Vị Ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ vi phạm hai tội: Vị Ni đứng trong tâm tay thì phạm tội Pãcitíiya; sau khi lìa khỏi tâm tay roi đứng thì phạm tội Dukkaía. 5. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngoi, trong khi ra đi không thông báo chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua mái hiên che mưa bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttiya.



6. Vi Ni sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn, trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi không hỏi ý chủ nhân vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngôi xuống thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vị Ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chô năm, trong khi

ngôi xuống vi phạm hai tội: Vi Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni do hiểu sai do xét đoán sai, trong khi phàn nàn với vi khác vi phạm hai tội: Vi Ni phàn nàn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phàn nàn thì phạm tội Pãcỉttỉya, 9. Vi Ni trong khi nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh vi phạm hai tội: Vi Ni nguyền rủa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nguyền rủa thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vi phạm hai tội: Vị Ni đánh và khóc lóc thì phạm tội Pãcitíiya; vi Ni đánh không khóc lóc thì phạm tội Dukkata. Phẩm 66Bóng tốp là thứ nhì.

4.3. 1. Vị Ni lõa thể trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị Ni tắm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tất việc tắm thì phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vi Ni trong khi bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị Ni bảo làm, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaịa\ khi đã được làm xong thì phạm tội Pãcittỉya. 3 Vị Ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni, trong khi không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại vi phạm một tội Pãcittiya, 4. Vi Ni trong khi vượt quá năm ngày thiêu văng y hai lóp vi phạm một tội Pâcỉttỉya. 5. Vị Ni trong khi mặc y thiết thân [của vị Ni khác] vi phạm hai tội: Vi Ni mặc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mặc thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi cản trở lợi lộc về y của nhóm vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vị Ni trong khi ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp vi phạm hai tội: Vi Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngăn cản thì phạm tội Pâcỉttiya.



8. Vị Ni trong khi cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại dạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pãcittiya. 9. Vị Ni trong khi để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vi phạm hai tội: Vị Ni để cho vượt quá, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã đe cho vượt quá thì phạm tội Pãcỉttỉya. 10. Vị Ni trong khi ngăn cản sự thu hồi Kathỉna đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị Ni ngăn cản, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngăn cản thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm 66Tắm” là thứ ba.

44 1. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi nằm chung ở một chiếc giường vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcỉttỉya. 2. Hai vị Tỳ-khưu-ni trong khi năm chung một tâm trải tâm đáp vi phạm hai tội: [Cả hai] nằm xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã nằm xuống thì phạm tội Pãcittiya. 3. Vi Ni trong khi cố ý quấy rầy các vị Tỳ-khmi-ni [khác] vi phạm hai tội: Vị Ni hành động, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã hành động thì phạm tội Pãcỉttiya. 4. Vị Ni trong khi không chăm sóc người nữ đệ tử bi ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vi phạm một tội Pãcittiya. 5. Vi Ni sau khi đã cho vị Tỳ-khưu-ni [khác] chỗ tru ngụ lại nổi giận bất bình, trong khi lôi kéo ra vi phạm hai tội: Vị Ni lôi kéo ra, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã lôi kéo ra thì phạm tội

Pãcỉttỉya. 6. Vị Ni sống thân cận [thế tục], trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm hai tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pâcỉttỉya. 7. Vi Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác đinh là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcỉttỉya. 8. Vị Ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã thực hiện thì phạm tội Pâcittiya.



9. Vị Ni trong khi đi du hành vào mùa [an cư] mưa vi phạm hai tội: Vị Ni thực hiện, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã thực hiện thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vị Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa, trong khi không ra đi du hành vi phạm một tội Pâcỉttiya. Phẩm “Nằm chung” là thứ tư.

4.5. 1. Vị Ni trong khi đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hô sen vi phạm hai tội: Vị Ni đi, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; nơi nào đứng lại rồi nhìn thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vị Ni trong khi sử dụng ghế trường kỷ hoặc ghế nệm lông thú vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttiya, 3 Vị Ni trong khi xe chỉ vi phạm hai tội: Vị Ni xe [chỉ], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một vòng quay thì phạm tội Pâcỉttiya. 4. Vị Ni trong khi phục vụ người tại gia vi phạm hai tội: Vi Ni phục vụ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phục vụ thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị Ni khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thua Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng nàyn đã trả lời rằng: "Tốt th6i!" trong khi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vi phạm một tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị Ni cho, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã cho thì phạm tội Pâcittiya, 7. Vị Ni sau khi không chịu xả bỏ y nội trợ, trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pãcỉttỉya. 8. Vị Ni khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ, trong khi ra đi du hành vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttiya. 9. Vị Ni trong khi học tập kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vi Ni học tập, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcỉttiya. 10. Vi Ni trong khi dạy kiến thức nhảm nhí vi phạm hai tội: Vị Ni dạy, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} theo mỗi một câu thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm ẾÍNhà triển lãm tranh" là thứ năm.



4.6. 1. Vi Ni biết tu viện có Tỳ-khưu, trong khi đi vào chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vị Ni trong khi mắng nhiếc gièm pha vị Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni mắng nhiếc, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mắng nhiếc thì phạm tội

Pãcỉttiya. 3. Vị Ni bị kích động trong khi gièm pha nhóm vi phạm hai tội: Vi Ni chửi rủa, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã gièm pha thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị Ni đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm], trong khi nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãciítiya. 5. Vị Ni trong khi bon xẻn về gia đình vi phạm hai tội: Vị Ni bon xẻn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã bon xẻn thì phạm tội Pãciíiiya. 6. Vị Ni trong khi sông mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ sống mùa [an cư] mua" rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, hoặc đem lại nước uống nước rửa, hoặc quét phòng thì phạm tội Dukkata; với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội Pâcỉttiya. 7. Vi Ni đã trải qua mùa [an cư] mưa trong khi không thỉnh cầu [hành lễ Pavãranã\ ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống vi phạm một tội Pãcittiya. 8. Vi Ni trong khi không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú vi phạm một tội Pãciítiya. 9. Vị Ni trong khi không hỏi về lễ Uposatha cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vi phạm một tội Pãcỉttiya. 10. Vi Ni khi chưa hỏi ý hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam, trong khi xẻ nặn mụt nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân vi phạm hai tội: Vị Ni xẻ nặn, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã xẻ nặn thì phạm tội Pãcỉttiya. Phẩm “Tù viện99 là thứ sáu.

4.7. 1. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ mang thai vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttiya. 2. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ còn cho con bú vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ? lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya.



3. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 4. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhimg] chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pâcittiya. 5. Vi Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkaía; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 6. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vị Ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng châp thuận vi phạm hai tội: Vi Ni tiêp độ, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vi Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vi phạm một tội Pãcittỉya. 9. Vị Ni trong khi không hâu cận Ni sư tê độ đã tiêp độ cho trong hai năm phạm một tội Pãcỉttiya. 10. Vị Ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không cách ly [vi Ni ấy] cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly vi phạm một tội Pãcittỉya. Phẩm 6íSản phụ” là thứ bảy.

4.8. 1. Vị Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ chưa đủ hai mươi tuôi vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 2. Vi Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcỉttỉya. 3. Vi Ni trong khi tiêp độ thiêu nữ tròn đủ hai mươi tuôi đã thực hành việc học tập vê sáu pháp trong hai năm [nhung] chưa được hội chúng chập thuận vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya.



4. Vị Ni chưa đủ mười hai năm [thâm niên], trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ5 lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 5. Vị Ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] chưa được hội chúng đong y, trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội J 9 .L Dukkata; khi đã tiêp độ thì phạm tội Pãcỉttiya. 6. Vị Ni khi được nói rằng: "Này Ni su, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp d" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!,, sau đó, trong khi tiến hành việc phê phán vi phạm hai tội: Vị Ni phê phán, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã phê phán thì phạm tội Pãcỉttỉya. 7. Vi Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự răng: "Này cô Ni, nêu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6”trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội Pãcittiya. 8. Vị Ni sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: “Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho c6", trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội Pãcittiya, 9. Vi Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhân tâm, là nguồn gây sâu khô [cho người khác] vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 10. Vị Ni trong khi tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ hoặc người chông cho phép vi phạm hai tội: Vị Ni tiêp độ, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittỉya. 11. Vị Ni trong khi tiêp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parỉvâsa vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. 12. Vi Ni trong khi tiếp độ hàng năm vi phạm hai tội: Vi Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã tiêp độ thì phạm tội Pãcittiya. 13. Vị Ni trong khi tiếp độ hai người trong một năm vi phạm hai tội: Vị Ni tiếp độ, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã tiếp độ thì phạm tội Pãcittiya. Phẩm “Thiếu HŨ*” là thứ tám.

4.9. L Vị Ni trong khi sử dụng dù dép vi phạm hai tội: Vị Ni sử dụng, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã sử dụng thì phạm tội Pâcittiya.



2. Vị Ni trong khi di chuyển bằng xe vi phạm hai tội: Vị Ni di chuyển [bằng xe], lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã di chuyển [bằng xe] thì phạm tội Pãcỉttiya. 3. Vi Ni trong khi mang vật trang sức ở hông vi phạm hai tội: Vị Ni mang, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã mang thì phạm tội Pâcỉttỉya. 4. Vị Ni trong khi đeo đồ trang

sức của phụ nữ vi phạm hai tội: Vị Ni đeo, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã đeo thì phạm tội Pācittiya. 5. Vị Ni trong khi tắm bằng vật thơm có màu sắc vi phạm hai tội: Vị Ni tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; vào lúc hoàn tát việc tăm thì phạm tội Pãcittỉya. 6. Vi: Ni trong r khi tăm băng bã dâu mè có tâm hương r vi phạm , hai tội: Vị Ni tăm, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata\ vào lúc hoàn tát việc tăm thì phạm tội Pãcittỉya. 7. Vi Ni trong khi bảo Tỳ-khiru-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittiya. 8. Vị Ni trong khi bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcỉttỉya. 9. Vị Ni trong khi bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittỉya. 10. Vị Ni trong khi bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] vi phạm hai tội: Vị Ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata^ khi đã được xoa bóp thì phạm tội Pãcittiya, 11. Vi Ni trong khi ngôi xuống trên chô ngôi ở phía trước vị Tỳ-khiru khi chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị Ni ngồi xuống, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata; khi đã ngồi xuống thì phạm tội Pâcỉttiya. 12. Vị Ni trong khi hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước vi phạm hai tội: Vị Ni hỏi, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ khi đã hỏi thì phạm tội Pãcỉttỉya. 13. Vị Ni không mặc áo lót, trong khi đi vào làng vi phạm hai tội: Vị Ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Dukkata*. vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Pãcỉttỉya. Phẩm UDÙ dEp" là thứ chín. Dứt các điều nhỏ nhặt thuộc chín phẩm.



2.5. CHƯƠNG PĀTIDESANĪYA . 1. Vị Ni sau khi yêu cầu bơ lỏng, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dvng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. 2. Vị Ni sau khi yêu cầu dầu ăn? trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuôt xuông thì phạm tội Pātidesañīya. 3. Vị Ni sau khi yêu cầu mật ong, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dụng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesariīya. 4. Vi Ni sau khi yêu cầu đường mía, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung99 rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuôi xuông thì phạm tội Pātidesamya. 5. Vi Ni sau khi yêu cầu cá, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dqng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanīya. 6. Vị Ni sau khi yêu cầu thịt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesanĩya. 7. Vi Ni sau khi yêu cầu sữa tươi, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng95 rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata^ mỗi một lần nuôt xuông thì phạm tội Pātidesanīya. 8. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: “Ta sẽ thọ dụng^ rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pātidesañīya. Dứt tám điều Pātidesamya. Dứt phần 6'Bao nhiêu tộiw là thứ nhì.

3. PHẢN Sự HƯ HỎNG 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ung thuận sự xúc chạm thân the của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với hai sự hư hỏnệ trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. ...(nt).



2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần “Sụ* hư hỏngw là thứ ba.

4. PHẢN Sự TỎNG HỢP 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pārājika, có thê là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tong hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Pātidesamya, có the là nhóm tội DukkaỊa. Dứt phần wSự tổng hợp” là thứ tư.

5. PHÀN NGUỒN SANH TÔI .

L Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu •...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội?



Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bôn nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân ya do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Dứt phần ^Nguồn sanh tộf9 là thứ năm.

6. PHẢN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm của vị Tỳ-khmi-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng, là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông

rồi thọ dụng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm của vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần "Sụ* tranh tụng55 là thứ sáu.

7. PHÀN Sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm của vi Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu câu sữa đông roi thọ dụng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?



w \ A e

Các tội vi phạm của vị Ni sau khi yêu câu sữa đông roi thọ dụng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần uSự dàn xếp" là thứ bảy.

8. PHÀN sự QUY TỤ 1. Vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng, trong khi ung thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên thì phạm tội Pãrặịika; vị Ni ưng thuận sự năm lây từ xương đòn [ở cô] trở lên từ đâu gói trở xuống thì phạm tội Thulỉaccaya; vị Ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân thì phạm tội Dukkata. Vi Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dằn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổĩiệ hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có the là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm bao nhiêu tội? Vị Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ diỊng" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lần nuốt xuống

thì phạm tội Pātidesañīya. Vi Ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao



nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dằn xếp? - Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pātidesañīya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần 6'Sy quy tụ" là thứ tám. —ooOoo—

9. PHÀN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt)... Do ai truyền đạt lại? 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Pārājika do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng. ở dấy, có điều quy đinh, có điều quy định thêm, có điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở dấy, có một điều quy định, không có điều quy đinh thêm và điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điêu quy định cho tát cả mọi nơi, [hay] là điêu quy đinh cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.



Là điều quy đinh chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy định riêng? Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khmi và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. x r 1 A X /M , Được gôm chung vào phân nào, được tính vào phân nào trong bôn cách đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhd)! Được gôm chung vào phân mở đâu, được tính vào phân mở đâu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bôn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? -Thuộc ve nhom tôi Pārājika. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? —Điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý5

không do khẩu. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? -Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão]. Vị upâli? luôn cả vị Dâsaka, ...(nt)... tạng Luật ở Tambapanni. 2. Điêu Pārājika do duyên của việc che giâu lôi lâm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khtru-ni Thullanandâ dầu biết vị Tỳ-khtru-ni vi phạm tội Pārājika đã không tự chính mình khiển trách cũng đã không thông báo cho nhóm. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 3. Điều Pārājika do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xu hướng theo Tỳ-khưu Arittha trước đây là người huân luyện chim ưng [là vị] đã bi hội chúng hợp nhát phạt án treo. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 4. Điều Pārājika do duyên của việc làm đủ sự việc thứ tám đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. về sự việc gì? -Trong sự việc ây5 các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám. Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). Dứt các điều Pãrậiika.

9.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy đinh tại đâu? Liên quan đến ai? về sự việc gì? ...(nt).. Do ai truyền đạt lại? 2. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều Sañghādisesa do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện của vị Tỳ-khưu-ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ. về sự việc gì? -Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã sông là người nói lời tranh chấp.



ở dấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi [sự việc] chưa xảy ra không? ở đấy, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, [hay] là điều quy đinh cho khu vực? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung [cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]9 [hay] là điều quy đinh riêng? - Là điều quy định riêng [cho Tỳ-khưu-ni]. Là điều quy định cho một [hội chúng], [hay] là điều quy đinh cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni]? Là điều quy định cho một [hội chúng]. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng Giới bổn (PãtỉmokkhdỴÌ Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Là sự hư hỏng về giới. Thuộc vê nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Thuộc vê nhóm tội Sañghādisesa. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội? Điêu ây sanh lên do hai nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). Do ai truyền đạt lại? Được truyền đạt lại theo sự kế tục [của các vị Trưởng lão]. Vị Ưpāli luôn cả vi Dâsaka, vi Sonaka, vị Siggava là tương tợ với vi Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng. ...(nt). Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến tạng Luật ở hòn đảo Tambapanni. 3. Do đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong r : . khi thây, điêu Sañghādisesa do duyên của việc tiêp độ nữ đạo tặc đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandâ.



về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandâ đã tiêp độ nữ đạo tặc. Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do hai nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. ...(nt). 4. Điều Sañghādisesa do duyên của việc đi vào trong làng một mình đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, vị Tỳ-khưu-ni nọ một mình đã đi vào trong làng. Có một điều quy đinh, ba điều quy đinh thêm. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều Pārājika thứ nhất. ...(nt). 5. Điêu Sanghãdỉsesa do duyên của việc phục hôi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ây, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã phục hôi cho vi Tỳ-khưu-ni đã bi hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm. y

Có một điêu quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 6. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc thọ thực của vị Tỳ-khưu-ni nhiêm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Sundañnandā.



về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [như] ở điều

Pārājika thứ nhất ...(nt). 7. Điều Sañghādisesa do duyên của việc xúi giục rằng: “Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dân^g vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ây roi nhai hoặc ăn di" đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến vị Tỳ-khưu-ni nọ. về sự việc gì? Trong sự việc ây, vị Tỳ-khưu-ni nọ đã xúi giục răng: "Này Ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn di." Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do ba nguôn sanh tội: ...(nt). 8. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đên lân thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni nôi giận, bát bình đã được quy đinh tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khiru-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Candakālī nổi giận, bất bình đã nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ việc học tap." Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 9. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhác nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu-ni bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó đã được quy định tại đâu? -Đã được quy định tại thành Sāvatthi.



Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Candakālī. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khiru-ni Candakālī khi bi xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình và đã nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khiru-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vi vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hai.” Có một điều quy định. Trong sáu nguôn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 10. Điều Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đên lân thứ ba của các Tỳ-khưu-ni sông thân cận [với thê tục] đã được quy định tại đâu? Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vị Tỳ-khưu-ni. về sự việc gì? Trong sự việc ây, nhiêu vị Tỳ-khưu-ni đã sông thân cận [với thê tục]. Có một điều quy đinh. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: [Như] ở điều buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 11. Điêu Sañghādisesa do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đến lần thứ ba của vị Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" đã được quy đinh tại đâu? -Đã được quy đinh tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? Liên quan đến Tỳ-khưu-ni Thullanandã. về sự việc gì? Trong sự việc ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandã đã xúi giục rằng: "Này các Ni su, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác." Có một điều quy định. Trong sáu nguồn sanh tội, điêu ây sanh lên do một nguôn sanh tội: [Như] ở điêu buông bỏ trách nhiệm. ...(nt). 12. Điều Pātidesanīya do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu đã được quy định tại đâu? Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai?
Liên quan đến các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư.
về sự việc gì?
Trong sự việc ấy, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng.
Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.
Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: ...(nt).
Dứt phần "Quy đinh tại dâu" là thứ nhất

10. PHÀN BAO NHIÊU TÔI

10.1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA 1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika\ vị Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] bằng thân [vị ấy] thì phạm tội Sañghādisesa; vị [Ni] dùng thân sờ vào vật được găn liên với thân [người nam] phạm Thulỉaccaya; vị [Ni] dùng vật được gan liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [người nam] thì phạm tội Dukkata; khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội PācittiyaJ Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. 2. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc che giâu lôi lâm vi phạm bôn tội: Vi Tỳ-khưu-ni biêt [vị Tỳ-khưu-ni khác] vi phạm tội Pārājika rồi che giấu thì phạm tội Pārājika; vị [Ni] có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thuỉiaccaya; vị Tỳ-khmi che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pãcittỉya^ vị [Ni] che giấu sự hư hỏng về hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata. Do duyên của việc che giâu lôi lâm vi phạm bốn tội này. 3 Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội?

7 Chương này được đề cập riêng cho Tỳ-khưu-ni: Tội thứ nhất là tội dành riêng cho Tỳ-khiru-ni, tội thứ ba và thư tư có tính cách tương tợ giưa Tỳ-Ịdiưu và Tỳ-khưu-ni dầu được quy định vào hai điều học khác nhau, tội thứ năm được đề cập ơ Giới bổn (Pãtimokkha) của Tỳ-khưu nhimg là điều học được quy đinh chung cho cả hai hội chúng, nêng tội thứ nhì được xếp vào đây xét ra có tính cách gượng ép vì chỉ danh riêng cho Tỳ-khưủ (ND). 8 Đúng ra phải ghi là "vi Ty-khưuni" thay vì t4vị Tỳ-khưu,? (ND).



Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, do lời đê nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya; vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ vi Tỳ-khưu-ni là người xu hướng theo kẻ chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba thì phạm tội Sañghādisesa; vị không chịu

dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pācittiya. Do duyên của việc không chiu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội này. 4. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: "Hãy đi đến chỗ tên như vầy" vi Ni đi đến [nơi hẹn] thì phạm tội Dukkata\ khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội Thullaccaya\ vi Ni làm đay đủ sự việc thứ tám thì phạm tội Pārājika, Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này. Dứt các điều Pārājika.

10.2. CHƯƠNG SAÑGHĀDISESA 1. Do duyên của việc thực hiện sự thưa kiện, vị Tỳ-khxru-ni là người nói lời tranh chấp vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất thì phạm tội Dukkata\ nói với . jF *

người thứ nhì thì phạm tội Thullaccaya; vào lúc két thúc vụ xử án thì phạm tội Sañghādisesa. 2. Do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 3. Do duyên của việc đi vào trong làng một mình vi phạm ba tội: Vị Ni đi thì phạm tội Dukkata\ vượt qua hàng rào bước thứ nhất thì phạm tội Thullaccaya^ vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội Sañghādisesa. 4. Do duyên của việc phục hồi cho vị Ty-khtru-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya^ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 5. Do duyên của việc thọ thực, vị Tỳ-khiru-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ n" rồi thọ nhận thì



phạm tội Thulỉaccaya; môi một lân nuốt xuống thì phạm tội Sañghādisesa; vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Dukkata. 6. Do duyên của việc xúi giục răng: "Này Ni su, người đàn ông ây nhiêm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư, khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, người đàn ông ây dâng vật thực cứng hoặc vật thực mem nào đên Ni su, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ây roi nhai hoặc ăn di" vi phạm ba tội: Do lời nói của vị Ni ấy, vi Ni kia [nghĩ rằng]: uTa sẽ nhai, ta sẽ ăn,, rồi thọ nhận [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Dukkata\ mỗi một lần [vi Ni kia] nuốt xuống, [vị Ni xúi giục] thì phạm tội Thullaccaya\ vào lúc châm dứt bữa ăn, [vi Ni xúi giục] thì phạm tội Sañghādisesa. 7. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni nổi giận vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sanghãdisesa. 8. Khi bi xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó, do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhác nhở đên lân thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkaía; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya\ vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì

phạm tội Sañghādisesa. 9. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu-ni thân cận [với thế tục] vi phạm ba tội: Do lời đề nghi thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. 10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vi Ni xúi giục rằng: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác" vi phạm ba tội: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata; do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội thullaccaya\ vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Sañghādisesa. ...(nt). y

Dứt mười điêu Sanghãdisesa. Nên được phân tích chi tiết theo như phần dưới,9 riêng phần nguyên nhân là có sự khác biệt.

11. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vi Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ án" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkaía;

9 Có lẽ vào thời ấy, các phần đã đọc xong được đặt ở dưới thấp nên mới ghi là "theo như phần dưới^,; còn theo cách đọc hiện nay thì phải ghi la "theo như phần trên' mới hợp ly (ND).



mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội Pãtidesanĩya. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội này. Dứt phần 6'Bao nhiêu tội55 là thứ nhì. —ooOoo-

11. PHẦN Sự Hư HỎNG 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với hai sự hư hỏng trong bon sự hư hỏng: Có the là sự hư hỏng ve giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Dứt phần "Sụ* hư hỏng99 là thứ ba. —ooOoo—

12. PHÀN Sự TÔNG HỢP 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có the là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Pācittiya. có the là nhóm tội Dukkata. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tong hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu câu được tông hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pātidesanīya, có the là nhóm tội Dukkata. Dứt phần "Sụ* tổng hợp" là thứ tư. —ooOoo—

13. PHẢN NGUỒN SANH TỘI 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu càu được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bôn nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân ya do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do y, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. Dứt phần wNguòn sanh tội55 là thứ năm. —ooOoo—

14. PHÀN Sự TRANH TỤNG 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Các tội vi phạm do duyên của việc img thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. ...(nt). 2. Cắc tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? -Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Dứt phần wSự tranh tụng55 là thứ sáu. —ooOoo—

15. PHÀN sự DÀN XẾP 1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử



Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. ...(nt). 2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thê là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* dàn xếp” là thứ bảy. —ooOoo—

16. PHÀN sự QUY TỤ 1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng thì phạm tội Pārājika\ vi Tỳ-khưu sờ vào thân [người nữ] băng thân [vi áy] thì phạm tội Sañghādisesa; dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân thì phạm tội Thullaccaya} dùng vật được găn liên với thân sờ vào vật được găn liên với thân thì phạm tội Dukkata^ khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pācittiya, Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng

hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya, có the là nhóm tội Pācittiya, có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôi! sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lap. ...(nt). 2. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội?

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1155

-Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ dung" rồi nhận lãnh thì phạm tội Dukkata; mỗi một lân nuốt xuông thì phạm tội Pātidesañīya. Vị Ni sau khi yêu câu sữa đông trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pātidesanīya. có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do bôn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Sụ* quy tụ^ là thứ tám. Dứt tám phần về do duyên.

TÓM LƯỢC CÁC PHẢN NÀY Phân bao nhiêu [tội], phân sự hư hỏng, phân sự tông hợp luôn cả phân vê nguôn sanh tội, phân sự tranh tụng, phân sự dàn xép và phân sự quy tụ, đây là bảy phần. Được bắt đầu bằng phần sự quy định là tám phần.

Dứt mười sáu phần chính thuộc Phân tích Giới Tỳ-khiru-ni và Phân tích Giới Tỳ-khiru-ni được chấm dứt.

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐÈ CỦA NGUỒN SANH TÔI

TÓM LƯỢC VÈ NGUỒN SANH TÔI 1. Tát cả các hành là vô thường, khô và vô ngã được tạo hợp [do duyên]. Và chính Niết-bàn là điều khái niệm, được khẳng định là "v6 ngã/9 2. Khi đức Phật, ví như mặt trăng còn chưa xuất hiện, khi đức Phật, ví tợ mặt trời còn

chưa hiện khởi, vấn đề tên gọi của các pháp có tính chất chung ấy không được biết đến. 3. Sau khi đã thực hành khổ hạnh nhiều loại, sau khi làm đủ đầy các pháp toàn hảo, các đấng Đại Hùng chứng thực pháp nhãn xuất hiện ở cõi có các Phạm thiên. 4. Các vị giảng giải Chánh pháp có sự châm dứt khô, đem lại an lạc. Bậc Hiền Trí dòng Sakyā, hiệu Añgīrasa, là bậc Thương Tưởng Tất Cả Chúng Sanh. 5. Đấng Sư Tử, bậc Tối Thượng Của Tất Cả Các Loài đã thuyết giảng Tam tạng gom có Kinh, Vi diệu pháp và Luật, có đức tính vĩ đại. 6. Như vậy Chánh pháp được lưu truyền nếu Luật còn tồn tại, và cả hai bộ Phân tích, bộ Hợp phần và các tiêu đề. 7. Vòng hoa được kết lại chính là nhờ vào sợi chỉ, tức là bộ Tập yếu. về chính bộ Tập yếu ấy, nguồn sanh tội được xác định. 8. Phần phân tích và phần duyên khởi được trình bày lối khác trong giới bổn ở trên; bởi thế vị thuần thiện mến pháp nên học tập bộ Tập yếu này.

MƯỜI BA NGUỒN SANH TÔI 9. Vào lễ Uposatha, các vi đọc tụng điều quy định ở hai bổn Phân tích, còn tôi sẽ nói về nguồn sanh tội đúng theo hệ thống, xin hãy lắng nghe tôi: 10. Điều Pārājika thứ nhất và điều thứ nhì là khác với điều ấy, việc làm mai mối, sự nhắc nhở và phần y phụ trội. 11. Các lông cừu, pháp theo từng câu, sự thực chứng với sự hẹn trước, đạo tặc, sự thuyết giảng, nữ đạo tặc và sự không cho phép là mười ba.1

1 Do ba cửa thân, khẩu, ý có được sáu nguồn sanh tội. Các điều học có nguồn sanhjtội giống nhau đã được phân loại thành 13 nhóm. Chúng toi đã thêm từ trong ngoặc đơn ở bai kệ để dễ nhận ra điều học có liên quan. về việc này, Chú giải sư Buddhaghosa có giai thích rõ hơn về các điều học và ở bản dịch tiếng Anh, cô I. B. Homer có ghi tên điều học và số thứ tự (ND).



12. Mười ba phương thức về nguồn sanh tội này đã được suy nghĩ bởi các bậc hiểu biết về mỗi một nguồn sanh tội được trình bày ở đây là như nhau.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHẤT A

13. Việc đôi lứa, tinh dịch, việc xúc chạm, âỉễu Ānīyata thứ nhát, [Tỳ-khưu] đến ngụ trước, được môi giới, chỗ kín đáo cùng với Tỳ-khưu-ni. 14. Có hai vợ chông và luôn cả chô kín đáo, ngón tay [thọt léc], giữn trong nước, hai điều về cú đánh, về giá tay [dọa đánh] và năm mươi ba học pháp. 15. Dưới xương đòn [ở cổ], [vào] làng, từ người nam nhiễm dục, lòng bàn tay, gậy ngắn, làm sạch sẽ [bằng nước], đã trải qua mùa [an cư] mưa, việc giáo giới, vị không hầu cận Ni sư tế độ. 16. Bảy mươi sáu điều học này được làm do thân và do ý, tất cả có một nguồn sanh tội giống như điều Pārājika thứ nhất. Dứt nguồn sanh tội của điều Pārājika thứ nhất.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKA THỨ NHÌ 17. Vật chưa cho, đoạt mạng, pháp thượng nhân, nói thô tục, tình dục cho bản thân, [cáo tội] không nguyên cớ, có quan hệ khác biệt, điều bất định thứ nhì. 18. Giật lại [y đã cho], thuyết phục dâng [bản thân], nói dối, lời mắng nhiếc, đâm thọc, [nói] tội xâu, đào đát, [hại] thảo mộc, nói tránh né, vị phàn nàn. 19. Lôi kéo ra, việc tưới nước, vì nguyên nhân lợi lộc, [mời] vị đã ăn xong, "hãy đến”xem thường, gây sợ hãi, thu giấu và [hại] mạng sống. 20. Trong khi biết nước có sinh vật, [khơi lại] hành sự, chưa đủ [hai mươi tuôi]? việc cộng trú [vị án treo],

việc [Sa-di] trục xuất, theo Pháp, luôn cả sự chê bai [Luật], [giả vờ] ngu dốt và [bôi nhọ] không nguyên cớ. 21. [Gây] nỗi nghi hoặc, [chê hành sự] đúng Pháp, [thuận cho] y [rồi phê phán], thuyết phục dâng cá nhân, làm gì được [Ni sư], [y] ngoại thời, giật lại [y], [phàn nàn] vì hiểu sai và [nguyền rủa về] địa ngục. 22. [Cản trở y] của nhóm, [ngăn cản] việc phân chia, [mong mỏi] không chắc chắn, [thu hồi] Kathina. [vị cố ý] quấy rầy, [lôi ra khỏi] Ni viện, mắng nhiếc [vị Tỳ-khiru], bị Idch động [mắng nhiếc], bon xẻn [gia đình], người sản phụ và vị còn cho bú. 23. [Chưa thực hành] hai năm, việc học tập, do hội chúng luôn cả ba điều về người nữ đã kết hôn và thiếu nữ có ba điều, chưa đủ mười hai năm, chưa được sự chấp thuận.

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI « 1159

24. Chưa phải lúc [tiêp độ], [nhân tâm] gây sâu khô, sự thỏa thuận và hai vị một năm. Bảy mươi điêu học này được thực hiện do ba nguôn: 25. Do thân và ý không do khẩu, khẩu và ý không liên quan thân, được sanh từ ba cửa, giống như điều Pārājika thứ nhì. Dứt nguồn sanh tội của điều Pārāfika thứ nhì.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI 26. Mai mối, [làm] cốc liêu, trú xá, giặt y, nhận lãnh [y của Tỳ-khưu-ni], thọ nhận vượt quá yêu câu, của hai điêu [căn dặn] và bởi sứ giả. 27. Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phàn, sáu năm, vật lót ngồi, các vị xao lãng luôn cả vàng bạc, hai điều về trao đổi theo nhiều cách. 28. [Bình bát] chưa đủ năm mảnh vá? choàng tăm mưa, chỉ sợi, dặn dò [việc dệt y], [cho đên khung] cửa lớn, cho y [Tỳ-khmi-ni], may y, bánh ngọt, nhân duyên [bốn tháng] và [đốt] ngọn lửa. 29. Vật quý, [ông đựng] kim, giường, [độn] bông gòn, vật lót ngôi, y đáp ghẻ, luôn cả vải tắm mưa với [y] đức Thiện Thệ, sự yêu cầu, việc sắm vật khác. 30. Hai điều thuộc về hội chúng, hai điều thuộc về nhóm, các cá nhân, [tấm choàng] nhẹ, dày, hai điều đổ đồ thừa, choàng tắm [Tỳ-khưu-ni] và y của Sa-môn. 31. Cả năm mươi pháp này được sanh lên từ sáu chỗ: Do thân không do khẩu và ý, do khẩu không do thân và ý. 32. Do thân và khẩu không do ý? do thân và ý không do khẩu, do khẩu và ý không do thân, được sanh lên từ ba cửa và sáu nguồn sanh tội này là tương tợ như điều mai mối. Dứt nguồn sanh tội của điều làm mai mốt

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ 33. Chia rẽ, xu hướng theo, khó dạy, làm hư hỏng, [giấu] tội xấu, tà kiến, [không trao] sự tùy thuận, hai điêu cười lớn tiêng, hai điêu vê tiêng động, [miệng có cơm] không nên nói. 34. Ngồi đất, chỗ thấp, đứng, đi sau, một bên [đường], [vị Tỳ-khưu-ni che giấu] tội, xu hướng theo, việc nắm lấy,2 vị Ni phục hồi, việc nói lìa bỏ. 35. [Trong cuộc tranh tụng] nào đó, hai điêu sông thân cận, vị đánh đâm [khóc lóc], vị tháo y, người nữ [đệ tử] bị bệnh, lại điều sống thân cận, không dàn xếp và tu viện, [không hành] lễ Pavāranā.

2 Pārăịika 4 của Tỳ-khưu-ni về việc thực hiện đầy đủ tám sự việc (ND).



36. Mỗi nửa tháng [không hỏi], [không dạy] nữ đệ tử, hai điều [về tiếp độ], Ã hâu hạ.r Ba mươi bảy pháp này do thân, khâu và ý, tát cả có y y,: zviệc [nêu dâng] một nguôi! giông như điêu nói nhác nhở. Dứt nguồn sanh tội của điều nói nhắc nhở.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU KATHINA 31. Ba điều Kathỉna không còn hiệu lực, điều thứ nhất về bình bát, dược phẩm và y đặc biệt nữa, [ở rưng] có nguy hiểm, hoặc là hai điều vị ra đi.3 38. [Giáo giới] ở Ni viện, [vật thực] được thỉnh sau, không phải thức ăn thừa, việc thỉnh mời, việc chú nguyện đê dùng chung, [hậu cung] của đức vua, [vào làng] lúc sái thời, hướng dẫn sự phục vụ và vị ở rừng. 39. Việc tranh chấp, tích trữ, trước, sau, lúc sái thời, thời hạn năm ngày, y thiết thân, hai điều [không nguyện xả] và y nội trợ. 40. Phần dưới thân, luôn cả việc ngồi [trước Tỳ-khưu]. Tất cả hai mươi chín điều này có hai nguồn sanh tội: Do thân và khẩu không do ý, [hoặc] được sanh lên từ ba cửa, tương tợ như điều Kathina. Dứt nguồn sanh tội của điều Kathina.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG cừu A  A 9

41. Việc [mang vác] lông cừu, hai điêu vê năm chung, chân [giường] tháo rời được, bữa ăn ở phước xá, [vật thực] dâng chung nhóm, lúc sái thời, việc tích trữ với nước và tăm xỉa răng, các đạo sĩ lõa thể. 42. Động binh, [ngụ] ở binh đội, nơi tập trận, [uống] rượu, việc tắm khi chưa đủ [nửa tháng], hoại sắc, hai điều Pātidesanīya. tỏi, về việc đứng gần [phục vụ], [xem] vũ. 43. Việc tăm [lõa thê], năm chung tâm trải, chung giường, trong quôc độ, bên ngoài là tương tợ, [du hành] trong mùa mưa, nhà triển lãm tranh vẽ, ghế trường kỷ, việc xe chỉ sợi. 44. Phục vụ [người tại gia], tự tay [cho vật thực], chỗ ngụ không Tỳ- khưu, dù che, xe, vật trang sức ở hông, đồ trang sức [phụ nữ], vật thơm, được tẩm hương. 45. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni với người nữ tại gia, tội không mặc áo lót, là bốn mươi thêm bốn điều.

3 Pãcittiya 14 và 15 của Tỳ-khưu về việc ra đi chưa thu dọn lại giường ghế đã bày ra (ND).

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI  1161

46. Tất cả có hai nguồn sanh tội: Do thân không do khẩu và ý5 do thân và ý không do khâu, tương tợ như điêu lông cừu. Dứt nguồn sanh tội của điều lông cừu.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TỪNG CÂU 47. [Dạy đọc pháp] theo từng câu, ngoại trừ [có người nam], [giáo giới] chưa được chỉ định, khi mặt trời đã lặn, hai điều về kiến thức nhảm nhí đã được nói đến, khi chưa thỉnh ý và việc đặt câu hỏi. 48. Bảy điều học này, tất cả có hai nguồn sanh tội: Do khẩu không do thân và ý, sanh lên do khẩu và ý nhưng không được sanh lên do thân, tương tợ như điều pháp theo từng câu. Dứt nguồn sanh tội của điều pháp theo từng câu.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA 49. [Đi] đường xa, chung thuyền, [vật thực] hảo hạng, [đi chung] với người nữ, vị Ni cạo nhô [lông], lúa nguyên hạt luôn cả vị Ni được thỉnh mời và tám điều Pātidesañīya. 50. Mười lăm điều học này: Do thân không do khẩu không do ý, chúng sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý. 51. Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, do thân do khẩu r \

và do ý, là bôn nguôn sanh tội đã được quy định do trí của đức Phật, tương tợ như điều đường xa. Dứt nguồn sanh tội của điều đường xa.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC 52. Đám người đạo tặc, việc nghe lén với việc yêu câu súp, bóng đêm và được che khuất, khoảng trống, các điều này với giao lộ là bảy điều. 53. Các điêu này có hai nguôn sanh tội: Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, sanh lên do ba cửa, các nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc đã được thuyết giảng bởi vị thân quyến mặt trời. Dứt nguồn sanh tội của điều đám người đạo tặc.



NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIỀU THUYẾT GIẢNG PHÁP 54. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến kẻ tay cầm dù, M X D L tương tợ y như thê đên kẻ tay câm gậy, tay câm dao và vũ khí. 55. Có [mang] giày dép, [trên] xe, năm và ngôi ôm đâu gói, đội khăn luôn cả trùm đầu, là mười một điều không thiếu sót. 56. Tất cả có một nguồn sanh tội: Chúng sanh lên do khẩu và ý không sanh • 9 k T lên do thân, tương tợ như điêu thuyêt giảng pháp. Dứt nguồn sanh tội của điều thuyết giảng pháp.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIÊU TUYÊN Bố sự THỰC CHỨNG 57. Sự thực chứng [pháp thượng nhân] được sanh lên do thân không do khau không do ý và sanh lên do khau không do thân không do ý. 58. [Và còn] được sanh lên do thân do khẩu và không sanh lên do ý. Điều gọi là tuyên bố sự thực chứng sanh lên từ ba nền tảng. Dứt nguồn sanh tội của điều tuyên bố sự thực chứng.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU TIẾP Đô NỮ ĐẠO TẶC 59. [Tiếp độ] nữ đạo tặc sanh lên do khẩu do ý nhung không do thân, điều tiếp độ nữ tặc này được sanh từ ba cửa, hai nguồn sanh tội không bị làm lẫn lộn đã được đấng Pháp vương đề cập đến. Dứt nguồn sanh tội của điều tiếp độ nữ đạo tặc.

NGUỒN SANH TÔI CỦA ĐIÊU CHƯA ĐƯỢC CHO PHÉP 60. Điều về người chưa được cho phép4 [sanh lên] do khẩu không do thân và không do ý, điều ấy sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý. 61. Điều ấy sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, sanh lên từ ba cửa, là bốn nền tảng không bị làm lẫn lộn. Dứt nguồn sanh tội của điều chưa được cho phép.

4 Pãcittiya 80 của Tỳ-khưu-ni về việc tiếp độ cô Ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép (ÑD).



62. Bởi vì phân tóm tăt vê nguôn sanh tội gôm mười ba phân đã khéo được thuyết giảng, là việc làm không bi lầm lẫn, là nền tảng phù hợp với Pháp và Luật, trong khi nắm vững điều này, người có sự hiểu biết không bị lầm lẫn về nguồn sanh tội. Dứt phần tóm tắt các đầu đề của nguồn sanh tội. —ooOoo-

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC

PHẢN CÂU HỎI BAO NHIÊU Bao nhiêu loại tội vi phạm? Bao nhiêu nhóm tội? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự không kính trọng? Bao nhiêu sự kính trọng? Bao nhiêu Sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự hư hỏng? Bao nhiêu nguôn

sanh tội? Bao nhiêu nguyên nhân tranh cãi? Bao nhiêu nguyên nhân khiên trách? Bao nhiêu pháp cần được ghi nhớ? Bao nhiêu sự việc gây ra chia rẽ? Bao nhiêu sự tranh tụng? Bao nhiêu cách dàn xép? Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Sáu sự không kính trọng. Sáu Sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. Bôn sự hư hỏng. Sáu nguôn sanh tội. Sáu nguyên nhân tranh cãi. Sáu nguyên nhân khiển trách. Sáu pháp cần được ghi nhớ. Mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Bon sự tranh tụng. Bảy cách dàn xếp. 1. ở đấy, năm loại tội là gì? -Tội Pārājika, tội Sanghãdisesa, tội Pãcittiya, tội Pātidesamya. tội Dukkata. Đây là năm loại tội. 2. ở dấy, năm nhóm tội là gì? Nhóm tội Pārậịỉka. nhóm tội Sanghãdỉsesa, nhóm tội Pãcỉttỉya. nhóm tội Pātidesanīya, nhóm tội Dukkaịa. Đây là năm nhóm tội. 3. ở dấy, năm sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Đây là năm sự việc đã được rèn luyện. 4. ở đấy, bảy loại tội là gì? -Tội Pārặịika, tội Sañghādisesa, tội Thullaccaya, tội Pãcỉttỉya, tội Pātidesanīya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā. Đây là bảy loại tội. 5. ở dấy, bảy nhóm tội là gì? -Nhóm tội Pārājika^ nhóm tội Sañghādisesa, nhóm tội Thullaccaya. nhóm tội Pãcỉttiya, nhóm tội Pātidesañīya, nhóm tội Dukkata, nhóm tội Dubbhāsitā. Đây là bảy nhóm tội.

1166 < TẬP YẾU

6. ở đấy, bảy sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với bảy nhóm tội. Đây là bảy sự việc đã được rèn luyện. 7. ở đấy, sáu sự không kính trọng là gì? Sự không kính trọng đức Phật, sự không kính trọng Giáo pháp, sự không kính trọng Hội chúng, sự không kính trọng việc học tập, sự không kính trọng việc không xao lãng, sự không kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự không kính trọng. 8. ở dấy, sáu sự kính trọng là gì? Sự kính trọng đức Phật, sự kính trọng Giáo pháp, sự kính trọng Hội chúng, sự kính trọng việc học tập, sự kính trọng việc không xao lãng, sự kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự kính trọng. 9. ở dấy, sáu sự việc đã được rèn luyện là gì? Sự hạn chê, sự không chê, sự kiêm chê, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lằn ranh, sự cắt đứt môi liên hệ với sáu sự không kính trọng. Đây là sáu sự việc đã được rèn luyện. 10. ở đấy, bốn sự hư hỏng là gì? Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về tri kiến, sự hư hỏng về nuôi mạng. Đây là bốn sự hư hỏng. 11. ở dấy, sáu nguồn sanh tội là gì? Có tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có tội sanh lên do khẩu và do ý? không do thân. Có tội sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Đây là sáu nguồn sanh tội. 12. ở đấy, sáu nguyên nhân tranh cãi là gì? ở dây, vị Tỳ-khiru trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ? có sự han học, vi ây sông không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sông không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sông không tôn kính không phục tùng Hội chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt).. Giáo

pháp, ...(nt)... Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vi ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ



lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế, • * r r ÁY

nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả dối trá,...(nt).. tr& nên đố kỵ bon xẻn, ...(nt).. trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt)... trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo su, ..(nt).. Giáo pháp, ..(nt)... Hội chúng,...(nt)..., không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và kho đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ frong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Như thê, nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân tranh cãi. 13. ở đấy, sáu nguyên nhân khiển trách là gì? ở dây, vị Tỳ-khiru trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự han học, vị ây sông không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sông không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sông không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư,...(nt).. Giáo pháp, ...(nt).. Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các

ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một



cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khun trở nên đạo đức giả dối trá, ...(nt)... trở nên đố kỵ bon xẻn, ...(nt)... trở nên mưu mẹo xảo trá, ...(nt).. trở nên ác dục tà kiến, ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vi Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo sư, ...(nt).. Giáo pháp, ...(nt).. Hội chúng, ..(nt)...không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tan hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thê một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Như thê, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế, nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân khiển trách. 14. ở đấy, sáu pháp cần được ghi nhớ là gì? ở đây, sự thân thiện của vi Tỳ-khưu qua thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đên sự không tranh cãi, đên sự hòa hợp, đên sự nhát thê. Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua khẩu nghiệp đối với các vị đông Phạm hạnh được thê hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị Tỳ-khưu qua ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, những lợi lộc nào đúng Pháp, đạt được hợp pháp, ngay cả vật được đặt vào trong bình bát, vi Tỳ-khưu có sự thọ hưởng đồng đều



các lợi lộc CÓ hình thức như thế, có sự thọ hưởng chung với các vi đồng Phạm hạnh có giới đức; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa

đến sự gắn bó5 đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điều khác nữa, những giới nào không bị bể vỡ, không bị sứt mẻ, không lấm nhơ, không khuyết điểm, được tự tại, được các bậc trí ngợi khen, không hoen ố, đưa đến thiền định, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về giới, theo các giới có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mên, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Còn có điêu khác nữa, tri kiên nào thuộc bậc Thánh, đưa đên giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn diệt tận khổ đau cho người thực hành theo điều ấy, vị Tỳ-khưu cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về tri kiến, theo tri kiến có hình thức như the một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Đây là sáu pháp cần được ghi nhớ. 15. ở dấy, mười tám sự việc gây ra chia rẽ là gì?  Trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ tuyên bố điêu đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điêu đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai la "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bô điêu được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố phạm tội là "vô tuyên bố vô tội là "phạm tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t”, tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Đây là mười tám sự việc gây ra chia rẽ. 16. ở đấy, bốn sự tranh tụng là gì? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng. 17. ở đấy, bảy cách dàn xếp là gì?



Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp. Dứt phần “Câu hỏi bao nhiêu.^

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Tội vi phạm, nhóm tội, [các sự việc] đã được rèn luyện, lại nhóm bảy [về tội], việc đã được rèn luyện luôn cả sự không kính trọng, sự kính trọng và nguyên nhân. 2. Lại nữa [các sự việc] được rèn luyện, sự hư hỏng, nguồn sanh tội, sự tranh cãi, sự khiên trách, cân được ghi nhớ, sự chia rẽ và sự tranh tụng, bảy cách dàn xếp đã được nói đến; đây là mười bảy đoạn. —ooOoo—

1. PHÀN SÁU NGUỒN SANH TÔI

.

1. Do nguồn sanh tội thứ nhấtcó thể phạm tội Pārājikcf!
Nên nói rằng: "Không thể.”
9
CÓ thê phạm tội Sañghādisesa!
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Thullaccayàl
- Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pâtỉdesanĩyàl
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dukkatàl
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Dubbhāsitā!
- Nên nói rằng: "Không thể."
2. Do nguồn sanh tội thứ nhì, có thể phạm tội Pārājikai
Nên nói rằng: "Không thể."
Là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý (ND).

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC < 1171

CÓ thể phạm tội Sañghādisescf!
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Thullaccayaì
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãtidesanĩya?
Nên nói rằng: "Không thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
-Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dubbhāsitā?
Nên nói rằng: "Không thể.”
3. Do nguồn sanh tội thứ ba, có thể phạm tội Pārājikaī
Nên nói rằng: "Không thể."
Có the phạm tội Sañghādisesa?
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Thulỉaccaya?
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Pācittiycf!
Nên nói rằng: "C6 thể.”

Có thể phạm tội Pâtidesariĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dukkatal
-Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dubbhãsitaỉ
Nên nói rằng: "Không thể.”
4. Do nguồn sanh tội thứ tư, có thể phạm tội Pārājika?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Sanghãdỉsescíỉ
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Thullaccaycf!
Nên nói rằng: "C6 tha."
Có thể phạm tội Pācittiycf!
Nên nói rằng: “C6 thể.”
1172 TẬP YẾU
CÓ thể phạm tội Pãtidesanĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
Nên nói rằng: "C6 the/9
Có thể phạm tội Dubbhāsitā?
Nên nói rằng: "Không thể.”
5. Do nguồn sanh tội thứ năm, có thể phạm tội Pārājikai
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có the phạm tội Sañghādisesai
- Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Thullaccayal
Nên nói rằng: "C6 thể.”
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Pātidesamycf!
- Nên nói rằng: "Không thể.”
Có the phạm tội Dukkatcíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Dubbhāsitā!
Nên nói rằng: “C6 thể.”
6. Do nguồn sanh tội thứ sáu, có thể phạm tội Pārājikai
- Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Sañghādisesai
-Nên nói rằng: “C6 thể.”

Có thể phạm tội Thullaccaycíỉ
Nên nói rằng: "C6 thể."
Có thể phạm tội Pãcittiya?
Nên nói rằng: “C6 thể."
Có thể phạm tội Pãtidesanĩycíỉ
Nên nói rằng: “C6 thể.”
Có thể phạm tội Dukkatal
Nên nói rằng: “C6 thể.”
sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC « 1173

CÓ thể phạm tội Dubbhāsitā? Nên nói rằng: "Không thể.” Dứt phần uSáu nguồn sanh i" là thứ nhất

2. PHÀN BAO NHIÊU TÔI 1. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguôn sanh tội thứ nhát vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khtru nghĩ răng được phép roi tự xin [vật liệu] và xây dựng cóc liêu ở khu đát không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata} còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Saùghãdisesa\ vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi thọ dụng vật thực vào lúc sái thời thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà roi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttiya, có thê là nhóm tội Pātidesanīya. CÓ thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho t6i." Họ r Ị" JF -- : xây dựng cóc liêu cho vị ây ở khu đát không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành

1174 TẬP YÊU

[vị Tỳ-khưu] thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya; khi cục [vữa tô] ây đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khưu

nghĩ rằng được phép rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcỉttỉya. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bôn loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... • .... 1 1 y ' Được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Sañghādisesa, có the là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pâcỉttỉya. có the là nhóm tội Dukkata, Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3 Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội: Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành thì phạm tội Dukkata\ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thulỉaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vi Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, yêu cau các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng được phép, không ngăn cản vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt).. Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Sañghādisesa. có thê là nhóm tội Thuỉlaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya, có thê là nhóm tội Pātidesariīya, CÓ thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do khâu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC 1175

4. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm bao nhiêu loại tội? Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội: Vi Tỳ-khiru thực hiện việc đôi lứa thì phạm tội Pãrãjỉka\ vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi tự xin [vật liệu] và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác đinh, vượt quá kích thước, có điêu chướng ngại, không có khoảng trông xung quanh, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya} khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khiru nghĩ rằng không được phép, rồi thọ dụng vật thực lúc sái thời thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội này. Các

tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt).. Được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội 9 9

Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Pãtỉdesanĩya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lâp. 5. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm bao nhiêu loại tội?  Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pãrãịika; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi chỉ thị rằng: "Các người hãy xây dựng cốc liêu cho t6i", họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác đinh, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành [vi Tỳ-khưu] thì phạm tội Dukkata; còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thuỉỉaccaya; khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép, rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pãcittiya; vi không có ý định chửi rủa, không có ý đinh khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn rồi nói vị thấp kém theo sự thấp kém thì phạm tội Dubbhāsitā. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?



Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có thê là nhóm tội Thullaccaya. có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya, có thể là nhóm tội Dukkata. có thể là nhóm tội Dubbhāsitā. Được sanh lên do một nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do khâu và do ý, không do thân. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 6. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm bao nhiêu loại tội?  Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội: Vị Tỳ-khưu tính toán rồi lây trộm gói đô thì phạm tội Pārājika} vi Tỳ-khmi nghĩ răng không được phép rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điêu chướng ngại, không có khoảng trông xung quanh, lúc tiên hành thì phạm tội Dukkata^ còn cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội Thullaccaya\ khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội Sañghādisesa; vị Tỳ-khiru nghĩ rằng không được

phép rồi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân và thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vị Tỳ-khưu nghĩ rằng không được phép rồi không ngăn cản vị Tỳ-khtru-ni đang hướng dẫn sự phục vụ và thọ thực thì phạm tội Pātidesamya. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?  Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có the là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pãcittiya, có thể là nhóm tội Pātidesanīya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do r r , ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lâp. Dứt phần “Bao nhiêu tội thuộc sáu nguồn sanh t0i” là thứ nhì.

sự TRÙNG LẶP LIÊN TỤC  1177

3. BÀI KỆ VÈ NGUỒN SANH TÔI 1. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói vê điêu ây. 2. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 3. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 4. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vo Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bốn tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vi rành rẽ về bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 5. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích. tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 6 Các nguôn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên khâu đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vo Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vi rành rẽ về bộ Phân tích. tôi trả lời câu này cho Ngài. 7. Các nguôn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 8. Các nguồn sanh tội có liên quan đên thân có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì nhân ấy. Hỡi vị rành rẽ về

bộ Phân tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 9. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy.



r 7 r 10. Các ĩiẸuôn sanh tội có liên quan đên khâu có liên quan đên ý đã được bậc Có Sự Hieu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phăn tích, tôi trả lời câu này cho Ngài. 11. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Có Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích, tôi hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 12. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc Co Sự Hiểu Biết Vô Biên, đấng Phúc Lợi Của Thế Gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân tích. tôi trả lời câu này cho Ngài. Dứt bài kệ về 6'Nguồn sanh tộf5 là thứ ba.

4. PHÀN DO DUYÊN HƯ HỎNG 1. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội: Vi Tỳ-khưu-ni biết mà che giâu tội Pārājika [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika^ có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya\ vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pãcittiya; vi che giấu tội xấu của bản thân thì phạm tội Dukkata, Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội pārajika, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Dukkata, Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân, do khâu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đên tội trong bôn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do duyên hư hỏng vê hạnh kiêm vi phạm bao nhiêu loại tội? -Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội: Vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội này.



Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? -Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan

đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép trong bảy cách dàn xép: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội: Vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata\ do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Dukkata\ vào lúc cham dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? ...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pãcittỉya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bon sự tranh tụng. Được làm lang dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có the là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 4. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm bao nhiêu loại tội? Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm sáu loại tội: Vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị [Tỳ-khưu] có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội Pãrãjỉka\ vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị thực hành việc mai moi thì phạm tội Sañghādisesa; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị nói rằng: [Tỳ-khưu] nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy là bậc A-la-hán", [người nghe] hiểu được thì phạm tội Thuỉlaccaya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vi Tỳ-khưu yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pãcittiya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu-ni yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pātidesanīya; vì nguyên nhân nuôi mạng, vì lý do nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bi bệnh yêu càu súp và cơm cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Dukkata, Do duyên hư hỏng ve nuôi mạng vi phạm sáu loại tội này.



Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnệ?...(nt)... Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xép? Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Sañghādisesa. có thể là nhóm tội Thullaccaya, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya, có the là nhóm tội Pâtỉdesanĩya. có the là nhóm tội Dukkaịa, Được sanh lên do sáu nguôn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và

việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần “Do duyên hư hỏng55 là thứ tư.

5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG 1. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội Pãcittiya; vị mang nhiếc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này. Các tội ây liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏnệ?...(nt).. Được làm lang diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tong hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pâcittiya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 2. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đên khiên trách vi phạm ba tội: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa;



vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pãcittiya; vi bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê hạnh kiêm không có nguyên cớ thì phạm tội Dukkata. Do duyên tranh tụng liên quan đen khiển trách vi phạm ba tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnẹ? ...(nt).. Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép trong bảy cách dàn xép? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng ve hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Pãcỉttiya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý9 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do v, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bon sự tranh tụng. Được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3 Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội: Vị Tỳ-khưu-ni biết mà che giấu tội Pārājika [của Tỳ-khưu-ni khác] thì phạm tội Pārājika^ có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya\ vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa [của vi Tỳ-khưu khác] thì phạm tội Pãcittiya; vị che giấu sự hư hỏng vê hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata, Do duyên tranh tụng liên quan đên tội vi phạm bốn tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏnệ?...(nt)... Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? Các tội ây liên hệ với hai sự hư hỏng trong bôn sự

hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thể là nhóm tội Pãcỉttỉya. có the là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu n^uồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đen tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 4. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội?  Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị Tỳ- khiru-ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata, do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội Thullaccaya, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ các Tỳ-khưu là những người xu hướng theo kẻ



chia rẽ [hội chúng] không chiu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Sañghādisesa; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với lời nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pâcittiya. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng?...(nt).. Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?  Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thể là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pãrậịỉka. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcỉttỉya^ có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: Có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?  Trừ ra bảy loại r tội và bảy nhóm 2 tội, các tội còn lại• không liên hệ với sự hư hỏng nào trong bôn sự hư hỏng, không được tông hợp vào nhóm tội nào trong bảy nhóm tội, không được sanh lên do nguồn sanh tội nào trong sáu nguồn sanh tội, không là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, không được làm lắng dịu bỏd cách dàn xếp nào trong bảy cách dàn xếp. Nguyên nhân của điêu ây là gì?  Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội khác không có. Dứt phần 6'Do duyên tranh tụng" là thứ năm. Dứt sự trùng lặp liên tục.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Câu hỏi vê bao nhiêu, các nguồn sanh [tội] và bao nhiêu tội là tương tợ y như thế. [Bài kệ] các nguồn sanh tội, sự hư hỏng và tương tợ về sự tranh tụng. —ooOoo—

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP

6. PHÀN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY 1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tô? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị khiên trách theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? 4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Nhiệm vụ được sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

l. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? -Có mười tám cơ sở gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu sự việc? Có mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu nền tảng? Có mười tám nên tảng gây ra chia rẽ.



CÓ bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? Có mười hai nguyên nhân.1 Vi tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Vi tranh cãi theo hai cách thức: Hoặc là có tri kiên đúng Pháp hoặc là có tri kiến sai Pháp. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Tham la yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bon sự hư hỏng là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bốn sự hư hỏng là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bốn sự hư hỏng là nền tảng. Có bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? -Có mười bốn nguyên nhân.2 Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức? Vị khiển trách theo hai cách thức: Từ sự việc hoặc từ tội vi phạm. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

1 Là sáu nguyên nhân tranh cãi thêm vào ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp. Xem tr. 677-78 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, §26-27, tr. 379-83 (ND). . 2 Là sáu nguyên nhân khiển trách, ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp, thêm vào thân và khẩu. Xem tr. 678-80 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, §28-31, tr. 383-87 D). .



ỉ z 4 r ỉ 3. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, điêu gì là yêu tô đi trước? - Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bảy nhóm tội là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bảy nhóm tội là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bảy nhóm tội là nen tảng. Có bao nhiêu nhân tố? Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân. Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? -Vị vi phạm tội theo sáu cách thức: Sự không xấu hổ, sự không biết, bản chất không hối hận5 sự lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép, sự lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? r Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng diu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? - Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? Bon hành sự3 là các cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? Bốn hành sự là các sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? Bôn hành sự là các nên tảng. Có bao nhiêu nhân tố? - Có chín nhân tố: Ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định.

3 Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư (ND).



CÓ bao nhiêu nguyên nhân? Có một nguyên nhân là hội chúng. Nhiệm vụ sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Nhiệm vụ được sanh lên theo hai cách thức: Từ lời đề nghị hoặc từ lời công bố. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Có bao nhiêu cách dàn xép? -Có bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo sô đông, theo tội của vi ây, cách dùng cỏ che lâp. Đây là bảy cách dàn xếp. Tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, có thể bảy cách dàn xép này trở thành mười cách dàn xép, mười cách dàn xép trở thành bảy cách dàn xếp hay không? —Có thể. Và có thể bằng cách nào? Hai cách dàn xép của sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, bôn cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, ba cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tội, và một cách dàn xếp của sự tranh tụng liên

quan đến nhiệm vụ. Như thế, tày theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, bảy cách dàn xép này trở thành mười cách dàn xép, mười cách dàn xép trở thành bảy cách dàn xếp. Dứt phần ^Phương thức trình bày" là thứ sáu.

7. PHÀN CÓ LIÊN QUAN Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiên trách, có bao nhiêu cách dàn xép là không có liên quan? Đôi với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bao nhiêu cách dàn xép là không có liên quan?

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1187

r r e r Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xép là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? 1 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là không có liên quan: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. 2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vi ấy. Đối với sự tranh tụng liên quan đen khiển trách, có ba cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. 3 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lâp. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bôn cách dàn xép là không có liên quan: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, theo tội của vị ây. 4. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có một cách dàn xép là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần ĚÍCÓ liên quan" là thứ bảy.

8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xép là có cùng quan hệ? Đôi với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có

quan hệ khác biệt?

1188 TẬP YẾU

1. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, có hai cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông. Đôi với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. 2. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, có bôn cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bang sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, theo tội của vị ây. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, có ba cách dàn xép là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. 3 Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với l • • r sựr hiện diện, việc phán xử theor tội đã được • • , thừa nhận, cách dùng cỏ che lâp. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên tội, có bôn cách dàn xép là có quan hệ khác biệt: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. 4. Đôi với sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, có một cách dàn xép là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đoi với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị áy, cách dùng cỏ che lâp. Dứt phần Í6CÓ cùng quan hệ59 là thứ tám.

9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XÉP CÓ LIÊN QUAN ĐÓI VỚI CÁCH DÀN XÉP Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có liên quan? Đôi với [một] cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan. Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan? L Thuận theo số đông là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; y A• là không có liên quan đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vị áy, đôi với cách dùng cỏ che lâp.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1189

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ây, đôi với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông. 3. Hành xử Luật khi không điên cuông là có liên quan đôi với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vi ây, đôi với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có liên quan đôi với hành xử Luật với sự hiện

diện; là không có liên quan đoi với [cách hành xử] theo tội của vi ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Theo tội của vị ấy là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6. Cách dùng cỏ che lấp làL . có liên quan đối với r hành xử L  Luật * với sự : hiện diện; là không có liên quan đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật bang sự ghi nhớ, đoi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đoi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan. Dứt phần ẾÍCác cách dàn xếp có liên quan đối với cách dàn x" là thứ chín.

10. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XÉP CÓ CÙNG QUAN HỆ ĐÔI VỚI CÁCH DÀN XẾP Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có cùng quan hệ? Đôi với [một] cách dàn xép, có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt? . jF O r

Đôi với [một] cách dàn xép, có thê có các cách dàn xép là có cùng quan hệ. Đôi với [một] cách dàn xêp? có thê có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt. Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Thế nào là đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?



1. Thuận theo số đông là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuông, đôi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vi ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp. 2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật khi không Ạ jF e :. điên cuông, đôi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đôi với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông. 3 Hành xử Luật khi không điên cuồng là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lâp, đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với [cách hành xử] theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Theo tội của vị ấy là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo SÔ đông, đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, đôi với hành xử Luật khi không điên cuồng, đoi với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6 Cách dùng cỏ che lấp là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đôi với thuận theo sô đông, đôi với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử

Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với [cách hành xử] theo tội của vi ấy. Như vậy, đối với [một] cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Như vậy, đôi với [một] cách dàn xép, có thê có các cách dàn xép là có quan hệ khác biệt. Dứt phần uCác cách dàn xếp có cùng quan hệ đối với cách dàn xếp59 là thứ mười.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1191

11. PHÀN CÁC CÁCH DÀN XÉP VÀ HÀNH XỬ LUẬT VỚI sự HIỆN DIỆN [Có phải] cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hành xử Luật với sự hiện diện là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là thuận theo số đông [và] thuận theo sô đông là cách dàn xép? Cách dàn xép là hành xử Luật băng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật khi không điên cuồng [và] hành xử Luật khi không điên cuồng là cách dàn xép? Cách dàn xép là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là theo tội của vi ây [và] theo tội của vị ây là cách dàn xép? Cách dàn xép là cách dùng cỏ che lâp [và] cách dùng cỏ che lâp là cách dàn xép? 1. Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây, cách dùng cỏ che lấp, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách dàn xép vừa là hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là thuận theo so đông. Thuận theo so đông vừa ỉa cách dàn xếp vừa là thuận theo số đông. 3. Hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp [nhưng] không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng. 5 Theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhung] không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách dàn xếp vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. 6. Cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán

1192 TẬP YẾU

xử theo tội đã được thừa nhận, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhưng] không phải là theo tội của vị ây. Theo tội của vi ây vừa là cách dàn xép vừa là theo tội của vị

ấy. 7. Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây, các cách dàn xép này là cách dàn xép [nhưng] không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ây. Dứt phần aCác cách dàn xếp và hành xử Luật với sự hiện diệnw là thứ mười một

12. PHÀN CÁCH HÀNH xử [Có phải] cách hành xử là hành xử Luật với sự hiện diện [và] hanh xử Luật với sự hiện diện là cách hành xử? Cách hành xử là thuận theo số đông [và] thuận theo sô đông là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật băng sự ghi nhớ [và] hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật khi không điên cuông [và] hành xử Luật khi không điên cuông là cách hành xử? Cách hành xử là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận [và] việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách hành xử? Cách hành xử là theo tội của vi ây [và] theo tội của vi ây là cách hành xử? Cách hành xử là cách dùng cỏ che lấp [và] cách dùng cỏ che lấp là cách hành xử? 1. Cách hành xử có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Cách hành xử có thể là thuận theo số đông, có thể không phải là thuận theo sô đông. Thuận theo sô đông vừa là cách hành xử vừa là thuận theo sô đông. 3. Cách hành xử có thể là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, có thể không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật bang sự ghi nhớ. 4. Cách hành xử có thể là hành xử Luật khi không điên cuồng, có thể không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. Cách hành xử có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách hành xử vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP  1193

6. Cách hành xử có thể là theo tội của vị ấy, có thể không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách hành xử vừa là theo tội của vị ấy. 7. Cách hành xử có thể là cách dùng cỏ che lấp, có thể không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách hành xử vừa là cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần wCách hành xũ*” là thứ mười hai.

13. PHÀN TÓT ĐẸP Hành xử Luật với sự hiện diện là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? Thuận theo số đông là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Hành xử Luật khi không điên cuồng là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Theo tội của vi ấy là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Cách dùng cỏ che lấp là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác đinh? 1. Hành xử Luật với sự hiện diện có thể là tốt đẹp, có thể là không xác định, không có hành xử Luật với sự hiện diện là không tốt đẹp. 2. Thuận theo số đông có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 3. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có thể là tốt

đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 4. Hành xử Luật khi không điên cuồng có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 5. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 6. Theo tội của vị ấy có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 7. Cách dùng cỏ che lấp có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác đinh. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt đẹp, là không tốt đẹp5 [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, [hay] là không xác định?



1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. 3. Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định, không có sự tranh tụng liên quan đen tội là tốt đẹp. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định. Dứt phần 6íTốt dép” là thứ mười ba.

14. PHÀN NƠI NÀO 1. Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây thuận theo sô đông được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng. 2. Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng. 3 Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, [thì] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng. 4. Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy

cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng. 5. Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây theo tội của vị ây được áp dụng, [thì] nơi ây cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng. 6. Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo ỉ t r < A

SÔ đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ấy không được áp dụng. 7. Nơi nào có thuận theo số đông, nơi ẩy [cũng] có hành xử Luật với sự , : e r . hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nêu] nơi ây có thuận theo số đông, [thì] nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ây không có theo tội của vị ây, nơi ây không có cách dùng cỏ che lấp. 8. Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có hành xử Luật băng sự ghi nhớ, [thì] nơi ây không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy không CÓ thuận theo sô đông. [Đã dùng hành xử Luật với sự hiện diện làm nên tảng

9. Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy [cũng] có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] nơi ấy có cách dùng cỏ che lâp, [thì] nơi ây không có thuận theo sô đông, nơi ây không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy. Phần giản lược về sự luân phiên. Dứt phần “Nơi nàow là thứ mười bốn.

1196 TẬP YÊU

15. PHẢN CÁCH DÀN XÉP 1. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông: Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây thuận theo sô đông được áp dụng, [thì] nơi ây hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng. 2. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải

quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nêu] nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, [thì] nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vi ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng. 3 Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng: Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuông được áp dụng, nơi ây hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ây hành xử Luật khi không điên cuông được áp dụng, [thì] nơi ây việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng. 4. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận: Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, [thì] nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng, nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng. 5. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ây: Nơi nào theo tội của vi ây được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng,



[thì] nơi ây cách dùng cỏ che lâp không được áp dụng, nơi ây thuận theo sô đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bang sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng. 6. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyêt băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện [cũng] được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, [nếu] nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, [thì] nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật băng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ây hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận H , J Ji • x 1 1 , • không được áp dụng, nơi ây theo tội của vị ây không được áp dụng. Dứt phần wCách dàn xếp" là thứ mười lăm.

16. PHÀN ĐƯỢC GẮN LIỀN "Sụ* tranh tụng” hay là "cách dàn xếp”các pháp này được gắn liền hay không được gắn liền? Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẻ để

chỉ rõ sự khác biệt? "Sịt tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này không được gắn liên, không phải được găn liên. Và đôi với các pháp này có thê phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Vi ấy nên được nói rằng: Chớ có như the! “Sịt tranh tụng" hay là "cách dàn xếp", các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Lý do của điều ấy là gì? Không phải đức Thế Ton đã nói rằng: "Này các Tỳ-khưu, đây là bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.” Như vậy, các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẻ để chỉ rõ sự khác biệt. Dứt phần wĐược gắn liền95 là thứ mười sáu.



17. PHÀN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách được làm lăng dịu bởi bôn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông và theo tội của vị ây. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện. việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 4. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành

xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 5. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 6. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đen tội được làm lang dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 8. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị M q ' . . . . ây và cách dùng cỏ che lâp. 10. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?



Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần ĔÍĐược làm lắng dju" là thứ mười bảy.

18. PHÀN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU VÀ KHÔNG ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)..

Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự ĩ r tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo sô đông. Không được làm lăng diu bởi năm cách dàn xép: Hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lâp. 2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng diu bởi ba cách dàn xép: Thuận theo sô đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 3 Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách •••N •••

dùng cỏ che lâp. Không được làm lăng diu bởi bôn cách dàn xép: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Không được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xép: Thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP 1201

5. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đên khiên trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. Không được làm lăng dịu bởi hai cách dàn xếp: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 6. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. 7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. 8. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách và sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên khiên

trách và sự tranh tụng liên quan đên tội được làm lắng diu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng diu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông. 9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp.



10. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Không được làm lăng diu bởi bao nhiêu cách dàn xép? Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 11. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách r • * r dàn xép? Không được làm lăng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xép? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo sô đông, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp. 12. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng Sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông và theo tội của vi ây. Không được 1 làm lăng diu bởi hai cách r dàn xép: Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lâp. 13. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ây và cách dùng cỏ che lâp. Không được làm lăng dịu bởi một cách dàn xép là thuận theo số đông. 14. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan

đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ



được làm lăng diu bởi bảy cách dàn xép: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ây và cách dùng cỏ che lấp. Dứt phần í6Được làm lắng diu & không được làm lắng diu59 là thứ mười tám.

19. PHÀN CÁCH DÀN XẾPVÀ sự TRANH TỤNG [Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng diu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? [Có phải] các sự tranh tụng được làm lang dịu bởi các sự tranh tụng? Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thê có các cách dàn xép không được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép. Có thê có các cách dàn xếp được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng. Có thể có các sự tranh tụng được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép, có thê có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.

(1) Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thê có các cách dàn xép không được làm lăng dịu bởi các cách dàn xép là thế nào? r Thuận theo sô đông được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lang dịu bởi hành xử Luật bang sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lăng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuông, không được làm lắng diu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vi ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông. Hành xử Luật khi không điên cuồng được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được



thừa nhận, không được làm lắng diu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng diu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng diu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng. Theo tội của vị ấy được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không

được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng diu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Cách dùng cỏ che lâp được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy. CÓ thê có các cách dàn xép được làm lăng diu bởi các cách dàn xép là như thế. Có thể có các cách dàn xếp không được làm lang dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(2) CÓ thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Thuận theo số đông không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đen khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Hành xử Luật khi không điên cuồng không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên



quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Theo tội của vị ây không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Cách dùng cỏ che lấp không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lang diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Có thê có các cách dàn xép được làm lăng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế. Có thể có các cách dàn xếp có thể không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế.

(3) Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có the có các sự tranh tụng không được làm lang dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Sự tranh tụng liên quan đến franh cãi được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông; không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vi ấy và cách dùng cỏ che lấp. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy; không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng diu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp; không được làm lang diu bởi thuận theo so đông, hành xử Luật bang sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện; không được làm lắng diu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy và cách dùng cỏ che lấp.



CÓ thê có các sự tranh tụng được làm lăng diu bởi các cách dàn xép là như thế. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng diu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(4) CÓ thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng diu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lang dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách không được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên tội; được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đến tội không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lăng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, không được làm lăng diu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội; được làm lang dịu bởi sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Có thê có các sự tranh tụng không được làm lăng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Cả sáu cách dàn xép và bôn sự tranh tụng được làm lăng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng diu • • • • • ••• ^2 •

bởi bất cứ điều nào. Dứt phần 6íCách dàn xếp và sự tranh tụng” là thứ mười chín.

20. PHÀN LÀM SANH KHỞI L Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? ở đây5 các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Dây là Pháp,9? hoặc là uđây không phải là ppáp", hoặc là "đây là Luật\ hoặc là "dây không phải là Luật \ hoặc là "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng ya nói đến", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hanh,\ hoặc là "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc là "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy dmh9\ hoặc là "diều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy djnh", hoặc là "diều ấy là phạm tội^, hoặc là "diều ấy là không phạm tộr\ hoặc là "diều ấy là tội nhq", hoặc là "diều ấy là tội nặng,\ hoặc là utội còn dư sóf\ hoặc là "tội không còn dư s6t", hoặc là "tội xấu xa", hoặc là "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, sự gây gô, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiêu quan diêm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng r . ỉ • • liên quan đên tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 2. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? ở dây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây, việc nào là sự khiên trách, sự soi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên tranh



cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiên trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 3 Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội? Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào? Năm nhóm tội là

sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đên tội; việc ây được gọi là sự tranh tụng liên quan đên tội. Trong sự tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiên trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó9 hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên. 4. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ?  Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào?  Việc gì càn phải hoàn thành, cần phải thực thi là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, là hành sự CÓ lời đê nghị r đên lân thứ tư của hội chúng; r việc ây được gọi là• sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Trong sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó5 hội chúng thực thi hành sự [tạo nên] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Dứt phần uLàm sanh khởi” ỉa thứ hai mươi.

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP  1209

21. PHÀN LIÊN HỆ VỚI

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào? 2. Trong bôn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào? 3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tong hợp vào sự tranh tụng nào? 4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. 2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 3 Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tội, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tội, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tội,

được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội. 4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổnệ hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lang dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? 2-3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt).

1210  TẬP YẾU

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với bao nhiêu , cách dàn xép?

r

Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xép? Phụ thuộc vào

9 9 A *

bao nhiêu cách dàn xép? Được tông hợp vào bao nhiêu cách dàn xép? Được làm lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với hai cách dàn xép, nương tựa vào hai cách dàn xép, phụ thuộc vào hai cách dàn xếp, được tổng hợp vào hai cách dàn xếp, được làm lắng diu bởi hai cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. 2. Trong bảy cách dàn xép, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách liên hệ với bốn cách dàn xếp, nương tựa vào bốn cách dàn xếp, phụ thuộc vào bốn cách dàn xép, được tông hợp vào bôn cách dàn xêp? được làm lăng dịu bởi bôn cách dàn xép là hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật băng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy. 3. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với ba cách dàn xếp, nương tựa vào ba cách dàn xếp, phụ thuộc vào ba cách dàn xếp, được tổng hợp vào ba cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và cách dùng cỏ che lấp. 4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với một cách dàn xép, nương tựa vào một cách dàn xêp? phụ thuộc vào một cách dàn xép, được tông hợp vào một cách dàn xép, được làm lăng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt phần "Lin hệ với" là thứ hai mươĩ mốt Dứt phân tích cách dàn xếp.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sự tranh tụng, phương thức, có liên quan, có cùng quan hệ, cách dàn xếp có liên quan và có cùng quan hệ đôi với cách dàn xép. Cách dàn xếp luôn cả sự hiện diện, với cách hành xử, phần tốt dẹp, phần nơi nào, phân các dàn xép, phân được găn liên, phân được làm lăng dịu, không được làm lăng diu luôn cả cách dàn xêp5 sự tranh tụng, sự làm sanh khởi và chúng liên hệ với. —ooOoo—

CÁC CÂU HỎI VỀ BÔ HỢP PHẦN [a]1

1. Tôi sẽ hỏi về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về sự tu lên bậc trên với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [b]2 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 2. Tôi sẽ hỏi về chương Uposatha với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương uposatha với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [c]3 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 3. Tôi sẽ hỏi về chương Vào mùa mưa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Vào mùa mưa với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [d]4 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 4. Tôi sẽ hỏi vê chương Pavāranā với phân mở đâu và phân trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Pavāranā với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [e]5 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 5. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Da thú với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [f]6 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 6. Tôi sẽ hỏi về chương Dược phẩm với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

1 [a] Khandakapucchā'. Có ý nghĩa là t4các câu hỏi về bộ Khandhaka °, tức là các câu hỏi về bộ Hợp phan gồm có Đại phẩm và Tiểu phẩm (ND). 2 [b] Hai loại tội: Ngài Buddhaghosa giải thích là tội Pãcỉttiya 65 về việc cho tu lên bậc trên người chưa đu 20 tuổi, thấy tế độ phạm tội Pācittiya, các vị cổn lại phạm tội Dukkata (VinA. Vli. 1318) 3 [c] Ba loại tội: Là tộỊ^Thullaccaya cho các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ Uposatha, tội Pãcittiya trong việc thực hiện lễ Uposatha với vị bị án treo và tội Dukkata trong nhiều trương hợp khác (Sdd\ 4 [d] Tức là tội Dukkata (Sđd.ỵ

5 [e] Ba loại tội: Là tội Thuỉỉaccaya đến các vị có dự tính chia rẽ rồi tiến hành lễ Pavãranã, tội Pãcỉttiya trong việc thực hiện lễ Pavārana với vị bị án treo và tội Dukkata trong nhiều trường hợp khác (Sđd.). 6 [f] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc sờ mó bộ rphận sinh dục bò cái tơ do tâm khởi dục, tội Pãcỉttỉya 61 trong việc dìm nước các con bò cái tơ, giết chết và tội Dukkata trong nhiều trường hợp khác (.).



-Tôi sẽ trả lời vê chương Dược phàm với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [g]7 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 7. Tôi sẽ hỏi về chương Kathỉna với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Kathina với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 8. Tôi sẽ hỏi về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đe cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về điều liên quan đến chương Y phục với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [h]8 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 9. Tôi sẽ hỏi về chương Campā với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Campā với

phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [a]9 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 10. Tôi sẽ hỏi về chương Kosambī với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Kosambī với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 11. Tôi sẽ hỏi về chương Hành sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Hành sự với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 12. Tôi sẽ hỏi về chương Của vị hành Parivãsa với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quỷ? -Tôi sẽ trả lời về chương Của vị hành Parỉvãsa với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 13. Tôi sẽ hỏi về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Tích lũy tội với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 14. Tôi sẽ hỏi về chương Dàn xếp với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

7 [g] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc mổ xẻ ở xung quanh chỗ kín hai lóng tay, tội Pãcittỉya 33 vềyiệc thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác và tội Dukkata trong nhiều trương hợp khác(Sdd). 8 [h] Tội Thullaccaya về viêc mặc biểu tượng của ngoại đạo là [che thân băng] da linh dương, tội Nissaggiya Pācittiya thứ nhát trổng việc sư dụng y phụ trội và tồi Dukkata trong nhiều trường hợp khác .). * 9 [a] Một loại tội: Là tội Dukkata (Sđd.ỵ



Tôi sẽ trả lời vê chương Dàn xép với phân mở đâu và phân trình bày. Có hai loại tội [b]10 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 15. Tôi sẽ hỏi về chương Các tiểu sự với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Các tiêu sự với phân mở đâu và phân trình bày. Có ba loại tội [c]11 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 16. Tôi sẽ hỏi vê chương Sàng tọa với phân mở đâu và phân trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Sàng tọa với phần mở đầu và phần trình bày. Có ba loại tội [d]12 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 17. Tôi sẽ hỏi về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Chia rẽ hội chúng với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội [e]13 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 18. Tôi sẽ hỏi về chương Thực hành [f]14 với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời vê chương Thực hành với phân mở đâu và phân trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 19. Tôi sẽ hỏi về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Đình chỉ với phần mở đầu và phần trình bày. Có một loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 20. Tôi sẽ hỏi về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có

bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Tỳ-khưu-ni với phần mở đầu và phần trình bày. Có hai loại tội15 [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 21. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan năm trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý?

10 [b] Hai loại tội: Là tội Pācittiya 79 về vị đã trao sự thỏa thuận rồi lại phê phán hành sự đúng Pháp và tội Dukkata ở ïihững chỗ khác ịsđd.). 11 [c] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya đối với vị cắt đi dương vật của bản thân, tội Pãcittiya 37 về việc nhai lại và tội Dukkata ở nhiều trường hợp khác (S.). 12 [d] Ba loại tội: Là tội Thullaccaya về việc phân tán các trọng vật của hội chúng, tội Pâcittỉya 17 về việc lôi kéo ra khỏi trú xá của hội chúng và tồi Dukkaịa ở nhiều trường hợp khác (sấd.). 13 [e]AHai loại tội: Là tội Thullaccaya đối với các vị xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và tội Pãcỉttiya 32 về vật thực dâng chung nhóm(Sđd.). 14 [f] Tức là Vattakkhandhakam (chương Phận sự), số VIII trong Cullavagga (Tiểuphẩm). Xem tr. 843 trong tập này; TTPV, tập 7. Cv. II, tr. 372 (ND). 15 Hai loại tội: Là tội Pãcittỉya 57 của Tỳ-khưu-ni do không hành lễ Pavãranã và tội Dukkata ở những trường hợp idiác (VinA. VII. 1318).



-Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan năm trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. 22. Tôi sẽ hỏi về chương Liên quan bảy trăm vị với phần mở đầu và phần trình bày. Có bao nhiêu loại tội [được đề cập] ở những câu văn cao quý? -Tôi sẽ trả lời về chương Liên quan bảy trăm vi với phần mở đầu và phần trình bày. ở đó, không có loại tội nào [được đề cập] ở những câu văn cao quý. Dứt các câu hỏi về bộ Hợp phần là thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Việc tu lên bậc trên, lễ Uposatha. vào mùa [an cư] mưa, lễ Pavāranā, da thú? dược phàm, các điêu vê Kathỉna, y phục và việc liên quan đên Campā. 2. Chương Kosambī, hành sự, hình phạt Parivãsa, việc tích lũy [tội], cách dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, việc chia rẽ hội chúng, việc thực hành, sự đình chỉ, chương Tỳ-khưu-ni với năm [trăm vị] và bảy trăm vi. —ooOoo—

TĂNG THEO TỪNG BẬC

NHÓM MÔT Các pháp tạo tội cần phải biết. [a]1 Các pháp không tạo tội cần phải biết. [b]2 Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết. Tội nhẹ càn phải biết. Tội nặng cần phải biết. [c]3 Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết. [d]4 Tôi xâu xa can phai biêt. Tôi không xâu xa can phai biêt. [e]5 Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội có sự chướng ngại cân phải biêt. Tội không có sự chướng ngại cân phải biết. [f]6 Tội là điều quy đinh do sự chê trách cần phải biết. [g]7 Tội là điều quy đinh không do sự chê trách cần phải biết. Tội được sanh lên do làm cân phải biêt. Tội được sanh lên do không làm cân phải biết. Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết. [h]8 Tội vi phạm đâu tiên cân phải biêt. Tội vi phạm đên sau cân phải biêt.

1 [a] Các pháp tạo nên tội: Là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu và ý (VinA. VII. 1319). 2 [b] Các pháp không tạo nên tội: Là bảy pháp dàn xếp sự tranh tụng (Sđd^). 3 [c] Tội nặng: Nếu không tính đến tội Pārājika thì tội Sañghādisesa là tội nặng và năm tội còn lại là tội nhẹ (Síả/.). 4 [d] Tội không còn dư sót: Là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót: Là sáu nhóm tội còn lại (Sđd.). 5 [e] Tội xấu xa: Là nhóm tội Pārājika và Sañghādisesa. Tội không xấu xa: Là năm nhóm tội còn lại {Sdd.\ 6 [f] Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Con vi phạm tội vì không biết cũng đang chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trơi và sự giải thoát (Sdd.). 7 [g] Điều quy định do sự chê trách: Từ sāvcyjapañňatti được ngài Buddhaghosa giải thích là lokavajja, tức là sự chê trách của thê gian (S/.); vì thê từ sāvajjapañňatti được ghi nghĩa Việt như thế. 8 [h] Tội được sanh lên do làm: Nghĩa là trong khi làm thì phạm tội, ví dụ tội Pārājika. Tội được sanh lên do không làm: Ví dụ như tội không chú nguyện y mới. Tội được sanh lên do làm và không làm: Ví dụ như tội bao xây dựng cốc liêu (Sdd.).



Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đen sau can phải biết, [i]9 Tội đã sám hối được tính đến càn phải biết. [j]10 Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết. [k]11 Sự quy định cân phải biêt. Sự quy định thêm cân phải biêt. Sự quy đinh khi [sự việc] chưa xảy ra cần phải biết. Sự quy định [áp dụng] cho tát cả mọi nơi cân phải biêt. Sự quy đinh [áp dụng] cho khu vực cân phải biêt. Sự quy định chung cân phải biêt. Sự quy định riêng cân phải biêt. Sự quy định cho một [hội chúng] cân phải biêt. Sự quy đinh cho cả hai [hội chúng] cần phải biết. Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết. [l]12 Tội có liên quan đên người tại gia cân phải biêt. Tội không có liên quan đên người tại gia cần phải biết. Tội [có nghiệp] xác định cần phải biết.13 Tội [có nghiệp] không xác định cân phải biêt. Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người là vị vi phạm không thường xuyên cân phải biêt. Người là vi vi phạm thường xuyên cần phải biết. Người là vi cáo tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết. Người là vi cáo tội sai Pháp cân phải biêt. Người là vị bị buộc tội sai Pháp cần phải biết. Người là vị cáo tội đúng Pháp cân phải biêt. Người là vi bi buộc tội đúng Pháp cần phải biết.

9 [i] Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ Chủ giải Kurundī rằng: Tội vi phạm đầu tiên (pubbapattī) là tội phạm trước hết. Tqi vi phạm đến sau (aparqpattī) là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đang hình phạt Mānatta. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đau tiên (pubbātīnam antarāpattī)f là tối phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt Parivāsa. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đen sau (aparāpattīnarn antarāpattī) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt Manatta (Sdd. 1319-20). ... 10 [j] Tội đã sám hối được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối với ý định: "Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa.,, (Sdd. 1320). 11 [k] Tội đã sám hối không được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối vẫn không buôngbỏ gánh nặiig bởi vì tâm không trong sạch, vẫn còn co sự gắng sức. Chính tội này dầu đã

được sám hoi nhưng không được tính ỉa đã sám hôi. Là tội Pārājika của Tỳ-khưu-ni ở vào sự việc thứ tám (Sdd) 12 [1] Tội là lỗi trầm trọng và tội là lỗi không trầm trọng được ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tại lihẹ như phần ở trèn (Sđd.). 13 Tội [có nghiệp] xác định là năm nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, v.v... (S.).



Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác đinh cần phải biết. Người là vị có thể phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.14 Người là vi bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết. Người là vi đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết. Người là vị đông cộng trú cân phải biêt. Người là vị không đông cộng trú cần phải biết. Sự đình chỉ cần phải biết.15 Dứt 6'Nh6m mQt.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Các pháp tạo tội, tội vi phạm, các tội nhẹ, còn dư sót, xấu xa, sự sửa chữa luôn cả sự sám hối, có chướng ngại, chê trách và do làm. 2. Do làm và không làm, [tội vi phạm] đầu tiên, tội kế tiếp, tội đã được tính đến, sự quy định, khi chưa xảy ra, tất cả mọi nơi, cho khu vực, [quy định] chung và cho một [hội chúng]. 3. Tội trầm trọng, liên quan người tại gia và đã được xác đinh, vị đầu tiên, không thường xuyên, vị cáo tội, sai Pháp và đúng Pháp, vị đã được xác định, không thê vi phạm, bị án treo, bị trục xuất, đông cộng tru luôn cả sự đình chỉ, đây là phân tóm lược cho môi một điêu. —ooOoo—

NHÓM HAI 1. Có loại tội vị vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vị vi phạm không có sự nhận thức. Có loại tội vi phạm của vi đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vi chưa đạt sự thành tựu. [a]16 Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp, [b]17 có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh pháp.

14 Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (Sđd.). 15 Là sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhà) {Sđd. 1321). Xem tr. 881 trong t này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX. 16 [a] Tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu và tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu: Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (Sđd.). 17 [b] Tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp: Như tội dạy đọc pháp theo từng câu, v.v... (Sđd.Ỵ



CÓ loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đen vật dụng của người khác, [c]18 Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác. Có vi trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ. [d]19 Có vi trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nhẹ. [e]20 Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất [nhưng] không [vi phạm] ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không [nhưng] không [vi phạm] ở trên mặt đất. Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không [vi phạm] trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không [vi phạm] trong khi đi ra ngoài. [í]21 Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng. [g]22 Có loại tội vi phạm trong khi thọ tri,

có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì. [h]23 Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm. Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho. Có loại tội vi phạm trong khi thuyết giảng, có loại tội vi phạm trong khi không thuyết giảng. Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh. Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng. Có loại tội vi phạm ban đêm không [vi phạm] ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không [vi phạm] ban đêm. Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng.

18 [c] Tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác: Ví dụ như tội vi phạm do việc trải ra giường ghế của hội chung ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (Sđd.). 19 [d] Nói lời dâm dật với người nữ dầu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ(Sđd.). 20 [e] Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (Sđd.). 21 [f] Liên quan đến phận sự của vị Tỳ-khưu xuất hành và vãng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (Sđd.). 22 [g] Tội vi phạm trong khi áp dụng: Ví dụ như VỊ Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu qua hai lóng tay. Tội vi phạm trong khi không áp dụng: Ví dụ như vị Ty-khưu không áp dụng cách làm dấu y mới(Sđd\ 23 [h] Tội vi phạm trong khi thọ trì: Ví dụ như thọ trì pháp câm nín của ngoại đạo. Còn tội vi phạm trong khì khống thọ trì: Ví dụ như VỊ bị hình phạt lại không thực hành các phạn sự(Sđd. 1322).

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1219

r a CÓ loại tội vi phạm trong khi cat đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt. [a]24 Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy. [b]25 Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng. 2. Hai lễ Uposatha: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai lễ Pavāranā\ Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Hai loại hành sự: Hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Hai sự việc của hành sự: Sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: Sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư. Hai sự sai trái của hành sự: Sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: Sự sai trái của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Hai sự thành tựu của hành sự: Sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: Sự thành tựu của hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự có lời đê nghị đên lân thứ tư. Hai nên tảng của việc không đông cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận [tội], hoặc trong việc không sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc không từ bỏ [tà kiến ác], [c]26 Hai nên tảng của sự đông cộng tru chung: Tự bản thân thực hiện việc đông cộng trú chung cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất

phục hồi cho vị ấy đã bi án treo trong việc nhìn nhận [tội], hoặc trong việc sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc từ bỏ [tà kiến ác]. Hai loại tội Pārājika\ Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai loại tội Sañghādisesa: ...(nt)... Hai loại tội Thuỉlaccaya: ...(nt).. Hai loại tội Pãcittiya: ..(nt).. Hai loại tội Pātidesanīya\ ...(nt).. Hai loại tội Dukkata\ ...(nt).. Hai loại tội Dubbhāsitā: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khiru-ni.

24 [a] Tội vi phạm trong khi cắt đứt: Ví ,dụ như việc vị Tỳ-khưu cắt đứt dương vật. Còn tội vi phạm trong khi không cat đứt: Ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (Sđd.). 25 [b] Tội vi phạm trong khi che đậy: Ví dụ như che đậy tội lỗi. Còn tộivi phạm trong khi không che đậy: Ví dụ như vị Tỳ-khưu bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (Sđd.ỵ 26 [c] Xem tr. 452 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tr. 335.



Bảy loại tội, bảy nhóm tội. Hội chúng bị chia rẽ với hai biểu hiện: Bang hành sự hoặc do sự phân phát thẻ. 3. Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt.27 Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, [d]28 Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không có đây đủ [y bát], người có đây đủ [y bát] nhưng không câu xin. Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: Không liêm sỉ và ngu dốt. Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin. Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin. Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác. Hai hạng người có thê vi phạm tội: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni. Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ- khưu-ni là các Thánh nhân. Hai hạng người có thê phạm tội với sự cô ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu- ni là các phàm nhân. Hai hạng người không thê cô ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khiru-ni là các Thánh nhân. Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân. Hai sự phản đối: Vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu. Hai sự mời ra: Có vị không đáng đê chịu sự mời ra nhưng nêu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.29 Hai sự nhận vào: Có vị không đáng để được sự nhận vào nhưng nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.30 Hai sự nhận biết: Vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu. Hai sự nhận lãnh: Vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân.

27 Addhãnahĩno añgahīno được ghi nghĩa theo Chủ giải (VinA. VII. 1323). 28 [d] Người không thành tựu về thân thể: Như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú. Còn người đã lam sai trái trong hành động: Như là kẻ trộm tướng mạo Sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v...(Sđd. 1323). 29 Xem tr. 413 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 263. 3Sdd., tr. 265.

Hai Sự từ khước: Vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu. Hai sự gây tôn hại: Sự gây tôn hại vê việc học tập và sự gây tôn hại vê vật sở hữu. Hai sự cáo tội: Vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu. 4. Hai điêu vướng bận của Kathina\ Điêu vướng bận vê trú xứ và điêu vướng bận ve y. Hai điều không vướng bận của Kathina\ Điều không vướng bận về trú xứ và điêu không vướng bận vê y. Hai loại y: Có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ. Hai loại bình bát: Bình bát bằng sắt, bình bát bằng đất. Hai loại vòng [kê bình bát]: Loại làm băng kẽm, loại làm băng chì. Hai sự chú nguyện bình bát: Vi chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện y đê dùng riêng: Vị chú nguyện băng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu. Hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện đê dùng chung văng mặt. 5. Hai bộ Luật: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai điều liên quan đến Luật: Việc đã được quy đinh và điều phù hợp với việc đã được quy định. Hai sự từ khước của Luật: Cát đứt sự nôi liên với điêu không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép. Vi phạm tội với hai biểu hiện: Vi phạm bằng thân hoặc vi phạm bằng khẩu. Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: Thoát khỏi bằng thân hoặc thoát khỏi bang khau. Hai hình phạt Parỉvãsa\ Hình phạt Parivãsa có che giấu, hình phạt Parỉvãsa không có che giấu. Hai hình phạt Parivãsa khác nữa: Hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch, hình phạt Parivãsa két hợp. Hai hình phạt Mãnatta\ Hình phạt Mãnatta có che giấu, hình phạt Mãnatta không có che giau. Hai hình phạt Mãnatta khác nữa: Hình phạt Mânatta nửa tháng, hình phạt Mãnatta kết hợp. Sự đứt đêm của hai hạng người: Của vi hành Parỉvãsa và của vị hành Mãnatta, Hai sự không tôn trọng: Sự không tôn ượng người và sự không tôn trọng Pháp. 6. Hai loại muôi: Muôi tự nhiên và muôi tự tạo. Hai loại muôi khác nữa: Muối biển, muối đen. Hai loại muối khác nữa: Muối ở dá, muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: Muối romakam, muối pakkālakam.



Hai sự thọ dụng: Sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.31 Hai sự mắng nhiếc: Sự mắng nhiếc thấp kém và sự mắng nhiếc cao quý.32 Sự đâm thọc với hai biểu hiện: Của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên với hai biểu hiện: Do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu. 7. Hai thời kỳ vào mùa [an cư] mưa: Thời kỳ trước và thời kỳ sau.33 Hai sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Hai sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp.34 8 Hai hạng người ngu dốt: Vi hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: Vị không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lam tưởng là không được phép đoi với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biêt là được phép đôi với việc được phép. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội. Hai hạng

người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đôi với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đôi với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đôi với việc đúng Luật. 9. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hoi hận ve việc đáng hoi hận.

31 Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xức dầu ở đầu, tay, chân, v.v...(.Vu. 1324). . . 32 Điều này và hai điều kế xin xem các điều Pãcittiya tương ứng 2, 3, 32 (ND). 33 Xem tr. 171 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương III, tr. 347.

34 Xem tr. 881 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX.



Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đoi với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đôi với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội và hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đôi với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đôi với việc đúng Luật. Dứt “Nh6m hai.”

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: 1. Có sự nhận thức, đã đạt được và [liên quan] Chánh pháp, vật dụng và con người, sự thật, mặt đất, trong khi đi ra ngoài, trong khi áp dụng, trong khi thọ trì. 2. Trong khi làm, trong khi cho, trong khi thọ lãnh, do thọ dụng, ban đêm, lúc hừng sáng, trong khi cắt đứt, trong khi che đậy, trong khi sử dụng và lễ Uposatha. 3. Lễ Pavãranã. hành sự và [hai] loại khác nữa, sự việc, [hai] loại khác nữa, sự sai trái, hai điều khác nữa, sự thành tựu, việc không và đồng cộng tru. 4. Tội Pārājika, tội Sanghãdisesa. tội Thullaccaya, tội Pãcỉttiya, tội Pātidesanīya. tội Dukkata luôn cả tội Dubbhāsitā và bảy nhóm tội. 5. [Hội chúng] bị chia rẽ, việc tu lên bậc trên, tương tợ y

như thế là các cặp đôi khác nữa, không nên sống, không nên cho, có thể và không có thể. 6. Cố ý, có sự vượt quá chức năng, [hai] sự phản đối, sự mời ra, sự nhận vào và [hai] sự nhận biết, sự nhận lãnh, sự khước từ.



7. Vị gây tổn hại, các sự cáo tội và hai điều Kathina là tương tợ, [hai loại] y, bình bát, vòng đê, hai điêu chú nguyện là tương tợ y như thê. 8. Sự chú nguyện để dùng chung, [hai] bộ Luật, các điều liên quan Luật, [hai] sự từ khước, vi vi phạm và thoát tội, hình phạt Pãrỉvãsa, thêm hai loại khác nữa. 9. Hai hình r phạt Mãnatta và các việc khác, sự đứt đêm,r sự không tôn trọng, hai loại muôi, ba cặp khác nữa, sự thọ dụng, sự măng nhiêc. 10. Sự đâm thọc, [dâng] chung nhóm, mùa [an cư] mưa, sự đình chỉ, trách nhiệm, được cho phép, sự không phạm tội, sai Pháp và đúng Pháp, tương tợ như thế về Luật và lậu hoặc. —ooOoo—

NHÓM BA 1. Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không [vi phạm] khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô dư Niết- bàn, không [vi phạm] khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn.35 Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không [vi phạm] vào lúc sái thời, có loại tội vi phạm vào lúc sái thời không [vi phạm] vào lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời.36 Có loại tội vi phạm vào ban đêm không [vi phạm] vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không [vi phạm] vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.37 Có loại tội vi mười năm [thâm niên] vi phạm vị kém mười năm không [vi phạm], có loại tội vị kém mười năm [thâm niên] vi phạm vị mười năm không [vi phạm], có loại tội vị mười năm [thâm niên] luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm, [a]38 Có loại tội vị năm năm [thâm niên] vi phạm vị kém năm năm không [vi phạm], có loại tội vị kém năm năm [thâm niên] vi phạm vi năm năm không

35 Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xưng hô vị thâm niên hơn là "āvuso)" và ^āyasmā"' là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (VinA. VII. 1324). 36 Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sái giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sđd.ỵ 37 Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (Sđd.). 38 [a] Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: “Ta được mười nami, hoặc "Ta hơn mười nam", ròi bảo tập thê phục vụ, vi được mười năm [thâm niên] phạm tội, vị kém mười năm [thâm niên] không phạm; đây là Loại thứ nhát. Trường hợp vị Ty-khưu mới tu hoặc trung niên [nghĩ rằng]: "Ta là thong thai có kinh nghiệm,, rồi bảo tập thể phục vụ, vị kém mười năm [thârnniên] phạm tội, vị mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thư nhì. Còn các tội khác thì VỊ mười năm [thâm niên] hoặc kém mười năm [thâm niên] đều phạm, là loại thứ ba(ỷinA. VII. 1325).

TÀNG THEO TỪNG BẬC > 1225

[vi phạm], có loại tội vị năm năm [thâm niên] luôn cả vị kém năm năm đều vi phạm. [b]39 Có loại tội vi vi phạm có tâm thiện, có loại tội vị vi phạm có tâm bất thiện, CÓ loại tội vị vi phạm có tâm vô ký. [c]40 Có loại tội vi vi phạm có thọ lạc. có loại tội vi vi phạm có thọ khổ. có loại tội vi vi phạm có thọ không khổ không lạc. [d]41 2. Ba nền tảng của sự cáo tội: Do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ. Ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai. [e]42 Ba sự khước từ: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không từ khước. Ba sự châp nhận: Sự ham muôn ít, sự tự biêt đủ, sự từ khước. Ba sự khước từ khác nữa: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ? sự không biết chừng mực. Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự biết chừng mực. Ba sự quy định: Sự quy định [lần đầu], sự quy định thêm, sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. [f]43 Ba sự quy đinh khác nữa: Sự quy đinh [áp dụng] cho tất cả mọi nơi, sự quy định [áp dụng] cho khu vực, sự quy đinh chung [cho Tỳ-khiru và Tỳ-khmi-ni]. Ba sự quy định khác nữa: Sự quy đinh riêng, sự quy định cho một [hội chúng], sự quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khưu và Tỳ-khxru-ni]. 3 Có loại tội vị ngu dốt vi phạm vị thông thái không [vi phạm], có loại tội vị thông thái vi phạm vị ngu dốt không [vi phạm], có loại tội vị ngu dốt luôn cả vị thông thái đều vi phạm. Có loại tội vi phạm vào hạ huyền không [vi phạm] vào thượng huyền, có loại tội vi phạm vào thượng huyền không [vi phạm] vào hạ huyền, có loại tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền, [g]44

39 [b] Giải nghĩa txrơng tợ như trên với trường hợp sống nương nhờ (S.). 40 [c] Trường hơp có tâm thiện ví dụ như vị Tỳ-khưu dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu hoặc thuyết pháp đến người nư quá năm sáu câu. Trương hợp có tâm bất thiện như là tội cố gắng làm xuất ra tinh dịch, tội xúc chạm vơi người nữ. Trường hợp có tâm vô ký là nói về việc phạm tội của các bậc Thánh A-la-hán, ví dụ như việc ngài Anuruddha ngụ chung nhà vơi người nữ (Sđd.). 41 [d] Có thọ lạc như là trường hợp vị Tỳ-khưu thực hiện việc đôi lứa. Có thọ khổ như trường hợp vị Ty-khưu sân hạn bất bình rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu khác với tội Pārājika. Có thọ không khổ không lạc ỉa khi phạm tội với tâm quân bình (Sđd.). 42 [e] Ba cách phân phát thẻ. Xem tr. 693 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 413-15. 43 [í] Chỉ có tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni là sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra (VinA. VII. 1302). 44 [g] Tội vi phạm vào hạ huyền không vi phạm vào thượng huyền: Ví dụ nhự không vào mùa [an cư] mưa thì phạm tội vào ngày 16 thuộc hạ huyền. Tội vi phạm vào thượng huyền không vi phạm vào hạ huyền: Như là không thực hiện lễ Pavārana vào ngày cuối của mùa [an cư] thời kỳ đau là phạm tội vào ngay 15, thuộc thượíig huyền. Tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyễn: Là đe cạp đến các tội khác. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tợ (Sđd. 1325).



Có việc được phép vào hạ huyền không [được phép] vào thượng huyền, có việc được phép vào thượng huyền không [được phép] vào hạ huyền, có việc được phép vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền. Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không [vi phạm] vào

mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa lạnh, [h]45 Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không [vi phạm], [i]46 Có việc được phép đối với hội chúng, không [được phép] đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không [được phép] đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không [được phép] đối với hội chúng và nhóm. Ba sự che giâu: Vị che giâu sự việc [nhưng] không [che giâu] tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm [nhưng] không [che giấu] sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm. Ba sự che kín: Sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc. Ba việc được vận hành giâu kín không bộc lộ: Người nữ hành xử giâu kín không bộc lộ, chú thuật của Bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tà kiến được vận hành giấu kín không bộc lộ. Ba việc được chiêu sáng bộc lộ không che giâu: Vâng trăng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vầng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu. Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. [a]4748 Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vi bi bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vi không bềnh vi phạm. [b]‘8

45 [h] Việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mua lạnh. Tìm Idem ỷ tắm mựa trong mua nắng lúc chưa đến thơi kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng. Có y tắm mưa vẫn tắm lõa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa (Sắd. 1325-26). 46 [i] Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ Uposatha và Pavāranā của hội chung, của nhóm và của cá nhan (Sđd. 1326). 47 [a] Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Ngày kế ngày rằm của tháng Āsālhā (tương đương ngày 16 thang 6 âm lịch, tức là ngay đầu tiên của mùa an cư mua mưa đợt đầu) la thời điểm trươc nenphān phối, một tháng ke sau ngày ram của tháng Āsālhā là thời điểm sau nên phan phối, một ngày sau lễ Pavarana cho đến lan an cư mùa mưa kế là thơi điểm trung gian nên phân phối. Xem tr. 785 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 195. 48 [b] Loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm: Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh can loại dược phẩm này lại yêu cau loại khác. Loại tội vị không bệnh vi phạm vị bi bệnh không vi phạm: Là trường hợp vị khổng bí bệnh yêu cau dược phẩm. Loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bẹnh vi phạm: Là các tội còn lại (VinÀ. VII. 1326).

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1227

4. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) đúng Pháp. [c]49 Ba hình phạt Parivāsa\ Hình phạt Parivāsa có che giâu, hình phạt Parivāsa không có che giấu, hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch. [d]50 Ba hình phạt Mānatta\ Hình phạt Mānatta có che giâu, hình phạt Mānatta không có che giấu, hình phạt Mānatta nửa tháng. Ba sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành Parivāsa: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo. [e]51 Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên

trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, [f]52 Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới. [g]53 Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: Vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu. Vi vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: Vi vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: Vị thoát khỏi [tội] do thân, vi thoát khỏi [tội] do khẩu, vi thoát khỏi [tội] do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng đúng Pháp.54 5. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đối với vi Tỳ- khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm

49 [c] Xem tr. 887-95 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53. 50 [d] Ba hình phạt Parivãsa và ba hình phạt Mânatta xem ở Sdd., chương III. Hình phạt Mãnatta nửa tháng là dành riêng cho Tỳ-khưu-ni. Xem Bhikkhunīvibhañga {Phân tích Giới Tỳ-khưu-nĩ), TTPV, tập 3, chương II, tr. 91. 51 [e] Xem tr. 561-62 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương II, tr. 167. 52 [f] Tội vi phạm ở bên trpng^không [vi phạm] ở bên ngoài: Ví dụ như tội chen vào chỗ ngụ có vị Tỳ- khiru khác đã đến trước rồi năm xuong. Tội VI phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên tròng: Ví dụ như việc trải ra giường ghế của hội chung ở ngoài trời rồi ra đi không thu dọn. Tội vi phạm ở ben trong luôn cả ở bên ngoài là các tội còn lại (VinA. VII. 1326). 53 [g] Ngài Buddhaghosa giải thích ba vấn đề này có liên quan đến các phận sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì và các phận sự còn lại là loại thứ ba (Sđd. 1326-27). Xem các phận sự tr. 847 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VIII, tr. 372. 54 Xem tr. 666-67 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 355-57.



. * H , • r • 1 r Ă /K • T 1 A Ẩ A , , . A nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.55 Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không CÓ giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt).. thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái, những hành động sai trái không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột,

...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị măng nhiêc gièm pha người tại gia. Hội chúng nêu muôn có thê thực hiện hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng nêu muôn có thê thực hiện hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muôn sửa chữa lôi. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vi thường gây nên sự xung đột, ...(nt).. thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vi không muốn từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến [hành phạt] cứng rắn đối với vị Tỳ- khưu có ba yếu tố: Là vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; là vị sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia.

55 Xem tr. 489 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15.



6. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khiru có ba yêu tô khác nữa: Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bang khau, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự gây tôn hại băng thân, có sự gây tôn hại băng khâu, có sự gây tôn hại bằng thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vi có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bang thân và khẩu. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vi phạm tội đã được thực hiện hành sự, vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho Sa-di phục vụ. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy. Hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vi chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng. 7. Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ Uposatha ở giữa hội chúng là vi có ba yếu tố: Vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này

Tỳ-khưu9 thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cap9 rồi nên tiến hành lễ ưposatha. Đối với vị Tỳ-khưu đang đình chỉ lễ Pavāranā ở giữa hội chúng là vi có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Pavāranā. 8. Không nên ban cho bát cứ sự đông ý nào của hội chúng đên vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng. Không nên săp xép cho vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dót và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt.

1230 TẬP YÊU

r , M M t • 1 • /X 9 Không nên sông nương nhờ vào vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Phép nương nhờ không nên ban cho đên vị Tỳ-khmi có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vi Tỳ-khiru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên hỏi về Luật [ở] vi Tỳ-khiru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Là vị vô liêm sỉ, ngu dót và không trong sạch không nên hỏi về Luật. Không nên trả lời về Luật đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch. Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch. Vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vi vô liêm si, ngu dốt và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ. 9. Ba lễ Uposatha\ Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ Uposatha hợp nhất. Ba lễ Uposatha khác nữa: Lễ ưposatha ở hội chúng, lễ Uposatha ở nhóm, lễ Uposatha ở cá nhân. Ba lễ Uposatha khác nữa: Lễ Uposatha với sự đọc tụng, lễ Uposatha với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ Uposatha với sự chú nguyện. Ba lễ Pavāranā\ Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ Pavāranā hợp nhất. Ba lễ Pavāranā khác nữa: Lễ Pavāranā ở hội chúng, lễ Pavãraụã ở nhóm, lễ Pavārartā ở cá nhân. Ba lễ Pavāranā khác nữa: Lễ Pavāranā với ba lần đọc, lễ Pavâraụã với hai lần đọc, lễ Pavāranā với [các vị] đồng năm tu [đọc một lượt]. 10. Ba kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: Là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch với việc phi Phạm hạnh không nguyên cớ; và là kẻ nào nói như vầy M quan diêm như có vây vê điêu này: "Không có sái quây trong các due" roi kẻ ây lao vào say đăm trong các dục.

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1231

n. Ba nguồn gốc bất thiện: Tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: Vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là

nguôn góc thiện, vô si là nguôn góc thiện. Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh. 12. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba [Tỳ-khưu] ở các gia đình VÌ ba điêu lợi ích: Nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: "Chớ để r ĩ 9 e

những kẻ có ước muôn xâu xa nương tựa vào phe nhóm đê chia rẽ hội chiing."56 Devadatta có tâm bi xâm chiếm, bị ngự tri bởi ba điều không đúng Chánh pháp là ước muôn xâu xa, bạn hữu xâu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiên và pháp siêu thê [nên trở thành] kẻ phải chịu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 13. Ba sự đồng ý: Sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy, sự đồng ý về [việc sử dụng] dây, sự đồng ý về [việc sử dụng] gậy và dây.56 57 Ba loại giày đặt ở chô nhát định, không thê mang đi [nơi khác] là giày ở nhà tiêu, giày ơ nha tiêu, giày ơ cho súc miệng?8 Ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển.59 Dứt “Nh6m ba."

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: 1. Trong khi còn hiện tiền, hợp thời và ban đêm, mười [năm], năm [năm], [tâm] thiện, [ba] cảm thọ, [ba] nền tảng của sự cáo tội, [ba] loại thẻ, hai sự khước từ. 2. Sự quy định, hai nhóm khác nữa, vị được phép, vị ngu dốt, lúc hạ huyền, được phép, vào mùa lạnh, hội chúng, thuộc hội chúng, việc che giấu và che kín. 3 Được giấu kín và không bộc lộ, chỗ ngụ, việc bi bệnh, Giới bổn (Pātimokkhaṃ, hình phạt Parỉvãsa, hình phạt Mãnatta, các vị hành Parỉvãsa. 4. Bên trong, ở trong ranh giới, vị vi phạm, các cách khác nữa, vị thoát tội và luôn cả các cách khác, hai cách hành xử Luật khi không điên cuồng. 5. [Hành sự] khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi và hòa giải, về [án treo] không nhìn nhận tội, không sửa chữa, không từ bỏ tà kiến.

56 Liên quan đến tội Pãcittiya 32 về vật thực dâng chung nhóm. 57 Xem tr. 737-40 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 79-83. 58 Xem tr. 252 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương v, tr. 499 59 Xem tr. 736 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 75.



6. [Hành phạt] cứng rắn, hành sự? về tăng thượng giới, đùa giỡn, [có hành vi] sai trái, gây ton hại, nuôi mạng, tái phạm tội tương tợ, chê bai và lễ Uposatha. 7. Lễ Pavãraṇã. sự đồng ý, sự phát biểu, chỗ riêng biệt, không nên sống, không nên cho, không nên thỉnh ý là tương tợ. 8. Không nên ban lời khuyên bảo, không nên thẩm vấn có hai và luôn cả không nên trả lời có hai, cũng không nên cho thẩm vấn. 9. Các sự thảo luận, việc tu lên bậc trên, sự nương nhờ và vi Sa-di, nhóm ba về lễ Uposatha. nhóm ba về lễ Pavāranā. 10. [Ba] kẻ phải gánh chiu sự bất hạnh, [các nguồn gốc] bất thiện, [các nguồn gốc] thiện, hai nhóm về các hành vi, bữa ăn của nhóm ba, không phải Chánh pháp, sự đông ý9 với giày và luôn cả vật chà chân, đây là sự tóm tát vê nhóm ba. —ooOoo—

NHÓM BỐN 1. Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của người

khác, [a]6061 Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do khau, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do thân, [b]6 có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do khẩu. Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi thức. Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, [c]62 Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi [tội], trong lúc thoát khỏi [tội] thì vi phạm, [a]63

60 [a] Có tội vi, phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn hành sự trong việc giải tội Sañghādisesa (VinA. VII, 1328-29). 61 [b] Thoát khỏi tội do thân là cách dùng cỏ che lấp của pháp dàn xếp tranh tụng (Sdd. 1329). 62 [c] Có tội vi phạm vô ý thức là vị vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vị thoát khỏi tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức la vị vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cỏ che lấp (Sđd.). 63 [a] Tội trong lúc sám hối thì vi phạm: Liên quan việc các Tỳ-khưu phạm tội giống nhau, ví dụ tội Pācittiya, như vậy trong lúc sám hối tội Pācittiya thì vi phạm tội Dukkata, trong lúc vi phạm tội Dukkata thì thoát khỏi tội Pãcittiya, trong lúc thoát khỏi tội Pãcittiya thì vi phạm tội Dukkata (Sđd.).

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1233

CÓ loại tội vi phạm do hành sự [của hội chúng] thoát khỏi [tội] không do hành sự [của hội chúng], có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] không do hành sự. [b]64 2. Bốn sự phát biểu không thánh thiện: [c]65 Không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện: Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức. Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức. 3. Bôn điêu Pārājika của các Tỳ-khiru là chung với [có liên quan đên] các Tỳ-khưu-ni. Bon điều Pārājika của các Tỳ-khưu-ni là không chung với [không có liên quan đến] các Tỳ-khưu. Bôn loại vật dụng: Có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không nên xem là của

mình, không nên được sử dụng, [d]66 Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt. [e]67 Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biêt, thoát khỏi [tội] trong khi không biêt; có loại tội

64 [b] Có tội vi phạm do hành sự: Ví dụ như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chung, thoát tội không do hành sự: Như trong lúc sám hoi. Có tội vi phạm không do hành sự: Như việc làm xuất ra tinh dịch, thoát tội do hành sự như việc thực hành hành phạt Parivasa, v.v... (Sđd.). Phan còn lại nên được giải thích tương tợ. 65 [c] Xem điều học Pãcittiya thứ nhất về việc cố tình nói dối trong phần PãcittiyapãỊi Bhikkhuvibhañga (Phan tích Giới Tỳ-khưu), TTTĐPGVN, tập 10, tr. 630; TTPV, t 2, tr. 5. 66 [d] Bốn loại vật dụng: Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (VinÀ. VII. 1329-30). 67 [e] ở đây là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích tương tợ phần [b] ở trèn (5^. 1330).....



vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết. [f]68 4. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: Vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [g]69 Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: Thoát khỏi [tội] do thân, thoát khỏi [tội] do khẩu, thoát khỏi [tội] do thân do khẩu, thoát khỏi [tội] do tuyên ngôn hành sự. Vi thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [a]70 Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] trước đây, được xác định trong [giới tính] sau này, các sự yêu câu được thu hôi, các điêu quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vi [ấy] từ bỏ [giới tính] sau này, được xác đinh trong [giới tính] trước đây, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ. 5. Bốn sự cáo tội: Vị cáo tội với sự hư hỏng về giới, vị cáo tội với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, vị cáo tội với sự hư hỏng vê quan diêm, vi cáo tội với sự hư hỏng ve nuôi mạng. Bốn hình phạt Parivãsa: Hình phạt Parivãsa có che giấu, hình phạt Parivãsa không có che giâu, hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch, hình phạt Parivãsa kết hợp. Bốn hình phạt Mãnatta\ Hình phạt Mãnatta có che giấu, hình phạt Mãnatta không có che giấu, hình phạt Mãnatta nửa tháng, hình phạt Mãnatta kết hợp. Bốn sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu hành Mânatta\ Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ [Tỳ-khưu]. [b]71 Bốn pháp dung hòa. [c]72 6. Bốn vật dụng được thọ lãnh: Vật dùng đến hết ngọ, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời. Bốn vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét. [d]73

68 [í] Được giải thích tương tợ phần [c] của trang 1232 về tội vi phạm vô ý thức và có ý thức (Sđd.). 69 [g] Là Sự thay đổi giới tính của vị Tỳ-khưu hoặc vị Tỳ-khưu-ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cạp đến (S). 70 [a] Thoát khỏi tội do sự xuất hiện của phái tính: Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng đã vi phạm thì được thoát tồi (Sđd.) 71 [b] Xem tr. 573 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 189. 72 [c] Được ghi lại nghĩa Việt theo Chú giải: '"Cattāro sāmukkarnsāti cattāro mahāpadesaṃ (VinA. VII. 1330). Xem chi tiết về bốn pháp dung hòa ở tr. 492 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 107. 73 [d] Xem thêm điều học Pācittiya 40 về tăm xỉa răng (PãcittỉyapãỊỉ Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Ty-khưu), TTP v, tập 2, tr. 251); và bốn loại vật dơ có tính quan trọng. Xem tr. 271 trong tập này; TTP v, tạp 5, Mv. II, chướng VI, tr. 17.



Bôn loại hành sự: Hành sự với lời công bô, hành sự với lời đê nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự khác nữa: Hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp, [e]74 Bôn sự hư hỏng: Sự hư hỏng vê giới, sự hư hỏng vê hạnh kiêm, sự hư hỏng về quan điểm, sự hư hỏng về sự nuôi mạng. r r Bôn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. [g]75 Bốn điều làm ô uế tập thể: Vị Tỳ-khưu giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị Tỳ-khưu-ni giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vi nam cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vi nữ cư sĩ giới hạnh tồi có ác pháp là điều làm ô uế tập thể. Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: Vị Tỳ-khưu có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vi Tỳ-khưu-ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập the. 7. Có loại tội vị vãng lai vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vi thường tru vi phạm vi vãng lai không [vi phạm], có loại tội vị vãng lai luôn cả vi thường trủ đều vi phạm, có loại tội vị vãng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm, [a]76 Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không [vi phạm], có loại tội vị xuất hành luôn cả vi thường trú đều vi phạm, có loại tội vi xuất hành luôn cả vi thường trú đều không vi phạm. Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm. [b]77

74 [e] Xem tr, 404 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. I, chương IX, tr. 247. 75 [g] Xem tr. 676 trong tập này; TTP v, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 377. 76 [a] Các tội do không thực hành phận sự của vị vãng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phần sự của vị thườngtrú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hợi chúng thì vị vãng lai luôn cả VỊ thường trú đều khổng vi phạm (VinA. VII. 1331). Nhóm bôn kế tiếp được giải thích tương tợ. 77 [b] Có sự khác

biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm: Ví dụ như bốn tội Pārājika có sự khác biệt về sự việc khòng có sự khác biêt về tội VI phạm. Có sự khác biệt về tội vi phạm khòng có sự khác biệt ve sự việc: Ví dụ như việc xúc chạm cơ the, Tỳ-khưu phạm Sañghādisesa còn Ty-khiru- ni phạm Pārājika\ hoặc việc nhai tỏi, Tỳ-khưu phạm Dukkata, còn Tỳ-khưu-m phạm Pācittiya. Có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội VI phạm: Là khi so sánh các nhóm tại này với nhóm tối khác. Không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt^về tội vi phạm: Là các tội quy điĩih chung cho các Tỳ-khiru và các Tỳ-khưu-ni (Sđd.ỵ Nhóm bôn kê tiếp vê "c6 sự giống nhau và không có sự giong nhau,, nên được giải thích tương tợ.



Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm. Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm], có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm], có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm, [c]78 Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không [vi phạm], có loại tội học trò vi phạm thây dạy học không [vi phạm], có loại tội thây dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thay dạy học và học trò đều không vi phạm. 8. Bốn duyên cớ của việc đứt mùa [an cư] mưa không phạm tội: Hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý đinh chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh, [d]79 Bốn ác hạnh về khẩu: Lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí. Bốn thiện hạnh về khẩu: Lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích. Có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ, [e]80 có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lẫn trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ. 9. Có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không xứng đáng việc đảnh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy. [í]81 Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đảnh lễ, có người xứng đáng việc đảnh lễ không xứng đáng với chỗ ngoi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đảnh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đảnh lễ.

78 [c] Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm]: Là phận sự của thầy tế độ. Có, tội đệ tử vi phạm thây tế độ không [vi phạm] là phận sự của đệ tử. Có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phạn sự còn lại. Co tối thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riềng cho một hội chúng, còn hội chúng kia không vi phạm. Nhóm bốn ke tiếp về thay dạy học và học trò nên được giải thích tương tợ 1331-32). % [d] Xem tr. 185-88 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương III, tr. 373-79. 80 [e] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Trong khi tự tay lấyđi [bước đi] một bước

hoặc hơn một bươc vi phạm tội nạng, trong khi ra lệnh vị khác với lời chỉ thị rằng: "Hay mang đi chưa tới một buủ&' vi phạm tội nhẹ. Ba phần con lại nên được hiểu theo phương thức nay^ (VinA. VII. 1332). 81 [f] về người xứng đáng và Idiông xứng đáng về việc đảnh lễ và việc đứng dậy: Trường hợp vị dang thọ thực trong nhà an khổng the đứng dậy đoi vơi vị thâm niên hơn là trườnghợp^thứ nhấtvj mới tu đôi với vị thâm niên hơn đang thực hành Parỉvãsa là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đoi với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kế được giải thích tương tợ (Sđd.).

TĂNG THEO TỪNG BẬC 1237

10. Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời, có loại tội vi phạm lúc sái thời không [vi phạm] lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [a]82 Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không [được phép] lúc sái thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sái thời không [được phép] lúc đúng thời, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời. [b]83 Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. [c]84 Có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa không [được phép] ở trung tâm, có việc được phép trong các quốc độ ở trung tâm không [được phép] ở biên địa, có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có việc không được phép trong các quôc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài. Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.

82 [a] Tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sái thời: Là sau khi đã ngăn vật thực rồi lại thọ dụng thêm. Tội vi phạm lúc sái thời khòng [vi phạm] lúc đúng thời: Là thọ dụng vật thực sái thời. Tội vi phạm lúc đúng thơi luôn cả lúc sái thời: Lạ các tội con lại. Tqi không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời: Là trường hợp thứ tư liên quan đến các điều đã được quy dmh riêng cho một hội chúng (Sdd). 83 [b] Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sái thời: Như là vật thực thọ lãnh trước bựa an. Thức uống là vạt được phép thọ lãnh vào lúc sái thơi và không được phép lúc đúng thời khi đà để qua ngày hôm sau. Vật thọ lạnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sái thời, như là vạt dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời. Vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, ví dụ như loại thịt không được phép (Sđd.). 84 [c] Tôi vi phạm trong các quốc đô ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm: Như việc kết ranh giới ở trèn biển. Tồi vi phạm trong các quoc độ ở trung tâm

không [vi phạm] ơ biên địa: Ví dụ như cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tam rưa thường xuyên, đồ trải lot bằng da thú, dép có nhiều lớp, v.v... (xem tr. 261 trong tập này; TTP v, tập 4, Mv. I, chương v, tr. 513-15). Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, là các tối quy định riêng cho một hội chúng, hợi chúng kia dầu có thực hiện cũng không vi phạm (VinA. VII. 1332-33). Nhóm bốn kế tiếp được giai thích tương tợ.



Có loại tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, [d]85 11. Bôn sự cáo tội: Do thây rõ sự việc, do thây rõ tội vi phạm, khước từ việc đông cộng trú, khước từ phận sự đúng đan. Bốn nhiệm vụ đầu tiên, [e]86 Bốn thời điểm thích hợp. [f]87 Bốn tội Pãcittiya không vì nguyên nhân khác, [g]88 Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. [h]89 Bốn sự thiên vị: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Bốn sự không thiên vi: Không thiên vi vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vi vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi. 12. Vị Tỳ-khxru vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng có bốn yếu tố: Trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê? trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị Tỳ-khưu hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ có bốn yếu tố: Trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vi vì sợ hãi. Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi ve Luật. Không nên trả lời về Luật cho vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vi vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Vi Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vi vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật. Không nên ban cho sự thẩm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi. Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có bốn yếu tố: Thiên vi vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi.

85 [d] Tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng: Là các điều học Sekhiya. Tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng: Như vị Tỳ-khưu-ni đang chờ đợi trời sáng. Tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Như tội nói dối, v.v... Tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: La các tội quy định riổig cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm (S. 1333). 86 [e] Bốn nhiệm vu đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày Uposatha hoặc Pavāranā như quét dọn, đèn, nước, cho ngồi; hoặc bối nhiệm vụ đầu tiên khác, là việc đem lại sự tuy thuận và bày to sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng Tỳ-khưu và việc giáo giới (Sdd). 87 [f] Bốn thời điểm thích hợp là vào ngày lễ Uposatha, các vị Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (Sđd.). 88 [g] Là các tội Pâcittiya 16, 42, 77, 78 vì có câu ^etadeva paccayam karitvā anañňam pācittiyarrf" nghĩa là "Sau khi thực hiện

chỉ nguyên nhân ây không điêu nào khác thì phạm tội Pacittiyd' (Sđd.). 89 [h] Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Là đề cập đến việc không phạm các tội Nissaggiya Pãcittỉya 2, 14, 29 và tội Pãcittiya 9 do đã có được sự đồng ý của hội chúng Tỳ-khưu (Sđd.Ỵ

TĂNG THEO TÙNG BẬC < 1239

13. CÓ loại tội vị bị bệnh vi phạm vi không bi bệnh không [vi phạm], có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vị bi bệnh không [vi phạm], có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vi không bị bệnh đều không vi phạm.90 14. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp.91 Dứt wNhóm bốn/9

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Do lời nói của bản thân, do thân, khi ngủ và vô ý thức, trong khi vi phạm, do hành sự, bốn sự phát biểu là tương tợ. 2. Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, vật dụng, có sự hiện diện, vào thời điểm không biết, ở giữa [hội chúng], vị thoát tội, có hai cách tương tợ. 3. Sự đạt được, sự cáo tội, các hình phạt Parivãsa được đề cập đến, vi hành Mânatta. [bôn] pháp dung hòa, [bôn] sự thọ lãnh. 4. [Bốn] vật dơ quan trọng, các hành sự, lại thêm các hành sự, các sự hư hỏng, các sự tranh tụng và các hạng có giới hạnh tồi, các điều làm rạng rỡ, với vị vãng lai. 5. Vi [Tỳ-khưu] xuất hành, có sự khác biệt về sự việc và có sự giống nhau, với vị thây tê độ, thây dạy học và duyên cớ, ác hạnh, thiện hạnh. 6. Trong khi lấy, nhân vật, các vị xứng đáng với chỗ ngồi, lúc đúng thời luôn cả điều được phép, được phép ở các xứ ở biên địa. 7. ở bên trong và ở trong ranh giới, ở làng, về việc cáo tội, nhiệm vụ đầu tiên, thời điểm được thích hợp, không vì nguyên nhân khác và các sự đồng ý. 8. Thiên vị luôn cả không thiên vị, vi vô liêm sỉ với vị hiền thiện, cả hai phần nên vấn, hai phần nên đáp là tương tợ, việc thẩm vấn và thảo luận, vị bị bệnh với sự đình chỉ. -ooOoo—

90 Có tội vị bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị bị bệnh cần loại dược phẩm này lại yêu cầu loại khác. Có tội vị không bị bệnh vi phàm: Là trương hợp vị không bị bệnh yêu cầu dượíc phàm. Có tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm: Ví dụ như tội nói dối, v.v... Có tội vị bỉ bệnh và ca vị idiong bị bệnh đều không vi phạm: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng(Sđd.). 91 Xem tr. 887-95 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53.



NHÓM NĂM 1. Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.92 Năm Năm tội vi phạm liên nghiệp vô gián, [a]93 Năm hạng người được xác định, [b]9495 quan đến sự cắt bớt. [c]5 Vi vi phạm tội với năm biểu hiện, [d]96 Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối. [e]97 2. Vi không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan diêm là không đúng Pháp vê hành sự đã được thực hiện. Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng

Pháp về hành sự đã được thực hiện. 3. Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp khất thực: Đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn. [g]98 4. Vi Tỳ-khưu, dâu là ác Tỳ-khưu luôn cả vị có pháp bên vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi có năm yếu tố: Hoặc là có sự lai vãng với đĩ điếm, hoặc là có sự lai vãng với góa phụ, hoặc là có sự lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là có sự lai vãng với người vô căn, hoặc là có sự lai vãng với Tỳ-khưu-ni. 5. Năm loại dầu ăn: Là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eranda, dầu từ mỡ thú. [a]99

92 Năm sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lan ranh, sự cắt đứt mối liên hệ VƠI năm nhóm tội. Xem tr. 1166 trong tập này; TTPV, tập 8, ParivãrapãIi (Tậpyếu) I, tr. 317. 93 [a] Năm nghiệp vô gián: Là giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm [đức Phật] chảy máu và chia rẽ hội chúng (ND)* 94 [b] Năm hạng người được xác định: Là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (Sđd. 1334). • 95 [c] Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt: Là năm tội Pācittiya 87,,89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật lam quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa và y có kích thước y của đức Thiện Thệ (5^/.). 96 [d] Vi vi phạm tội với năm biểu hiện: Là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chặt xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng ỉa không được phép trong điều được phép (S.). 97 [e] Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối: Là tội Pārājika, Thullaccaya, Dukkata, Sañghādisesa và Pacittiya (Sđd.). 98 [g] Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khưu hành pháp [đầu-đà] khất thực: "Bi không phải xinphép,, là không phải báo cho vị Tỳ-khưu hiện diện khi đi đen các gia đình trước hay sau bữa an, hai điều uvật thực dâng chung nhom^ja 44vật thực thỉnh sau" là không phải phạm tội đối với hai điều học Pãcittiỳa 32 và 33 của Tỳ-khưu, về "không phải xác đinh,, là không phải bân tâm xác định trường hợp được phép, trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm, "không phải chuyền nhượng bữa ăn,9 là Idiồng phải thực hiện việc ấy khi nhận phần vật thực thỉnh sau (Sdd) 99 [a] Năm loại dầu ăn được thấy ở điều học Pãcittiya 39 (Pācittiyapāli Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTPV, tập 2, tr. 247). “ •

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1241

Năm loại mỡ thú: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa. [b]100101 6. Năm sự suy sụp: Suy sụp vê thân quyên, suy sụp vê của cải, suy sụp vì bệnh hoạn, suy sụp vê giới, suy sụp vê kiên thức. Năm sự thành tựu: Thành tựu vê thân quyên, thành tựu vê của cải5 thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về kiến thức. 7. Năm trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục. hoặc từ trần. hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi diJUthurwn. [cpo* y L

Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể [bàn tay, v.v...] bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ [y bát]. 8. Năm loại vải quăng bỏ: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị moi nhấm, bi lửa cháy. Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: Loại bi bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc ve lễ đăng

quang [của đức vua], vải dành cho tôi tớ. 9. Năm sự lấy trộm: Lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối [tráo] thăm. [d]102 10. Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian. [e]103 Năm vật không được phân tán. [f]104 Năm vật không được phân chia. [g]105 Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý. Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý. Năm loại tội đưa đến việc sám hối. Năm loại hội chúng, [h]106 Năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). [i]107

100 [b] Năm loại mỡ thú. Xem tr. 264 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 7. 101 [c] Năm trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy tế độ. Xem tr. 80 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 157. 'T [d] Câu chuyện lấy trộm theo lối tráo thăm được thấy ở điều Pãrậiỉka thứ nhì, ở phần các câu chuyện dẫn giải (Pārqjikapali (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTTĐPGVN, tập 10, tr. 80; TTPV, tập l, tr. 131). 103 [e] Năm hạng cướp lớn. Xem điều Pârặiỉka thứ tư về khoe khoang pháp thượng nhân (Sđd. 197-99). 104 [f] Năm vật không được phân tán. Xem tr, 788-89 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 203-05. 105 [g] Năm vật không được phân chia (Sđd. 207-09). 106 [h] Nămloại hội chúng: Hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười VỊ, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu vơi nhóm fren hai mươi vị. Xem tr. 409 trong tập nẩy; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 255. 107 [i] Năm cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho): Gồm bốn cách đọc tóm tắt và cách đọc tụng chi tiết là cách thứ năm. Xem tr. 135 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương II, tr. 271.



Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị nắm vững về Luật, [j]108 Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu. Kathina. [k]109 Năm loại hành sự.110 Năm loại tội vi phạm [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba.111 Vị lấy vật không được cho phạm tội Pārājika với năm biểu hiện.112 Vị lây vật không được cho phạm tội Thullaccaya với năm biêu hiện. Vị lấy vật không được cho phạm tội Dukkata với năm biểu hiện. 11. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: Vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh và vật chưa được làm thành đồ thừa. Năm vật đúng phép nên thọ dụng: Vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh và vật đã được làm thành đồ thừa. Năm sự bố thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: Bô thí chát say, bô thí đên hội hè [nhảy múa], bô thí người nữ, bô thí bò đực [vào giữa đàn bò], bố thí tranh ảnh [gợi cảm]. Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: Tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyên thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt. Năm điều lợi ích trong việc quét chổi: Làm lang dịu tâm của bản thân, làm lắng diu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ? tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, tràn thế. Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng diu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời

giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn. 12. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d8t" khi có năm yếu tố: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi

108 [j] Việc tu lên bậc trên ở các xứ vùng biên giới (Sđd.9 chương v, tr. 513). 109 [k] Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu Kathina. Xem tr. 326 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tĩ. ni. 110 Năm loại hànhsự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (VinA. VII. 1334). Năm loại tội vi phạm khi được nhắc nhở đến lần thứ ba: Gồm có giới Pãrậịika thứ 3 của Tỳ-khưu-ni, đề cập 3 loại tội la Pãrâịĩka, Thullaccaya, DukkaỊayằ. tội Sañghadisesa cua Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và Pācittiya ve tội không chịu tư bỏ tà kiến ác (Sđd.). 112 Vấn đề này và hai vấn đề kế tiếp liên quan đến tội Pãrậịika thứ nhì về trộm cắp (ND).



không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] sai Pháp với sự không khẳng định. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có năm yếu tố: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của minh, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vi bảo thực hiện [hành sự] đúng Pháp với sự khẳng định. Vị nắm vững về Luật bi xem là "ngu(tót" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về tội, vị không biết về nền tảng của tội, vi không biết về nguồn sanh tội, vị không biết về sự đoạn diệt của tội, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.113 Vi nắm vững về luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về tội, vi biêt vê nên tảng của tội, vị biêt vê nguôn sanh tội, vị biêt vê sự đoạn diệt của tội, vi biêt vê sự thực hành đưa đên sự đoạn diệt của tội. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biêt vê sự tranh tụng, vi không biêt vê nên tảng của tranh tụng, vị không biết về nhân sanh của tranh tụng, vị không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, [a]114 Vị nắm vững về Luật được xem là "thông th"khi có năm yếu tố: Vị biết vê sự tranh tụng, vi biêt vê nên tảng của tranh tụng, vị biêt vê nhân sanh của tranh tụng, vị biêt vê sự đoạn diệt của tranh tụng, vị biêt vê sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng. Vi nắm vững về Luật bị xem là "ngu d8t" khi có năm yếu tố khác nữa: VỊ không biêt vê sự việc, vị không biêt vê duyên khởi, vị không biêt vê điêu quy định, vi không biết về điều quy định thêm, vi không biết về phương thức của loi trình bày mạch lạc. [b]115

113 Vị không biết về tội (như Pārājika, Sañghādisesa.N.N...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biêt nguồn sanh tội (do thân, khòng do khẩu, không do yv.v...[ vị không biết sự đoạn diết cua tội (là sự sam hối), vị khòng biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội là bảy cách dan xếp (VìnẢ. VII. Í337-38). • . • . , 114 [a] Nhóm năm về sự tranh tụng: Sự tranh tụng tức là bốn sự tranh tụng. Nguồn sanh khởi của sự tranh tụng có 33: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan

đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6 và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1. Nhân sanh sự tranh tụng là nguồn sanh khởi sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến ừanh cãi sanh lên, nương vào 18 sự vỉec làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tối sanh lên do bảy nhom tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng. Không biết sự đoạn diệt của sự franh tụng: Là không xác đinh được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lơi dạy cua bậc Đạo sư. Không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, là không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dàn xếp nao (ỳỉnA. VII. 1338). 115 [b] Không biết về sự^việc: Là không biết về sự viêc của tội Pãrậịika, của tội Sañghādisesa,..của bảy nhóm tội. Không biết về duyên khởi: Là không biết các tội đã được quy định ở đâu. Không biết về sự quy định: Là không biết sự quy định ban đầu cua mỗi điều học. Không biết về sự quy định thêm: Là không biết sự quy định thêm ve sau. Không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc: Là không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lơi nói và liên hệ đến sự xác định (Sđd^).



Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vi biết vê sự việc, vi biêt vê duyên khởi, vi biêt vê điêu quy định, vị biêt vê điêu quy định thêm, vi biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp và vi không biết về thời điểm. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết vê lời đê nghị, vị biêt cách thực hiện với lời đê nghi, vị thiện xảo vê phân [cân trình bày] trước tiên, vi thiện xảo vê các phân kê tiêp và vị biêt vê thời diêm. Vị năm vững vê Luật bị xem là "ngu d6f' khi có năm yêu tô khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vi không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, không khéo chú ý và không khéo suy xét. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vi biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy, khéo chú ý và khéo suy xét. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vi không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (Patimokkho) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông th” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu

d6t" khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết ve sự phạm tội hay không phạm tội, vi không biết tội nhẹ hay nặng, vi không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa và vi không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái" khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. 13. Năm hạng [hành pháp] sông ở rừng: Là vị sông ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vi sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi



ước muôn; là vị sông ở rừng do điên khùng do mát trí; là vi sông ở rừng [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị sống ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Năm hạng [hành pháp] đi khất thực: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] mặc y pamsukūla\ ..(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây: ..(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] chỉ sử dụng ba y: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] đi khát thực theo từng nhà: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] vê oai nghi ngồi [không nằm]: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] một chô ngôi [khi thọ thực]: ...(nt).. Năm hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát: Là vi thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; là vị thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; là vị thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có vị thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. 14. Vị Tỳ-khiru có năm yêu tô không nên sông không nương nhờ: Vi không biết về lễ Uposatha. vi không biết về hành sự của lễ Uposatha. vị không biết về Giới bổn (Pãtỉmokkhă), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Patimokkho), vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ . .L 5 9r \ 9

Uposatha. vi biêt vê hành sự của lê Uposatha. vi biêt vê Giới bôn (Pãtimokkhă). vị biêt vê cách đọc tụng của Giới bôn (Pātimokkhaṃ, vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biêt vê lê Pavāranā, vị không biêt vê hành sự của lê Pavāranā^ vị không biết về Giới bổn (Pãtimokkhà). vi không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pâtỉmokkhă). vi chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ Pavāranā. vi biết về hành sự của lễ Pavãranã, vị biết về Giới bổn (Pãtimokkhà), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pãtimokkhà). vị năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vi không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biêt tội nhẹ hay nặng, vị không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biêt tội xâu xa hay không xấu xa, vi chưa đủ

năm năm.

1246 TẬP YÊU

Vi Tỳ-khmi có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vi năm năm hoặc hơn năm năm. 15. Vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết ve lễ Uposatha, vị không biết ve hành sự của lễ Uposatha. vị không biết về Giới bổn (Pãtimokkha), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Patimokkho), vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nươnẹ nhờ: Vị biết về lễ Uposatha, vị biết về hành sự của lễ Uposatha, vi biêt về Giới bôn ỤPãtỉmokkhă), vị biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pâtỉmokkhấ). vi năm năm hoặc hơn năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yêu tô khác nữa không nên sông không nương nhờ: Vị không biết về lễ Pavāranā. vi không biết về hành sự của lễ Pavāranā. vi không biết về Giới bổn (Pãtỉmokkhă). vi không biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pātimokkhaṃ, vi chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nươnệ nhờ: Vị biết vê lê Pavāranā, vị biêt vê hành sự của lê Pavāranā, vị biêt vê Giới bôn (Pâtỉmokkhă). vi biết về cách đọc tụng của Giới bổn (Pātimokkhaṃ, vi năm năm hoặc hơn năm năm. Vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vi không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm. Vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vi biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vi biêt tội xâu xa hay không xâu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm. 16. Năm điều bất lợi ở vi không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quở trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bi sanh vào bất hạnh, cối khổ, đọa xứ, địa ngục. Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngợi khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế. Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Những người chưa có đức tin không an tru vào đức tin, làm thay đổi [niêm tin] của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vi ấy không được an trú.

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1247

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú. 17. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: Vi vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng pháp quá năm sáu

câu cho người nữ và sông có nhiêu tâm câu vê ái dục. Năm điều bất lợi của vi Tỳ-khưu thường tới lui các gia đình: Vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình, có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị Tỳ-khưu có tâm bị khởi dục: Hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó? hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tầm thường. 18. Năm loại mâm giông: Mâm giông từ rê, mâm giông từ thân, mâm giông từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm. [a]116 Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. [b]117 19. Năm cách làm cho trong sạch: Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika nên thông báo phần còn lại bang cách đã được nghe; đây là cách làm cho ừong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đau, sau khi đọc tụng bốn điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điêu Sañghādisesa nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bon điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điều Sanghãdỉsesa. sau khi đọc tụng hai điều Ānīyata nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. [c]118 Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: Sự đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhà). lễ Uposatha với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ Uposatha với sự chú nguyện, lễ Pavāranā luôn cả lễ Uposatha hợp nhất là thứ năm.

116 [a] Năm loại mầm giống: Đã được thấy ở điều học Pācittiya 11 của Tỳ-khưu, PãcittiyapãỊỉ Bhikkhuvibhañga (Phân tích Giới Tỳ-khưu), TTPV, tập 2, tr. 109. 117 [b] Năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn. Xem tr. 489 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15. 118 [c] Năm cách làm cho trong sạch: Tương tợ với năm cách đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhà). Xem tr. 135 Ương tập này; TTPV, tập 4, Mv. ì, chương II, fr. 271.



20. Năm điêu lợi ích cho vị năm vững vê Luật: Giới uân của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vi thường hay có sự ăn năn, là vi phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) sai Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (JPātimokkhd) đúng Pháp. Dứt “Nh6m năm."

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY:

1. Tội vi phạm, các nhóm tội, đã được rèn luyện, [nghiệp] vô gián, các hạng người luôn cả việc cắt bớt, vị vi phạm và các nguyên do. 2. Vi không thuận và thuận, các việc được phép, không tin tưởng, dầu ăn? mỡ thú, sự suy sụp và thành tựu, các trường hợp đình

chỉ [sự nương nhờ] với hạng người. 3 Mộ địa và đã bị [bò] nhai, sự trộm cắp, được gọi là kẻ cướp, đã không phân tán, không phân chia, do thân, do thân và khau. 4. Sự sám hối, ở nơi hội chúng, việc đọc tụng, vùng biên địa, Kathỉna, các loại hành sự, cho đến lần thứ ba, các tội Pārājika. tội Thullaccaya và tội Dukkata. 5. Không được phép và được phép, không phước báu, khó trừ diệt, chổi quét, các điều khác, lời nói và luôn cả tội nữa. 6 Sự tranh tụng, sự việc, lời đề nghị, tội vi phạm, cả hai phần, các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết rõ tối và sáng. r 7. Vị ở rừng, khát thực, mặc y pamsukūla, ở cội cây và mộ địa, ở ngoài trời, [chỉ ba] y5 [khất thực] theo tuần tự, vị [thọ oai nghi] ngồi. 8. Chỗ ở theo chỉ đinh, với vị ngăn vật thực dâng sau luôn cả vị chỉ thọ trong bát, lễ Uposatha, lễ Pavāranā, phạm tội và không tội, những điều này là tối và sáng, các điêu ây của các Tỳ-khiru-ni là tương tợ. 9. Hoan hỷ, không hoan hỷ, tương tợ như thế là hai điều khác nữa, về vi thường tới lui các gia đình, mát quá nhiêu thời gian, mâm giông và được phép cho Sa-môn. 10. Sự làm cho trong sạch luôn cả các điều khác, theo Luật, sai Pháp và đúng Pháp đã được đề cập đến tương tợ, được chấm dứt là năm cách làm cho trong sạch. —ooOoo-

TẢNG THEO TỪNG BẬC 1249

NHÓM SÁU 1. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. [a]119 Sáu sự thực hành đúng đắn. [b]120 Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt. [c]121 Vi vi phạm tội do sáu biểu hiện, [d]122 Sáu điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật, [e]123124Sáu điều tối đa. [í] 124 Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm. [g]125 Sáu loại y. [h]126 Sáu loại thuốc nhuộm [y], [i]127 Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự. [j]128 Sáu nguyên nhân tranh cãi. [k]129 Sáu nguyên nhân khiển trách, [l]130 Sáu pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [m]131 Chiêu rộng sáu gang tay. [n]132 Sáu 119 [a] Ba nhóm sáu này đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; TTPV, tập8, tr. 317. 120 [b] Sáu sự thực hành đúng đắn: Ngài Buddhaghosa đề cập đến sáu điều học có câu ^ayarn^ tattha sāmīcr với ý nghĩa là 4tđây là điều đúng đắn trong trường hợp ay,?, tức là nói đến các điều học Sañghādisesa 13; Nissaggiya Pãcittiya 10, 22; Pâcittiya 34, 71, 84 (VinA. VII. 1339). 121 [c] Gồm năm điều học Pãcittiya của Tỳ-khưu đã được trình bày ở phần Nhóm năm liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chan giường, tọa cụ, y đắp ghẻ, y tắm mưa, y có kích thước y của đức Thiện Thệ, thêm vào điều học Pācittiya cua Tỳ-khứu-ni ve việc may y choàng tam quá kích thước là sáu (Síií/.j. 122 [d] Sáu biểu hiện là vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởpg là được phép trong điều khòng được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn ve sự ghi nhớ (Sđd. 1339-40)/ 123 [e] Sáu điều lợi ích cho v[rành rẽ về Luật: pom năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào điều thứ sáu là t4Le Uposatha là phần trách nhiệm của vị ấy" (Sdd. 1340). 124 [í] Sáu điều tối đa: Ngài Buddhaghosa nói về các điều học có từ ^paramarn M (tối đa) như là dasahaparamam, māsaparamam, santaruttaraparamam, v.v... và nêu rõ trong hai bộ Giới bon có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lâp thành một nhóm sáu, sáu giới kế tiếp là nhóm sáu thứ nhi, còn hai điều học thì

sau khi bớt đi một điều học của mỗi một nhóm rồi thêm vào một điều học để lập thành hai nhóm sau khác nữa (Sđd.). 12? [g] Có thể xa lìa [môt trong] ba y sáu đêm: Câu này được trích dẫn từ điều Nissaggiya Pãcittiya 29 về vị Tỳ-khưu có the đe y ở trong lang tối đa là sáu đem khi ngụ ở trong khu rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng (ND). 12? [h] Sáu loại y được đức Phật cho phép: Loai bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố. Xem tr. 364 trong tập nay; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 181. 127 [i] Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: Thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (Sđd. 189). 128 [j] Sáu loại hành sự: Gồm có hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, thứ năm là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ ta kiến ác(VinA. VII. 1340). 129 [k] Sáu nguyên nhân tranh cãi: Đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; rzpr,tạp8,tr. 319. 130 [1] Sáu nguyên nhân khiển trách: Đã được trình bày chi tiết ở Parivārā (Tập yếu), tr. 1167 trong tập này; 77Pr,tạp8,tr.321. 131 [m] Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Đã được trích dẫn từ điều học Pãcittiya 91 về chiều dài y tắm mưa cua các Tỳ-khưu (ND). 132 [n] Chiều rộng sáu gang tay: Đã được trích dẫn từ điều học Pãcittiya 92 về chiều rộng của y đức Thiện Thê (ND).



trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy dạy học. [o] 133 Sáu điều quy định thêm trong việc tắm. [p]133 134 Vi ra đi sau khi cầm lấy y chưa làm xong. [q]135 Vị ra đi sau khi mang theo y chưa làm xong. 2. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên đê Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uân, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vi thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vi thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.136 Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vi khác đạt được vô học giới uẩn, là vi tự mình thành tựu vô học định uân và giúp cho vi khác đạt được vô học đinh uân, là vi tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vi khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vi tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vi Tỳ-khưu có sáu yêu tô khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, là vi có sự hổ thẹn [tội lỗi], là vị có sự ghê sợ [tội lỗi], là vị có sự tinh tấn đã được phát khởi, là vị có niệm đã được thiết lập, là vi mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yêu tô khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên đê Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, không bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về quan điểm ở quan điểm cực đoan, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban

cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vi có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bi bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải [khi đệ tử hay học trò] có sự không hoan hỷ, [có khả năng] giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo pháp [khi đệ tử hay học trò] có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

133 [o] Sáu trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy dạy học. Xem tr. 80 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 157. 134 [p] Sáu điều quy định thêm trong việc tắm được ghi lại ở điều học Pâcỉttiya 57 của Tỳ-khiru: 444Một tháng rưỡi còn lại của mùa n6ng' va tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy la hai tháng nrỡi là lúc trơi nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trương hợp mưa gi6" (VinA. VII. 1340). 135 [q] Sáu trường hợp cầm lấy và sáu trường hợp mang theo. Hai nhóm sáu này được đề cập chi tiết ở tr. 329-30 trong tạp này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 119-21. 136 Các nhóm sáu thuộc mục 2 này được đề cập ở tr. 84-7 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 165-71.

TĂNG THEO TÙNG BẬC 1251

Vị Tỳ-khiru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn các điều học thuộc vê phân đâu của Phạm hạnh, [có khả năng] đê hướng dân vê Thăng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, [có khả năng] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vi mười năm hoặc hơn mười năm. Vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị biết ve sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội năng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiet5 khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm. 3. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) sai Pháp. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp.137 Dứt 6íNhóm sáu.^ —ooOoo—

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: L Không kính trọng và kính trọng, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, các nguôn sanh khởi luôn cả các sự cat bớt, các biêu hiện với sự lợi ích. ỉ -r 2. Sáu trường hợp tôi đa, sáu đêm, y, các thuôc nhuộm, do thân và do cả ý, do khẩu và do cả ý. 3 Do thân, khâu và ý, hành sự luôn cả sự tranh cãi, sự khiên trách, chiêu dài, chiều rộng với việc nương nhờ. 4. Sự chế định thêm, sau khi cầm lấy, sau khi mang đi là tương tợ y như thế, về các pháp của bậc Vô học, vi giúp cho đạt được, đức tin, tăng thượng giới, các vị bị bệnh, vị đã hành phận sự căn bản, các tội vi phạm, liên quan đến sai Pháp và đúng Pháp. —ooOoo—

NHÓM BẢY L Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn. [a]138 Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng

137 Hai nhóm sáu này được đề cập ởtr. 218-29 trong tập này; TTP v. tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 439-41. 138 [a] Bảy sự thực hành đúng đắn: Gồm nhóm sáu đã được trình

bày ở trên và thêm vào câu "ayam tattha sāmīcC thứ bảy được thấy ở phần tổng kết giới Sañghādisesa của Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1340).



Pháp. Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp, [b]139 Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người, [c]140 Bảy điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật, [d]141 Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bi phạm vào Nỉssaggỉya. [e]142143 Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự. [í] 143 Bảy loại hạt chưa xay. [g]144 Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong, [h]145 Bảy điều quy đinh thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. [i]146 Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày, [j]147 Vi ra đi cầm lấy y đã làm xong. Vị ra đi mang theo y đã làm xong. [k]148 Tội của vi Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận. [l]149 Tội của vị Tỳ-khưu cần phải được nhìn nhận. Tội của vi Tỳ-khưu cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. 2. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; có giới sông thu thúc trong sự thu thúc của Giới bôn (Patimokkho), thành tựu vê hạnh kiêm và hành xứ, thây sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khô nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 3. Vi Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe

139 [b] Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp và đúng Pháp. Xem tr. 177-79 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv\ I, chương IV, tr. 359-61. 140 [c] Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha. Xem tr. 182 trong tập này; TTPV, tạp 4, Mv. I, chương III, tr. 369. 141 [d] Bảy điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào hai chi tiết: "Lễ ưposatha và lễ Pavāranā là phần trách nhiệm của vị ấy" (VỉnA. VII. 1341). 142 [e] Xem điều học Nissaggiya Pãcittiya 29 (ND). 143 [f] Bảy loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự ấn treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi và thứ bảy là hanh sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (ND). 144 [g] Bảy loại hạt chưa xay: Là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrũsaka (bắp?) được đề cập ơ điểu Pācittiya 7 của Ty-khiru-ni CND). 145 [h] Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong: Được trích dẫn từ điều học Sañghādisesa 6 về việc xây dựng cốc liêu của Tỳ-khưu (ND). 146 [i] Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. Xem điều học Pãcittiya 32 của Tỳ-khưu (ND). 14\[j] Sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Xem điều Nissaggiya Pãcittiya 23 của Tỳ-idiưu. 148 [k] Bảy trường hợp cầm lấy và bảy trường hợp mang theo: Hai nhóm bảy này được đề cập chi tiết ở tr. 328-29

trong tạp này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 115-19. 149 [1] Tội của vị Tỳ-khưu không cần phải được nhìn nhận: Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập chi tiết ở tr. 415-17 ữong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 267-71.



nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đây đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế được nghe nhiều, ghi nhớ5 ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không kho nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 4. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự tru vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ9 sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 5. Vị Tỳ-khưu nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiêp: "Vào kiêp sông ây, ta đã có tên như vây, dòng họ như vây, giai cáp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm khổ và lạc như vầy, có tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. ở nơi kia, ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vày, kinh nghiệm khổ và lạc như vay, có tuổi thọ như vay. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi roi đã sanh lên tại nơi nay", như thê vi [áy] nhớ lại nhiêu kiêp sông trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vi [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chôn an vui, [hay] đọa vào cõi khô, vị [áy] biêt được răng chúng sanh đêu đi theo nghiệp tương ứng: "Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xâu xa băng thân, cỏ hành động xâu xa băng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiên, khi tan rã thân xác và chét đi, họ bị sanh vào bát hạnh, cõi khô, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động

tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu không các bậc Thánh, theo chánh kiên, tán thành các hành động do chánh kiên, khi tan rã thân xác và chét đi, họ được sanh vào chôn an vui, cõi trời, trần thế." Như thế, với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vi [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xâu xí, đên chôn an vui, [hay] đọa vào cõi khô, vi [áy] biêt được răng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 6. Vị năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô: Là vi biêt vê sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới...(nt)... thọ trì và thực hành trong các điều học; là vi đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 7. Vi năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô khác nữa: Là vị biêt vê sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; nghe nhiều, ...(nt)...được khéo phân tích bằng sự hiểu biết; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại, có liên hệ đên các thăng tâm của bôn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [áy] nhờ vào thăng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 8. Vi năm vững vê Luật được sáng chói có bảy yêu tô khác nữa: Là vị biêt vê sự phạm tội; biêt vê sự không phạm tội; biêt vê tội nhẹ; biêt vê tội nặng; đôi với vị này, hai bộ Giới bổn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bon thiền; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [ấy] nhờ vào thang trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, roi thê nhập và an trú. 9. Vi nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vi [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ...(nt)... như thê, vị [áy] nhớ lại nhiêu kiêp sông trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến



chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng...(nt)... và do sự diệt tận các lậu hoặc, vi [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. 10. Bảy pháp không tốt đẹp: Là không có đức tin, không hổ thẹn [tội lỗi], không ghê sợ [tội lỗi], ít nghe, biếng nhác, có niệm bi quên lãng, có tuệ kém. 11. Bảy pháp tốt đẹp: Là có đức tin, có sự hổ thẹn [tội

lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ. Dứt “Nh6m bảy.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Loại tội, các nhóm tội? đã được rèn luyện, sự đúng đắn, sai Pháp và đúng Pháp, sự không phạm tội và bảy ngày. 2. Lợi ích và các trường hợp tôi đa, lúc rạng đông với cách dàn xép, các hành sự và các loại hạt chưa xay, chiều rộng, về việc ăn theo nhóm. 3. Tối đa là bảy ngày, sau khi cầm lấy và sau khi mang theo là tương tợ y như thế, không nên và nên, các trường hợp sai Pháp và đúng Pháp. 4. Bốn hạng nắm vững về Luật, bốn hạng Tỳ-khưu sáng chói luôn cả bảy pháp không tốt đẹp và bảy pháp tốt đẹp đã được giảng giải. —ooOoo—

NHÓM TÁM Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhận tội. [a]150 Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vi khác, [b]151 Tám tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đen lần thứ ba. [c]152 Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện, [d]153 Tám tiêu đề về việc phát sanh y. [e]154 Tám tiêu đề về việc hết hiệu

150 [a] Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy trong việc không nhìn nhần tội: Được đề cập ơ tr. 449-50 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tr. 329-31. 151 [b] Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. Xem Sđd. tr. 331-33. : 152 [c] Tám tội vi phạm khi được nhắc nhở cho đến lần thứ ba: Là các tội Sanghãdỉsesa 10, 11, 12, 13 của Tỳ-khưu, và 7, 8 9, 10 của Tỳ-khưu-ni (VìnA. VII. 1341). l? [d] Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện: Là với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gọ chà răng, hoặc với tre, hoặc bang cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin (S.).Xem điều học Sañghādisesa 13 của Tỳ-khưu. 154 [e] Tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đen hội chúng, dang đen cả hai hội chung (Tỳ-khưu và Tỳ-khưu- ni), dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông bao, dâng đến cá nhân. Xem tr. 395 trong tập nay; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 233.



lực của Kathina. [f]155 Tám loại thức uống, [g]156 Devadatta có tâm bị chế ngự, bi ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được, [h]157 Tám pháp của thê gian. Tám trọng pháp. [i]158 Tám tội Pātidesañīya, Lời nói dối có tám chi phần. [j]159 Tám chi phân của ngày Uposatha (Bát quan trai giới). Tám chi phân của người sứ giả. [k]160 Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả. [l]161 Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. [m]162 Tám vật không phải là đồ thừa. Tám vật là đồ thừa, [n]163 Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào Nissaggiya. [o]164 Tám tội Pārājika. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất, [p]165 [Tội] đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo. [q]166 Nên đứng dậy đối với tám [vi Ni thâm niên]. Chỗ ngồi nên dành cho tám [vi Ni thâm niên], [r]167 Vị nữ cư sĩ thỉnh càu

tám điều ước muốn, [s]168 Vị Tỳ-khưu có tám yếu to nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-

155 [f] Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của Kathina\ Do sự ra đi, do y được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được tin, do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một ĩúc (S*d., chương VII, tr. 115). 156 [g] Tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu (Sđđ,, chương VI, tr. 97). 157 [h] Devadatta bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp: Là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, sự trọng vọng, sự không trọng vọng, ước muôn xâu xa, bạn bè xâu xa. Xem tr. 833 trong tập nảy; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VIỈ, ư. 315? 158 [i] Tám trọng pháp của Tỳ-khưu-ni. Xem chi tiết ở Sdd., chương x, tr. 473-75. 159 [j] Lời nói dối có tám chi phần. Xem chi tiết ở điều học Pãcittiya thứ nhất của Tỳ-khưu. 160 [k] Tám chij)hần của người sứ giả: Là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dân, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] co sự nhận thức, là người rành rẽ vê việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi(Sdd., chương VII, tr. 313). 161 [1] Tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả. Xem chi tiết ở Sđd., chương IX, tr. 427-31. 162 [m] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. Xem chi tiết ở Sdd., chương IX, tr. 431-35. 163 [n] Tám vật không phải là đồ thừa và tám vật là đồ thừa: Được đề cập ở điều học Pãcỉttiya 35 của Tỳ-khưu, phần định nghĩa từ. 164 [o] Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào Nissaggiya'. Liên quan đến điều học Nissaggiya Pacittiya 23 ve năm loại dược phẩm. 165 [p] Điều học Pãrãịika thứ tám của Tỳkhưu-ni đề cập đến tám hành động của vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay [cua người nam], sự nam lại lấy chéo áo choàng, đưng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thii sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuat, kề sát cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị Tỳ-khưu-ni làm đủ tám hành động này phạm Pãrậịika nên bị trục xuất. 166 [q] Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo: Đe cập đến sự tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở cả hai hội chúng Tỳ-khưu-ni và Tỳ-khưu. 167 [r] Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]: Được đề cập ở Sdd., chương x, tr. 521. 168 [s] Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn: Vị này là nữ cư sĩ Visākhā (VinA. VII. 1342). Bà đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng [tắm] mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tam đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đến trọn đời. Xem tr. 375-77 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VUI, tr. 199-201.



khưu-ni. [t]169 Tám điều lợi ích cho vi nắm vững về Luật. [u]170 Tám điều tối đa. Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp, [v]171 Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Dứt 6íNhóm t m.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Không phải vị Tỳ-khưu ấy, luôn cả đối với các vị khác, cho đến lần thứ ba, các sự làm hư hỏng, các tiêu đề [về y], các sự thu hồi Kathỉna. các thức uống và vị bị ngự trị. 2. [Tám] pháp thế gian, [tám] trọng pháp, [tám] tội Pātidesañīya, [tám] sự nói dối, các ngày trai giới và [tám] điêu của sứ giả, [tám cách thực hành của] ngoại đạo và [của] biển cả. 3. [Tám điều] phi thường, [tám vật] không phải là đồ thừa, đồ thừa, tội Nỉssaggiya. tội Pārājika, [làm] sự việc thứ tám, đã không được trình ra, sự tu lên bạc trên. 4. Sự đứng dậy, luôn cả chỗ ngồi, điều ước muốn, vi giáo giới, các điều lợi ích, [tám] điều tối đa, sự thực hành trong tám pháp, sai Pháp, đúng Pháp và các nhóm tám pháp đã được khéo trình bày. -ooOoo-

NHÓM CHÍN Chín sự việc gây nóng giận, [a]172 Chín cách đối tri sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện, [b]173 Chín trường hợp bi phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, [c]174 Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]. [d]175 Chín vật thực

169 [t] Tám yếu tố của vị Tỳ-khưu nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni: Được đề cập chi tiết ở điều học Pacittiya 21 của Tỳ-khưu. 170 [u] Tám điều lợi ích cho vị rành rẽjề Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở tr. 63, thêm vào ba chi tiết là Tễ Uposatha, lễ Pavãraụã và hành sự của hội chung, là phần trách nhiệm của VỊ ay?, VII. 1342). 171 [v] Vị Tỳ-khưu đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp: Không nên đình chỉ lễ Uposatha, [hoặc] không nên đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tồi, khống nên bảo tránh lối đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở [vị Tỳ-khưu trong sạch], không nên tạo bè phái với các Tỳ-khưu (Sđd.). 172 [a] Chín sự việc gây nóng giận và chín cách đối trị sự nóng giận được đề cập đến ở D. 33, Sañgītisuttam (Kỉnh Phúng tụng) va A. IV. 351, chương IX, Chíii pháp. 173 [b] Chín sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, kiềm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận (VìnA. VII. 1342). 174 [c] Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm: Là chín tội Sañghādisesa từ l đến 9 củaTỳ-khưu. 175 [d] Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khưu]: Là câu trả lời của đức Phật cho Đại đức Ưpâli về việc chia rẽ hội chúng. Xem tĩ. 836 trong tạp này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 321.



hảo hạng, [e]176 Tội Dukkata với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng Giới bổn. [í]177 Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái. [g]178 Chín cách ngã mạn. [h]179 Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng, [i]180 Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung, [j]181 Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [k]182 Chín sự bố thí sai Pháp, [l]183 Chín sự thọ lãnh sai Pháp. Chín sự thọ dụng sai Pháp. Ba sự bố thí đúng Pháp, ba sự thọ lãnh đúng Pháp, ba sự thọ dụng đúng Pháp. Chín nhận thức sai Pháp. Chín nhận thức đúng Pháp. [m]184 Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp. Hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp, [n]185 Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. Dứt “Nh6m chín.”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. [Chín] sự việc gây nóng giận, cách đối tri, đã được rèn luyện và lúc vừa mới vi phạm, bị chia rẽ, [vật thực] hảo hạng, thịt, cách đọc tụng và [chín]

điều tối đa.

176 [e] Chín vật thực hảo hạng: Đã được đề cập đến ở điều học Pãciưỉya 39 của Tỳ-khưu là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sưa tươi và sữa đông. 177 [í] Chín cách đọc tụng Giới bổn: Tức là năm cách áp dụng cho Tỳ-khưu và bốn cách áp dụng cho Tỳ-khưu-ni (ND). , • 178 [g] Chín pháp là gốc của tham ái: Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: 4<Tầm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vướng mắc do duyên tham dục, nắm giư do duyên vướng mắc, bon xẻn do duyên nắm giữ, bảo vẹ do duyên bon xẻn, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bang cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cọ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (VinA. VII. 1342-43). Xem D. 15, Mahānidānasuttam (Kinh Đại duyên). 179 [h] Chín cách ngã mạn: Là so sánh hơn, bằng và thua theo chín cách. 180 [i] Chín loại y được chu nguyện để dùng riêng: Là ba ỵ và sáu loại y khác nữa là vải choàng tắm mưa, vật lót ngồi, tấni trải nằm, y đắp ghẻ, khăn lau mặt, miêng vải phụ tung. Xem tr. 382 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tỀ 209. 181 [j] Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng vào then kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dưng chung (VìnA. vil. 1343). 182 [k] Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Câu này được trích dẫn từ điều học Pacittiya 92 về chiều dài y cua đức Thiện Thệ (ND). 183 [1] Chín sự bố thí sai Pháp: Ngài Buddhaghosa giải thích là uvật đã được khẳng định là dâng cho hội chung, lại thuyết phục dângcho hội chúng khác hòạc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, lại thuyet phục dâng đen bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định làdâng cho cá nhan, lại thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoạc hội chúng, hoặc bảo tháp?, (SđdẠ Vấn đề này được đề cập ở điều học Pácittiyạ 82 của Tỳ-khưu. Chín sự thọ lãnh sai Pháp và chín sự thọ dụng sai Pháp la có liên quan đến chín sự bố thí sai pháp này. , -Ba sự bố thí đúng Pháp: Là dâng đến hội chúng vật được dành cho hộixchúng, dâng đến bảo tháp vật được dành cho bảo tháp, dâng đến cá nhân vật được dành cho cá nhân. về sự thọ lãnh và thọ dụng đúng Pháp là sự thọ lãnh và sự thọ dụng của các vật này (Sđd.). 184 [m] Chín nhận thức sai Pháp và chín nhận thức đúng Pháp: Được đề cập ở tr. 653-56 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 333-37. • 185 [n] Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp: Được đề cập ở điều Pacittiya 21 của Tỳ-khưu (VìnÀ. VII. 1343).

TÀNG THEO TỪNG BẬC 1259

2. [Chín gốc của] tham ái, ngã mạn, [chín] sự chú nguyện, chú nguyện để dùng chung, [chín] gang tay, sự bố thí, sự thọ lãnh, sự thọ dụng, ba cách, rồi các cách đúng Pháp. 3 Sai Pháp và đúng Pháp, sự nhận thức có hai nhóm, có hai nhóm chín và [chín] sự đình chỉ Giới bổn sai Pháp. —ooOoo-

NHÓM MƯỜI L Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đôi trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản. [o]186 Mười chánh kiến căn bản. [p]187 Mười hữu biên kiến, [q]188 Mười sự sai trái, [r]189 Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện, [s]190 Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát

thẻ sai Pháp. Mười cách phân phát thẻ đúng Pháp, [t]191 Mười điều học của các Sa-di. [u]192 Vi Sa-di có mười yếu tố nên bi trục xuất, [v]193 2. Vị nắm vững về Luật bi xem là "ngu d6t" khi có mười điều: Vi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] sai Pháp, với sự không khăng đinh, không biêt vê tội, không biêt vê nên tảng của tội, không biết về nhân sanh tội, không biết về sự đoạn diệt của tội, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có mười điều: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho

186 [o] Mười tà kiến căn bản: Là không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có dơi này, không có dơi khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sh, ơ đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đa tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (D. 2, Sāmaññaphalasuttam (Kinh Sa-môn quả) lời dịch cua HT. Thích Minh Châu). 187 [p] Mười chánh kiến căn bản: Được hiểu đối nghịch lại (VinA. VII. 1343). 188 [q] Mười hữu biên kiến: [Có phải] thế giới là vĩnh viễn? [Có phải] thế giói là không vĩnh viễn? [Có phải] thế giới ỉa hữu biên? [Có9phải] thế giới là vô biên? [Có phải] mạng sống và thân thể là chung? [Có phải] mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tôn tại sau khi chét? Như Lai không còn tôn tại sau khi chét? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng Idiông phải không tồn tại sau khi chết? (Añguttaranikāya (Kinh Tăng chí), pháp 10 chi, phẩm Ưpãli). 189 [ri Mười sự sai trái: Là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ,... tà trí, tà giải thoát. Mười sự chân chánh có ý nghĩa :I. 190 [s] Mười đường lối của nghiệp bất thiện: Thân có ba nghiệp:
Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý co ba. Mười đương lối của nghiệp thiện có ý nghĩa đối nghịch lại. 191 [t] Mười cách phân phát thẻ sai Pháp và mười cách phân phát thẻ đúng Pháp được đề cập ở tr. 669 trong tập này; TTPV, tạp 6, Cv. I, chương IV, tr. 363. 192 [u] Mười điều học của các Sa-di: Được đề cập ở tr. 103 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 209. 193 [v] Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất: Được đề cập ở Sdd., tr. 213.



lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] đúng Pháp, với sự khẳng định, biết về tội, biết về nền tảng của tội, biết về nhân sanh tội, biết về sự đoạn diệt của tội, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội. 3. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nền tảng của tranh tụng, không biết vê nhân sanh của tranh tụng, không biêt vê sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về điều quy đinh thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Vị nắm vững về Luật được xem là "thông thai" khi có mười điều: Vị biết về sự tranh tụng,

biết vê nên tảng của tranh tụng, biết vê nhân sanh của tranh tụng, biết vê sự đoạn diệt của tranh tụng, biết vê sự thực hành đưa đên sự đoạn diệt của tranh tụng, biết vê sự việc, biết vê duyên khởi, biết vê điêu quy đinh, biết vê điêu quy đinh thêm, biết vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. 4. Vi nắm vững về Luật bị xem là "ngu d6t" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghi, không thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biêt vê thời diêm, không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội, không biêt tội nhẹ hay nặng, không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét. Vi nắm vững về Luật được xem là "thong thai" khi có mười điều: Vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghi, thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biêt tội xâu xa hay không xâu xa, khéo được kê thừa theo tuân tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét. 5. Vị nắm vững về Luật bị xem là "ngu(tót" khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biêt tội xâu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (Pãtimokkhă) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điêu theo từng từ ngữ; không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội; không biêt tội nhẹ hay nặng; không biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. Vi nắm vững về Luật được xem là "thông thái^ khi có mười điều: Vị biết 5 . e # -••X /K* •

vê sự phạm tội hay không phạm tội; biêt tội nhẹ hay nặng; biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bôn (Patimokkho) khéo được truyền thừa với chi tiêt, khéo được phân tích,



khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng tư ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng. 6. Vị Tỳ-khưu có mười yếu tố nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thinh văn vì mười điều lợi ích. [a]194 Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua, [b]195 Mười vật bố thí. [c]196 Mười loại báu vật. [d]197 Hội chúng Tỳ-khưu nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vi. Mười loại vải pamsukūla. [e]198 Mười loại y và cách sử dụng. [í]199 Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày, [g]200 Mười loại tinh dịch, [h]201 Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ, [i]202203 Mười sự việc được công bố ở thanh Vesālī, [j p03 Mười hạng người không nên đảnh lễ. [k]204 Mười biểu hiện của sự mắng nhiếc, [l]205 Vi tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện, [m]206 Mười loại sàng Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn, [o]2^8 Mười sự đình chỉ Giới bổn tọa. [n]207208 (Pâtimokkhă) sai Pháp. Mười sự đình

chỉ Giới bổn (Pãtimokkhd) đúng Pháp.

194 [a] Mười điều lợi ích về việc quy định điều học. Xem ở điều học Pārājika thứ nhất, Pârậiikapãịi {Phan tích Giới Ty-khưu), TTTDPGVN, tập 10, tr. 34; TTPV, tập l, iti*. 49. 195 [b] Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Xem ở điều học Pâcỉttiya 83 của Tỳ-khưu. 196 [c] Mười vật bố thí: Cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn VII. 1344). 197 [d] Mười loại báu vật: Là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Xem tr. 883 trong tạp này; TTPV. tệ^ 7, Cv. II, chương IX, tr. 431. 198 [e] Mười loại vải pamsukũỉa. Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiêmt bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy, loại bị bò nhai, bi dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc ve le đăng quaiig [cua đức vua], vải dành cho tôi tớ (VinA. VII. 1344). Mười loại vảipamsukũla này đã được trình bay cũng trong tập này ở tr. 51. 199 [í] Mười loại y: Gồm có chín loại y đã được kể ở phần nhóm chín thêm vào vải choàng tắm hay áo lót cua Tỳ-khưu-ni là mười (VìnA. VII. 1344). 200 [g] Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Xem điều học Nissaggiya Pãcittiya thứ nhất của Tỳ-khưu. 201 [h] Mười loại tinh dịch. Xem điều học Sañghādisesa thứ nhất của Tỳ-khưu. 202 [i] Mười hạng người nữ và mười hạng vợ. Xem điều học Sañghādisesa 5 của Tỳ-khưu. 203 [j] Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn them lần nữa, đượcphép hành Uposatha riêng được phép hành sự khòng đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá ngọ, được phép uông nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trư vang bạc. Xem tr. 951 trông tập này; TTPV, tạp 7, Cv. n, chường XII, tr. 567. 204 [k] Mười hạng người không nên đảnh lễ: Được đề cập ở Sdd., chương VI, tr. 179. 205 [1] Mười sự việc của sự mắng nhiếc: Được đề cập ở điều học Pãcỉttỉya 2 của Tỳ-khưu. 206 [m] Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Được đề cập ở điều học Pãcỉttiya 3 của Tỳ-khưu. 207 [n] Mười loại sàng tọa: Giường ghế, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngồi, thẩm cỏ, thảm lá (VinA. VII. 1344). 208 [o] Họ đã yêu cầu mười điều ước muốnrLà tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đúc Vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức Phật cho phép các Tỳ-khưu được phép nhận y của gia chủ cúng dường (Sđd.).



Mười điều lợi ích của cháo. [p]209 Mười loại thịt không được phép. [q]210 Mười điều tối đa. Vị Tỳ-khưu mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa di phục vụ. Vi Tỳ-khưu-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di-ni phục vụ. [r]211 Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị Tỳ-khiru-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi. Dứt wNhóm mười.55

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. [Mười] sự việc gây nóng giận, cách đối tri, [mười] sự việc [đã được rèn luyện], tà và chánh, [mười] hữu biên [kiến], [mười] sự sai trái, luôn cả [mười] sự đúng đắn, [mười] nghiệp thiện và cả bất thiện nữa. 2. [Mười] cách phân phát thẻ sai Pháp và đúng Pháp, Sa-di5 sự trục xuất, lời nói, luôn cả [mười] sự tranh tụng, sự quy định, luôn cả [tội] nhẹ nữa. 3 Các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết tôi và sáng, [mười] yêu tô vê đại biểu, [mười] điều học, ở hậu cung, các sự việc. 4. Báu vật, nhóm mười, các sự tu lên bậc trên là tương tợ y như thế, [mười loại] vải pamsukūla, [mười] cách sử dụng y, mười ngày, tinh dịch và [mười] hạng người nữ. 5. [Mười] hạng vợ, mười sự việc, khônệ đảnh lễ, với sự mắng nhiếc, luôn cả các sự đâm thọc, các sàng tọa, [mười] điêu ước muốn và các sự sai Pháp. 6 Các sự dúng Pháp, cháo và thịt, [mười] điều tối da, vị Tỳ-khưu? vi Tỳ- khưu-ni, các sự tiếp độ, các người nữ đã kết hôn, nhóm mười đã khéo được giảng giải. —ooOoo—

NHÓM MƯỜI MÔT 1. Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trục xuất, [a]212 Mười một loại giày

209 [p] Mười điều lợi ích của cháo. Xem tr. 288 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 45. 21? [q] Mười loại thịt không được phép: Là thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt h&. 21 [r] ở điều này và điều kế,
có sự lầm lẫn vì Tỳ-khưu-ni phải là '"mười hai nm" thâm niên mới có thể tiêp độ đệ tử, còn trường hợp í4mười năm,, là dành cho Tỳ-khưu (ND). 212 [a] Mười một hạng người trênf Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thu^ kẻ giết mẹ, kẻ giet cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ Ty-khưu-ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm [đức Phạt] chảy mẩu, kẻ lưỡng căn. Xem tr. 105-10 trong tập nay; TTPV, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 213-21.



không được phép. [b]213 Mười một loại bình bát không được phép. [c]214 Mười một loại ỵ không được phép. [d]215 Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lan thứ ba. [e]216 Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khtru-ni cần được hỏi. [f]217 Mười một loại y được chú nguyện đê dùng riêng, [g]218 Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung, [h]219 Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào Nissaggỉya. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép, [i]220 Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép, [j]221 Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ. [k]222 Mười một hạng người không nen đảnh lễ. [l]223 Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điêu ước muôn, [m]224 Mười một sự sai trái của ranh giới, [n]225 Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người mắng nhiếc và người gièm pha.

2? [b] Mười một loại giày không được phép: Là mười loại giày làm bằng vật quý giá: Làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha lê, bang đong đỏ, băng thuý tmh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau và loại giày làm bằng gỗ la mười một (VinA. VII. 1344). 214 [c] Mười một loai bình bát không được phép: Là loại bình bát bằng đồng đỏ hay bằng gỗ và mười loại bình bát làm bang vật quý giá (Sđd.). 215 [d]

Mười một loại y không được phép: Y toàn màu xanh, y toàn màu vàng, y toàn mậu đỏ [máu], y toàn màu tím, y toàn mauden, y toàn mau đỏ tía, y toàn màu hồng, y không cat đường viền, y co đương viền rộng, y co đường viền vẽ bông hoa, y có đương viền vẽ hình rắn hổ mang. Xem tr. 391 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VUI, tr. 225. 216 [e] Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba: Là tội Pãrậiỉka 3 của Tỳ-khưu-ni, 8 tồi Sañghādisesa, tội Pācittiya 68 về Tỳ-khưu Arittha và tội Pãcittiya 36 của Tỳ-khưu-ni Candakāli (yỉnA. VH. 1344). 217 [f] Mười một pháp chướng ngại của Tỳ-khựu-ni cần được hỏi: "C6 không phải là người không có hiện tương [người nữ]? Cô không phai là ngươi khiếm khuyết hiện tướng [ngưòd nữ]? Cô Idiông phải là ngươi không co kinh nguyệt? Cô không phai là người bị bang huyết? Co Idiong phai là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị di căn? Cô không phải là ngươi nữ vô căn? Cô khòng phải la người lại đực? Cô không phai là ngươi tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng cn?" Xem tr. 922 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 513. 218 [g] Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng: Ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngọa cụ, y đắp ghẻ, khan lau mặt, y phụ thuộc, vải choang tắm và áo lót cua Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1345). 219 [h] Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dung chung (Sđd.). 22? [i] Mười một loại hột nút được phép: Là các hột nút được làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bang nhựa cây, làm bằng trai cay, làm bằng đồng, làm bằng vỏ so, lằm bằng chi sợi. Xem tr. 745 trong tập nay; TTPV, tập 7, Cv. II, chướng v, tr. 95. 221 [j] Mười môt loại đất không được phép và mười một loại đất được phép: Ngài Buddhaghọsa giải thích là được đề cập ở điều học Pãcittiya 10 (VinA. VII. 1345); tuy nhiên ở đây chỉ có hai loại đất được nêu ra là đất màu mỡ và đất không mẩu mỡ. 222 [k] Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ: Là năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học(Sdd.). 223 [1] Mười một hạng người không nên đảnh lễ: Thêm vị lõa thể là mười một. Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười (Sđd.). 224 [m] Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn: Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mươi một là cua bà Mahāpajāpati Gotamĩ yêu cầu việc các Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni thực hành phận sự thích hợp là sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp tính theo thâm niền (xem tr. 907 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 479); nhưng điều này đã bị đức Phật từ chối (VinA. VII. 1345). 225 [n] Mười một sự sai trái của ranh giới: Được trình bày không liên tục ở phần thực hiện ranh giới bắt đầu VỚI việc ấn định rành giới quá nhỏ, V.V... Xem tr. 131 ửong tập này; TTP v, tập 4, Mv. 1^ chương II, tr. 263.

1264 « TẬP YẾU

2. Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điêu hiên nhiên: Ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thây ác mộng, được mọi ngườir thương mên, được các phi nhân r thương mên, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chát độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ây, tâm được nhập đinh nhanh chóng, sác mặt • được• an tịnh, • không 9mê

mờ khi từ trân, trong r khi không thê nhập được trạng thái cao thượng [phàm vị A-la-hán] thì đi đên thê giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đêu đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nên tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mlì, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên. Dứt "Nh6m mười mQt."

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY: L Các hạng nên trục xuất, các loại giày, các bình bát, các y, lần thứ ba, các điều nên hỏi, các sự chú nguyện dùng riêng và dùng chung. 2. Lúc rạng đông, các khóa that lưng, các hột nút, các điêu không được phép và được phép, việc nương nhờ, luôn cả các hạng không nên đảnh lễ, các điều tôi đa, các điêu ước muôn, các sự sai trái của ranh giới, các sự măng nhiêc, với tâm từ là nhóm mười một đã được hoàn tất. Dứt "Tăng theo từng bậc.w

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG NÀY: 1. Nhóm một? nhóm hai, luôn cả nhóm ba, bốn và nhóm năm, sáu, bảy, tám, nhóm chín, mười và nhóm mười một. 2. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, các điều tăng theo từng bậc không ô nhiễm đã được thuyết giảng bởi đấng Đại Hùng, bậc Hiểu Pháp như thế ấy. —ooOoo—

CÁC CÂU VẤN ĐÁP VÈ LỄ UPOSATHAVV..

CÁC CÂU HỎI , y L Đôi với hành sự Uposatha, việc gì là đâu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự Pavãranã. việc gì là đau tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đoi với hành sự chỉ dạy,...(nt)... Đoi với hành sự xua đuổi, ..(iìt).. Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đoi với hành sự án treo, ...(nt).. Đối với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa. ...(nt).. Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt).. Đối với việc ban cho hình phạt Mãnatta. ...(nt).. Đối với việc giải tội, ...(nt)... Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 2. Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gi là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy, ...(nt)... Đối với việc thu hồi hành sự xua đuổi, ..(nt).. Đối với việc thu hồi hành sự hòa giải, ..(nt).. Đôi với việc thu hôi hành sự án treo, việc gì là đâu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 3 Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt).. Đối với [hành xử Luật] theo tội của vi ấy, ...(nt).. Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt)... Đối với việc chỉ đinh vị giáo giới Tỳ-khưu-ni,...(nt)... Đối với việc đong ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y,...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vi tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt)... Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về dây, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Dứt các câu hỏi.

CÁC CÂU TRẢ LỜI 1. Đối với hành sự Uposatha. việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? r r y e  Đôi với hành sự Uposatha. sự hợp nhát là đâu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc.

2. Đối với hành sự Pavāranā, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với hành sự Pavāranā, sự hợp nhát là đâu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự hoàn tất là kết cuộc. 3 Đối với hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự khiển trách, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghi là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 4. Đối với hành sự chỉ dạy, ..(nt).. Đối với hành sự xua đuổi, ...(nt).. Đối với hành sự hòa giải, ...(nt)... Đối với hành sự án treo, ...(nt)... Đối với việc ban cho hình phạt Parivãsa, ...(nt).. Đối với việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ..(iit).. Đối với việc ban cho hình phạt Mãnatta. ...(nt).. Đối với việc giải tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? 5. Đối với hành sự tu lên bậc trên, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với hành sự tu lên bậc trên, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 6 Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với việc thu hồi hành sự khiển trách, sự thực hành phận sự đúng đắn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 7. Đối với việc thu hồi hành sự chỉ dạy,...(nt).. Đối với việc thu hồi hành Sự xua đuôi, ...(nt)... Đôi với việc thu hôi hành sự hòa giải, ...(nt)...Đôi với việc thu hồi hành sự án treo, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với việc thu hôi hành sự án treo, việc thực hành phận sự đúng dăn là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 8. Đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đôi với hành xử Luật băng sự ghi nhớ, sự việc và nhân vật là đâu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. 9. Đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... Đối với [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ...(nt).. Đối với cách dùng cỏ che lấp, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, ...(nt)... Đoi với việc đong ý về sự không vi phạm tội vì xa lìa ba y, ...(nt)... Đối với việc đồng ý về ngọa cụ, ..(nt).. Đối với việc chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc, ...(nt).. Đối với việc chỉ đinh vị tiếp nhận y khoác ngoài, ...(nt).. Đối với việc chỉ định vị tiếp nhận bình bát,...(nt).. Đối với việc đồng ý về gậy, ...(nt).. Đối vơi việc đồng ý về dây, ...(nt).. Đối với việc đồng ý về gậy và dây, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết CUOC?

CÁC CÂU VẤN ĐÁP 1267

Đối với việc đồng ý về gậy và dây, sự việc và nhân vật là đầu tiên, lời đề nghị là ở giữa, tuyên ngôn hành sự là kết cuộc. Dứt các câu trả lòi. Dứt các câu vấn đáp về lễ Uposatha^ V.V.. —ooOoo—

LỜI GIẢI THÍCH VÈ ĐIỀU LỢI ÍCH 1 Đức Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì mười điêu lợi ích: Nhăm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nham việc tran áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhăm đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, nhăm sự tôn tại của Chánh pháp, [và] nhăm sự hỗ trợ của Luật. 2. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điều nào nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, điều ấy nhằm sự lạc trú của các

Tỳ-khưu hiên thiện. Điêu nào nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiên thiện, điêu ây nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, điều ấy nhằm sự tồn tại của Chánh pháp. Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật. 3. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây là sự an lạc cho hội chúng. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào là sự tót đẹp cho hội chúng, điêu ây nhăm sự tôn tại của Chánh pháp. Điều nào là sự tốt đẹp cho hội chúng, điều ấy nhằm sự hỗ trợ của Luật. 4. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xâu. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự lạc trủ của các Tỳ-khiru hiền thiện. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm



ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự tôn A * e ' Tí tại của _ Chánh pháp. Điêu nào là sự an lạc cho hội chúng, điêu ây nhăm sự hô trợ của Luật. Điều nào là sự an lạc cho hội chúng, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. 5. Điêu nào nhăm việc trân áp những nhân vật ác xâu, ...(nt)... Điêu nào nhăm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiên thiện, ...(nt)... Điêu nào nhăm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, ...(nt)... Điều nào nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, ...(nt)... Điều nào nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Điêu nào nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin, ..(nt)... Điều nào nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, ...(nt). 6 Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự tốt đẹp cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy là sự an lạc cho hội chúng. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điều ấy nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin. Điều nào nhằm sự hỗ trợ của Luật, điêu ây nhăm tăng thêm niêm tin của những người đã có đức tin. Điêu nào nhăm sự hô trợ của Luật, điêu áy nhăm sự tôn tại của Chánh pháp. Một trăm ý nghĩa, một trăm pháp và hai

trăm điều diễn dạt, là bốn trăm trí trong lời giải thích về các điều lợi ích. Dứt lời giải thích về điều lợi ích.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: L Trước tiên là vê tám câu hỏi, thêm nữa là tám vê các nhân duyên, mười sáu điều này là của các vi Tỳ-khưu và cũng là mười sáu điều của các Tỳ-khưu-ni. 2. Sự trùng lặp liên tục, các phân phân tích và luôn cả phân tăng theo từng bậc một, lê Pavāranā, các phân liên quan đên điêu lợi ích là phân tông hợp thuộc về Luật Đại phẩm. dút đại phẩm —ooOoo—

sưu TẬP VÈ CÁC BÀI KỆ

1 Sau khi đã đăp y một bên vai, sau khi đã chăp tay lại, lại còn có vẻ đang mong mỏi, vì sao ngươi đi đến nơi đây? 2. Các điều đã được quy đinh trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, các điều học ấy là có bao nhiêu, đã được quy định ở bao nhiêu thành phố? 3. Câu hỏi của ngươi hay, ngươi đã hỏi chí lý, quả vậy Ta sẽ giảng cho ngươi; như thế ngươi sẽ được tận tường. 4. Các điều đã được quy định trong hai bộ Luật được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, chúng gồm có ba trăm năm mươi điều, đã được quy định ở bảy thành phố. 5. Chúng đã được quy đinh ở bảy thành phô nào? Ngài ơi, xin Ngài hãy nói cho con. Sau khi đã lang nghe lời nói chỉ dạy ấy, chúng con sẽ thực hành vì lợi ích cho chúng con. 6. Chúng đã được quy định ở thành Vesālī, thành Rājagaha, rồi thành Sāvatthi, thành Ālavī, ở thành Kosambī, trong xứ sở Sakkā và luôn cả ở Bhagga nữa. 7. Bao nhiêu đã được quy đinh ở thành Vesālī? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành Rājagaha? Bao nhiêu là ở thành Sāvatthi? Bao nhiêu đã được thực hiện ở thành ÂỊavĩ? 8. Bao nhiêu đã được quy định ở thành Kosambī? Bao nhiêu được đề cập ở xứ Sakkā? Bao nhiêu đã được quy định ở xứ Bhagga? Đã được con hỏi, xin Ngài hãy nói về điều ấy. 9. Mười điều đã được quy đinh ở thành Vesālī, hai mươi mốt điều đã được thực hiện ở Rājagaha, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều đã được thực hiện ở thanh Sāvatthi. 10. Sáu điêu đã được quy đinh ở thành AỊavĩ, tám điêu đã được quy định ở thành Kosambī, tám điều được đề cập ở xứ Sakkā, ba điều đã được quy định ở xứ Bhagga. 11. Các điêu đã được quy định ở thành Vesālī, ngươi hãy lăng nghe các điêu ấy theo như lời giảng giải: Chuyện đôi lứa, mạng người, pháp thượng nhân và phụ trội, màu đen. 12. Sự thực chứng, bữa ăn được thỉnh sau, tăm xỉa răng và nước, vị đạo sĩ lõa thể, mắng nhiếc ở các Tỳ-khưu-ni, mười điều này đã được thực hiện ở thành Vesālī.



13. Các điều nào đã được quy định ở Rājagaha, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: ở Rājagaha, lấy vật không được cho và luôn cả hai chuyện bôi nhọ. 14. Và còn hai việc chia rẽ, y nội, vàng bạc, chỉ sợi, với vị phàn nàn, đồ khất thực môi giới, vật thực chung nhóm, lúc sái giờ và việc đi thăm viếng, việc tắm, chưa đủ hai mươi [tuổi]. 15. Sau khi đã cho y, đang hướng dẫn sự phục vụ, các điều này đã được thực hiện ở Rājagaha, trên đỉnh núi, sự du hành, là chính ở nơi ấy, với sự trao thỏa thuận, là hai mươi mốt. 16. Các điều nào đã được quy định ở thành Sāvatthi, nguôi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Bon Pārāịika. các điều Sañghādisesa là

mười sáu. 17. Và có hai điều Ānīyata, ba mươi bốn điều Nissaggiya và luôn cả một trăm năm mươi sáu điều nhỏ nhặt được nói đến. 18. Và luôn cả mười tội đáng chê trách, bảy mươi hai điều Sekhỉya, tất cả hai trăm chín mươi bốn điều là đã được thực hiện ở thành Sāvatthi. 19. Các điêu nào đã được quy định ở thành AỊavĩ, ngươi hãy lăng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Cốc liêu, tơ tằm, chỗ nằm, về việc đào, "Thiên nhân, hãy đi di" và các vi tưới nước có sinh vật, sáu điều này đã được thực hiện ở thành Ālavī. 20. Các điều nào đã được quy định ở thành Kosambī, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Tru xá lớn, khó dạy, [tránh né bằng] điều khác, cánh cửa lớn và men say, không tôn trọng, theo pháp, với việc uống sữa là thứ tám. 21. Các điều nào đã được quy định ở xứ Sakkā, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các lông cừu và bình bát, luôn cả việc giáo giới, dược phẩm. 22. Kim và luôn cả ở trong rừng, sáu điều này ở thành Kapilavatthu, làm sạch sẽ với nước, việc giáo giới được nói lên ở các Tỳ-khưu-ni. 23. Các điêu nào đã được quy định ở xứ Bhagga, ngươi hãy lăng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Sau khi đốt lửa các vi sưởi ấm, dính thức ăn, cơm cặn. 24. Bốn điều Pārājika, Sañghādisesa là có bảy, tám điều Nissaggiya và các điều nhỏ nhặt là ba mươi hai. 25. Hai điều đáng chê trách, ba điều Sekhiya. năm mươi sáu điều học đã được quy định bởi đức Phật, vị thân quyến mặt trời, ở sáu thành phố. 26. Hai trăm chín mươi bôn [điêu học], tát cả đã được thực hiện ở thành Sāvatthi bởi đức Phật Gotama, có lòng bi mẫn, có danh tiếng.

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ 1271

BÓN Sự Hư HỎNG 1. Điều gì chúng tôi hỏi, Ngài đã trả lời cho chúng tôi về mỗi một điều ấy được rõ ràng không có sai lệch. Tôi hỏi Ngài điều khác. Ngài ơi, xin Ngài hãy nói vê điêu ây. 2. Tội nặng và cả tội nhẹ, còn dư sót, không còn dư sót, xấu xa và không xấu xa, những điều [được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. 3. [Các tội] r quy đinh r sự7 hư hỏng, được làm lắng dịu với J chung và riêng, các 5 .

những dàn xép nào? Xin Ngài hãy nói rõ tát cả các điêu này. Ngài ơi, chúng tôi đang lắng nghe lời dạy của Ngài. 4. Những điêu nào là nặng gôm có ba mươi môt, ở đây có tám điêu là không còn dư sót. Những tội nào là nặng, những tội ấy xấu xa; những tội nào xấu xa, chúng là sự hư hỏng về giới. 5. Tội Pārājika, tội Sañghādisesa được đề cập đến là “SỊT hư hỏng về gi&i.” Tội Thulỉaccaya, tội Pãcittiya, tội Pãtỉdesanĩya là tương tợ. 6 Tội Dukkata, tội Dubbhāsitā và tội vị măng nhiêc, có ý định đùa giỡn, điều này đây được xác định là sự hư hỏng về hạnh kiểm. 7. Các vi nắm lấy quan điểm đối nghịch, tôn vinh phi Chánh pháp, có tuệ kém, bị mê mờ che phủ, chê bai đang Toàn Giác, điêu này đây được xác đinh là sự hư hỏng về quan điểm. 8. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị nói rằng: [Tỳ- khưu] nào sông trong tru xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ây là bậc A-la-hán." Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vi Tỳ-khmi yêu cầu các vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-khưu không bị bệnh yêu cầu súp hoặc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ

thực. Điều này đây được xác định là sự hư hỏng về nuôi mạng. 9. Mười một điều [nhắc nhở] cho đến lần thứ ba, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải: Các vi xu hướng theo kẻ bị án treo, tám điều [được nhắc nhở] cho đến lần ba, vị Arittha và vị Ni Candakālī; những điều này đây là [được nhác nhở] cho đên lân thứ ba.

LIÊN QUAN VIỆC CẮT BỚT VV.. L Bao nhiêu điêu liên quan việc căt bớt? Bao nhiêu điêu liên quan việc đập vỡ? Bao nhiêu điều liên quan việc móc ra? Bao nhiêu điều Pãcittiya [chỉ vì nguyên nhân ấy] không điều nào khác?



2. Bao nhiêu sự đồng ý của các Tỳ-khiru? Bao nhiêu sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]? Bao nhiêu điều tối đa? Bao nhiêu điều "dầu biết" đã được quy đinh bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời? 3 Sáu điều liên quan việc cắt bớt. Một điều liên quan việc đập vỡ. Một điều liên quan việc móc ra. Bôn điêu Pâcittiya [chỉ vì nguyên nhân áy] không điêu nào khác. 4. Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Bảy sự đúng đắn [trong trường hợp ấy]. Mười bốn điều "tối da." Mười sáu điều "dầu biết" đã được quy định bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời.

ĐIÊU KHÔNG QUY ĐỊNH CHUNG v.v... L Hai trăm hai mươi điều học của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 2 Ba trăm lẻ bốn điều học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 3. Của các vị Tỳ-khưu có bốn mươi sáu điều học là không được quy định chung với các Tỳ-khiru-ni. Của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điều là không được quy định chung với các vị Tỳ-khưu 4. Một trăm bảy mươi sáu điều là không chung cho cả hai, một trăm bảy mươi bốn điều được thực hành bình đẳng cho cả hai [hội chúng]. 5. Hai trăm hai mươi điều học của các vi Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lê Uposatha. ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời giảng giải. 6. Bốn điều Pãrậịika. Sanghãdỉsesa là mười ba, điều Ānīyata có hai, đúng ba mươi điều Nỉssaggiya và chín mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều Pãtỉdesanĩya. bảy mươi hai điều Sekhỉya. 7. Và hai trăm hai mươi điều học này của các Tỳ-khưu được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha, 8. Ba trăm lẻ bôn điêu học của các Tỳ-khưu-ni được đưa ra đọc tụng trong các lê Uposatha. ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời giảng giải. 9. Tám điều Pārājika, Sañghādisesa là mười bảy, đúng ba mươi điều Nỉssaggỉya và luôn cả một trăm sáu mươi sáu điêu được gọi là điêu nhỏ nhặt. 10. Tám điều Pātidesanīya. bảy mươi hai điều Sekhiya. là ba trăm lẻ bốn; các điều học này là của các Tỳ-khưu-ni, được đưa ra đọc tụng trong các lễ Uposatha. 11. Của các Tỳ-khưu có bôn mươi sáu điêu học không được quy định chung với các Tỳ-khiru-ni, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải.



12. Sáu điều Sañghādisesa. với hai âiề\x Ānīyata là tám, thêm mười hai điều Nissaggiya. chúng với các điều ấy là hai mươi điều. 13. Hai mươi hai điều nhỏ nhặt, bốn điều Pātidesañīya. bốn mươi sáu điều này của các Tỳ-khưu là không được quy định chung với các Tỳ-khưu-ni. 14. Và của các Tỳ-khưu-ni có một trăm ba mươi điêu học không được quy định chung với các Tỳ-khiru, ngươi hãy lăng nghe các điêu ây theo như lời

giảng giải. 15. Bốn điều Pārājika. mười điều lìa hội chúng, mười hai điều Nissaggiya và chín mươi sáu điêu nhỏ nhặt, tám điêu Pātidesamya, một trăm ba mươi điêu này của các Tỳ-khưu-ni là không được quy định chung với các Tỳ-khưu. 16. Luôn cả một trăm bảy mươi sáu điêu là không chung cho cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải. 17. Bôn điêu Pārājika, Sañghādisesa là mười sáu điêu và Ānīyata là hai điều, Nissaggiya hai mươi bốn điều. 18. Và đúng một trăm mười tám điều được gọi là nhỏ nhặt, mười hai điều Pātidesariīya và cả thảy một trăm bảy mươi sáu điều này là không chung cho cả hai. 19. Một trăm bảy mươi bôn điêu là được thực hành bình đăng đôi với cả hai, ngươi hãy lắng nghe các điều ấy theo như lời giảng giải. 20. Bôn điêu Pārājika, các điêu Sañghādisesa là bảy, các điêu Nissaggỉya là mười tám, đúng bảy mươi điều nhỏ nhặt, bảy mươi lăm điều Sekhiya, cả thảy một trăm bảy mươi bốn điều này là được thực hành bình đẳng cho cả hai. 21. Chính tám điêu Pārājika là các điêu vi phạm xâu xa, tương tợ như góc cây thốt nốt, như chiếc lá úa vàng, như tảng đá bằng phẳng, như người đàn Ông ây có đâu đã bị chặt lìa, như cây thót nót đã bị chặt ngọn, chúng không còn phát triển. 22. Hai mươi ba điêu Sañghādisesa, hai điêu Ānīyata, bôn mươi hai điêu x \

Nissaggiya. một trăm tám mươi tám điêu Pācittiya, mười hai điêu Pātidesañīya. 23. Bảy mươi lăm điều Sekhiya, chúng được làm lắng dịu với ba cách dàn xếp: Với sự hiện diện, như đã được thừa nhận và việc dùng cỏ che lấp. 24. Bậc Chiến Thắng đã giảng giải về hai lễ Uposatha, hai lễ Pavāranā. về bốn loại hành sự và luôn cả năm cách tụng đọc, bốn cách cũng không khác và các nhóm tội là bảy. 25. Bôn sự tranh tụng được làm lăng diu với bảy cách dàn xép, với hai cách, bốn cách, ba cách, còn nhiệm vụ được làm lắng dịu với một cách.



JQIPĀRĀJIKANN... .

1. Điều nào được gọi là "tội Pārājika ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Là kẻ đã bị chết, đã bị thua trận và đã bi té ngã, bởi vì đã bị khước từ ra khỏi Chánh pháp, ngay cả việc đông cộng trú ở nơi ây cũng không còn, vì thế điều này được gọi như vậy. 2. Điều nào đã được gọi là utội Sañghādisesa ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Chính hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta và giải cho khỏi tội, vì thế điều này được gọi như vậy. 3. Điều nào đã được gọi là "tội Ānīyata ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Ānīyata là không chắc chắn, là điều học không được xác định, là một sự kiện nào đó trong ba, nên được gọi là "Aniyatay 4. Điêu nào đã được gọi là "tội Thullaccaya ", ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. Vị nào khai trình tội ở chân của vị khác và vi nào ghi nhận điêu ây9 do đó, sự vi phạm được yên lặng, không còn gây hại cho vị ây, vì the điều này được gọi như vậy. 5. Điều nào đã được gọi là "tội Nissaggiya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải, ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, đến chỉ mỗi một vị, sau khi xa bo roi sam hoi, VI the điêu nay được gọi như vạy. 6. Điều nào đã được gọi là "tội Pâcỉttiya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vị đánh rơi thiện pháp, đoi nghịch lại Thánh đạo, có sự mê mờ của tâm, vì

thế điều này được gọi như vậy. 7. Điều nào đã được gọi là "tội Pātidesanīya ", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Vi Tỳ-khiru trong khi không là thân quyến, đối với vật thực của vị Ni khó nhọc mới thành dạt, sau khi tự mình nhận lãnh rồi thọ thực, được gọi "đáng chê trách." 8. Giữa những vị được mời, trong lúc đang thọ thực, nơi ây có vị Tỳ-khưu- ni hướng dẫn theo ý thích, sau khi không ngăn cản, vi thọ thực ở đó, được gọi í6đáng chê trach?9 9. Sau khi đi đến gia đình có tâm tín thành, ít của cải, nghèo, vị [Tỳ-khưu], không bệnh, thọ thực ở nơi ấy, được gọi "đáng chê trách. 10. Nếu là vị đang sống ở khu rừng, có sự kinh hoàng, có sự nguy hiểm, không báo cho biêt, roi thọ thực ở nơi ây, được gọi "dáng chê trách." 11. Tỳ-khưu-ni, trong khi không là thân quyên, đôi với vật được người khác ưa thích là bơ lỏng, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá thịt, rồi luôn cả sữa tươi và sữa đông, vị Tỳ-khưu-ni yêu cau vật ấy phạm tội đáng chê trách trong giáo pháp của đức Thiện Thệ.

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ * 1275

12. Điêu nào đã được gọi là "tội Dukkata'\ ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. Sự việc đã bị thua trận, đã bi thất bại và đã bị lỗi lầm là tội Dukkata. 13. Người làm điều ác ấy công khai hoặc là kín đáo, người ta tuyên bố là “Dukka,vì thê điêu này được gọi như vậy. 14. Điều nào đã được gọi là utội Dubbhāsitā", ngươi hãy lắng nghe điều ấy theo như lời giảng giải. Câu nói nào là ác khẩu, được nói lên sái quấy và hoàn toàn bị ô nhiêm, điêu nào các bậc Tri thức chê trách, vì thê điêu này được gọi như vậy. 15. Điêu nào đã được gọi là "tội Sekhiya'\ ngươi hãy lăng nghe điêu ây theo như lời giảng giải. [Đây] là dành cho vị Hữu học, đang còn học tập, đang tiến theo con đường thẳng tắp. 16. Và sự thực hành này là việc trước tiên, đứng đầu, là sự kiểm soát và thu thúc, sự học tập như vay là không c6, vì the, điều này được gọi như vậy. 17. Nước mưa bi văng lại ở vật đã được che đậy, không văng lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy, ở vật ấy, nước mưa không văng lại. 18. Núi rừng là cảnh giới của các loài thú vật, không gian là cảnh giới của các loài có cánh, biến hoại là cảnh giới của các pháp [hữu vi], Niết-bàn là cảnh giới của bậc A-la-hán. Dứt sưu tập về các bài kệ.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY ở trong bảy thành phố, điều đã được quy đinh và bốn sự hư hỏng, các điều quy định chung và riêng của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, chương "Sưu tập các bài ke” này nhằm nâng đỡ giáo pháp. —ooOoo—

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG

1. Bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Đây là bon sự tranh tụng. Bốn sự tranh tụng này có bao nhiêu cách khơi dậy? Bốn sự tranh tụng này có mười cách khơi dậy: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có hai cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn cách khơi dậy, sự tranh tụng liên quan đến tội có ba cách khơi dậy và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một cách khơi dậy. Đây là mười cách khơi - í : dậy của bôn sự tranh tụng này. 2. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vi ấy] khơi dậy bao nhiêu cách

dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiên trách thì [vi áy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xép? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tội thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì [vị ấy] khơi dậy bao nhiêu cách dàn xếp? Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi thì [vị ấy] khơi dậy hai cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì [vị ấy] khơi dậy bốn cách dàn xếp. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đên tội thì [vị áy] khơi dậy ba cách dàn xép. Trong khi khơi dậy sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ thì [vị áy] khơi dậy một cách dàn xép. 3. Có bao nhiêu sự• khơi dậy? •ụ Vi• tạo • ra sự• khơi dậy • ụ với bao nhiêu biểu hiện? •

Người khơi dậy sự tranh tụng có bao nhiêu yêu tô? Bao nhiêu người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng? Có mười hai sự khơi dậy. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện. Người khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố. Bốn hạng người vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng. 4. Mười hai sự khơi dậy là gì? Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, hành sự cần được thực hiện lại, chưa được hoàn tất. đã được hoàn tất sai, cần được hoàn tất lại, chưa được quyết định, đã được quyết đinh sai, càn được quyết định lại, chưa được giải quyêt, đã được giải quyêt sai, cân được giải quyêt lại. Đây là mười hai sự khơi dậy.



e e 5. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biêu hiện gì? Vi khơi dậy sự tranh tụng tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết tại chỗ đã sanh khởi, vị khơi dậy sự tranh tụng [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết [khi đang đi] nửa đoạn đường, vị khơi dậy sự tranh tụng khi đã đen nơi ấy, vi khơi dậy sự tranh tụng đã được giải quyết khi đã đến nơi ấy, vị khơi dậy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, vi khơi dậy hành xử Luật khi không điên cuồng, vị khơi dậy [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, vị khơi dậy cách dùng cỏ che lấp. Vị tạo ra sự khơi dậy với mười biểu hiện này. 6. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bôn yêu tô gì? - Vi khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vi vì ưa thích, ...(nt)... vì sân hận,...(nt).. vì si mê, vi khơi dậy sự tranh tụng trong khi thiên vị vì sợ hãi. Vị khơi dậy sự tranh tụng có bốn yếu tố này. 7. Bốn hạng người nào vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng? Vị đã được tu lên bậc trên vào chính ngày ây khơi dậy [sự tranh tụng] thì vi phạm tội Pãcỉttỉya có liên quan đen việc khơi dậy; vi vãng lai khơi dậy thì vi phạm tội Pãcỉttiya có liên quan đến việc khơi dậy; vị là người chủ động khơi dậy thì vi phạm tội Pãcỉttỉya có liên quan đến việc khơi dậy; vị trao ra sự tùy thuận khơi dậy thì vi phạm tội Pâcỉttiya có liên quan đến việc khơi dậy. Bốn hạng người này vi phạm tội trong khi khơi dậy sự tranh tụng.

Sự MỞ ĐẦU VV. CỦA TRANH TỤNG 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự

tranh tụng liên quan đến tội có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?  Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh cãi là sự mở đầu, có tranh cãi là sự phát sanh, có tranh cãi là sự sanh lên, có tranh cãi là sự hiện khởi, có tranh cãi là sự cốt yếu, có tranh cãi là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có khiển trách là sự mở dầu, có khiển trách là sự phát sanh, có khiển trách là sự sanh lên, có khiển trách là sự hiện khởi, có khiển trách là sự cót yêu, có khiên trách là nguôn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đên tội có



tội vi phạm là sự mở đầu, có tội vi phạm là sự phát sanh, có tội vi phạm là sự sanh lên, có tội vi phạm là sự hiện khởi, có tội vi phạm là sự cót yêu, có tội vi phạm là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ có nhiệm vụ ỉa sự mở đầu, có nhiệm vụ là sự phát sanh, có nhiệm vụ là sự sanh lên, có nhiệm vụ là sự hiện khởi, có nhiệm vụ là sự cốt yếu, có nhiệm vụ là nguồn sanh khởi. 2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở dầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi?  Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. 3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có điều gì là sự mở đầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điều gì là sự hiện khởi, có điều gì là sự cốt yếu, có điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có điều gì là sự mở dầu, có điều gì là sự phát sanh, có điều gì là sự sanh lên, có điêu gì là sự hiện khởi, có điêu gì là sự cót yêu, có điêu gì là nguồn sanh khởi?  Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách ...(nt).. Sự tranh tụng liên quan đến tội ...(nt)... Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cót yêu, có duyên là nguôn sanh khởi.

ĐIỀU CĂN BẢN VV.. CỦA TRANH TỤNG L Bốn sự tranh tụng có bao nhiêu điều căn bản, có bao nhiêu nguồn sanh khởi?  Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba điêu căn bản, có ba mươi ba nguôn sanh khởi. 2. Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba điêu căn bản gì?

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười hai điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có mười bốn điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến tội có sáu điều căn bản, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có một điều căn bản là hội chúng. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba điều căn bản này. 3 Bôn sự tranh tụng có ba mươi ba nguồn sanh khởi gì? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có mười tám sự việc gây ra chia rẽ là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có bốn sự hư hỏng là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến tội có bảy nhóm tội là nguồn sanh khởi, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có bốn hành sự là nguồn sanh khởi. Bốn sự tranh tụng có ba mươi ba nguôn sanh khởi này.

TỒI VI PHẠM LÀ DUYÊN CỦA TRANH TỤNG 1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Xúc phạm vị đã tu lên bậc trên phạm tội Pãcittiya, xúc phạm người chưa tu lên bậc trên phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này. 2. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng dịu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ấy được phân chia theo một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bon sự tranh tụng, vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có the là nhóm tội Pãcỉttiya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi: ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tội hay không là tội vi phạm? -Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là tội vi phạm.



CÓ thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Do duyên sự tranh tụng liên quan đên khiên trách thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đên khiên trách thì vi phạm ba tội: Bôi nhọ vị Tỳ-khưu vê tội Pārājika không có nguyên cớ thì phạm tội Sañghādisesa, bôi nhọ về tội Sañghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pâcittiya. bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm thì phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến khiển trách thì vi phạm ba tội này. 4. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm

tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lăng diu băng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? -Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: CÓ thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Sañghādisesa, có thê là nhóm tội Pãcittiya, có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội. Các tội nào là nặng, các tội ây được làm lăng dịu băng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lăng diu băng một sự tranh tụng là sự franh tụng liên quan đên nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 5. Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội không? Có, có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội: Vị Tỳ- khưu-ni trong khi biêt tội Pārājika vân che giâu bị thì phạm tội Pārājika. có sự hoài nghi rồi che giấu thì phạm tội Thullaccaya. vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghādisesa thì phạm tội Pâcittỉya. che giâu sự hư hỏng vê hạnh kiêm thì phạm tội Dukkata. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến tội thì vi phạm bốn tội này.



6 Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tông hợp vào sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội? Được làm lăng dịu băng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ấy được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: Có thê là sự hư hỏng vê giới, có thê là sự hư hỏng vê hạnh kiêm. Được tông hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thê là nhóm tội Pārājika. có thê là nhóm tội Thullaccaya, có thê là nhóm tội Pãcittiya, có thê là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng diu bằng sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không với cách dàn xếp nào. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xếp: Có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. 7. Sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ là tội vi phạm hay không là tội vi phạm? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là tội vi phạm. Có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không? -Có,

có thể phạm tội do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội: Vị Tỳ-khưu-ni xu hướng theo vị bị phạt án treo vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba: Do lời đề nghị thì phạm tội Dukkata, do hai lời tuyên ngôn hành sự thì phạm các tội Thuỉlaccaya, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội Pārājika\ các vị Tỳ-khiru ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] vẫn không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Sanghãdisesa; các vi vẫn không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba thì phạm tội Pãcittiya. Do duyên sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ thì vi phạm năm tội này. 8. Các tội ấy được phân chia theo bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tông hợp vào sự tranh tụng nào trong bôn sự tranh tụng, vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Được làm lắng diu bằng bao nhiêu sự tranh tụng, ở bao nhiêu nơi, với bao nhiêu cách dàn xếp? Các tội ây được phân chia theo hai sự hư hỏng trong bôn sự hư hỏng: Có thể là hư hỏng về giới, có thể là hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sự



tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng, vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: Có thể là nhóm tội Pārājika. có thể là nhóm tội Sañghādisesa, có thể là nhóm tội Thullaccaya. có thể là nhóm tội Pãcittỉya. có thể là nhóm tội Dukkata. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguôn sanh tội là sanh lên do thân do khẩu và do ý. Tội nào là không còn dư sót, tội ấy không được làm lắng dịu với sự tranh tụng nào, không ở nơi nào, không bằng cách dàn xếp nào; tội nào là nặng, tội ấy được làm lắng diu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, ở một nơi là ở giữa hội chúng, với hai cách dàn xếp là bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Các tội nào là nhẹ, các tội ấy được làm lắng dịu bằng một sự tranh tụng là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; ở ba nơi là ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, hoặc trong sự hiện diện của một vị; với ba cách dàn xép: Có thê băng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có the bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

CHỦ Ý CỦA Sự TRANH TỤNG 1. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đen khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy là thế nào? ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Bây là Pháp", hoc "Đây không phải là PhAp", ...(nt).. hoặc "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xa?5 ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị

khiển trách; là có tranh tụng liên quan đen khiển trách. Trong khi khiển trách, có vi vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đen tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là như thế. 2. Có phải sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?



Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không là sự tranh tụng liên quan đến tội, không ỉa sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đên khiên trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Như vậy là thế nào? ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khtru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng, ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động, việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vi khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vi vi phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi là như thế. 3. Có phải sự tranh tụng liên quan đến tội là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến tội không là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đên khiên trách. Như vậy là thế nào? Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến tội. Trong tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội, có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách là như thế* 4. Có phải sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự tranh tụng liên quan đến tội? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không là sự

tranh tụng liên quan đến tội. Tuy nhiên, do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đen tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội. Như vậy là thế nào? -Việc gì cân phải hoàn thành, cân phải thực thi, là hành sự với lời công bô, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi; là có tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách; là có tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị phạm tội; là có tranh tụng liên quan đến tội. Do tội ấy, hội chúng thực hiện hành sự; là có tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có tranh tụng liên quan đến khiển trách, có tranh tụng liên quan đến tội là như thế.

PHÀN VẤN ĐÁP L ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? ở đâu có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có hành xử Luật khi không điên cuồng? ở đâu có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? ở đâu có thuận theo số đông, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có thuận theo số đông? ở đâu có [hành xử Luật] theo tội của vi ấy, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy? ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện? ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đó có cách dùng cỏ che lấp? 2.  Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: ở đâu có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, [thì] ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy, ở đó không có cách dùng cỏ che lấp. 3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng ..(nt).. bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận bằng hành



xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông ...(nt)...bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ây ...(nt).. băng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: ở đâu có cách dùng cỏ che lấp, ở đó có hành xử Luật với sự hiện diện, ở đâu có hành xử Luật với sự hiện diện, [nếu] ở đó có cách dùng cỏ che lấp, [thì] ở đó không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ở đó không có hành xử Luật khi không điên cuồng, ở đó không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, ở đó không có thuận theo số đông, ở đó không có [hành xử Luật] theo tội của vị ấy.

PHÀN ĐƯỢC LIÊN KẾT 1. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng,,...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan”...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "thuận theo số d6ng" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "theo tội của vi ấy” ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này liên kết hay không liên kết? Có thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này? 2. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nh&", các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này. “Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật khi không điên cuồng,9 ...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "thuận theo số d6ng"...(nt)...“Hành xử Luật với sự hiện diên” hay là "theo tội của vi ấy” ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che lấp”, các pháp này là liên kết, không phải là không liên kết. Không thể tách rời để chỉ rõ sự khác biệt của các pháp này.

Sự MỞ ĐÀU VV. CỦA CÁCH DÀN XÉP • \ y y L Hành xử Luật với sự hiện diện có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đàu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yêu, điêu gì là nguôn sanh khởi?

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1287

Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên khởi là sự mở đầu, có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vi ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có duyên khởi là sự mở đầu5 có duyên khởi là sự phát sanh, có duyên khởi là sự sanh lên, có duyên khởi là sự hiện khởi, có duyên khởi là sự cốt yếu, có duyên khởi là nguồn sanh khởi. 2. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở dầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên? điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật với sự hiện diện có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có nhân là sự mở dầu, có

nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. 3. Hành xử Luật với sự hiện diện có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ... Hành xử Luật khi không điên cuồng ... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ... Thuận theo số đông ... Theo tội của vị ấy ... Cách dùng cỏ che lấp có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt ' x yêu, điêu gì là nguôn sanh khởi? ợ • rì •

Hành xử Luật với sự hiện diện có duyên là sự mở dầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ ...(nt).. Hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ..(nt)... Thuận theo số đông ...(nt).. Theo tội của vi ấy ...(nt).. Cách dùng cỏ che lấp có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. 4. Bảy cách dàn xếp có bao nhiêu điều căn bản? Có bao nhiêu nguồn sanh khởi? Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản, có ba mươi sáu nguồn sanh khởi.



Bảy cách dàn xép có hai mươi sáu điêu căn bản gì? Hành xử Luật với sự hiện diện có bốn điều căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Hành xử Luật băng sự ghi nhớ có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Hành xử Luật khi không điên cuồng có bốn điều căn bản: ..(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có hai điều căn bản: Vị khai báo [tội] và khai báo đến vị nào. Thuận theo sô đông có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Theo tội của vi ây có bôn điêu căn bản: ...(nt)... Cách dùng cỏ che lâp có bôn điêu căn bản: Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Bảy cách dàn xếp có hai mươi sáu điều căn bản này. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi gì? Hành sự với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có sự thực hiện, có sự hành động, có sự đạt đến, có sự thỏa thuận, có sự chấp nhận, có sự không phản đối. Hành sự với hành xử Luật khi không điên cuồng ...(nt)... Hành sự với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận ..(nt)... Hành sự với thuận theo số đông ...(nt)... Hành sự với [hành xử Luật] theo tội của vi ấy ...(nt)... Hành sự với cách dùng cỏ che lâp có sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên? sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối. Bảy cách dàn xếp có ba mươi sáu nguồn sanh khởi này.

Sự KHÁC BIỆT VV. CỦA CÁCH DÀN XẾP 1. "Hành xử Luật với sự hiện diệny hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhớ9\ các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "hành xử Luật khi không điên cu8ng" ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhan" ..(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "thuận theo số đông,9 ..(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "theo tội của vị ấy" ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che

lấp", các pháp này khác về nội dung khác về hình thức, hay là có chung nội dung chỉ khác về hình thức tên gọi? "Hành xử Luật với sự hiện diện^, hay là "hành xử Luật bằng sự ghi nhG", các pháp này vừa khác vê nội dung vừa khác vê hình thức. "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "hành xử Luật khi không điên cuBng" ..(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "việc phán xử theo tội đã được thừa nhận,, ...(nt).. "Hành xử Luật với sự hiện diên" hay là "thuận theo số đông,9...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện^^ hay là "theo tội của vị ấy"...(nt)... "Hành xử Luật với sự hiện diện,, hay là "cách dùng cỏ che lấp", các pháp này vừa khác về nội dung vừa khác về hình thức.

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1289

2. CÓ phải Sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh cãi không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? Có thể sự tranh cãi là tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. ở đây, sự tranh cãi nào là tranh tụng liên quan đến tranh cãi? ở đây, các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Dây là Phap9\ hoặc uĐây không phải là PhSp"...(nt)... "Tội xấu xa", hoặc "Tội không xấu xg." ở đấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ5 tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, cãi vã; sự tranh cãi ấy là tranh tụng liên quan đến tranh cãi. ở dây, sự tranh cãi nào không là sự tranh tụng? Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chi em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; sự tranh cãi này không là sự tranh tụng. ở dây, sự tranh tụng nào không là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ; sự tranh tụng này không là sự tranh cãi. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. 3 Có phải sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự khiển trách không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Có thể sự khiển trách là tranh tụng liên quan đến khiển trách, có thể sự khiển trách không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự khiển trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. ở đây, sự khiển trách nào là tranh tụng liên quan đến khiển trách? ở đây, các Tỳ-khưu khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về quan điểm, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng, ở đấy, việc nào là sự khiển trách, xoi mói, buộc tội, chỉ trích, moi móc, xúi giục, khích động; sự khiển trách này là tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, sự khiển trách nào không là sự tranh tụng? Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chị em gái, chị em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; sự khiển trách này không là sự tranh tụng.

1290 > TẬP YẾU

ở đây, sự tranh tụng nào không là sự khiển trách? -Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; sự tranh tụng này không là sự khiển trách. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. 4. Có phải sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội? Có thể sự vi phạm tội là tranh tụng liên quan đến tội, có thể sự vi phạm tội không là sự tranh tụng, có thể sự tranh tụng không là sự vi phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội. ở đây, sự vi phạm tội nào là tranh tụng liên quan đến tội? Năm nhóm tội là tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội cũng là tranh tụng liên quan đến tội; sự vi phạm tội này là tranh tụng liên quan đến tội. ở đây, sự vi phạm [āpatti] nào không là sự tranh tụng? Sự vi phạm vào dòng Thánh [sota-āpatti] và sự tự mình vi phạm [sam āpatti]; sự vi phạm [ãpattĩ] này không là sự tranh tụng [đây là nghệ thuật chơi chữ]. ở đây, sự tranh tụng nào không là sự vi phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; sự tranh tụng ấy không là sự vi phạm tội. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự vi phạm tội. 5. Có phải nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nhiệm vụ không là sự tranh tụng, sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? Có thể nhiệm vụ là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thê sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thê vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. ở dây, nhiệm vụ nào là tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? ở đây, đối với hội chúng, việc nào cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; nhiệm vụ này là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. ở đây, nhiệm vụ nào không là sự tranh tụng?

PHÂN TÍCH Sự TRANH TỤNG 1291

Nhiệm vụ của thây dạy học, nhiệm vụ của thây tê độ5 nhiệm vụ của các vị có chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vi có chung thầy dạy học; nhiệm vụ này không là sự tranh tụng. ở đây, sự tranh tụng nào không là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; sự tranh tụng này không là nhiệm vụ. ở đây, cái gì vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. Dứt phân tích sự tranh tụng.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Tranh tụng, các sự khơi dậy, các biểu hiện, cá nhân, sự mở đầu, nhân, duyên, điêu căn bản, nguôn sanh khởi, là có tội và nơi nào, được liên két, duyên khởi, sự hiện khởi. 2. Nhân, duyên, điều căn bản, với nguồn sanh khởi, hình thức, “c6 phải sự tranh cãi là sự tranh tụng", điều này là ở phần Phân tích sự tranh tụng. —ooOoo—

sưu TẬP KHÁC VÈ CÁC BÀI KỆ

1. Việc cáo tội nhằm mục đích gì? Nhớ lại là nguyên nhân của điều gì? Hội chúng nham mục đích gì? Hơn nữa, hoạt động của trí óc là nguyên nhân của điều gì? 2. Việc cáo tội nhằm mục đích làm nhớ lại [tội]. Nhớ lại [tội] nhằm mục đích kiêm chê. Hội chúng nhăm mục đích phân xử. Hơn nữa, hoạt động của trí óc là cá biệt [từng vị]. 3 Nếu ngài là vi xét xử, ngài chớ có nói nhanh quá, chớ có nói thô lỗ, chớ làm nảy sanh cơn giận dữ. 4. Ngài chớ nói một cách gấp gáp5 lời nói gây cãi vã không liên hệ đến ý nghĩa về Giới bổn, về Luật, về bộ Tập yếu. về các điều quy định, về bốn pháp dung hòa. 5. Hãy suy xét về trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiết lập một cách khéo léo, đã được quy đinh rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ có làm hủy hoại cảnh giới ngày vi lai. 6. Người tầm cầu sự lợi ích hãy thực hành đúng thời, có liên quan đến mục đích. Chớ vội vã tin theo lời phát biểu của vi bị buộc tội và của vị cáo tội. 7. Vị cáo tội đã nói "phạm toi", vị bị buộc tội đã nói "không phạTrong khi bỏ qua cả hai, ngài nên tiến hành phù hợp với điều được nhận biết. 8. Sự hiểu biết được thực hiện ở những người khiêm tốn, ở những kẻ vô liêm sỉ không được biết đến như thế. Kẻ vô liêm sỉ cũng có thể nói nhiều, có thể làm phù hợp với điều đã nói. 9. Hạng người vô liêm sỉ là hạng người thê nào, mà đôi với hạng người ây sự hiểu biết không tiến triển. Và tôi hỏi ngài như vậy: Hạng như thế nào được gọi là người vô liêm sỉ? 10. Kẻ cô ý vi phạm tội, kẻ giâu diêm tội vi phạm và kẻ đi đường sai trái, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ. 11. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người vô liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Hạng như the nào được gọi là người liêm sỉ? 12. Vị không cố ý phạm tội, không giấu điếm tội vi phạm, kẻ không đi sai đường, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. 13. Tôi cũng biết sự thật, hạng như thế ấy được gọi là người liêm sỉ. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vi như the nào được gọi là vị cáo tội sai Pháp?



14. Vị cáo tội không đúng thời, với việc không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, có nội tâm sân hận, cáo tội thiếu tâm từ, vị như thế ấy được gọi là vi cáo tội sai Pháp. 15. Tôi cũng biết sự thật, vị lứiu thế ấy được gọi là vị cáo tội sai Pháp. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội đúng Pháp? 16. Vị cáo tội đúng thời, với việc thật, với lời mềm mỏng, có liên hệ mục đích, có nội tâm không sân hận, cáo tội với tâm từ, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế. 17. Tôi cũng biết sự thật, vị cáo tội đúng Pháp được nói đến như thế. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vị như thế nào được gọi là vị cáo tội ngu dốt? 18. Vị không biết trước sau, không rành rẽ sau trước, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc, không rành rẽ về phương thức của lối trình bày mạch lạc, vị như thế ấy được gọi là vị cáo tội ngu dốt. 19. Tôi cũng biết sự thật, vị như thế ấy được gọi là vi cáo tội ngu dốt. Và tôi hỏi ngài điều khác: Vi như thế nào được gọi là vị cáo tội thông thái? 20. Vi biết việc trước sau, rành rẽ việc sau trước, hiểu biết về phương thức của lôi trình bày mạch lạc, rành rẽ vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc, vi như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. 21. Tôi cũng biết sự thật, vi như thế ấy được gọi là vị cáo tội thông thái. Và tôi hỏi ngài điều khác: Điều gì được gọi là sự cáo tội? 22. Vi cáo tội vê sự hư hỏng vê giới, roi vê hạnh kiêm và vê quan diêm, vi cáo tội về cả việc nuôi mạng, với điều ấy được gọi là sự cáo tội. Dứt sưu tập khác về các bài kệ. —ooOoo—

sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử 1. Vi xét xử nên hỏi vị cáo tội rằng: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, ngài cáo tội vị này vê điêu gì? Có phải ngài cáo tội với sự hư hỏng về giới, cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, cáo tội vód sự hư hỏng về quan điểm?,, 2. Nêu vị ây nói như vây: "Hoặc là tôi cáo tội với sự hư hỏng vê giới, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm." Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy Đại đức có biết sự hư hỏng về giới, CÓ biêt sự hư hỏng vê hạnh kiêm, có biêt sự hư hỏng vê quan diêm kh6ng?" 3. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết Sự hư hỏng vê hạnh kiêm, tôi biêt sự hư hỏng vê quan diOm." Vi ây nên được nói như sau: "Này Đại dức, vậy điêu gì là sự hư hỏng vê giới, điêu gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về quan điểm?” 4. Nấu vi ấy nói như vầy: "Bốn tội Pārājika, mười ba tội Sañghādisesa, đó là sự hư hỏng ve giới. Tội Thullaccaya. tội Pācittiya, tội Pātidesañīya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.” Vi ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này, có phải ngài cáo tội do đã được thấy, cáo tội do đã được nghe, cáo tội do sự nghi ng&?" 5. Nếu vị ấy nói như vày: "Hoặc là tôi cáo tội do đã được thấy, hoặc là cáo tội do đã được nghe, hoặc là cáo tội do sự nghi ngóc’ Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gì, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải ngài đã thấy vị [ấy] đang phạm tội Pārājika. đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Sañghādisesai ...(nt)... tội Thullaccayat ...(nt)... tội Pācittiya? ...(nt)... tội Pātidesañīyai ...(nt)... tội Dukkata? Có phải đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Dubbhāsitaṃ Và ngài đã ở đâu? Và vị Ty-khiru này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vị Tỳ-khưu này đã làm gi?' 6. Nêu vị áy nói như vây: "Này Đại dức, tôi quả không cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi cáo tội do đã được nghe?5 Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội PārāfikaT ...(nt)...



tội Sañghādisescii" ...(nt)... tội Thullaccaycf!" ...(nt)... tội PãcỉttiyaT ...(nt)... tội Pātidesanīya?" ...(nt).. tội DukkataT Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitaṃ' Có phải đã nghe từ vi Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư si, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?" 7. Nếu vị ấy nói như vầy: “Ny Đại đức, tôi quả không cáo tội vi Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi cáo tội do sự nghi ĩigòư' Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài cáo tội vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như the nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội PārājikaT ...(nt).. tội SañghādisesaT ...(nt)... tội ThullaccayaT ...(nt)... tội Pãcittỉyaĩ" ...(nt)... tội Pātidesanīya?"...(nt)... tội Dukkatcfi" Có phải ngài nghi ngờ rang: 'Vị [ấy] đã phạm tội

Dubbhãsitãi" Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, ..(nt)... từ vi Tỳ-khưu ni? ...(nt).. từ cô Ni tu tập sự?...(nt)... từ vi Sa-di? ...(nt).. từ vi Sa-di-ni?...(nt).. từ nam cư sĩ? ...(nt).. từ nữ cư sĩ? ...(nt).. từ các đức vua? ...(nt)... từ các quan đại thần của đức vua? ...(nt)... từ các ngoại đạo? Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại dao?" 8. Điêu được thay tương tợ với điêu đã được thây, điêu được thây phù hợp với điều đã được thay, căn cứ vào điều đã được thay mà không thừa nhận thì bi nghi ngờ là không thanh tinh; vi ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Uposatha với vị ấy. 9. Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ nệờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành lễ Ưposatha với vỉ ấy. A A \

10. Điêu được cảm nhận tương tợ với điêu đã được cảm nhận, điêu được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhân mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ nệờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thi nên hành lê Uposatha với vỉ ây. 11. Đối với sự cáo tội, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với sự cáo tội, hành động thỉnh ý là đầu tiên, sự tiến hành là ở giữa, sự dàn xếp là kết cuộc. 12. Có bao nhiêu căn nguyên, có bao nhiêu sự việc, có bao nhiêu nền tảng của sự cáo tội? Vị cáo tội với bao nhiêu biểu hiện? Có hai căn nguyên, có ba sự việc, có năm nên tảng của sự cáo tội. Vị cáo tội với hai biểu hiện. 13. Hai căn nguyên của sự cáo tội là gì? -Có nguyên cớ hoặc không có nguyên cớ. Đây là hai căn nguyên của sự cáo tội.



14. Ba sự việc của sự cáo tội là gì? Do đã được thấy, do đã được nghe, do sự nghi ngờ. Đây là ba sự việc của sự cáo tội. 15. Năm nền tảng của sự cáo tội là gì? "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đên mục đích không phải không liên hệ đên mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân han." Đây là năm nen tảng của sự cáo tội. 16. Vi cáo tội với hai biểu hiện gì? Vi cáo tội bang thân hoặc là cáo tội bang khẩu. Vị cáo tội với hai biểu hiện này.

Sự THỰC HÀNH CỦA VỊ CÁO TỘI 1. Vị cáo tội nên thực hh thế nào? Vị bi buộc tội nên thực hành thế nào? Hội chúng nên thực hành thế nào? Vi xét xử nên thực hành thế nào? Vi cáo tội nên thực hành thế nào? Vi cáo tội nên cáo tội vị khác sau khi đã trú vào năm pháp: "Tôi sẽ nói đúng thời không phải không đúng thời; tôi sẽ nói với sự thật không phải với sự không thật; tôi sẽ nói mềm mỏng không thô lỗ; tôi sẽ nói có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ đến mục đích; tôi sẽ nói với tâm từ không phải với nội tâm có sân hậny Vị cáo tội nên thực hành như thế. Vị bị buộc tội nên thực hành thế nào? Vị bị buộc tội nên thực hành ở hai pháp: ở sự chân thật và ở sự không nổi giận. Vị bị buộc tội nên thực hành như thế. Hội chúng nên thực hành thế nào? Hội chúng nên biết điều gì đã được nói ra và chưa được nói ra. Hội chúng nên thực hành như thế. Vị xét xử nên thực hành thế nào? Sự tranh tụng ấy được giải quyết với Pháp nào, với Luật nào, với lời dạy nào của bậc Đạo sư, vi xét xử nên giải quyêt sự tranh tụng ây theo như thê. Vi xét xử nên thực hành như thế. 2. Le Uposatha vì mục đích gì?

Le Pavāranā có nguyên nhân là gì? Hình phạt Parivãsa vì mục đích gì? Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu có nguyên nhân là gì? Hình phạt Mãnatta vì mục đích gì? Việc giải tội có nguyên nhân là gì? 3. Le Uposatha nham mục đích hợp nhất. Le Pavãranã nham mục đích thanh tịnh. Hình phạt Parivãsa nhăm mục đích hình phạt Mãnatta. Việc đưa vê



y y y r y lại [hình phạt] ban đâu nhăm mục đích kiêm chê. Hình phạt Mãnatta nhăm mục đích giải tội. Việc giải tội nham mục đích thanh tinh, 4. Vĩ ưa thích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì si mê và gièm pha các vi Trưởng lão, khi tan rã xác thân, kẻ trí toi tự chôn lay mình, có các giác quan bị hư hoại, đi địa ngục, là kẻ khờ và không tôn kỉnh học tập. c 5. Không nương tựa ngay cả vật chát và không nương tựa người, sau khi đã buông bỏ cả hai điều này, nên thực hành đủng theo pháp,

Sự THIÊU ĐỐT CHÍNH MÌNH CỦA VỊ CÁO TÔI 1. Cáu kỉnh, có sự thù hằn và ác độc, vi gièm pha vu cảo là ifco t]' với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 2. Nói thì thâm bên tai, soi mói điêu hư hỏng, bỏ qua sự xét đoản, thực hành theo đường lối sai trải, vu cảo là "c6 tộiĩf với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đót chỉnh mình. 3 Vỉ cáo tội không đúng thời, với sự không thật, với lời thô lỗ, không liên hệ mục đích, với nội tâm sân hận, vị cảo tội không có tâm từ, vu cảo là í(có tộiĩf với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình, 4. Vi không biết đủng Pháp và sai Pháp, không rành rẽ về đủng Pháp và sai Pháp, vu cáo là "c6 tội" với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ẩy tự thiêu đốt chính mình. 5. Vi không biêt đúng Luật và sai Luật, không rành rẽ vê đúng Luật và sai Luật, vu cảo là "c6 tộifỉ với việc không phạm tôi, kẻ cảo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 6 Vi không biêt điêu đã nói và chưa nói, không rành rẽ vê điêu đã nói và chưa nói, vu cáo là "cb tội" với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chính mình. 7. Vị không biêt vê tập quán và không phải tập quản, không rành rẽ vê tập quán và không phải tập quán, vu cảo là "c6 toi^ với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thế ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 8. Vi không biết điều đã được quy đinh và không được quy đinh, là không rành rẽ ve điều đã được quy định và khôn^ được quy đinh, vu cảo là (tco toifĩ với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như thê áy tự thiêu đót chỉnh mình. 9. Vị không biết điều phạm tội và không phạm tội, không rành rẽ về phạm tội và không phạm tội, vu cáo là "c/ tội,f với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 10. Vỉ không biêt vê tội nhẹ hay tội nặng, không rành rẽ vê tội nhẹ hay tội nặng, vu cáo là "c6 toiĩr với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình.



11. Vỉ không biết về tội còn dư sót hay không còn dư sót, không rành rẽ về tội còn dư sót hay không còn dư sót, r vu cáo là "c6 tộV' với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như thê ây tự thiêu đót chính mình, 12. Vị không biêt vê tội xâu xa hay không xâu xa, không rành rẽ vê tội xâu xa hay không xấu xa, vu cảo là "c6 tộV' với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. r y 13. VỊ không biêt việc trước hoặc việc

sau, không rành rẽ vê việc trước hoặc việc sau, vu cáo là "c6 tộĩf với việc không phạm tội, kẻ cảo tội như the ấy tự thiêu đốt chỉnh mình. 14. Vi không biết cách phát biểu mạch lạc, không rành rẽ về cách phát biểu mạch lạc, vu cáo là "c6 tộiff với việc không phạm tội, kẻ cáo tội như the ấy tự thiêu đốt chính mình, Dứt chương í6Cáo tội.55

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Việc cáo tội và xét xử, việc đầu tiên, với căn nguyên, lễ Uposatha, đường lối ở chương Cáo tội là sự duy trì giáo pháp. —ooOoo—

XUNG ĐỘT [PHẦN PHỤ]

sự THỰC HÀNH CỦA VỊ XÉT xử 1. Trong khi đi đên hội chúng, vi Tỳ-khưu theo đuôi sự xung đột nên đi đên hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế, nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuống ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khiru trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chô ngôi, không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí, hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cau vi khác [nói pháp], hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện. 2. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vi có ý định xét xử không nên hỏi về thầy tế độ, không nên hỏi về thầy dạy học, không nên hỏi về người đệ tử, không nên hỏi về người học trò, không nên hỏi về vi đồng thầy tế độ, không nên hỏi vê vị đông thây dạy học, không nên hỏi vê sự xuât thân, không nên hỏi vê tên, không nên hỏi vê dòng họ, không nên hỏi vê sự truyên thừa, không nên hỏi vê trú quán của gia đình, không nên hỏi vê nơi sanh ra. Việc ây là vì lý do gì? Trường hợp ấy có thể có sự thương hoặc là sự ghét. Khi có sự thương hoặc có sự ghét, thì có thể thiên vị vì ưa thích, có thể thiên vị vì sân hận, có thể thiên vị vì si mê, có thể thiên vi vì sợ hãi. 3. Vị được hội chúng thừa nhận, vị xét xử, vi có ý định xét xử nên xem trọng hội chúng không nên xem trọng cá nhân, nên xem trọng Chánh pháp không nên xem trọng tài vật5 nên liên hệ đến mục đích, không nên thỏa hiệp với đám đông, nên xét xử đúng thời không phải sái thời, nên xét xử với sự thật không phải với sự không thật, nên xét xử với sự mềm mỏng không phải với sự thô 16, nên xét xử có liên hệ đến mục đích không phải không liên hệ mục dích, nên xét xử với tâm từ không phải với nội tâm có sân hận, không nên có sự nói thì thầm vào tai, không nên nhìn đảo quanh, mắt không nên nhìn soi mói, không nên nhướng mày, không nên ngửa đau lên, không nên làm cử động bàn tay, không nên làm hiệu bang bàn tay. 4. Nên khéo léo vê chô ngôi, nên khéo léo khi ngôi xuông. Vị đang theo đuổi mục đích nên ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình trong khi nhìn [phía trước] khoảng cách của cây cày và không nên từ chỗ ngồi đứng dậy, không nên bỏ qua xét đoán, không nên theo đuổi đường lối sai trái, không nên nói với sự quấy roi băng cánh tay, không nên vội vã, không háp táp, không nên tỏ vẻ nóng giận bằng sự trầm tĩnh trong lời nói, nên có tâm từ với lòng thương tưởng đến lợi ích,



nên có tâm bi chăm chú đến lợi ích, nên tránh nói điều phù phiếm với lời nói có giới hạn, nên là vi trú vào không oan trái không lòng oán giận. Nên suy xét vê bản thân, nên suy xét vê nguồi khác, nên suy xét vê vi cáo tội, nên suy xét ve vi bị buộc tội, nên

suy xét ve vi cáo tội sai Pháp, nên suy xét về vị bi buộc tội sai Pháp, nên suy xét về vi cáo tội đúng Pháp, nên suy xét về vị bi buộc tội đúng Pháp, không bỏ qua điều đã được nói, không gợi lên điều không được nói, nên khéo léo suy xét những chữ và câu được nói ra, sau khi hỏi lại vị kia rồi nên hành xử theo điều đã được biết. Vị uể oải nên được khích lệ, vị sợ hãi nên được trấn tĩnh, vị giận dữ nên được răn đe, vị không trong sạch nên được làm minh bạch với sự thăng thăn và mem mỏng, không nên thiên vị vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vị vì si mê, không nên thiên vị vì sợ hãi, nên duy trì sự công chính đoi với các pháp và các hạng người. Và như vậy, vi xét xử trong khi xét xử vừa là vị thầy vừa là vị thực hành giáo pháp, là người được thương yêu, được quý mến, được kính trọng, có uy tín đối với các bậc có sự hiểu biết và các vị đồng Phạm hạnh. 5. Điều học nhằm mục đích là sự khẳng đinh, ví dụ nhằm mục đích là sự minh họa, ý nghĩa nhằm mục đích là sự giảng giải, câu hỏi nhằm mục đích là sự xác đinh, việc thỉnh ý nhằm mục đích là sự cáo tội. sự cáo tội nhằm mục đích là làm cho nhớ lại, sự làm cho nhớ lại nhằm mục đích là sự bảo ban, sự bảo ban nhăm mục đích là sự ngăn cản? sự ngăn cản nhăm mục đích là sự phán quyêt, sự phán quyết nhằm mục đích là sự điều tra, sự điều tra nhằm mục đích là sự đạt đen việc có bang cớ hay không có bằng cớ, việc có bằng cớ hay không có băng cớ nhằm mục đích là sự kiềm chế những nhân vật ác xâu, nhằm mục đích là sự ủng hộ các Tỳ-khưu hiền thiện, hội chúng nhằm mục đích là sự đồng ý9 sự đong ý nhằm mục đích là sự tán thành, sự tán thành nham mục đích là sự không chán nản, các nhân vật được hội chúng thừa nhận là [những vi] có sự kiên trì, không có sự dối trá. y  6 Luật nhăm mục đích là sự thu thúc, sự thu thúc nhăm mục đích là sự không vi phạm, không vi phạm nhằm mục đích là sự khoan khoái, sự khoan khoái nhằm mục đích là hỷ, hỷ nhằm mục đích là tịnh, tinh nhằm mục đích là lạc, lạc nhằm mục đích là đinh, định nhằm mục đích là sự thấy biết đúng theo bản the, sự thay biết đúng theo bản the nham mục đích là sự nhơm gớm, sự nhơm gớm nhằm mục đích là sự ly tham, sự ly tham nham mục dh là sự giải thoát, sự giải thoát nhằm mục đích là sự thấy biết của giải thoát, sự thấy biết của giải thoát nhằm mục đích là Niết-bàn không còn chấp thủ. Lời giảng [về Luật] là mục đích của việc này, bàn bạc [về Luật] là mục đích của việc này, sự tuần tự diễn tiến là mục đích của việc này, sự lắng tai nghe là mục đích của việc này, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ. y ỉ 1. Hãy suy xét vê trách nhiệm và phận sự đã được bậc Giác Ngộ thiêt lập một cách khẻo léo, đã được quy định rõ ràng phù hợp theo các điều học, trong khi chớ cỏ làm hủy hoại cảnh giới ngày vi lai.

XƯNG ĐỘT [PHÀN PHỤ]  1303

y y y 2. Là người không rành rẽ vê sự việc, vê sự hư hỏng, vê tội vỉ phạm, vê  duyên khởi, ve sự biểu hiện, vỉ không biết việc trước rồi việc sau, và về việc đã làm hoặc chưa làm. 3 Và cũng là người không rành rẽ về hành sự, về sự tranh tụng luôn cả các Sự dàn xêpt là vi bỉ ái nhiêm, xâu xa, ngu dót và thiên vi vì sợ hãi, vì si mê. 2 A 4. Và là người không khẻo lẻo vê việc thông tin, không rành rẽ vê việc dập tát, đạt được bè phái, không hô thẹn, có việc làm đen tôif không có tôn trọng, hiên nhiên vị Tỳ-khưu như thê ây gọi là "không đảng trọng." 5. Là người rành rẽ vê sự việc, vê điêu hư hỏng, vê tội vi phạm, vê duyên khởi, về sự biểu hiện, vị thông hiểu việc trước rồi việc sau và

tương tợ về việc đã làm hoặc chưa làm. 6. Và còn là vỉ rành rẽ vê hành sự, sự tranh tụng, luôn cả các sự dàn xêpf không ái nhiễm, chẳng xấu xa, không mê mờf không thiên vị vì sợ hãi, vì si mê. 7. Là người khẻo lẻo vê việc thông tin, rành rẽ vê việc dập tătf đạt được phe nhóm, biết ho thẹn, có việc làm trong sảng, có sự tôn kính, hiển nhiên vi Tỳ-khưu như thế ấy gọi là "dáng kỉnh trọng." Dứt chương “Xung đột [phần phụ].”

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Với tâm nhún nhường nên hỏi, là người với hội chúng có sự kính trọng, điều học nhằm mục đích là sự khẳng định và nhằm nâng đỡ Luật, phần tóm lược ở chương Xung đột [phân phụ] đã được làm thành phân đọc tụng này. —ooOoo—

XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH] 9 e e e 1. Vị Tỳ-khưu theo đuôi sự xung đột trong khi phát biêu nơi hội chúng nên biết về sự việc, nên biết về sự hư hỏng, nên biết về tội vi phạm, nên biết về duyên khởi, nên biêt vê sự biêu hiện, nên biêt điêu trước và điêu sau, nên biêt việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện, nên biết về hành sự, nên biết về sự tranh tụng, nên biết về sự dàn xếp, không nên thiên vi vì ưa thích, không nên thiên vị vì sân hận, không nên thiên vi vì si mê, không nên thiên vi vì sợ hãi, nên làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ, nên dập tắt điều cần được dập tắt, nên xem xét điều cần được xem xét, nên tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng, [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được đồ chung” không nên xem thường đồ chúng người khác, [nghĩ rằng]: “Ta là người nghe nhiều,, không nên xem thường vị nghe ít, [nghĩ rang]: “Ta là vị thâm niên hơn^, không nên xem thường vi mới tu sau, không nên nói về điều chưa được thành tựu, không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đúng Pháp đúng Luật, sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào theo Luật nào theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như thế. 2. Nên biết về sự việc: Là nên biết về sự việc của tám điều Pārājika. nên biết vê sự việc của hai mươi ba điêu Sañghādisesa. nên biêt vê sự việc của hai điêu Ānīyata, nên biêt vê sự việc của bôn mươi hai điêu Nissaggiya. nên biêt vê sự việc của một trăm tám mươi tám điều Pācittiya, nên biết về sự việc của mười hai điều Pātidesanīya, nên biết về sự việc của các điều Dukkata. nên biết về sự việc của các điều Dubbhāsitā. 3. Nên biêt vê sự hư hỏng: Là nên biêt vê sự hư hỏng vê giói, nên biêt vê sự hư hỏnệ vê hạnh kiêm, nên biêt vê sự hư hỏng vê quan diêm, nên biêt vê sự hư hỏng ve nuôi mạng. 4. Nên biết về tội vỉ phạm: Là nên biết về tội Pārājika, nên biết về tội Sañghādisesa. nên biết ve tội Ānīyata, nên biết ve tội Nissaggiya, nên biết ve tội Pãcỉttiya, nên biết về tội Pātidesariīya, nên biết về tội Dukkata, nên biết về tội Dubbhāsitā. 5. Nên biết về duyên khởi: Là nên biết về duyên khởi của tám điều Pārājika. nên biết về duyên khởi của hai mươi ba điều Sañghādisesa, nên biết về duyên khởi của hai điều Ānīyata, nên biết về duyên khởi của bốn mươi hai điều Nissaggiya. nên biết về duyên khởi của một trăm tám mươi tám điều Pãcittỉya, nên biết về duyên khởi của mười hai điều Pātidesarñya. nên biết về duyên khởi của các điều Dukkata, nên biết về duyên khởi của các điều Dubbhāsitā.



ồ. Nên biết về sự biểu hiện: Là nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện, nên biết về nhóm từ sự biểu hiện, nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện, nên biết về vị cáo tội từ sự biểu

hiện, nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện. Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Hội chúng này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả nang]?^ Nên biết về hội chúng từ sự biểu hiện la như thế. Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: "Nhóm này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không cỏ [khả năng]?,, Nên biết về nhóm từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về cả nhân từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: “Cá nhân này có khả năng để giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư hay là không có [khả nang]?^ Nên biết về cá nhân từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về vi cáo tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: 'Thải chăng Đại đức này cáo tội vi khác sau khi đã an trú vào năm pháp hay là chưa [an trú]?” Nên biết về vị cáo tội từ sự biểu hiện là như thế. Nên biết về vi bi buộc tội từ sự biểu hiện: Là [nghĩ rằng]: 'Thải chăng Đại đức này đã được an trú ở hai pháp là ở sự chân thật và ở sự không nổi giận hay là chưa được [an trú]?" Nên biết về vị bị buộc tội từ sự biểu hiện là như thế. A A  7. Nên biêt điêu trước và điêu sau: Là [nghĩ răng]: 'Thải chăng Đại đức này tráo trở từ sự việc [này] sang sự việc [khác], hay là tráo trở từ sự hư hỏng [này] sang sự hư hỏng [khác], hay là tráo trở từ tội [này] sang tội [khác], hay là sau khi phủ nhận rồi thừa nhận, hay là sau khi thừa nhận rồi phủ nhận, hay là tránh né điêu này băng điêu khác, hay là không c6?” Nên biêt điêu trước và điêu sau là như thế. 8. Nên biết việc đã được thực hiện và chưa được thực hiện: Là nên biết về việc đôi lứa, nên biết về việc tương xứng đối với việc đôi lứa, nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa. Nên biết về việc đôi lứa: Là nên biết về sự kết hợp chung lại của hai người. Nên biêt vê việc tương xứng đôi với việc đôi lứa: Là vi Tỳ-khưu dùng miệng của mình ngậm lấy dương vật của vị khác. Nên biết phần việc xảy ra trước của việc đôi lứa: Là màu và không màu [của tinh dịch], sự xúc chạm cơ thể, sự nói lời dâm dật, sự hầu hạ tình dục cho bản thân, việc mai mối. 9. Nên biết về hành sự: Là nên biết về mười sáu hành sự, nên biết về bốn hành sự với lời công bố, nên biết về bốn hành sự với lời đề nghi, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, nên biết về bốn hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

XƯNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH]  1307

10. Nên biêt vê sự tranh tụng: Là nên biêt vê bôn sự tranh tụng, nên biêt vê sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? nên biết về sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nên biết về sự tranh tụng liên quan đến tội, nên biết về sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ. 11. Nên biết về sự dàn xếp: Là nên biết về bảy cách dàn xếp, nên biết về hành xử Luật với sự hiện diện, nên biết về hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên biết về hành xử Luật khi không điên cuồng,, nên biết về việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nên biết về thuận theo số đông, nên biết về [hành xử Luật] theo tội của vị ây, nên biêt vê cách dùng cỏ che lâp. 12. Không nên thiên vị vì ưa thích: Trong khi thiên vi vì ưa thích, vi thiên vi vì ưa thích như thế nào?  ở dây, có vị [nghĩ rằng]: "Đối với ta đây, [vị này] là thầy tế độ, hoặc là thầy dạy học, hoặc là đệ tử, hoặc là học trò, hoặc là đồng thầy tế độ, hoặc là đồng thầy dạy học, hoặc là đồng quan điểm, hoặc là thân thiết, hoặc là thân quyến đồng huyết thống^ rồi do lòng thương tưởng vi ấy, do sự bảo vệ vị ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "Ph”,tuyên bố Pháp là "phi pháp”, tuyên bố phi Luật là "Luậf\ tuyên bố

Luật là "phi Luật\ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai”, tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai", tuyên bố vô tội là "phạm t0i", tuyên bố phạm tội là toi", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng”, tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sóf\ tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích vi [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tấn hóa, vì sự không lợi ích, vì sự kho đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì ưa thích, vi [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tôn hại, trở thành có tội5 có sự chê trách của những người hiêu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì ưa thích, vị thiên vị vì ưa thích là như thế. 13. Không nên thiên vị vì sân hận: Trong khi thiên vi vì sân hận, vị thiên vị vì sân hận như thế nào?  ở dây, có vị [nghĩ rằng]: "Hắn đã gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, "Hắn đang gây cho ta điều không lợi ích” rồi kết oan trái, “Hắn



sẽ gây cho ta điều không lợi ígh" rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: "Hắn đã gây điều không lợi ích, đang gây điều không lợi ích, sẽ gây điều không lợi ích cho người được ta thương yêu quý mến59 rồi kết oan trái. [Nghĩ rằng]: “Hắn đã gây điêu lợi ích, đang gây điêu lợi ích, sẽ gây điêu lợi ích cho người không được r X• J Ấ • . r* ta thương yêu quý mên,, roi két oan trái. Do chín sự việc oan trái này, vị [áy] trở nên thù hằn, ác cảm, giận dữ, bị chế ngự bởi sự cáu kỉnh rồi tuyên bố phi Pháp là "Pháp', tuyên bố Pháp là "phi pp”...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì sân hận vị [ấy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiêu người, không vì an lạc của nhiêu người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì sân hận, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bi tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vị vì sân hận, vị thiên vi vì sân hận là như thế. 14. Không nên thiên vi vì si mê: Trong khi thiên vị vì si mê, vi thiên vi vì si mê như thế nào? -Vi bi ái nhiễm chiu sự sai khiến của ái dục; bi sân hận chiu sự sai khiến của sân hận; bị si mê chiu sự sai khiến của si mê; bị ô nhiễm chịu sự sai khiến của tà kiến, bị si mê, bị si mê hoàn toàn, bị chế ngự bởi si mê rồi tuyên bố phi Pháp là :Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, ...(nt)... tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì si mê, vi [áy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiêu người, không vì an lạc của nhiêu người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích, vì sự khổ đau của nhiều người, của chư thiên và

nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vi vì si mê, vị [áy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị tổn hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vi vì si mê5 vị thiên vị vì si mê là như thế. 15. Không nên thiên vỉ vì sợ hãi: Trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi như the nào? —ở đây, có vị [nghĩ rằng]: "Người này hoặc là cậy vào sự bất công, hoặc là cậy vào sự năm giữ, hoặc là cậy vào sức mạnh, [là người] tàn bạo, thô lô sẽ gây nguy hiểm cho mạng sống hoặc là gây nguy hiểm cho Phạm hạnh", do sự sợ hãi của điều ấy, vị [ấy] bị hoảng sợ rồi tuyên bố phi Pháp là "Ph",tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã 2 y được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bô điêu được thực hành bởi đức Như



Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố vô tội là "phạm tội9\ tuyên bố phạm tội là :v6 toi", tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là utội nhe", tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t", tuyên bố tội không còn dư sót là ytội còn dư sóf\ tuyên bố tội xấu xa là utội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xâu xa." Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vi [áy] đã thực hành không vì lợi ích của nhiều người, không vì an lạc của nhiều người, vì sự không tân hóa, vì sự không lợi ích5 vì sự khô đau của nhiêu người, của chư thiên và nhân loại. Với mười tám sự việc này, trong khi thiên vị vì sợ hãi, vị [ấy] làm cho bản thân bị chôn vùi, bị ton hại, trở thành có tội, có sự chê trách của những người hiểu biết và gây nên nhiều điều vô phước. Trong khi thiên vi vì sợ hãi, vị thiên vị vì sợ hãi là như thế. 16. Vì ưa rthích, vì sân hận, vì sợ hãi, vì sỉ mê, vi nào đôi nghịch Chánh A A

pháp, danh tiêng của vị ây bị hủy hoại, vỉ như mặt trăng vào lúc hạ huyên. 17. Thế nào là vị không thiên vị vì ưa thích? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp"vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp"vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố phi Luật là "phi Luaf\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố Luật là 6CLuāf\ vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", vi [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều không được thực hành bởi đức Như Lai", vi [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai là "điều đã

không được quy đinh bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vi vì ưa thích; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố vô tội là "v6 tội9\ vị [áy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bô phạm tội là "phạm tộr\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội nặng là "tội nặng9\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sóf\ vị [áy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bô tội không còn dư sót là "tội không còn dư sóf\ vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích; trong khi tuyên bố



tội không xấu xa là utội không xấu xa”vị [ấy] không thiên vị vì ưa thích. Vi không thiên vị vì ưa thích là như thế. 18. Thế nào là vi không thiên vi vì sân hận? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vi [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vi [ấy] không thiên vị vì sân hận; ..(nt).. trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa”, vị [ấy] không thiên vị vì sân hận. Vị không thiên vi vì sân hận là như thế. 19. Thế nào là vị không thiên vi vì si mê? Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi [háp", vi [ấy] không thiên vi vì si mê; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp”, vi [ấy] không thiên vi vì si mê; ...(nt).. trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”, vi [ấy] không thiên vị vì si mê; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vị [ấy] không thiên vị vì si mê. Vi không thiên vi vì si mê là như thế. 20. Thế nào là vị không thiên vị vì sợ hãi? -Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Phap9\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp”, vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phi Luật là "phi Luậf\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố Luật là "Luậf\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”, vị [ấy] không thiên vi vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là “diều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là “diều không được thực hành bởi đức Như Lai", vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vi vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy định bởi đức Như Lai", vị [ấy] không thiên vi vì sợ hãi; trong khi tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố vô tội là "v6 t0i”, vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố phạm tội là "phạm t0i", vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nhẹ là "tội nh§", vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội nặng là utội nặng9\ vị [ấy] không thiên vi vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư s6t", vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không còn dư sót là utội không còn dư sóf\ vị [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội

xấu xa”vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vi [ấy] không thiên vị vì sợ hãi. Vị không thiên vi vì sợ hãi là như thế.



21. Vì ưa thích, r vì sânf hận, r vì si mê, vị không đối nghịch Chảnh • vì sợ hãi, \ pháp, danh tiêng của vị ây được bôi đáp tợ như mặt trăng ở vào thượng huyên [được tròn dan], 22. Thế nào là vị làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ? Trong khi tuyên bố phi Pháp la "phi Php", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố Pháp là vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; ...(nt)... trong khi tuyên bố tội xấu xa là "'tội xấu xa", vị [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ; trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa^, vi [ấy] làm cho biết rõ về điều cần được biết rõ. Vị làm cho biết rõ về điều càn được biết rõ là như thế. 23. Thế nào là vi dập tắt điều cần được dập tắt? -Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; ...(nt).. trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa", vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt; trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”, vị [ấy] dập tắt điều cần được dập tắt. Vi dập tắt điều cần được dập tắt là như thế. 24. Thê nào là vị xem xét điêu cân được xem xét? Trong khi tuyên bô phi Pháp là "phi Pháp", vị [áy] xem xét điêu cân được xem xét; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp” ...(nt)...; trong khi tuyên bố tội xấu xa là utội xấu xa” trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa” ...(nt).. Vị xem xét điều cần được xem xét là như thế. 25. Thế nào là vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng? —Trong khi tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", vị [ấy] tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng; trong khi tuyên bố Pháp là "Pháp" trong khi tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa” ...(nt)... trong khi tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa" ..(nt)... Vị tin tưởng vào điều đáng được tin tưởng là như thế* 26. Thế nào là vị [nghĩ rằng]: "Ta đã đạt được đồ chhng" rồi xem thường đồ chúng người khác? -ở đây, có vị đã đạt được đồ chúng, đã đạt được tùy tùng, là vi có đồ chúng, có người thân cận [nghĩ rằng]: "Người này không đạt được đồ chúng, không đạt được tùy tùng, không là vi có đồ chúng, không là vị có người thân can" trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "ph”,tuyên bố Pháp là "phi Pháp" ...(nt).. tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xtuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: “Ta đã đạt được đồ chiing" rồi xem thường đồ chúng người khác là như thế. 27. Thế nào là vị [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" rồi xem thường vị nghe ít?



ở đây, có vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe [nghĩ rằng]: "Người này nghe ít, kế thừa ít, ghi nhớ ít” trong khi xem thường người ấy rồi tuyên bố phi Pháp là tuyên bố Pháp là "phi Phap^ ..(nt).. tuyên bố tội xàu xa là "tội không xấu xa”tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa.” Vị [nghĩ rằng]: "Ta là người nghe nhiều" rồi xem thường vị nghe ít là như thế. 28. Thế nào là vi [nghĩ rằng]: "Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vị mới tu sau? ở dây, có vị là Trưởng lão? có kinh nghiệm, đã xuất gia lâu dài [nghĩ rằng]: "Người này mới tu, thiểu trí, ít nghe, ít hiểu biết việc đã được làm, lời nói của người này sẽ không được thực hiên" trong khi xem thường người

ấy rồi tuyên bố phi Pháp là "?háp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"...(nt).. tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Vị [nghĩ rằng]: “Ta là vị thâm niên hơn" rồi xem thường vi mới tu sau là như thế. 29. Không nên nói về điều chưa được thành tựu: Là không nên đưa ra lời nói chưa được đưa ra. 30. Không nên bỏ qua điều đã được thành tựu đủng Pháp đủng Luật: Là không nên bỏ qua sự việc đúng Pháp đúng Luật mà hội chúng đã được triệu tập lại vì sự việc ấy. 31. Theo Pháp nào: Là theo sự việc có thật. Theo Luật nào: Là sau khi đã cáo tội, sau khi đã làm cho nhớ lại. Theo lời dạy nào của bậc Đạo sư: Là với sự đầy đủ của lời đề nghị, với sự đầy đủ của lời tuyên bố. Sự tranh tụng ấy được giải quyết theo Pháp nào, theo Luật nào, theo lời dạy nào của bậc Đạo sư thì nên giải quyết sự tranh tụng ấy như the.

Sự THẨM VẤN CỦA VỊ XÉT xử Vỉ xét xử nên hỏi vỉ cáo tội rang: "Này Đại đức, việc ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này, ngài đình chỉ vị ấy vì lý do gì, đình chỉ vì hư hỏng về giới, đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm?” Nếu vi ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ vì hư hỏng về giới, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là đình chỉ vì hư hỏng về quan điểm.,, Vị ây nên được nói như sau: "Vậy ngài có biêt sự hư hỏng vê giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về quan điểm kh6ng?" Nếu vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về quan điểm.,, Vị ấy nên được nói như sau: 'Này Đại đức, vậy điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng ve hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng ve quan điểm?

XƯNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH]  1313

Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn tội Pārājika. mười ba tội Sañghādisesa. đó là sự hư hỏng ve giới. Tội Thullaccaya, tội Pãcỉttiya. tội Pãtidesanĩya, tội Dukkata, tội Dubbhāsitā, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, hữu biên kiến, đó là sự hư hỏng về quan điểm.^, Vi ấy nên được nói như sau: “Này Đại dức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vi Tỳ-khưu này, có phải ngài đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ng&?” Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là đình chỉ do đã được nghe, hoặc là đình chỉ do sự nghi ngờ.,, Vị ấy nên được nói như sau: “Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavãranã của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, ngài đã thấy gi, ngài đã thấy thế nào, ngài đã thấy khi nào, ngài đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vi [ấy] đang phạm tội Pārājikai... tội Sañghādisesa?... tội Thulỉaccayal... tội Pãcittiyaỉ... tội Pãtỉdesanĩyầì.., tội Dukkatai Có phải đã thấy vị [ấy] đang phạm tội Dubbhāsitā? Và ngài đã ở đâu? Và vi Tỳ-khmi này đã ở đâu? Và ngài đã làm gì? Và vi Tỳ-khưu này đã làm gi?" Nêu vị ấy nói như vay: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāranā do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại dức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vi Tỳ-khưu này do đã được nghe, ngài đã nghe gì, ngài đã nghe thế nào, ngài đã nghe khi nào, ngài đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Pārājikat" Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Sañghādisesa?'... tội ThullaccayaT... tội Pâcittỉyaỉ\.. tội Pãtidesanĩycfỉ\.. tội Dukkatcii" Có phải đã nghe rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Có phải đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị

Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vi Sa-di, đã nghe từ vi Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?" Nêu vị ây nói như vây: "Này Đại đức, tôi quả không đình chỉ lê Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ lễ Pavāranā do sự nghi ngờ.^, Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc mà ngài đình chỉ lễ Pavāranā của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, ngài nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Pārājika?"... tội Sañghādisesa?\. tội Thullaccaya?"... tội Pãcittiya?\.. tội Pãtidesanĩya?'.., tội Dukkatai" Có phải ngài nghi ngờ rằng: 'Vị [ấy] đã phạm tội Dubbhāsitā?" Có phải ngài nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vi Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị

1314 > TẬP YÊU

Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại dạo?" ỉ. Điêu được thây tương tợ với điêu đã được thây, điêu được thây phù hợp với điều đã được thấy, căn cứ vào điều đã được thấy mà không thừa nhận thì bỉ nghỉ ngờ là không thanh tịnh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ẩy, 2. Điều được nghe tương tợ với điều đã được nghe, điều được nghe phù hợp với điều đã được nghe, căn cứ vào điều đã được nghe mà không thừa nhận thì bỉ nghi nệờ là không thanh tinh; vỉ ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ấy. y > 5

3. Điêu được cảm nhận tương tợ với điêu đã được cảm nhận, điêu được cảm nhận phù hợp với điều đã được cảm nhận, căn cứ vào điều đã được cảm nhận mà không thừa nhận thì bi nghi ngờ là không thanh tịnh; vị ấy do sự thừa nhận thì nên hành le Pavāranā với vỉ ấy.

PHÂN TÍCH VÈ CÂU HỎI L "Ngài đã thấy gi?" là câu hỏi về điều gì? "Ngai đã thấy thế nào?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy khi no?" là câu hỏi về điều gì? "Ngài đã thấy ở d2u?" là câu hỏi về điều gì? 2. "Ngài đã thấy gì? Là câu hỏi về sự việc, là câu hỏi về sự hư hỏng, là câu hỏi ve tội vi phạm, là câu hỏi ve sự vi phạm. Câu hỏi về sự việc: Là câu hỏi về sự việc của tám điều Pārājika, là câu hỏi ve sự việc của hai mươi ba điều Sañghādisesa. là câu hỏi ve sự việc của hai điều Ānīyata, là câu hỏi về sự việc của bốn mươi hai điều Nỉssaggỉya. là câu hỏi về sự việc của một trăm tám mươi tám điều Pãcittiya. là câu hỏi về sự việc của mười hai điều Pātidesamya. là câu hỏi ve sự việc của các điều Dukkata. là câu hỏi ve sự việc của các điều Dubbhāsitā. Câu hỏi về sự hư hỏng: Là câu hỏi về sự hư hỏng về giới, là câu hỏi về sự hư hỏng vê hạnh kiêm, là câu hỏi vê sự hư hỏng vê quan diêm, là câu hỏi vê sự hư hỏng về nuôi mạng. Câu hỏi về tội vi phạm: Là câu hỏi về tội Pārājika, là câu hỏi về tội Sanghãdỉsesa, là câu hỏi ve tội Thullaccaya. là câu hỏi ve tội Pãcittiya. là câu hỏi vê tội Pātidesanīya, là câu hỏi vê tội Dukkaịa. là câu hỏi vê tội Dubbhāsitā. Câu hỏi về sự vỉ phạm: Là câu hỏi về sự kết hợp chung lại của hai người. 3. "Ngài đã thấy thế nào?Là câu hỏi về đặc điểm, là câu hỏi về

tư thế, là câu hỏi ve sự biểu hiện, là câu hỏi ve sự thay đoi.

XUNG ĐỘT [PHẦN CHÍNH]  1315

Câu hỏi về đặc điểm: Là cao, hay là thấp, hay là đen, hay là trắng. Câu hỏi về tư thế: Là đang di, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang nằm. Câu hỏi về sự biểu hiện: Là hình tướng tại gia, hay là hình tướng ngoại đạo, hay là hình tướng xuất gia. Câu hỏi về sự thay đổi: Là đang đi, hay đang đứng, hay đang ngồi, hay đang năm. 4. "Ngài đã thấy khỉ nào? Là câu hỏi về thời gian, là câu hỏi về thời điểm, là câu hỏi vê ngày, là câu hỏi vê mùa tiêt. Câu hỏi về thời gian: Là vào lúc sáng sớm, hay là lúc nửa ngày, hay là lúc chiều tối. Câu hỏi về thời điểm: Là vào thời điểm sáng sớm, hay là thời điểm nửa ngày, hay là thời điểm chiều tối. Câu hỏi về ngày: Là trước bữa ăn, hay là sau bữa ăn, hay là ban đêm, hay là ban ngày, hay là nửa tháng sau, hay là nửa tháng trước. \ ỉ Câu hỏi vê mùa tỉêt: Là trong mùa lạnh, hay là trong mùa nóng, hay là trong mùa mưa. 5"Ngài đã thấy ở đau? Là câu hỏi về nơi chốn, là câu hỏi về địa thế, là câu hỏi vê không gian, là câu hỏi vê khu vực. Câu hỏi vê nơi chôn: Là trên nên đát, hay là trong lòng đát, hay là ở bê mặt trái đất, hay là ở trên đất liền. Câu hỏi về địa thế: Là ở trên đất bằng, hay là trong lòng đất, hay là trên sườn núi, hay là trên tảng dá, hay là trong tòa lâu đài. Câu hỏi về không gian: Là không gian phía Đông, hay là không gian phía Tây, hay là không gian phía Bắc, hay là không gian phía Nam. Câu hỏi về khu vực: Là khu vực phương Đông, hay là khu vực phương Tây, hay là khu vực phương Bắc, hay là khu vực phương Nam. Dứt chương “Xung đột [Phần chính].”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY: 1. Sự việc, duyên khởi, biểu hiện, việc trước và sau, đã làm hoặc chưa làm, luôn cả hành sự, sự tranh tụng, sự dàn xếp và thiên vị vì ưa thích. 2. Vì sân hận, vì si mê luôn cả vì sợ hãi, sự biết rõ, sự dập tắt, sự xem xét, được tin tưởng, "Ta đã có đồ chiing", đã nghe [nhiều] và vi thâm niên hơn. 3. Và chưa được thành tựu, đã thành tựu, theo Pháp, theo Luật và cả lời dạy của bậc Đạo sư, là việc làm cho hiểu rõ về chương Xung đột [Phần chính]. —ooOoo—

PHÂN TÍCH KATHINA

Kathina không được thành tựu đến ai? Kathina được thành tựu đến ai? Thế nào là Kathina không được thành tựu? Thế nào là Kathina được thành tựu? Kathina không được thành tựu đến ai?  Kathina không được thành tựu đến hai hạng người: Vị không làm cho thành tựu và vi không tùy hỷ. Kathina không được thành tựu đen hai hạng người này. Kathina được thành tựu đến ai?  Kathina được thành tựu đến hai hạng người: Vị làm cho thành tựu và vị tùy hỷ. Kathina được thành tựu đến hai hạng người này. Thế nào là Kathina không được thành tựu?  Kathina không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do:1 Kathina không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu [về chiều dài, chiều rộng]. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn giặt. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... Kathina không được thành tựu ở giai đoạn cat [theo sự đã tính toán]. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng

vải làm dấu. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn may đường viền. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn kết lại phần giữa. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. Kathina không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. Kathina không được thành tựu do đã làm dâu hiệu [gợi ý đê thí chủ dâng]. Kathina không được thành tựu do đã thực hiện lời nói vòng vo. Kathina không được thành tựu do đã được làm có tính cách tạm thời. Kathina không được thành tựu với sự tích trữ. Kathina không được thành tựu do sự phạm vào Nissaggiya. Kathina không được thành tựu với sự không làm thành được phép [tức là không làm dấu hoại y]. Kathina không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. Kathina không được thành tựu với y không phải là thượng y. Kathina không được thành tựu với y không phải là y nội. Kathina không được thành tựu với y không phải là năm điều hay nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm áy. Kathina không được thành tựu, trừ khi do sự thành tựu bởi

Xem tr. 327 trong tập này; TTP v, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 113.



cá nhân. Nếu Kathina đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng r ngoài ranh giới. Kathina không được thành tựu là như thê. Hành động làm dấu hiệu nghĩa là vị làm dấu hiệu rằng: "Tôi sẽ làm thành tựu Kathỉna với vải này." LỜI nói vòng vo nghĩa là vi thực hiện lời nói vòng vo [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm phát sanh vải Kathina với lời nói vòng vo này." Đã được làm có tính cách tạm thời nghĩa là đề cập đến vật thí chưa được nhận lấy. Sự tích trữ nghĩa là có hai sự tích trữ: Sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom. Sự phạm vào Nỉssaggỉya nghĩa là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện. Kathỉna không được thành tựu bởi hai mươi bốn lý do này. Thê nào là Kathina được thành tựu? Kathỉna được thành tựu bởi mười bảy lý do:2 Kathina được thành tựu với vải mới. Kathỉna được thành tựu với vải được xem như mới. Kathỉna được thành tựu với vải áo choàng cũ. Kathỉna được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. Kathỉna được thành tựu với vải được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. Kathỉna được thành tựu do đã không làm dấu hiệu [gợi ý để thí chủ dâng]. Kathỉna được thành tựu do đã không thực hiện lời nói vòng vo. Kathỉna được thành tựu do đã được làm không có tính cách tạm thời. Kathina được thành tựu với sự không tích trữ. Kathỉna được thành tựu do không để qua đêm. Kathỉna được thành tựu với sự làm thành được phép [tức là làm dấu hoại y]. Kathỉna được thành tựu với y hai lớp. Kathina được thành tựu với thượng y. Kathỉna được thành tựu với y nội. Kathỉna được thành tựu với y là năm điều hay nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. Kaịhina được thành tựu do sự thành tựu của cá nhân. Và Kathina ấy còn được thành tựu một cách đúng đắn nếu vị tày hỷ đứng ở trong ranh giới. Như thế là Kathỉna được thành tựu. Kathỉna được thành tựu bởi mười bảy lý do này. Bao nhiêu pháp được sanh lên từ sự thành tựu Kathinal Từ sự thành tựu Kathỉna. mười lăm pháp được sanh lên: Tám tiêu đề, hai sự vướng bận, năm điều thuận lợi. Từ sự thành tựu Kathỉna. mười lăm pháp này được sanh lên.

VẤN ĐÁP Đối với sự tiến hành, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiên sanh duyên, là duyên thông

2 Xem tr. 327 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VII, tr. 115.



qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với việc làm trước, các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, ...(nt)... Đối với việc nguyện xả [y], các pháp nào ...(nt)... Đối với việc chú nguyện [y], các pháp nào ...(nt)... Đoi với sự thành tựu [Kathina], các pháp nào ...(nt)... Đoi với các tiêu đề và các điều vướng bận, các pháp nào ...(nt).. Đối với sự vật,3 các pháp nào là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đang vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên, là duyên thông qua tiền sanh duyên, là duyên thông qua hậu sanh duyên, là duyên thông qua đồng sanh duyên? Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô ^ián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đôi với việc làm trước, sự tiên hành là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự tiến hành, việc làm trước là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đôi với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự nguyện xả [y], việc làm trước là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với việc làm trước, sự nguyện xả [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự nguyện xả [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự nguyện xả [y], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với sự thành tựu [Kathina], sự chú nguyện [y] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự chú nguyện [y], sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Đối với sự thành tựu [Kathina], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với các tiêu đề và các sự vướng bận, sự thành tựu [Kathina] là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đoi với sự thành tựu [Kathina], các tiêu đề và các sự vướng bận là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đong sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua vô gián duyên, là duyên thông qua đẳng vô gián duyên, là duyên thông qua y

3 Đối với sự vật của Kathina, nghĩa là y hai lớp, hoặc thượng y, hoặc y nội (VinA. VII. 1369).

chỉ duyên, là duyên thông qua cận y duyên. Đối với niềm mong mỏi và không mong mỏi, sự vật là duyên thông qua tiền sanh duyên. Đối với sự vật, niềm mong mỏi và không mong mỏi là duyên thông qua hậu sanh duyên. Mười lăm pháp là duyên thông qua đồng sanh duyên. Việc làm trước có điêu gì là sự mở đâu, điêu ệi là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự nguyện xả [y] có điều gì là sự mở dầu, điều ệi là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điêu gì là sự hiện khởi, điêu gì là sự cót yêu9 điêu gì là nguôn sanh khởi? Sự chú nguyện [y] có điều gì là sự mở dầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự thành tựu [Kathina] có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Các tiêu đê và các sự vướng bận có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Niềm mong mỏi và không monệ mỏi có điều gì là sự mở đầu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên5 điêu gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi?
Việc làm trước có sự tiến hành là sự mở dầu, có sự tiến hành là sự phát sanh, có sự tiến hành là sự sanh lên, có sự tiến hành là sự hiện khởi, có sự tiến hành là sự cót yêu, có sự tiên hành là nguôn sanh khởi. Sự nguyện xả [y] có việc làm trước là sự mở dầu, có việc làm trước là sự phát sanh, có việc làm trước là sự sanh lên, có việc làm trước là sự hiện khởi, có việc làm trước là sự cốt yếu, có việc làm trước là nguồn sanh khởi. Sự chú nguyện [y] có sự nguyện xả [y] là sự mở đầu, có sự nguyện xả [y] là sự phát sanh, có sự nguyện xả [y] là sự sanh lên, có sự nguyện xả [y] là sự hiện khởi, có sự nguyện xả [y] là sự cốt yếu, có sự nguyện xả [y] là nguồn sanh khởi. Sự thành tựu [Kathinā] có sự chú nguyện [y] là sự mở dâu, có sự chú nguyện [y] là sự phát sanh, có sự chú nguyện [y] là sự sanh lên, có sự chú nguyện [y] là sự hiện khởi, có sự chú nguyện [y] là sự cốt yếu, có sự chú nguyện [y] là nguồn sanh khởi. Các tiêu đề và các sự vướng bận có sự thành tựu [Kathina] là sự mở đầu, có sự thành tựu [Kathina] là sự phát sanh, có sự thành tựu [Kathina] là sự sanh lên, có sự thành tựu [Kathina] là sự hiện khởi, có sự thành tựu [Kathina] là sự cốt yếu, có sự thành tựu [Kathina] là nguồn sanh khởi. Niềm mong mỏi và không mong mỏi có sự vật [y] là sự mở dầu, có sự vật [y] là sự phát sanh, có sự vật [y] là sự sanh lên, có sự vật [y] là sự hiện khởi, có sự vật [y] là sự cốt yếu, có sự vật [y] là nguồn sanh khởi. Sự tiên hành có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh



khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathinā] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt).. Sự vật [y] ...(nt)...
Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đâu, điều gì là sự phát sanh, điều gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tiến hành có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi.

Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathina] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có nhân là sự mở đầu, có nhân là sự phát sanh, có nhân là sự sanh lên, có nhân là sự hiện khởi, có nhân là sự cốt yếu, có nhân là nguồn sanh khởi. Sự tiên hành có điêu gì là sự mở đâu, điêu gì là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên, điều gì là sự hiện khởi, điều gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathina] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có điều gì là sự mở đầu, điêu gì là sự phát sanh, điêu gì là sự sanh lên, điêu gì là sự hiện khởi, điêu gì là sự cốt yếu, điều gì là nguồn sanh khởi? Sự tiến hành có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi. Việc làm trước ...(nt)... Sự nguyện xả [y] ...(nt)... Sự chú nguyện [y] ...(nt)... Sự thành tựu [Kathinā] ...(nt)... Các tiêu đề và các sự vướng bận ...(nt)... Sự vật [y] ...(nt)... Niềm mong mỏi và không mong mỏi có duyên là sự mở đầu, có duyên là sự phát sanh, có duyên là sự sanh lên, có duyên là sự hiện khởi, có duyên là sự cốt yếu, có duyên là nguồn sanh khởi.

PHẦN Sự TÔNG HỢP Việc làm trước được tong hợp với bao nhiêu pháp? Việc làm trước được tông hợp với bảy pháp: Với việc giặt, với việc tính toán, với việc cat, với việc kết lại, với việc may, với việc nhuộm, với việc làm thành được phép. Việc làm trước được tổng hợp với bảy pháp này. Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc nguyện xả [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội. Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc chú nguyện [y] được tổng hợp với ba pháp: Với y hai lớp, với thượng y, với y nội.



Việc thành tựu [Kathina] được tổng hợp với bao nhiêu pháp? Việc thành tựu [Kathina] được tổng hợp với một pháp là với sự phát lên lơi noi. Kathỉna có bao nhiêu căn nguyên? Có bao nhiêu sự vật? Có bao nhiêu loại vật liệu? Kathỉna có một căn nguyên là hội chúng. Có ba sự vật là y hai lớp, thượng y, y nội. Có sáu loại vật liệu: Sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. Đối với Kathỉna, việc gì là đầu tiên, việc gì là ở giữa, việc gì là kết cuộc? Đối với Kaịhina. việc làm trước là đầu tiên, sự thực hiện là ở giữa, sự thành tựu là kết cuộc. Người có bao nhiêu yếu tố không thể thành tựu Kathincf! Người có bao nhiêu yếu tố có thể thành tựu Kathina ? Người có tám yếu tố không thể thành tựu Kathỉna. Người có tám yếu tố có thể thành tựu Kathỉna. Người có tám yếu tố gì không thể thành tựu Kathinai Vị không biêt vê việc làm trước, không biêt vê việc nguyện xả [y], không biết về việc chú nguyện [y], không biết về sự thành tựu [KaỊhina], không biết về tiêu đề, không biết về sự vướng bận, không biết về sự hết hiệu lực, không biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này không thể thành tựu Kathina. Người có tám yếu tố gì có thể thành tựu Kathinai Vị biêt vê việc làm trước, biêt vê việc nguyện xả [y], biêt vê việc chú nguyện [y], biết về sự thành tựu [Kathina], biết về tiêu đề, biết về sự vướng bận, biết về sự hết hiệu lực, biết về sự thuận lợi. Người có tám yếu tố này có the thành tựu Kathỉna. Sự thành tựu Kathina của những hạng

người nào không có hiệu quả? Sự thành tựu Kathỉna của những hạng người nào có hiệu quả?  Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người không có hiệu quả. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người có hiệu quả. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người nào không có hiệu quả?  Vị đứng ở ngoài ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ? vị không nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị không làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu Kathina của ba hạng người này không có hiệu quả. Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người nào có hiệu quả?  Vị đứng ở trong ranh giới nói lời tùy hỷ. Trong khi nói lời tùy hỷ? vị nói lên thành câu. Trong khi nói lên thành câu, vị làm cho người khác hiểu được. Sự thành tựu Kathỉna của ba hạng người này có hiệu quả. Bao nhiêu sự thành tựu Kathina không có hiệu lực? Bao nhiêu sự thành tựu Kathỉna có hiệu lực?

PHÂN TÍCH KATHINA  1323

Ba Sự thành tựu Kathina không có hiệu lực. Ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực. Thế nào là ba sự thành tựu Kathina không có hiệu lực?  Là hư hỏng vê sự vật, hư hỏng vê thời gian và hư hỏng vê việc làm.4 Đây là ba sự thành tựu Kathina không có hiệu lực. Thế nào là ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực?  Là hoàn hảo vê sự vật, hoàn hảo vê thời gian và hoàn hảo vê việc làm. Đây là ba sự thành tựu Kathina có hiệu lực. 1. Nên biết về Kathina, Nên biết về sự thành tựu Kathina. Nên biết về tháng của sự thành tựu Kathina. Nên biết vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathina, Nên biết về điều hoàn hảo của sự thành tựu Kathina. Nên biết về hành động làm dấu hiệu. Nên biết về lời nói vòng vo. Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời. Nên biêt vê sự tích trữ. Nên biêt vê sự phạm vào Nissaggiya. z A 7 . L r 2. Nên biêt vê Kathina: Sự tông hợp của chính các việc áy, sự liên két lại, tên gọi, hành động đặt tên, hệ thong tên gọi, sự giải nghĩa, đặc tính, sự diễn tả; điều ấy tức là "Kcựhina." 3. Nên biêt vê thẳng của sự thành tựu Kathina: Là nên biêt tháng cuôi cùng của mùa mưa. 4. Nên biêt vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathỉna: Là nên biêt vê điêu hư hỏng của sự thành tựu Kathỉna với hai mươi bốn lý do. 5. Nên biêt vê điêu hoàn hảo của sự thành tựu Kathina: Là nên biêt vê điêu hoàn hảo của sự thành tựu Kathina với mười bảy lý do. 6. Nên biết về hành động ra dấu hiệu: Là vị làm dấu hiệu rằng: "Tôi sẽ làm thành tựu Kathina với vải nay?9 7. Nên biêt vê sự giảng giải [roi kêu gọi]: Là vị thực hiện sự giảng giải roi kêu gọi: "Tôi sẽ làm phát sanh vải Kathina với bài thuyết giảng ny." 8. Nên biết về vật đã được làm có tính cách tạm thời: Là nói đến vật thí chưa được nhận lấy. 9. Nên biết về sự tích trữ: Là nên biết về hai sự tích trữ: Sự tích trữ do việc làm và sự tích trữ do thu gom. 10. Nên biết về sự phạm vào Nỉssaggỉya: Là trong khi đang thực hiện thì hừng đông xuất hiện. y y L r 11. Nên biêt vê sự thành tựu Kathỉna: Nêu vải Kathina được phát sanh đên hội chúng, hội chúng nên thực hành như thế nào? Vị làm thành tựu [Kathinā] nên thực hành như thê nào? Vi tùy hỷ nên thực hành như thê nào?

4 Hư hỏng về sự vật: Là y chưa được làm thành được phép [tức là chưa làm dấu y]; hư hỏng về thời gian: Là các thí chủ dâng y ngày hôm nay và hội chúng để đến ngày hôm sau mới giao cho vị Tỳ-khưu để làm thành tựu Kathina; hư hong về việc làm: Là đã được cắt vao ngày hôm ấy nhưng chưa được làm xong (VinA. vil. 1370).

Ỉ2. - Hội chúng nên trao cho vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathina bằng hành SỊT, có lời đề nghi đến lần thứ nhì. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathỉna ây nên giặt, nên làm cho phăng, nên tính toán, nên căt9 nên may, nên nhuộm, nên làm thành được phép [làm dấu y], nên làm thành tựu Kathỉna nội trong ngày hôm ấy. Nêu có ý định làm thành tựu Kathỉna với y hai lớp, nên nguyện xả y hai lớp cũ, nên chú nguyện y hai lớp mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathina với y hai lớp này.,, Nêu có ý đinh làm thành tựu Kathina với thượng y, nên nguyện xả thượng y c nên chú nguyện thượng y mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathỉna với thượng y này." Nếu có ý định làm thành tựu Kathỉna với y nội, nên nguyện xả y nội cũ, nên chú nguyện y nội mới, nên nói lên thành câu: "Tôi làm thành tựu Kathỉna với y nội này." 13. Vi Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathina ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, Kathỉna của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hỷ.,, Các vị Tỳ-khiru là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại dức, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hy." 14. Vi Tỳ-khưu là vi làm thành tựu Kathỉna ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ- khưu, đăp thượng y một bên vai, chăp tay lên và nên nói như vây: "Bạch các ngài, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathina là đúng Pháp, xin các ngài hãy tùy hy." Các vị Tỳ-khưu là các vị tùy hỷ ấy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, Kathỉna của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, chúng tôi xin tùy hy.” 15. Vị Tỳ-khưu là vị làm thành tựu Kathỉna ấy nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đáp thượng y một bên vai, chăp tay lên và nên nói như vây: "Bạch Đại đức, Đại đức của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, xin Đại đức hãy tùy hy.” Vị Tỳ-khưu là vị tùy hỷ ẩy nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên và nên nói như vầy: “Bạch Đại đức, Kathina của hội chúng đã được thành tựu, sự thành tựu Kathỉna là đúng Pháp, tôi xin tùy hy." Có phải hội chúng làm thành tựu Kathỉnấì Có phải nhóm làm thành tựu Kathỉnẫì Có phải cá nhân làm thành tựu Kathỉncíỉ -Hội chúng không làm thành tựu Kaịhỉna. Nhóm không làm thành tựu Kaíhina. Cá nhân làm thành tựu Kathỉna. Nếu hội chúng không làm thành tựu Kathina. nhóm không làm thành tựu Kathina, cá nhân làm thành tựu Kathỉna, vậy có phải Kathina không được thành tựu cho hội chúng, không được thành tựu cho nhóm, được thành tựu cho cá nhân? Có phải hội chúng đọc tụng Giới bổn (PâtỉmokkhaỴÌ Có phải nhóm đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă)? Có phải cá nhân đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ



Hội chúng không đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhd). Nhóm không đọc tụng Giới bổn (Patimokkho). Cá nhân đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ. Nếu hội chúng không đọc tụng Giới bổn (JPātimokkha), nhóm không đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha), cá nhân đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), vậy có phải Giới bổn (Pātimokkha) không được đọc tụng cho hội chúng, Giới bổn (Pātimokkhaṃ không được đọc tụng cho nhóm, Giới bổn

(Pātimokkha) được đọc tụng cho cá nhân? r r Do sự đọc tụng của cá nhân ở hội chúng hợp nhát, ở nhóm hợp nhát, Giới bổn (Pātimokkha) được đọc tụng cho hội chúng, Giới bon (Pātimokkha) được đọc tụng cho nhóm, Giới bon (Patimokkho) được đọc tụng cho cá nhân. Tương tợ y như thế, hội chúng không làm thành tựu Kathina, nhóm không làm thành tựu Kathina, cá nhân làm thành tựu Kathina. Do sự thành tựu [Kathina] của cá nhân, với sự tùy hỷ của hội chúng, với sự tùy hỷ của nhóm, Kathina được thành tựu cho hội chúng, Kathina được thành tựu cho nhóm, Kathina được thành tựu cho cá nhân. 1. Hiệu lực của Kathina liên quan đến vỉ ra đi đã được nói đến bởi vị thân quyên của mặt trời và tôi hỏi ngài điêu này: Sự vướng bận loại nào bi cat đứt trước tiên? r r 2. Hiệu lực của Kathina liên quan đên vị ra đi đã được nói đên bởi vỉ Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu ây: Sự vướng bận vê y bỉ cat đứt trước tiền, với việc đi ra bên ngoài ranh giới của vỉ ấy, thì sự vướng bận ve cho ngụ bị dứt. r r ỉ 3. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc hoàn tát đã được nói đên bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bỉ cắt đứt trước tiên? r r ỉ 4. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc hoàn tát đã được nói đên bởi vị Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu áy: Sự vướng bận chô ngụ bi cắt đứt trước tiên, khỉ y được hoàn tất thì sự vướng bận ve y bị đứt, 5. Hiệu lực của Kathina do tự mình quyết đinh đã được nói đên bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bỉ cắt đứt trước tiên? 6. Hiệu lực của Kathina do tự mình quyết định đã được nói đến bởi vỉ Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu áy: Cả hai điêu vướng bận [đông thời] bỉ cắt đứt không trước không sau. 7. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc bi mat đã được nói đên bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bị cắt đứt trước tiên? 8. Hiệu lực của Kathina liên quan đến việc bỉ mất đã được nói đến, bởi vị Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu ây: Sự vướng bận chô ngụ bi cat đứt trước tiên, khỉ y bi mát trộm thì sự vướng bận vê y bi đứt.



9. Hiệu lực của Kathina liên quan đến việc nghe tin đã được nói đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bi cắt đứt trước tiên? r r 10. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc nghe tin đã được nói đên, bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bị cắt đứt trước tiên, với việc nghe tin của vi ấy thì sự vướng bận về chỗ ngụ bị dứt. 11. Hiệu lực của Kathina liên quan đến việc tan vỡ niềm mong ước đã được nỏi đến bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bi cat đứt trước tiên? r \ 12. Hiệu lực của Kathina liên quan đên việc tan vỡ niêm mong ước vì mong ước tan vỡ đã được nói đên, bởi vi Thân Quyên Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điêu ây: Sự vướng bận chô ngụ bị cat đứt trước tiên, khi nôi niêm mong mỏi vê y bị đoạn lìa thì sự vướng bận về y bị đứt. 13. Hiệu lực của Kathỉna liên quan đến vi vượt qua ranh giới đã được nỏi đến bởi vỉ Thân Quyến Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điều này: Sự vướng bận loại nào bỉ cắt đứt trước tiên? 14. Hiệu lực của Kathỉna liên quan đến vỉ vượt qua ranh giới đã được nói đénf bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Sự vướng bận về y bỉ cắt đứt trước tiên, đoi với vi đã đi ra bên ngoài vùng ranh giới thì sự vướng bận vê chô ngụ bỉ đứt. A F r

15. Hiệu lực của Kaịhỉna đông thời hét hiệu lực đã được nói đên bởi vi Thân Quyên Của Mặt Trời, tôi hỏi Ngài điêu này: Sự vướng bận loại nào bỉ cát đứt trước tiên? 16. Hiệu lực của Kathina đồng thời hết hiệu lực đã được nói đếnf bởi vị Thân Quyển Của Mặt Trời và tôi đáp Ngài điều ấy: Cả hai điều vướng bận [đong thời] bị cắt đứt không trước không sau. 17. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina phụ thuộc vào hội chúng? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathỉna phụ thuộc vào cá nhân? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathỉna không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân? Có một sự hết hiệu lực của Kaịhina phụ thuộc vào hội chúng là sự hết hiệu lực giữa chừng.5 Có bốn sự hết hiệu lực của Kathỉna phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyết đinh, liên quan đến việc vượt qua ranh giới. Có sự hết hiệu lực của Kathỉna không phụ thuộc vào hội chúng cũng không phụ thuộc vào cá nhân: Liên quan đến việc [y] bị mất, liên quan đến việc nghe tin, liên quan đên sự tan vỡ niêm mong mỏi, sự đông thời hét hiệu lực.

5 Do tuyên ngôn thu hồi Kathina. Xem điều học Pãcittìya 30 của Tỳ-khưu-ni (ND).



18. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở trong ranh giới? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Bao nhiêu sự hét hiệu lực của Kathina có thê bi hét hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới? Có hai sự hết hiệu lực của Kathina bị hết hiệu lực ở trong ranh giới: Sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Có ba sự hết hiệu lực của Kathina bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc ra đi, liên quan đên việc nghe tin, liên quan đên việc vượt qua ranh giới. Có bôn sự hét hiệu lực của Kathina có thể bị hết hiệu lực ở trong ranh giới, [hoặc] có thể bi hết hiệu lực ở ngoài ranh giới: Liên quan đến việc [y] đã được hoàn tất, liên quan đến việc tự mình quyêt định, liên quan đên việc [y] bị mat, liên quan đên việc tan vỡ niềm mong mỏi. 19. Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina có sự sanh lên cung một lúc, có sự chấm dứt cùng một lúc? Bao nhiêu sự hết hiệu lực của Kathina có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cung lúc? Có hai sự hết hiệu lực của Kathina có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt cùng một lúc: Sự hết hiệu lực giữa chừng, sự hết hiệu lực đồng thời. Các sự hết hiệu lực của Kathina còn lại có sự sanh lên cùng một lúc, có sự chấm dứt không cùng lúc. Dứt “Phân tích Kathina^

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Đen ai, như thế nào, mười lăm, các pháp, sự mở đầu, nhân, duyên, sự tổng hợp, căn nguyên, sự khởi đầu và sự làm thành tựu, các hạng người. 2. Sự phân tích, của ba hạng, ba loại [không hiệu lực], nên biết, sự thành tựu và với việc đọc tụng [Giới bon], sự vướng bận, sự phụ thuộc, [trong và ngoài] ranh giới, sự sanh lên và sự chấm dứt. —ooOoo-

NHOM NAM VE UPALI

1. PHẨM KHÔNG NƯƠNG NHỜ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp, sau khi

đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã noi với đức The Ton điêu này: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được sống, không nương nhờ đức Thế Tôn cho đến trọn đời? Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô không được sông, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vi không biết về lễ Uposatha, không biết về hành sự của lễ Uposatha, không biết về Giới bổn (Pātimokkha), không biết về cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), chưa đủ năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được sông, không nương nhờ cho đên trọn đời. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Vơi nam [yếu tố] gì? Vị biết về lễ Uposatha. biết về hành sự của lễ Uposatha. biết về Giới bổn ỤPãtimokkhă). biết về cách đọc tụng Giới bổn MM . M M . . (Pātimokkha), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này được sông không nương nhờ cho đên trọn đời. 2. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không được sông không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị không biết về lễ Pavāranā. không biêt vê hành sự của lê Pavāranā. không biêt vê Giới bôn (Patimokkho), không biêt vê cách đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhaṃ, chưa đủ năm năm. Này upāli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đen trọn đời. Này Upāli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về lễ Pavāranā, biết về hành sự của lễ Pavāranā. biết về Giới bổn (Pātimokkha), biết về cách đọc tụng Giới bổn (Patimokkho), được năm năm hoặc hơn năm năm. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yểu tố này được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. 3. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được sống, không nương nhờ cho đến trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vi không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, chưa đủ năm năm.



Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được sống, không nương nhờ cho đen trọn đời. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô được sông không nương nhờ cho đên trọn đời. Với năm [yếu tố] gì? Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ cho đến trọn đời. 4. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ? Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không có khả năng chăm sóc hoặc kiêm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [không có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, [không có khả năng] phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo pháp, khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, [không có khả năng] hướng dẫn Thắng pháp và Thắng luật, [a]1 Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Này Upli, vị

Tỳ-khưu có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yếu tố] gì? Là vi có khả năng chăm sóc hoặc kiếm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải khi đệ tử hay học trò có sự không hoan hỷ đã sanh khởi, [có khả năng] phân giải hoặc nhờ vị khác phân giải đúng theo pháp khi đệ tử hay học trò có mối nghi ngờ sanh khởi, [có khả năng] hướng dẫn Thắng pháp và Thắng luật. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ. 5. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không có khả năng đê huân luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, [không có khả năng] để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [b]2 [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng giới, [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng

1 [a] Theo lời giải thích của ngài Bụddhaghọsa: Hướng dẫn về Thắng pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt danh sắc, và hướng dẫn về Thắng luật là hướng dẫn vê toàn bộ tạng Luật (VỉnA. v. 990). 2 [b] Các điều học thupc về phân sự căn bản tức là nói đến các phận sự trong bộ Luật Khandhaka, Hợp phan gồm có Đại phẩm và Tiểu phẩm, còn các điều học thuộc về iphầri đầu của Phạm hạnh, là các điều học đa được quý định ở hai Giới bổn(Sdd.).



thượng tâm, [không có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tuệ. [c]3 Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được ban phép tu lên bậc trên, không được ban cho phép nương nhờ, không được để cho Sa-di phục vụ. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ? Với năm [yếu tố] gì? Là vị có khả năng để huấn luyện học trò hay đệ tử việc học tập thuộc về phận sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn việc học tập thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng giới, [có khả năng] để hướng dẫn về tăng thượng tâm, [có khả năng] để hướng dẫn ve tăng thượng tuệ. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được ban phép tu lên bậc trên, được ban cho phép nương nhờ, được để cho Sa-di phục vụ. 6.  Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? -Này Upali, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu z r . r -• -t /K tô. Với năm [yêu tô] gì? Là vị vô liêm si, ngu dót, không trong sạch, có tà kiên và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này Upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan diêm cực đoan, có tà kiên và bị hư hỏng vê nuôi mạng. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vi có sự đùa giỡn băng thân, có sự đùa giỡn băng khâu, có sự đùa giỡn băng thân và khâu, có tà kiên và bi hư hỏng vê nuôi mạng. Này Upãli, hành

sự nên được thực hiện đoi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 9. Này Ưpâli, hành sự nen được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 10. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu, có tà kiến và bị hư hỏng ve nuôi mạng. Này Upâli9 hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3 [c] Adhisĩla'. Tăng thượng giới là Giới bổn (Pātimokkhaṃ. Adhicitta: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thê. Adhipañña: Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] Đạo siêu thê (Sđd.).



11. Này Upāli, hành sự nên được thực hiện đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu, có tà kiến và bi hư hỏng về nuôi mạng. Này upāli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 12. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khmi có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự [vẫn] ban phép tu lên bậc trên, [vẫn] ban cho phép nương nhờ, [vẫn] để cho Sa-di phục vụ, [vẫn] chấp nhận việc chỉ định giáo giới Tỳ-khưu-ni, [vẫn] giáo giới Tỳ-khiru-ni khi đã được chỉ định. Này upãli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 13. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành SỊT, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 14. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiến và bị hư hỏng về nuôi mạng. Này Upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Phẩm 66Không nương nhờ*” là thứ nhất

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Lễ Uposatha. lễ Pavãranã. tội vi phạm, người bệnh, phần phận sự căn bản, vi vô liêm sỉ, tăng thượng giới và sự chơi giỡn. 2. Sở hành sai trái, gây tôn hại, tà kiên và luôn cả tội vi phạm, với tội vi phạm nào, [chê bai] đối với đức Phật, phần tổng hợp về phẩm thứ nhất. —ooOoo—

2. PHẨM KHÔNG THU HỒI 1. Bạch Ngài, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự [vẫn] ban phép tu lên bậc trên, [vẫn] ban cho phép nương nhờ, [vẫn] để cho Sa-di phục vụ, [vẫn] chấp nhận việc chỉ định giáo giới Tỳ-khưu-ni, [vẫn] giáo giới Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này Ưpâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có

năm yếu tố này.

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI * 1333

2. Này upāli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, là vị chỉ trích hành sự, chỉ trích các vi thực hiện hành sự. Này Upâli, hành sự không nên .r r 1 r ĩ\ ỉ\ \ • được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị chê bai đức Phật, là vi chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng, có tà kiên và bi hư hỏng vê nuôi mạng. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. 4. Này upâli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị gây ra các sự xích mích và không làm đầy đủ việc học tập trong các phận sự. Này upli, hành sự không nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi đi đến hội chúng? -Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi đi đến hội chúng. Năm [pháp] gì? Này Upli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đến hội chúng, nên đi đến hội chúng với tâm nhún nhường, với tâm như là không bị cấu uế; nên khéo léo về chỗ ngồi và khéo léo khi ngồi xuống, nên ngồi xuổng ở chỗ ngồi thích hợp không chiếm chỗ của các Tỳ-khưu trưởng lão, không buộc các Tỳ-khưu mới tu phải nhường chỗ ngồi; không nên là người nói linh tinh, không nên là người nói chuyện nhảm nhí; hoặc là nên tự mình nói pháp hoặc là nên thỉnh cầu vị khác [nói pháp]; hoặc là không nên xem thường trạng thái im lặng thánh thiện. Này upâli, nếu hội chúng thực hiện các hành sự càn được thực hiện với sự hợp nhất, này upâli trong trường hợp ấy nếu vị Tỳ-khưu không đồng ý [điều gì] thì nên bày tỏ quan điểm và nên đạt đến sự hợp nhất. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? [Vị ấy nên nghĩ rằng]: "Ta chớ nên khác biệt với hội chúng." Này Ưpãli, vị Tỳ-khưu theo đuổi sự xung đột, trong khi đi đen hội chúng, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này roi đi đên hội chúng. 6 Bạch Ngài, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng? Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tố không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói khoa trương; là vị nói theo lời nói của người khác; không khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biểu; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội. Này upâli, trong khi phát biểu ở



hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Này upãli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỵ-khưu có năm yêu tô được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói không khoa trương; là vị

không nói theo lời nói của người khác; khéo léo trong sự mạch lạc của lời phát biêu; là vi cáo tội theo Pháp theo Luật, đúng tội; là vi hành xử theo Pháp theo Luật đúng tội. Này upâli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người men, được nhiều người hài lòng. 7. Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nói tâng bốc, là vị làm mát niêm tin, là vị năm giữ phi Pháp, là vị choi từ pháp và nói nhiêu chuyện VỚ vân. Này upâli, trong khi phát biêu ở hội chúng vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Này Upâli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vi Tỵ-khưu có năm yếu tố được nhiêu người thích, được nhiêu người mên, được nhiêu người hài lòng. Với năm [yêu tô] gì? Là vi không nói tâng bóc, là vị không làm mat niêm tin, là vị năm giữ pháp, là vị chối từ phi Pháp và không nói nhiều chuyện vớ vẩn. Này upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. 8. Này Upāli, trong khi phát biêu ở hội chúng, vi Ty-khiru có năm yêu tô khác nữa không được nhiều người thích, không được nhiều người mến, không được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vi cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không được nhiêu người thích, không được nhiêu người mến, không được nhiều người hài lòng. Này Upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vị nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vi trình bày theo kiến thức. Này upāli, trong khi phát biểu ở hội chúng, vi Ty-khxru có năm yếu tố này được nhiều người thích, được nhiều người mến, được nhiều người hài lòng. 9.  Bạch Ngài, có bao nhiêu lợi ích trong sự tinh thông vê Luật? —Này upāli, có năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Thế nào là năm? Giới uẩn của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của



các vi thường hay có sự ăn năn, là vị phát biêu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo Pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp. Này upli, đây là năm lợi ích trong sự tinh thông về Luật. Phẩm ÍẾKhông thu hồiw là thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Đã bi phạm tội? với điều nào và sự khen ngợi, vị vô liêm sỉ và với sự xung đột, vị khoe khoang và tâng bốc, thô lỗ, với sự tinh thông. Sự quy đinh từng đôi thứ nhất —ooOoo—

3. PHẨM PHÁT BIỂU 1.  Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên phát biểu ở hội chúng?  Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô không nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không

biết về sự tiến hành của tội,4 không biết về cách giải quyết tội, không r :# L L

khéo léo trong việc phán quyết tội. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biêt vê cách giải quyêt tội, khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 2. Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upli, vị Tỳ-khtru có năm yêu tô này không nên phát biêu ở hội chúng. Này upãli, vị Tỳ-khtru có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

4 Là không biết tôi có sự tiến hành bằng thân hay bằng khẩu (VinA. VII. 1372).



3. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi nói một cách thô lỗ; là vị nói khi chưa thỉnh ý; là vị cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị trình bày không theo quan điểm. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nói một cách thô lỗ; là vi nói sau khi đã thỉnh ý; là vị cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vi trình bày theo kiên thức. Này upãli, vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này nên phát biểu ở hội chúng. 4. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upâli, vị Tỳ-khiru có năm r r 0 9 e yêu tô này nên phát biêu ở hội chúng. 5. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về hành sự, không biết về sự thực hiện của hành sự, không biêt vê sự việc của hành sự, không biêt vê phận sự của hành sự, không biết về cách giải quyết của hành sự. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên phát biêu ở hội chúng. Này upãli9 vi Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu to] gì? Là vị biết ve hành sự, biết ve sự thực hiện của hành sự, biết ve sự việc của hành sự, biết về phận sự của hành sự, biết về cách giải

quyết của hành Sự. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này nên phát biêu ở hội chúng. 6. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy đinh, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết vê thứ tự của chữ [trong câu], biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng.

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI < 1337

7. Này Upāli, vị Ty-khiru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi và là vi vô liêm sỉ. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upāli, vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 8. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê? thiên vị vì sợ hãi, là vị không khéo léo về Luật. Này upāli5 vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên phát biêu ở hội chúng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi, là vị khéo léo về Luật. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 9. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về lời đề nghị, không biết về việc thực hiện lời đề nghi, không biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị không biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vi không biết cách giải quyết của lời đề nghị. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về lời đề nghị, biết về việc thực hiện lời đề nghị, biết về lời tuyên bố của lời đề nghị, vị biết cách dàn xếp của lời đề nghị, vị biết cách giải quyết của lời đề nghi. Này upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 10. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô nên phát biêu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upâli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. 11. Này upâli, vi Tỳ-khxru có năm yếu tố khác nữa không nên phát biểu ở hội chúng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vi

không khéo léo vê việc trước và việc sau. Này Upli, vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này không nên phát biểu ở hội chúng. Này upãli, vị Tỵ-khưu có năm yếu tố nên phát biểu ở hội chúnẹ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết ve Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vi khéo léo về việc trước và việc sau. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên phát biểu ở hội chúng. Phẩm 66pht biểu" là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Tội vi phạm, sự tranh tụng, thô lỗ, vị biết về tội vi phạm, hành sự, sự việc, vị vô liêm si, vị không khéo léo, lời đề nghi, vi không biết về điều học, giáo pháp, phần tổng hợp về phẩm thứ ba. —ooOoo—

4. PHẨM TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM 1. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự trình bày quan diêm sai Pháp? Này Upli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp. Thế nào là năm? Vi trình bày quan điểm rang không có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rằng sự phạm tội không đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rang tội đã được sám hối, vi trình bày quan điểm rằng [sám hối chung] bởi bốn năm vị/ vi trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp. 9 r Này upãli, có năm sự trình bày quan diêm đúng Pháp. Thê nào là năm? Vị trình bày quan điểm rang có sự vi phạm tội, vị trình bày quan điểm rang sự phạm tội đưa đến sám hối, vị trình bày quan điểm rằng tội chưa được sám hối, vị trình bày quan điểm rằng không Ịsám hối chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối] băng tác ý của tâm. Này upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. 2. Này upãli, có năm sự trình bày quan điểm sai Pháp khác nữa. Thế nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị không đồng cộng trú, vi trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đứng không cùng ranh giới, vi trình bày quan điểm răne [sám hôi] trong sự hiện diện của vi không trong sạch, vi trình bày quan diêm răng [sám hôi chung] bởi bốn năm vị, vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] bằng tác ý của tâm. Này Upâli, đây là năm sự trình bày quan điểm sai Pháp.

5 Trình bày quan điểm bởi bốn năm vị: Catūhi pañcahi ditthīti yathā catūhi pañcahi ditthi āvikatā hoti, evarn āvikaroti; cattāro pañca janā ekato āpattim desentīti attho (Vỉ nA. VII. 1375) = "quan diêm bởi bốn năm w Quan điểm đã được trình bày bởi bốn năm vị như thế nào thì vị ấy trình bày như vậy; nghĩa là bốn năm vị sám hối tội chung một lượt.



9 / Này upāli, đây là năm sự trình bày quan diêm đúng Pháp. Thê nào là năm? Vị trình bày quan điểm rằng [sám hối] trong sự hiện diện của vị đồng cộng trú, vi trình bày quan điểm rang [sám hoi] trong sự hiện diện của vị đứng chung ranh giới, vi trình bày quan điểm rằng [sám hoi] trong sự hiện diện của vị trong sạch, vị trình bày quan điểm rằng không [sám hối chung] bởi bốn năm vj, vị trình bày quan diêm răng không [sám hôi] băng tác ý của tâm. Này upãli, đây là năm sự trình bày quan điểm đúng Pháp. 3. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thọ lãnh sai Pháp? Này Upli, đây là năm sự thọ lãnh sai

Pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân không được thọ lãnh bang thân; vật được cho bang thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân không được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra không được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này upâli, đây là năm sự thọ lãnh sai Pháp. Này upâli, đây là năm sự thọ lãnh đúng Pháp. Thế nào là năm? Vật được cho bằng thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng thân được thọ lãnh băng vật găn liên với thân; vật được cho băng vật găn liên với thân được thọ lãnh bằng thân; vật được cho bằng vật gắn liền với thân được thọ lãnh bằng vật gắn liền với thân; vật được cho bằng sự buông ra được thọ lãnh bằng thân hoặc bằng vật gắn liền với thân. Này upãli, đây là năm sự thọ lãnh đúng Pháp. 4. Bạch Ngài, có bao nhiêu vật không phải là đồ thừa? -Này upâli, đây là năm vật không phải là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật chưa làm thành được phép, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, đã được thực hiện ngoài tầm tay, chưa được nói rằng: "Tất cả đây là đủ roi." Này upãli, đây là năm vật không phải là đồ thừa. Này upâli, đây là năm vật là đồ thừa. Thế nào là năm? Là vật đã làm thành được phép, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được nói rằng: “Tất cả đây là đủ ïồiy Này Upli, đây là năm vật là đồ thừa. 5. Bạch Ngài, việc ngăn được nhận biết với bao nhiêu biểu hiện? Này Ưpâli, việc ngăn được nhận biết với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Việc ăn được nhận biết, vật thực được nhận biết, đã đứng ở trong tầm tay, [thí chủ] dâng lên, việc từ chối được nhận biết. Này upãli, việc ngăn [vật thực] được nhận biết với năm biểu hiện này. 6. - Bạch Ngài, có bao nhiêu việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp? Này upâli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Thế nào là năm? Vi Tỳ-khưu đã vi phạm tội Pārājika. trong khi bị buộc tội với tội Pārājika vi [áy] thú nhận đã phạm tội Saúghãdisesa} hội chúng tiên



hành cho vị ấy với tội Sañghādisesa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội Pārājika. trong khi bị buộc tội với tội Pārājika vi [ấy] thú nhận đã phạm tội Pācittiya, ...(nt).. tội Pātidesañīya^ ...(nt)... tội Dukkata; hội chúng tiên hành cho vị áy với tội Dukkata, là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Vị Tỳ-khưu đã vi phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Pācittiya, ...(nt)... tội Pātidesanīya, ...(nt)... tội Dukkata, trong khi bị buộc tội với tội Dukkata vị [ấy] thú nhận đã phạm tội Pārājika; hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội Pārājika là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Vị Ty-khtru đã vi phạm tội Dukkata. trong khi bị buộc tội với tội Dukkata vị [ấy] thú nhận đã phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Pācittiya, ...(nt)... tội Pātidesanīya; hội chúng tiến hành cho vi ấy với tội Pātidesanīya là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Này upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận sai Pháp. Này upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Thế nào là năm? Vi Tỳ-khưu đã vi phạm tội Pārājika. trong khi bị buộc tội với tội Pārājika vị [ấy] thú nhận đã phạm tội Pārājika\ hội chúng tiến hành cho vị ấy với tội Pārājika là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp.

Vi Tỳ-khưu đã vi phạm tội Sañghādisesa, ...(nt)... tội Pācittiya, ...(nt)... tội Pātidesanīya. ...(nt)... tội Dukkata, trong khi bị buộc tội với tội Dukkata vị [ấy] thú nhận đã phạm tội Dukkata; hội chúng tiến hành cho vi ấy với tội Dukkata là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. Này upāli, đây là năm việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. 7. Bạch Ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này Upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi vô liêm sỉ, là vị ngu dốt, là vi không trong sạch, là vi nói với ý định loại trừ, không với ý đinh giúp cho thoát tội. Này upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vi Tỳ- khưu có năm yếu tố? Với năm [yếu tố] gì? Là vi có liêm si, là vị thông thái, là vị trong sạch, là vi nói với ý định giúp cho thoát tội, là vị không có ý định loại trừ. Này upâli9 việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Bạch Ngài, không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này Upāli, không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không



biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này upâli5 không nên thảo luận vê Luật với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli? nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết vê thứ tự của chữ [trong câu], biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này upâli, nên thảo luận vê Luật với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 9. Bạch Ngài, có bao nhiêu lối hỏi câu hỏi? —Này Upâli, đây là năm lối hỏi câu hỏi. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê hỏi câu hỏi; vi có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi hỏi câu hỏi; vị hỏi câu hỏi do sự khinh khi; vị hỏi câu hỏi với ý muốn hiểu biết; vi hỏi cau hỏi [nghĩ rằng]: "Nếu được ta hỏi câu hỏi vị [ấy] sẽ trả lời đúng đắn, như thế việc này là tốt đẹp, nếu được hỏi câu hỏi mà vị [ấy] không trả lời đúng đắn, ta sẽ trả lời đúng đắn cho vi ấy." Này upãli, đây là năm loi hoi câu hoi. 10. - Bạch Ngài, có bao nhiêu lối bày tỏ kiến thức? Này Upâli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. Thế nào là năm? Vị có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê bày tỏ kiến thức; vị có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi ước muốn rồi bày tỏ kiến thức; vị bày tỏ kiến thức do bị điên do bị mất trí; vị bày tỏ kiên thức với sự tự hào quá đáng; vị bày tỏ kiên thức thật có. Này Upãli, đây là năm lối bày tỏ kiến thức. 11. Bạch Ngài, có bao nhiêu cách làm cho trong sạch? Này upâli, đây là năm cách làm cho trong sạch. Thế nào là năm? Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhát. Sau khi đọc tụng phân mở dâu, sau khi đọc tụng bôn điêu Pārājika. nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bon điều Pārājika. sau khi đọc tụng mười ba điều Sañghādisesa. nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phân mở đâu, sau khi đọc tụng bôn điêu Pārājika, sau khi đọc tụng mười

ba điều Sañghādisesa, sau khi đọc tụng hai điều Ānīyata, \ e A nên thông báo phân còn lại băng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. Này Upli, đây là năm cách làm cho trong sạch. 12. Bạch Ngài, có bao nhiêu loại vật thực mem? - Này upâli, đây là năm loại vật thực mềm. Thế nào là năm? Cơm, súp, bánh, cá, thịt. Này Upâli, đây là năm loại vật thực mềm. Phẩm "Trinh bày quan điểm" là thứ tư.



TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Việc trình bày quan diêm, những điêu khác nữa, việc thọ lãnh, vật không phải là đồ thừa, việc ngăn, đã được thừa nhận, việc thỉnh ý và với sự thảo luận, câu hỏi, bày tỏ kiến thức, sự trong sạch và cả vật thực nữa. -ooOoo-

5. PHẨM ĐÍCH THÂN KHỞI Tố 1. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác? Này upāli, vị Tỳ-khxru nguyên cáo có ý muôn cáo tội vi khác nên quán xét nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Này upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lôi lâm không? Pháp ây được tìm thây ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này upâli, nếu vị Tỳ-khưu không có sở hành về thân trong sạch, không có sở hành về thân trong sạch không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vi ây răng: "Này, đên lúc Đại đức nên rèn luyện điêu liên quan đên thân"; có những người nói với vị này như thế. Này Ưpâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên quán xét như vây: "Ta có sở hành vê khâu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch không sai sót không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này upli, nếu vi Tỳ-khưu không CÓ sở hành vê khâu trong sạch, không có sở hành vê khâu trong sạch không sai s6t, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vi này như thế. Này Upli, còn có điêu khác nữa, vị Tỳ-khuru nguyên cáo có ý muôn cáo tội vị khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta, tức là tâm không ác cảm đối với các vi đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^ Này Upâli, nếu tâm từ của vị Tỳ-khiru là tâm không ác cảm đối với các vị đồng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên thể hiện tâm từ đến các vị đồng Phạm hạnh"; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét như vầy: "Ta có phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe không? Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đây đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thê có được ta nghe nhiêu, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý9 thâm nhập bằng kiến thức không? Pháp ấy được tìm

thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^, Này upãli, nếu vị Tỳ-khiru không phải là vị nghe nhiều, ghi nhớ được điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, tuyên thuyêt vê Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tợ như thế không được vị ấy nghe nhiêu, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét băng ý, thâm nhập băng kiên thức, có những người nói với vị ây răng: "Này, đên lúc Đại đức nên học tập kinh diên"; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét như vầy: "Đối với ta, hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) có được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upãli, nếu đối với vị Tỳ-khưu, hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) không được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác định theo từng điều học hoặc theo từng từ ngữ, khi [vị ấy] được hỏi như vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức Thế Tôn nói ở d2u?" mà không đáp được, không hiểu được, có những người nói với vi ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luật?,; có những người nói với vị này như thế. Này Upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vi khác nên quán xét bản thân năm pháp này rồi mới nên cáo tội vi khác. 2. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác? Này upāli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muôn cáo tội vị khác nên thiêt lập nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mem mỏng, không phải bang cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân han." Này Upâli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên cáo tội vị khác. 3. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên cáo tội vị khác? -Này Upli, vị Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên cáo tội vị khác. Thế nào là năm? Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật. Này Upâli, vi Tỳ-khưu nguyên cáo có ý muốn cáo tội vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp ấy rồi mới nên cáo tội vị khác. 4. Bạch Ngài, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố?



Này upāli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vi] ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này upâli, việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Này Upâli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khưu có năm yêu tô. Với năm [yêu tô] gì? Là vị có sở hành vê thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] thông thái

có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này upāli, việc thỉnh ý là cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vi Tỳ-khưu có năm yếu to. 5. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có được bao nhiêu yếu tố? Này Upãli? vị Tỳ-khiru có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên áp dụng việc đích than khởi tố khi có năm yếu tố. Thế nào là năm? Này upãli, vi Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố, nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm, để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng [thời điểm]?" Này Upli, nếu vi Tỳ- khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: “Sái thòi điểm để áp dụng việc đích thân khởi tô này, không phải đúng thời điêm,\ này upli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upâli5 nếu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải là sái thời điểm^,; này Ưpâli, vị Tỳ-khưu ây nên quán xét thêm răng: "Việc ta có ý muôn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đúng đắn hay không [đúng đắn]?" Này upâli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn”; này Upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upâli, nếu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái"; này Ưpâli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi tố này là đem sự lại lợi ích hay không [đem lại sự lợi ích]?,^ Này upãli, nếu vị Tỳ-khiru trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích,,; này Ưpâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi to này là đem lại sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích"; này upãli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: “Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tô này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đông quan diêm thân thiêt ở trong



nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt duqc]?" Này upli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luāt^; này Upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, nêu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan diêm, thân thiêt ở trong nhóm theo đúng Pháp, theo đúng Luaf9; này upãli, vi Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này upli, nếu vị Tỳ-khiru trong lúc quán xét nhận biết như vây: "Khi việc đích thân khởi tô này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ây, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng sự bất đong trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chilng"; này Upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố

ấy. Này Upli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vây: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bát đông trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chiing"; này Upâli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, việc đích thân khởi tố đã được áp dụng có năm yếu tố như thế sẽ không đem lại sự ân hận ngay cả về sau này. 6. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yêu tô là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng? Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự hạn chế của Giới bổn (Pãtimokkha), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thay được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu ve ý nghĩa, thành tựu ve văn tự, tuyên thuyết ve Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ5 các pháp có hình thức như thế được [vị ấy] nghe nhiều, ghi r nhớ, e ôn__ đọc ra 7 lời, quán xét băng ý, thâm nhập băng A kiên thức; đôi r với vị ây, hai bộ Giới bôn (Patimokkho) đã khéo được truyên thừa với chi tiêt, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được phán xét theo từng điều học, theo từng từ ngữ; vị ấy vững vàng về Luật không có bối rối; là vi có khả năng để làm cho cả hai phe đối địch của sự kiện phải tin tưởng, biết rõ, suy nghĩ lại,



thây được, [và] hoan hỷ. Này Upãli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khmi có năm yêu tô khác nữa, là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị có sở hành vê thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] thông thái có kinh nghiệm, có khả năng đối đáp lại trong khi bi thâm vân. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là có nhiêu ích lợi cho các Tỳ-khưu gây nên sự tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vi biêt vê sự việc, biêt về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có nhiều ích lợi cho các Tỳ-khiru gây nên sự tranh tụng. 7. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố là không nên thẩm vấn? Này upāli, vị Ty-khuu có năm yếu tố là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? La vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là không nên thâm vân. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn. 8. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Pháp, không biết về điều phù hợp với Pháp, không biết về Luật,

không biết về điều phù hợp với Luật, vi không khéo léo về việc trước và việc sau. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn. Này Upâli, vị Tỳ-khxru có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Pháp, biết về điều phù hợp với Pháp, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn. 9. Này upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy đinh, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy đinh, biết



về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn. 10. Này upāli, vi Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về tội; không biết về nguồn sanh tội, không biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn. Này Upâli, vị Ty-khira có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là có thể thẩm vấn. 11. Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không nên thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biết về cách tiến hành tranh tụng, không biết về cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không nên thẩm vấn. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là có thể thẩm vấn. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biêt vê cách tiên hành tranh tụng, biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là co thế thẩm vấn. Phẩm “Dích thân khởi là thứ năm.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sự trong sạch, hợp thời, với lòng bi mân và băng sự thỉnh ý, sự đích thân khởi tố, sự tranh tụng và các điều khác nữa, sự việc, Giới bổn? giáo pháp và sự việc nữa, tội vi phạm, sự tranh tụng. —ooOoo—

6. PHẨM VỀ PHÁP GIŨ Bỏ 1. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở rừng? Này upãli, đây là năm hạng [hành pháp] ngụ ở rừng. Thế nào là năm? Hạng ngụ ở rừng có bản tánh ngu khờ, có bản tánh si mê; hạng ngụ ở rừng có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng ngụ ở rừng do điên khùng, do mất trí; hạng ngụ ở rừng [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật khen ngợi"; và cũng có hạng ngụ ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Này Upli, đây là năm hạng [hành pháp] ngụ ở rừng.

2 - 12. - Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khát thực? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc y parnsukũlãì ..(nt)...Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây?...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa? ..(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] mặc ba y? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] đi khất thực theo từng nhà? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] oai nghi ngồi? ...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định? ...(nt)... Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực]?...(nt).. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau? ...(nt). 13.  Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát? Này Upãli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát. Thế nào là năm? Hạng thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; hạng thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; hạng thọ thực trong bình bát do điên khùng, do mất trí; hạng thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: "Được chư Phật và chư Thinh văn của đức Phật ngợi khen"; và cũng có hạng thọ thực trong bình bát chính vì ham muôn ít, chính vì tự biêt đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này. Này Upãli, đây là năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát. Phẩm 66về pháp giũ b6” là thứ sáu.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Vi ngụ ở rừng, khất thực, y pamsukūla. cội cây, mộ địa là thứ năm, ngoài trời, chỉ ba y, theo tuần tự, oai nghi ngồi, theo chỉ định? [thọ thực] một chỗ ngồi, không vật thực dâng sau, thọ thực trong bình bát. —ooOoo—

7. PHẨM NÓI DỐI 1.  Bạch Ngài, có bao nhiêu loại nói dối? -Này Up,đây là năm loại nói dối. Thế nào là năm? Có loại nói dối đưa đến tội Pārājika. có loại nói dối đưa đến tội Sañghādisesa. có loại nói dối đưa đến tội Thullaccaya, có loại nói dối đưa đến tội Pãcittiya, có loại nói dối đưa đến tội Dukkata. Này upli, đây là năm loại nói dối. 2. Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khtru có bao nhiêu yếu tố đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: “Này Tỳ-khiru, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranat

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI  1349

Này upāli, đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô đang đình chỉ lê Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: “Này Tỳ- khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi' rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā, Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt, không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này upâli, đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavãraṇã ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh ci" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā, Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa đang đình chỉ lễ

Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp che rang: “Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãd" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavãraụã. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành ve thân không được trong sạch, có sở hành ve khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, ngu dốt không kinh nghiệm, là vị gây nên các sự xung đột [và] gây nên các sự cãi cọ. Này upâli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đang đình chỉ lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā ở giữa hội chúng thì hội chúng nên áp chế rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cai" rồi nên tiến hành lễ Uposatha hoặc lễ Pavāranā. 3. Bạch Ngài, việc thẩm vấn không nên giao cho vị Tỳ-khưu, có bao nhiêu yếu tố? Này Upâli, việc thâm vân không nên giao cho vi Tỳ-khưu có năm yêu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vi không biết tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này upâli, việc thâm vân không nên giao cho vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này Upâli, việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biêt tội còn dư sót hay không còn dư sót, vi biêt tội xâu xa hay không xấu xa, vị biết về tội có sự sửa chữa hay không có sự sửa chữa. Này Upâli9 việc thẩm vấn nên được giao cho vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với bao nhiêu biểu hiện? - Này upâli, vi Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự vô liêm si, do sự không biết, do sự thường xuyên sai phạm, tưởng rằng được phép trong việc không được phép, tưởng rằng không được phép trong việc được phép. Này upâli, vị Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này.



Này Upâli, vị Tỳ-khiru vi phạm tội với năm biêu hiện khác nữa. Với năm [biểu hiện] gì? Do sự không thấy, do sự không nghe, do sự bi ràng buộc, [lầm] tưởng là như vậy, có sự lẫn lộn về niệm. Này upâli, vi Tỳ-khưu vi phạm tội với năm biểu hiện này. 5. Bạch Ngài, có bao nhiêu điều tội lỗi? Này upāli, đây là năm điều tội lỗi. Thế nào là năm? Giết hại mạng sống, việc lấy vật không được cho, việc làm sai trái trong các dục, nói dối, trường hợp dể đuôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này upli, đây là năm điều tội lỗi. 6. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự kiêng cữ? Này Upāli? đây là năm sự kiêng cữ. Thế nào là năm? Sự kiêng cữ việc giết hại mạng sống, sự kiêng cữ việc lấy vật không được cho, sự kiêng cữ việc làm sai trái trong các dục, sự kiêng cữ việc nói dôi, sự kiêng cữ trường hợp dê đuôi đối với chất say, chất lên men và rượu mạnh. Này upli, đây là năm sự kiêng cữ. 7. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự suy sụp? Này upãli? đây là năm sự suy sụp. Thế nào là năm? Sự suy sụp về thân quyên, sự suy sụp vê của cải, sự suy sụp vì bệnh hoạn, sự suy sụp vê giới, sự suy sụp về kiến thức. Này upâli, đây là năm sự suy sụp. 8. Bạch Ngài, có bao nhiêu sự thành tựu? Y Này Upâli, đây là năm sự thành tựu. Thế nào là năm? Sự thành tựu về thân quyến, sự thành tựu về của cải, sự thành tựu về không bệnh, sự thành tựu về giới, sự thành tựu về kiến thức. Này upâli, đây là năm sự thành tựu. Phẩm “N6i d6i” là thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Nói dối, sự áp chế, các điều khác, sự thẩm vấn, tội vi phạm, các điều khác, tội lỗi, sự kiêng cữ, sự suy sụp và luôn cả sự thành tựu, phần tổng hợp về phẩm thứ bảy. —ooOoo—

8. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI 1. Bạch Ngài, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự đối với vi Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này upãli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố, đích thân hội chúng Tỳ- khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Vị cởi ra rồi cho các Tỳ-khưu-ni thấy thân



thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thấy cả hai vai, nói chuyện và cấu kết với người tại gia. Này Upãli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Này Upli, đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ây. Với năm [yêu tô] gì? Là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi ích, là vi ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chô ở, là vị măng nhiêc gièm pha các Tỳ-khưu-ni? là vi chia rẽ các Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Này Upli, đôi với vị Tỳ-khiru có năm yêu tô khác nữa, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự, là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy. Với năm [yếu tố] gì? Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được lợi lộc, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khmi-ni không được lợi ích, là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu-ni không được chỗ ở? là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khiru-ni, là vi cấu kết các Tỳ-khiru với các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này, đích thân hội chúng Tỳ-khưu-ni nên thực hiện hành sự là hội chúng Tỳ-khưu-ni không nên đảnh lễ vị Tỳ-khiru ấy. 2. Bạch Ngài, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có bao nhiêu yếu tố? Này upãli, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khtru-ni có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? -Vi Ni cởi ra rồi cho các Tỳ-khiru thấy thân thể, cho thấy đùi, cho thấy chỗ kín, cho thây hai vai, nói chuyện và câu két với người tại gia. Này upâli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đôi với vị Tỳ-khưu-ni có năm yêu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vi Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khxru không được lợi ích, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chô ở, là vi Ni măng nhiêc gièm pha các Tỳ-khưu9 là vị Ni chia rẽ các Tỳ-khxru-ni với các Tỳ-khưu. Này Upli, hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này. Này Ưpâli, hành sự nên được thực hiện đối với vi Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc, là vị Ni ra sức làm cho các Tỳ-khiru không được lợi ích, là vi Ni ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được chỗ ở? là vi Ni mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu, là vị Ni cấu kết các Tỳ-khưu-ni với các Ty-khun. Này upIi, hành sự nên được

thực hiện đối với vị Tỳ-khưu-ni có năm yếu tố này.

1352 * TẬP YÊU

3. Bạch Ngài, vi Tỳ-khiru có bao nhiêu yếu tố không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni? Này Upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vị ngu dốt và không trong sạch, là vị nói với ý định loại trừ, không với ý định giúp cho thoát tội. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, là vị ngu dốt không kinh nghiệm, không có khả năng đối đáp lại trong khi bị thẩm vấn. Này upâli? vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ định đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái vê khâu, là vị có sở hành sai trái vê thân và khâu, là vi mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị sống thân cận với các Tỳ-khưu-ni với sự chung đụng không thích hợp. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định để giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa, không nên được chỉ đinh đê giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm sỉ, là vi ngu dốt, không trong sạch, là vị thường gây ra các sự xung đột và gây ra các sự cãi vã5 là vị không làm đầy đủ việc học tập. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên được chỉ định đe giáo giới các Tỳ-khưu-ni. 4. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni? —Này Upāli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khiru-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vi có sở hành sai trái về thân, là vị có sở hành sai trái về khẩu, là vị có sở hành sai trái về thân và khẩu, là vị mắng nhiếc gièm pha các Tỳ-khưu-ni, là vị song thân cận với các Tỳ-khưu-ni với sự chung đụng không thích hợp. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu to này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Với năm [yếu tố] gì? Là vị vô liêm si, là vị ngu dốt, không trong sạch, là vi ra đi, hoặc là vị bị bệnh. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này không nên nhận lãnh việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni. 5. Bạch Ngài, không nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? Này Upâli, không nên thảo luận với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yêu tô] gì? Là vi không thành tựu vô học giới uân, là vi không thành tựu vô học

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI 1353

định uẩn, là vị không thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị không thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này upãli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. Này Upãli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi thành tựu vô học giới uẩn, ...(nt).. vô học định uẩn, ...(nt).. tuệ uẩn, ..(nt).. giải thoát uẩn, là vi thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này ưpãli, nên thảo luận với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. Này ưpâli, không nên

thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị không thành đạt sự phân tích về pháp, là vị không thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị không thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị không quán xét tâm theo sự giải thoát. Này upâli, không nên thảo luận với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. Này upãli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thành đạt sự phân tích về ý nghĩa, là vị thành đạt sự phân tích vê pháp, là vị thành đạt sự phân tích về ngôn từ, là vị thành đạt sự phân tích về diễn giải, là vị quán xét tâm theo sự giải thoát. Này upli, nên thảo luận với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Phẩm “GÌM giới Tỳ-khưu-nP là thứ tám.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY [Hành sự] nên được thực hiện bởi chính các Tỳ-khiru-ni, với các phần khác, tương tợ như thê có hai, ba hành sự của các Tỳ-khxru-ni, không nên chỉ định, có hai nhóm hai, không nên nhận lãnh, hai điều đã được đề cập đen và có hai nhóm hai trong các việc thảo luận. —ooOoo—

9. PHẨM ĐẠI BIỂU 1. Bạch Ngài, không nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yếu tố? -Này upâli, không nên chỉ định theo lôi đại biêu vị Tỳ-khưu có năm yêu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không khéo léo về ý nghĩa, là vị không khéo léo về pháp, là vi không khéo léo về ngôn từ, là vi không khéo léo về từ vựng, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Này upli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này Upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khiru có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị khéo léo về ý nghĩa, là vị khéo léo về pháp, là vị khéo léo về ngôn từ? là vi khéo léo về từ vựng, là vị khéo léo về việc trước và việc sau. Này Upãli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.



2. Này upāli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỵ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị cáu kỉnh [và] bị chế ngự bởi cáu kỉnh; là vị đạo đức giả [và] bị chê ngự bởi đạo đức giả; là vị dôi trá [và] bị chê ngự bởi dối trá; là vị đố kỵ [và] bị chế ngự bởi đố kỵ; là vị chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó buông bỏ. Này upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli, nên chỉ đinh theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không cáu kỉnh [và] không bi chê ngự bởi cáu kỉnh; là vị không đạo đức giả [và] không bi chế ngự bởi đạo đức giả; là vi không dối trá [và] không bi chế ngự bởi dối trá; là vị không đo kỵ [và] không bị chế ngự bởi đo kỵ; là vị không chấp thủ một cách lộ liễu, không ương ngạnh, dễ buông bỏ. Này Upli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị nóng nảy, hiểm độc, chống đối, tạo nên sự nóng giận, là vi không nhẫn nại không nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này Upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này upāli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tổ. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không nóng nảy, không hiểm độc, không chống đối, không tạo nên sự nóng giận, là vị nhẫn nại nghiêm chỉnh tiếp nhận sự giáo huấn. Này upăli, nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này Upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu

vị Tỳ-khưu có năm yếu tô khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vị vọng động không ghi nhớ; là vi phát ngôn khi chưa thỉnh ý; là vi cáo tội không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vi hành xử không theo Pháp, không theo Luật, không đúng tội; là vị không trình bày theo kiến thức. Này upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. Này upâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yêu tô] gì? Là vị ráng ghi nhớ không vọng động; là vi phát ngôn khi đã thỉnh ý; là vi cáo tội theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vị hành xử theo Pháp, theo Luật, đúng tội; là vi trình bày theo kiến thức. Này Ưpâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Này Upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này upâli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. Này upâli, nên chỉ định theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vi vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upâli? nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

NHÓM NĂM VỀ UPĀLI  1355

6. Này upāli, không nên chỉ đinh theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê? thiên vị vì sợ hãi và là vị không khéo léo vê Luật. Này Upãli, không nên chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. Này Upli, nen chỉ đinh theo lối đại biểu vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị khéo léo về Luật. Này Ưpâli, nên chỉ định theo lôi đại biêu vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu bi xem là "ngu d6t” có bao nhiêu yếu tố?  Này upâli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6t" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, vị không khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upãli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6t” cồ nam yếu tố này. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái,9 có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn, biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biết về điều phù hợp với Luật, vị khéo léo về việc thành lập [tội] hay không thành lập [tội]. Này Upli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai” có năm yếu to này. 8. Này upāli, vị Tỳ-khiru bị xem là "ngu d6t" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về Giới bổn, không biết về điều phù hợp với Giới bổn, không biết về Luật, không biết về điều phù hợp với Luật, là vị không khéo léo về việc trước và việc sau. Này upli, vi Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6t” có năm yếu tố này. Này Upli, vi Tỳ-khiru được xem là "thông thái” có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về Giới bổn5 biết về điều phù hợp với Giới bổn, biết về Luật, biêt vê điêu phù hợp với Luật, là vi khéo léo vê việc trước và việc sau. Này Upâli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái” có năm yếu tố này. 9. Này Upāli, vi Tỳ-khưu bi xem là "ngu d6t" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ

[trong câu], không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này upli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốt,9 có năm yếu tố này. Này Upâli, vi Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy đinh, biết vê thứ tự của chữ [trong câu], biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này upâli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thái" có năm yếu tố này. 10. Này upâli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu(tót" có nam yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không



biết về sự tiến hành của tội, không biết về cách giải quyết tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upãli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6f' có năm yêu tô này. Này upâli, vi Tỳ-khưu được xem là "thông th" có năm yếu tố. Với năm [yếu to] gì? Là vị biết ve tội, biết ve nguôn sanh tội, biết vê sự tiến hành của tội, biêt vê cách giải quyêt tội, khéo léo trong việc phán quyêt tội. Này Upli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai" có năm yếu tố này. 11. Này Upâli, vị Tỳ-khưu bị xem là "ngu d6t" có năm yếu tố khác nữa. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, không biêt vê cách tiên hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyết tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này Upâli, vi Tỳ-khưu bị xem là "ngu dốc có năm yếu tố này. Này Upli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai" có năm yếu tố. Với năm [yêu tô] gì? Là vi biêt vê sự tranh tụng, biêt vê nguôn sanh khởi của tranh tụng, biết về cách tiến hành tranh tụng, biết về cách giải quyết tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu được xem là "thông thai" có năm yếu tố này. Phẩm 4íĐại biểu" là thứ chín.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Và luôn cả vị không thiện xảo vê ý nghĩa, là vị [thường] cáu kỉnh, có sự giận dữ, vọng động, bị chi phối bởi ưa thích, vị không thiện xảo là tương tợ y như thế. về Giới bổn và về Pháp, về sự việc, về tội vi phạm và về sự tranh tụng, hai phân cho môi cặp, tát cả đã được giảng giải, hãy hiêu rõ phân tôi và phân sáng. —ooOoo-

10. PHẨM GIẢI QUYẾT TRANH TỤNG 1. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có bao nhiêu yêu tô là không xứng đáng đê giải quyết tranh tụng? —Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không biết về tội, không biết về nguồn sanh tội, không biêt vê sự tiên hành của tội, không biêt vê cách giải quyêt tội, không khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quy ét tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi biết về tội, biết về nguồn sanh tội, biết về sự tiến



hành của tội, biết về cách giải quyết tội, khéo léo trong việc phán quyết tội. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 2. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự tranh tụng, không biêt vê nguồn sanh khởi của tranh

tụng, không biêt vê cách tiên hành tranh tụng, không biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, không khéo léo trong việc phán quyết về tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này Upãli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự tranh tụng, biết về nguồn sanh khởi của tranh tụng, biêt vê cách tiên hành tranh tụng, biêt vê cách giải quyêt tranh tụng, khéo léo trong việc phán quyêt vê tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 3. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị vô liêm sỉ. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị có liêm sỉ. Này upli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 4. Này upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa là không xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe ít. Này upli, vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi và là vị nghe nhiều. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 5. Này upãli, vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không biêt vê sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về thứ tự của chữ [trong câu], không biêt vê phương thức của lôi trình bày mạch lạc. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Này upãli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quyét tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vị biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy đinh, biết về thứ tự của chữ [trong câu], biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. Này Ưpâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng.



6 Này upãli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi và là vị không khéo léo về Luật. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này là không xứng đáng đê giải quyết tranh tụng. Này Up li, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quy ét tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vi vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi, và là vị khéo léo ve Luật. Này Upâli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này là xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. 7. Này Upli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa, là không xứng đáng để giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vi vì si mê, thiên vi vì sợ hãi, là vi tôn trọng cá nhân không tôn trọng hội chúng. Này Upãli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là không xứng đáng để

giải quyết tranh tụng. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quyêt tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi, là vi tôn trọng hội chúng, không tôn trọng cá nhân. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 8. Này upãli, vi Tỳ-khưu có nam yếu tố khác nữa là không xứng đáng để giải quyêt tranh tụng. Với năm [yêu tô] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vi vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vi tôn trọng tài vật không tôn trọng Chánh pháp. Này upãli, vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này là không xứng đáng để giải quyêt tranh tụng. Này upāli, vi Tỳ-khưu có năm yêu tô là xứng đáng đê giải quyết tranh tụng. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vi vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vi vì sợ hãi, là vị tôn trọng Chánh pháp không tôn trọng tài vật. Này upâli, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này là xứng đáng để giải quyết tranh tụng. 9.  Bạch Ngài, hội chúng bi chia rẽ với bao nhiêu biểu hiện?  Này upâli, hội chúng bi chia rẽ với năm biểu hiện. Với năm [biểu hiện] gì? Do hành sự, do sự đọc tụng [Giới bổn], trong khi phát biểu, do lời tuyên bố, do cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upli, hội chúng bị chia rẽ với năm biểu hiện này. 10. - Bạch Ngài, có điêu nói răng: "Sụ* bát đông trong hội chúng, sự bát đồng trong hội chúng.^, Bạch Ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng, mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng?  Này upãli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu vãng lai là phận sự của vi vãng lai. Này upâli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế,



các Tỳ-khưu vãng lai không thực hành các phận sự của vị vãng lai; này upāli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu thường trú là phận sự của vi thường trú. Này upâli, khi điều học đã khéo được quy đinh bởi Ta như thế, các Tỳ-khiru thường trú không thực hành các phận sự của vi thường trú; này Upãli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn là phận Sự ở nhà ăn: Chô ngôi hạng nhát, nước uông hạng nhát, thức ăn hạng nhát tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này upãli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiếm chỗ ngồi của các Tỳ-khiru trưởng lão ở trong nhà ăn; này upâli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong chỗ trú ngụ là phận sự đối với chỗ trú ngụ: Tùy theo thâm niên, tùy theo [số lượng] đêm, tùy theo sự chính đáng. Này upâli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, các Tỳ-khưu mới tu chiêm chô tru ngụ của các Tỳ-khưu trưởng lão; này upâli, như thê cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này upâli, điều đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu ở trong ranh giới là chung lễ Uposatha, chung lễ Pavāranā. chung hành sự của hội chúng, chung hành sự có tính tiếp diễn. Này Upãli, khi điều học đã khéo được quy định bởi Ta như thế, ngay tại nơi ây5 ở trong ranh giới, sau khi tách riêng rẽ, sau khi két thành nhóm, roi thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ,

thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ, thực hiện hành sự có tính tiếp diễn riêng rẽ; này Upãli, như thế cũng là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Phẩm í4Giải quyết tranh tụng" là thứ mười.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Tội vi phạm, sự tranh tụng, vì ưa thích, với vi nghe ít, sự việc, vị không khéo léo, cá nhân, băng tài vật, bị chia rẽ, sự bát đông hội chúng và sự chia rẽ hội chúng là tương tợ y như the. -ooOoo—

11. PHẨM KẺ CHIA RẼ HÔI CHÚNG 1.  Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được?  Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố]



gì? Này upãli, ở đây, vi Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "PhWp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là 46Luật\ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã che giâu quan diêm băng hành sự. Này upali, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yêu tô này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 2. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp9\ tuyên bố phi Luật là C6Luật \ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã che giấu quan điểm bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 3. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp”, tuyên bố Pháp l' "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 46Luật\ tuyên bố Luật là "phi Lu" đã che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu to này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 4. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp”, tuyên bố phi Luật là "Luật,,5 tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 5. Này Upli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Ưpăli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Ph4p", tuyên bố Pháp là "phi Phap,9? tuyên bố phi Luật là atLuật\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 6. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này Upãli, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là tuyên bố Pháp là "phi Phap^, tuyên bố phi Luật là "Luật\ tuyên bố

Luật là uphi Luật\ đã che giau điều mong mỏi bằng hành sự. ...(nt).. đã che giấu điều mong mỏi bang sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu. ...(nt).. đã che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu



điều mong mỏi bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yêu tô này là kẻ phải chịu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không thể khác được. 7. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chiu sự bát hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiêp, không thê khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vi Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát trong khi phát biểu. ...(nt)... đã che giấu điều khao khát bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã che giấu điêu khao khát băng cách phân phát thẻ biêu quyêt. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. 8. Này Upli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bi đọa trọn kiếp, không the khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở dây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là uPháp,\ tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là "Luaf\tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã che giâu ý tưởng băng hành SỊT....(nt)... đã che giâu ý tưởng băng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. ...(nt).. đã che giấu ý tưởng băng lời tuyên b6....(nt).. đã che giâu ý tưởng băng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được. Phẩm “ke chia rẽ hội chúng^ là thứ mười một.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, với sự đọc tụng và bằng lời phát biểu, với lời tuyên bố, bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm, điều mong mỏi, sự khao khát và ý tưởng, ba phương hướng ấy là có năm phần. —ooOoo-

12. PHẨM THỨ NHÌ VÈ KẺ CHIA RẼ HÔI CHÚNG 1. Bạch Ngài, kẻ chia rẽ hội chúng có bao nhiêu yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được? Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là uLuật\ tuyên bố



Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm bằng hành sự. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu to này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đoi khác được. 2. Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu

tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp", tuyên bố phi Luật là 66Luật\ f r 9 x tuyên bô Luật là "phi Luāf\ đã không che giâu quan diêm băng sự đọc tụng [Giới bổn]. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 3 Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỵ>khưu tuyên bố phi Pháp là 'Pháp”tuyên bố Pháp là "phi Phap9\ tuyên bố phi Luật là "Luật,\ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm trong khi phát biểu. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 4. Này Upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là “PhAp”, tuyên bố Pháp là "phi PhQp”, tuyên bố phi Luật là 6Tuāf \ tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu quan điểm bằng lời tuyên bố. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đổi khác được. 5. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp,\ tuyên bố phi Luật là ccLuật\ tuyên bố Luật là "phi Luāf\ đã không che giấu quan điểm bằng cách phân phát thẻ biểu quyết. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 6 Này upāli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Phqp”, tuyên bố phi Luật là 66Luật\ tuyên bo Luật là "phi Luật\ đã không che giau điều mong mỏi bang hành sự. ..(nt).. đã không che giấu điều mong mỏi bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)...



đã không che giấu điều mong mỏi trong khi phát biểu....(nt).. đã không che giấu điều mong mỏi bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu điều mong mỏi băng cách phân phát thẻ biêu quyêt. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. 7. Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bát hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiêp5 có thê đổi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upãli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp”, tuyên bố Pháp là "phi Pháp9\ tuyên bố phi Luật là "Luaf9, tuyên bố Luật là "phi Luật\ đã không che giấu điều khao khát bằng hành sự. ...(nt).. đã không che giấu điều khao khát bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã không che giấu điều khao khát trong khi phát biểu. ...(nt).. đã không che giấu điều khao khát bằng lời tuyên b6....(nt)...đã không che giấu điều khao khát bang cách phân phát thẻ biểu quyết. Này Upâli, kẻ chia rẽ hội

chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chiu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bi đọa trọn kiếp, có the đoi khác được. 8. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có năm yếu tố khác nữa, là kẻ không phải chịu sự bát hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiêp? có thê đôi khác được. Với năm [yếu tố] gì? Này upâli, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp la "Pháp", tuyên bố Ph là “phi Ph"tuyên bố phi Luật là "Luāf\ tuyên bố Luật là "phi Luật \ đã không che giấu ý tưởng bằng hành sự. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng bằng sự đọc tụng [Giới bổn]. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng trong khi phát biểu. ..(nt).. đã không che giấu ý tưởng bằng lời tuyên bố. ...(nt)... đã không che giấu ý tưởng băng cách phân phát thẻ biêu quyêt. Này upâli, kẻ chia rẽ hội chúng, có năm yếu tố này là kẻ không phải chịu sự bất hạnh, không sanh vào địa ngục, không bị đọa trọn kiếp, có thể đổi khác được. Phẩm thứ nhì về kẻ chia rẽ hội chúng là thứ mười hai.

TÓM LƯỢC PHẢN NÀY Sau khi che giấu quan điểm bằng hành sự, sự đọc tụng, bằng lời phát biểu, lời tuyên bố và bằng thẻ, năm cách này phụ thuộc vào quan điểm. Còn điều mong mỏi, sự khao khát và ý tưởng, ba đường hướng ấy là có năm phần. Giống như hai mươi phương thức tương đương này ở phần tối bên dưới, tương tợ như thê ây hãy hiêu rõ vê hai mươi sự tương đương ở phân sáng. —ooOoo—

1364 > TẬP YẾU

13. PHẨM VỊ THƯỜNG TRÚ 1. Bạch Ngài, vi Tỳ-khiru thường trú có bao nhiêu yêu tô bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm? Này upâli, vi Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố bị đọa vào địa ngục như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vị thiên vi vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vi vì sợ hãi, vị sử dụng vật thuộc ve hội chúng như là vật dụng thuộc về cá nhân. Này Ưpãli, vị Tỳ-khxru thường trú có năm yếu tố này bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. 2. Này Upli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vi vì sân hận, không thiên vi vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, vị không sử dụng vật thuộc vê hội chúng như là vật dụng thuộc vê cá nhân. Này Upãli, vị Tỳ-khưu thường trú có năm yếu tố này được sanh vào cõi trời như thế tương ứng với việc đã làm. 3. Bạch Ngài, có bao nhiêu cách giải thích Luật sai Pháp? Này upăli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. Thế nào là năm? Này Upãli, ở dây, vi Tỳ-khmi thuyết phục rằng phi Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng Pháp là "phi Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là uLuật\ thuyết phục rằng Luật là "phi Luật\ vị quy định điều chưa được quy định và hủy bỏ điều đã được quy định. Này Ưpãli, đây là năm cách giải thích Luật sai Pháp. 4. Này ưpãli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. Thế nào là năm? Này upâli, ở đây vị Tỳ-khưu thuyết phục rằng phi Pháp là "phi Pháp”thuyết phục rằng Pháp là "Pháp", thuyết phục rằng phi Luật là "phi Luật\ thuyết phục răng Luật là "Luật\ vị không quy định điêu chưa được quy định và không hủy bỏ điêu đã được quy định. Này Upâli, đây là năm cách giải thích Luật đúng Pháp. 5. Bạch Ngài, vị sap xép bữa ăn có bao nhiêu yêu tô bị đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm? Này Upāli, vi sap xép bữa ăn có năm yêu tô bị đọa vào địa ngục như thê tương ứng với việc

đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vi không biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Này upâli, vi sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố này, bi đọa vào địa ngục như thế tương ứng với việc đã làm. 6. Này Upli, vị sắp xếp bữa ăn có năm yếu tố được sanh vào cõi trời như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vị không thiên vị vì ưa thích, . không • thiên vi vì sân hận, không r thiên vị vì si mê,ỉ không r thiên vị° vì sợ hãi, là vi biêt [bữa ăn] đã được săp xép hay chưa được săp xép. Này Upâli, vị sáp xép bữa ăn có năm yêu tô này được sanh vào cõi trời như thê tương ứng với việc đã làm.



7. Này upâli, vị phân bô chô trú ngụ ...(nt).. vị giữ kho đô đạc ..(nt)... vị tiếp nhận y ...(nt)... vị phân chia y ..(nt).. vi phân chia cháo ...(nt)... vị phân chia trái cây ...(nt).. vị phân chia thức ăn khô ...(nt).. vị phân chia vật linh tinh ..(nt).. vi tiếp nhận y khoác ngoài ...(nt)... vị tiếp nhận bình bát ...(nt)... vị quản trị các người phụ việc chùa ...(nt).. vi quản trị các Sa-di có bao nhiêu yếu tố bi đọa vào địa ngục, tương ứng với việc đã làm như thế? Này upāli, vị quản trị các Sa-di có năm yêu tô bị đọa vào địa ngục, như thê tương ứng với việc đã làm. Với năm [yếu tố] gì? Là vị thiên vị vì ưa thích, thiên vị vì sân hận, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi, là vị không biết điều cần quản trị và điều không cần quản trị. Này upãli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố này bi đọa vào địa ngục, như thế tương ứng với việc đã làm. 8. Này Upli, vị quản trị các Sa-di có năm yếu tố được sanh vào cõi trời, như thê tương ửng với việc đã làm. Với năm [yêu tô] gì? Là vi không thiên vị vì ưa thích, không thiên vị vì sân hận, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi, là vị biết điều cần quản tri và điều không cần quản tri. Này upâli, vị quản trị các Sa-di có năm yêu tô này được sanh vào cõi trời, như thê tương ứng với việc đã làm. Phẩm uVị thường trú^ là thứ mười ba.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Vị [Tỳ-khưu] thường trú, các điều giải thích, sắp xếp bữa ăn, chỗ ngụ, đồ dạc, việc tiếp nhận y và vi phân chia y. Cháo, trái cây, vật thực khô, vật linh tinh, vi tiếp nhận tấm choàng, bình bát luôn cả người phụ việc chùa, với Sa-di và vị quản trị. —ooOoo—

14. PHẨM THÀNH Tựu KATHINA L  Bạch Ngài, có bao nhiêu điều thuận lợi trong việc thành tựu Kathinầl  Này Upli, đây là năm điều thuận lợi trong việc thành tựu Kathỉna. Thế nào là năm? Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo [đủ cả ba y], sự thọ A thực : ĩ nhóm, [sử dụng ĩđược thành " nhiêu] y theo như nhu câu, \ sự phát sanh vê y tại nơi ây sẽ là của các vị ây. Này Upâli, đây là năm điêu thuận lợi trong việc thành tựu Kathỉna. 2.  Bạch Ngài, có bao nhiêu điêu bát lợi của vị có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ?  Này upâli, đây là năm điều bất lợi của vi có niệm bị xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vị [ấy] ngủ khổ sở, thức dậy



khổ sở, thấy mộng điều ác xấu, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này upâli, đây là năm điều bất lợi của vi có niệm bi xao lãng, không có sự giác tỉnh và rơi vào giấc

ngủ. Này Upâli, đây là năm điều lợi ích của vị có niệm đã được thiết lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Vi [ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy mộng điều ác xấu, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này upâli, đây là năm điêu lợi ích của vi có niệm đã được thiêt lập, có sự giác tỉnh và rơi vào giấc ngủ. 3 Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ? Này upâli, đây là năm hạng người không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đã đi vào trong xóm nhà không nên được đảnh lễ, vị đi ở đường lộ không nên được đảnh lễ, vị ở trong bóng tối không nên được đảnh lễ, vị không chú ý đến [sự đảnh lễ] không nên được đảnh lễ, vi đã ngủ không nên được đảnh lễ. Này Upâli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 4. Này upâli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. r • -Ể r t < /K :

Thê nào là năm? Khi húp cháo không nên được đảnh lê, ở trong nhà ăn không nên được đảnh lễ, vi tách riêng một mình [do oán giận] không nên được đảnh lễ, vi chú ý vào việc khác không nên được đảnh lễ, vị lõa thể không nên được đảnh lễ. Này upâli5 năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 5. Này Upli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị đang nhai [vật thực cứng] không nên được đảnh lễ, vị đang ăn [vật thực mềm] không nên được đảnh lễ, vị đang đại tiện không nên được đảnh lễ? vị đang tiểu tiện không nên được đảnh lễ, vị bị án treo không nên được đảnh lễ. Này upãli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 6. Này upâli, đây là năm hạng người khác nữa không nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước, vi chưa tu lên bậc trên không nên được đảnh lễ, vị không đồng cộng trú thâm niên hơn nói sai Pháp không nên được đảnh lễ, người nữ không nên được đảnh lễ, người vô căn không nên được đảnh lễ. Này Ưpâli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 7. Này Upâli, đây là năm hạng người khác nữa, không nên được đảnh lễ. Thể nào là năm? Vị thực hành hình phạt Parivãsa không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ, vị xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ, vị thực hành hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ, vi xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này Upãli, năm hạng người này không nên được đảnh lễ. 8. Bạch Ngài, có bao nhiêu hạng người nên được đảnh lễ? Này Upãli, đây là năm hạng người nên được đảnh lễ. Thế nào là năm? Vị tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên sau, vị không đong



cộng trú thâm niên hơn nói đúng Pháp nên được đảnh lễ, thầy dạy học nên được đảnh lễ5 thầy tế độ nên được đảnh lễ? trong thế gian tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đen dòng dối Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này Upli, năm hạng người này nên được đảnh lễ. 9. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ- khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân? Này upâli, vị Tỳ-khxru mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khiru thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân.

Thế nào là năm? Này upâli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vi Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên, chà xát khắp hai chân với hai lòng bàn tay, sau khi an trú với sự quý mến và kính trọng, rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Này Upli, vị Tỳ-khưu mới tu sau, trong khi đảnh lễ ở chân của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn, nên thiết lập ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên đảnh lễ ở hai chân. Phẩm “Thanh tựu KaỊhina" là thứ mười bốn.

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY Sự thành tựu Kathina và giấc ngủ, khoảng giữa [đường], [húp] cháo, khi [đang] nhai, vị tu trước, vi thực hành Parỉvãsa. vị đáng được đảnh lễ, liên quan đến việc nên đảnh lễ. Dứt 4íNhóm nắm về Upãli?5

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY Không nương nhờ, hành sự, lời phát biểu, với sự trình bày, sự cáo tội và các pháp giũ bỏ, dối trá luôn cả Tỳ-khưu-ni. Đại biểu, sự tranh tụng, kẻ chia rẽ [hội chúng], điều thứ năm ở trước, vị thường trú và lễ Kathina, mười bốn phần đã khéo được giải thích. —ooOoo—

NGUỒN SANH KHỞI

Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức. [a] l Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức, [b]12 Có loại tội vị vi phạm không có ý thức, thoát tội không có ý thức. Có loại tội vị vi phạm có ý thức, thoát tội có ý thức. Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện, [c]3 Có loại tội vi vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm bất thiện, [d]4 Có loại tội vị vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm vô ký. [e]5 Có loại tội vi vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vị vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm bất thiện, thoát tội với tâm vô ký. Có loại tội vị vi phạm với tâm vô ký, [f]6 thoát tội với tâm thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm vô ký. thoát tội với tâm bất thiện. Có loại tội vi vi phạm với tâm vô ký? thoát tội với tâm vô ký. Tội Pārājika thứ nhất sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ nhất sanh lên với một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do y, không do khẩu. Tội Pārājika thứ nhì sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ nhì sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Tội Pārājika thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Pārājika thứ ba sanh lên với ba nguôn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Tội Pārājika thứ tư sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

1 [a] Vi phạm không có ý thức, thoát tội có ý thức: Vi phạm không có sự cố ý gọi là vi phạm không có ý thức, còn trong khi sám hối là thoát tội co ý thức(yinÀ. VII. 1380). 2 [b] Vi phạm có ý thức, thoát tội không có ý thức: Vi phạm có ý thức là có sự cố ý trong khi vi phạm, con thoát tồi không có y thức la thoát tọi do cách dùng cỏ che lap (Sdd). 3 [c] Vi phạm với tâm thiện, thoát tội với tâm thiện: Vị nghĩ rằng: "Ta sẽ bố thí Pháp,í rồi dạy người chưa tu lên bậc trên, đọc Pháp theo từng câu là vi phạm tội với tâm thiện. Rồi trong lúc sám hổi có tâm hướng thượng nghĩ ràng: "Ta đang hành theo lời đức Phật d@y” là thoát tội với tâm thiện (Sđd.). 4 [d] Thoát tội với tâm bất thiện: Là có trạng thái

bực bội khi sám hối (Sđd.). 5 [e] Thoát tội với tâm vô ký: Trường hợp sám hối trong khi bị ngái ngủ là thoát tội với tâm vô ký (Sdd) 6 [f] Vi phạm với tâm vô ký: Ví dụ như trường hợp bị ngái ngủ, rồi vi phạm việc nằm chung chỗ ngụ vơi ngươi nữ (Sdd).

1370 < TẬP YẾU

-Tội Pārājika thứ tư sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do v, không do thân; có the sanh lên do thân, do khau và do ý. Dứt 46Bốn tội Pārặịika.^

1. Tội Saùệhãdỉsesa đên vị găng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sanghãdisesa đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. 2. Tội Sañghādisesa đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. 3. Tội Sañghādisesa đến vi nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị nói với người nữ bằng những lời dâm dật sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân và do ý, không do khâu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 4. Tội Sañghādisesa đến vi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân, trong sự hiện diện của người người nữ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt). 5. Tội Sañghādisesa đên vi tiên hành việc mai môi sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị tiến hành việc mai mối sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, khôriẸ do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có the sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 6. Tội Sañghādisesa đến vi bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin [vật liệu] sanh lên với sáu nguồn sanh tội:...(nt) 7. Tội Sañghādisesa đến vi bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vi bảo xây dựng trú xá lớn sanh lên với sáu nguồn sanh tội: ..(nt)

NGUỒN SANH KHỞI 1371

8. Tội Sañghādisesa đến vi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika không có nguyên cớ sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Tội Sañghādisesa đến vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội SãrậỊỉka không có nguyên cớ sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt). 9. Tội Sanghãdisesa đên vị năm lây sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt, thuộc vê cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt, roi bôi nhọ vi Tỳ-khưu vê tội Pārājika sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đên vi năm lây sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt, thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt, rồi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Pārājika sanh lên với ba nguồn sanh tội: ...(nt). 10. Tội Sanghãdisesa đến vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng

không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở, đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 11. Tội Sañghādisesa đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Tội Sañghādisesa đến các vị Tỳ-khưu là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ [hội chúng] không chịu dứt bỏ? với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguôn sanh tội, là sanh lên do thân, do khâu và do ý. 12. Tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khtru khó dạy không chiu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu khó dạy không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 13. Tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khmi là người làm hư hỏng các gia đình không chiu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? -Tội Sanghãdỉsesa đến vị Tỳ-khưu là người làm hư hỏng các gia đình không chịu dứt bỏ, với sự nhắc nhở đến lần thứ ba sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Dứt “Mười ba tội Sañghādisesa.^

...(nt).. Tội Dukkata đên vị đại tiện, hoặc tiêu tiện, hoặc khạc nhô vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?



-Tội Dukkata đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng sanh lên với một nguồn sanh tội, là sanh lên do thân và do y, không do khẩu. Dứt wCác tội Sekhỉyay

1. Bôn tội Pārājika sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Bốn tội Pārājika sanh len với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khau và do y, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 2. Mười ba tội Sañghādisesa sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Mười ba tội Sañghādisesa sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý5 không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý? không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 3 Hai tội Ānīyata sanh lên với bao nhiêu nguôn sanh tội? Hai tội Ānīyata sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 4. Ba mươi tội Nissaggiya Pãcittiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Ba mươi tội Nỉssaggiya Pâcittiya sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có the sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh 9 9 9 lên do thân và do ý, không do khâu; có thê sanh lên do khâu và do ý9 không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 5. Chín mươi hai tội Pãcỉttiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Chín mươi hai tội Pâcittiya sanh lên với sáu nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có the sanh lên do thân và do khau,

không do ý; có the sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. 6. Bôn tội Pātidesañīya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội? Bôn tội Pātidesanīya sanh lên với bôn nguồn sanh tội: Có thê sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khau và do ý. 7. Bảy mươi lăm tội Sekhiya sanh lên với bao nhiêu nguồn sanh tội?

NGUỒN SANH KHỞI 1373

Bảy mươi lăm tội Sekhiya sanh lên với ba nguồn sanh tội: Có thể sanh lên do thân và do ý? không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu và do ý. Dứt chương uNguồn sanh khởi."

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY Vô ý thức, luôn cả [tâm] thiện và nguồn sanh khởi trong mọi trường hợp, hãy biết rõ về nguồn sanh khởi theo đúng Pháp có phương thức. —ooOoo—

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ . PHẦN HAI1

1. Bao nhiêu tội đã được làm do thân? Bao nhiêu đã được làm do khẩu? Bao nhiêu tội của vi đang che giấu? Bao nhiêu là do duyên xúc chạm? 2. Sáu loại tội do thân. Sáu đã được làm do khâu. [a]2 Ba tội của vi đang che giấu, [b]3 Năm là do duyên xúc chạm, [c]45 3. Vào lúc rạng đong bao nhiêu tội? Bao nhiêu la đến lần thứ ba? ở dây, bao nhiêu tội liên quan đến tám việc? Sự tổng hợp về tất cả là với bao nhiêu? 4. Vào lúc rạng đông ba loại tội. [dp Hai tội đến lần thứ ba. [e]6 ở đây có một loại liên quan đến tám việc. [f]7 Sự tổng hợp về tất cả là với một điều, [g]8 5. Đối với Luật, có bao nhiêu căn nguyên đã được quy định bởi đức Phật? Tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đên là bao nhiêu? Sự che giâu vê tội phạm xấu xa có bao nhiêu?

1 Các câu trả lời ở Chánh Tạng chỉ được ghi ngắn gọn, nên cần phải xem lòd giải thích của ngài Buddhaghosa. Nguồn trích dẫn chọ các lơi giải thích cua ngài được cung cấp một phan do L B. Homer, dịch giả bản Anh ngữ, còn một phần là sự đong góp của người dích. 2 [ạ] Tội vi phạm do thân: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ tư là do thân và do ý, không do khẩu. Tội VI phạm do khẩu: Là tội sanh lên với nguồn sanh tội thứ năm là sanh lên do khẩu va do ý, không do thân (Sdd.). Xem chỉ tiết ở tr. 1175 trong tập này; TTPV, tập 8, Parivārā (Tập yếu) I, ír. 331. 3 [b] Ba loại tội của vị đang che giấu: Là tội Pārājika thứ nhì đến vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội lỗi [của Tỳ- khưu-ni khác], tội Pãcỉttiya 64 đến vị Tỳ-khưu che giấu tội xấu xa [của Tỳ-khiru khác] và tội Dukkata đến vị che giau tội xấu xa của bản thân (VinA. VII. 1380). 4 [c] Năm tội do duyên xúc chạm: Là tội Pārājika thứ nhất của Tỳ-khưu-ni, về phần của Tỳ-khưu là tôi Sqnghādisesa thứ nhì do việc xúc chạm thân thể, tội Thullaccaỹa do việc thân chạm vào vật được gắn liền với thân, tội Dukkata do vật được ném ra chạm vào vật được găn liên với thân và tội Pâcỉttỉya 52 do việc thọt léc bằng ngón tay (VinA. VII. 1380-82). 5 [d] Rạng đông ba loại tội: Là các tội Nissaggiya Pãcittiyaáp cất giữ các loại vật dụng vượt quá l đêm, 6 đem, 7 ngày; 10 ngày, l tháng, tội Sañghadisesa 3 cho Tỳ-khưu-ni cư ngụ riêng re qua đêm và

tội Dukkata do che giấu tọi (VỉnA. VII. 1381). 6 [e] Hai tội đến lần thứ ba: Là loại tội vi phạm do việc không dứt bỏ khi được nhắc nhở đến lần thứ ba, áp dụng cho hai hạng Tỳ-khưu va Ty-khưu-ni nên được tính là hai (Sdd). 7 [í] Một loại liên quan đến tám việc: Là tội Pārājika thứ tư đến vị Tỳ-khưu-ni làm đầy đủ tám sự việc(sứt/.)/ 8 [g] Sự tổng hợp về tất cả là với một điều: Phần mở đầu của việc đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhaṃ có đoạn: Yassa siyā ãpatti, so ãvikareyya M nghĩa là "nếu vị nào có phạm tọĩ, vị ấy nên bày t6" (tr. 406 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. 11^ chương II, tr. 251). Vơi một lời độc tụng nay là sự tổng hợp, về tất cả các điều học và toàn bộ Giới bon (Pātirnokkhā) (VinA. VII. 1381).



6. Đối với Luật, có hai căn nguyên [h]9 đã được quy định bởi đức Phật. Hai loại tội nghiêm trọng ở Luật đã được nói đến. [i]10 Hai sự che giấu về tội phạm xấu xa. [j]11 7. Bao nhiêu tội ở trong làng? Bao nhiêu do duyên vượt sông? Bao nhiêu tội Thullaccaya vê các loại thịt? Bao nhiêu tội Dukkaịa vê các loại thịt? 8. Bốn loại tội trong làng, [k]12 Bốn loại do duyên vượt sông, [l]13 Tội Thullaccaya về một loại thịt. Tội Dukkata về chín loại thịt, [m]14 9. Ban đêm, bao nhiêu tội có liên quan đên khâu? Ban ngày, bao nhiêu tội có liên quan đen khau? Trong khi cho có bao nhiêu loại tội? Bao nhiêu trong khi thọ nhận? 10. Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu, [n]15 Ban ngày, có hai tội liên quan đến khẩu, [o]16 Trong khi cho có ba tội. [p]17 Và bốn tội về việc thọ nhận, [q]18 11. Có bao nhiêu tội đưa đến việc sám hối? Bao nhiêu tội đã làm có sự sửa chữa được? ở dây, bao nhiêu tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Mặt Trời?

9 [h] Đối với Luật, có hai căn nguyên: Là thân và khẩu (Sdd). 10 [i] Hai loại tội nghiêm trọng: Là tội Pārājika và tội Sañghādisesa (Sđd.). 11 [j] Tội phạm xấu xa có hai sự che giấu: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội Pārājika của vị Tỳ-khưu-ni khác thì phạm tội Pārājika thứ nhì, vị Tỳ-khưu che giấu tội Sañghadisesa của vị Tỳ-khưu khác thì phạm tội Pācittiya 64 (S). 12 [k] Bốn loại tội trong làng: Tỳ-khưu hẹn với Tỳ-khưu-ni hoặc với người nữ đi đường xa thì phạm Dukkata, khi bước vào wng phụ cận của ngôi làng khác thì phạm tọi Pâcittiya (xem điều học Pãcittiya 27,67), vị Tỳ-khưu-ni đi vào làng một mình có liên quan đên hai tội là tội Thullaccaya và tội Sañghādisesa (xem điều học Sañghādisesa 3 của Tỳ-khưu-ni). 13 [1] Bon loại tội do duyên vượt sông: Tỳ-khựu hẹn với Tỳ-khưu-ni đi chung thuyền thì phạm Dukkata (điều Pâcittiya 28), rồi lên chung thuyền thì phạm tối Pãcỉttìya, vị Tỳ-khưù-ni vượt sâng sông một mình có liên quan đến hai tội la Thullaccaya và tội Sañghadisesa (điều Sañghādisesa 3 của Tỳ-khiru-ni). 14 [m] Tội liên quan đến mười loại thịt: Tội Thullaccaya đến vị thọ dụng thịt người, tội Dukkata đối với vị thọ dụng chín loại thịt không được phép còn lại. Xem tr. 285-87 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 39-43. 15 [n] Ban đêm, có hai tội liên quan đến khẩu: Vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam trong bóng tối không dèn, trong khoảng cách của tầm tay thì phạm tội Pācittiya 11, trường hợp ở ngoài tầm tay thì phạm tồi Dukkata (VinA. VII. 1381-82). 16 [o] Bagngày, có hai tội liên quan đến khẩu: Vào ban ngày, vị Tỳ-khưu-ni đứng chuyện trò với người nam ở chỗ được che

khuất, trong khoảng cách của tam tay thì phạm tội Pãcittiya 12, ngoài tầm tay phạm lọi Dukkata {Sđd. 1382). 17 [p] Trong khi cho có ba tội: Vị Tỳ-khưu cho thuốc độc và đã hại chết người thì phạm tội Pārājika, hại chết dậ-xoa và phi nhân thì phạm tội Thullaccaya, hại chết thú vật thì phạm tội Pācittiya (xem điều học Pārājika thứ ba của Tỳ-khưu), hoặc cho y đến Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pãcittiya 25 (Sđd.). 18 [q] Bốn tội về việc thọ nhận: Vị Tỳ-khưu chạm vào tay và tóc của người nữ phạm tội Sañghādisesa thứ nhì, đưa dương vật vào miệng có sự đụng chạm thì phạm tội Pārājika thứ nhất, thọ lãnh y từ tay của vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tôi Nissaggiya Pacittiya 5, vị Ty-khiru-m nhiễm dục vọng thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng [nhưng chưa thọ dụng] phạm tội Thuỉlaccaya (xem tội Sañghādisesa 5 của Tỳ-khưu-ni).

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ -PHẦN HAI 1377

12. Có năm loại tội đưa đến việc sám hối. [r]19 Sáu loại tội đã làm có sự sửa chữa được, [s]20 ở đây, một loại tội không có sự sửa chữa đã được nói lên bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 13. Bao nhiêu loại tội nặng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu? Bao nhiêu tội lúc sái thời có vị của lúa gạo? Bao nhiêu sự thỏa thuận với sự thông báo đến lần thứ tư? 14. - Có hai loại tội năng của Luật đã được nói đến có liên quan đến thân và khẩu. Một tội lúc sái thời có vi của lúa gạo. [t]21 Một sự thỏa thuận với [hành sự] có lời đề nghị đến lần thứ tư. [u]22 15. Tội Pārājika liên quan đến thân là bao nhiêu? Có bao nhiêu nền tảng của việc đông cộng trú? Sự đứt đêm là của bao nhiêu hạng? Vê việc hai lóng tay, đã được quy định là bao nhiêu? 16. - Tội Pārājika liên quan đến thân có hai điều, [a]23 Và có hai nền tảng của việc đồng cộng trú. [b]24 Và sự đứt đêm là của hai hạng, [c]25 về việc hai lóng tay, có hai điều đã được quy đinh, [d]26 17. Sau khi đánh chính mình bao nhiêu tội? Hội chúng bi chia rẽ bởi bao nhiêu cách? ở đây, có bao nhiêu tội vi phạm ngay tức thời? Bao nhiêu do nguyên nhân của lời đề nghị? 18. Sau khi đánh chính mình hai tội. [e]27 Hội chúng bị chia rẽ bởi hai cách. [f]28 ở đây, có hai loại tội vi phạm ngay tức thời, [g]29 Hai loại do nguyên nhân của lời đề nghị.

19 [r] Năm loại tội đưa đến việc sám hối: Là các loại tội nhẹ (Sđd.). 20 [s] Sáu loại tội có sự sửa chữa: Là các tội còn lại sau khi trừ ra tội Pãrặịỉka là loại tội không có sự sửa chữa(S) 21 [t] Một tội lúc sái thời có vị của lúa gạo: Là cháo chua có bỏ muối vào lúc sái thời. Xem tr. 277 trong tập háy TTPV, tập 5, Mv. II, chương vi, tr. 25. 22 [u] Một sự thỏa thuận với hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư: Là hành sự chỉ định vị Tỳ-khưu làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (xem điêu học Pãcittiya 21 của Tỳ-khưu). 23 [a] Tội Pārājika liên quan đến thân có hai: Là tội Pārājika về việc đôi lứa của Tỳ-khưu và tội Parajika về việc xúc chạm thân thể của Tỳ-khưu-ni (VinA. VII. 1382). 24 [b] Hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản than, hoặc là hội chúng hợp nhát phạt án treo vị ấy. Xem tr. 452 trong tập nay; TTP v, tạp 5, Mv. II, chương X, tr. 335. 25 [c] Sự đứt đêm là của hai hạng: Là vị thực hành hành phạt Parivãsa và vị thực hành hành phạt Manatta (VinA. VII. 1382). 26 [d] về việc hai lóng tay có hai điều: Là tội Pâcittiya 5 về việc Tỳ-khưu-ni làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai

lóng tay và tội Dukkata về việc Tỳ-khưu đê tóc dài (Sđd.). 27 [e] Sau khi đánh chính mình hai tội: Vị Tỳ-khưu-ni tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc phạm tội Pâcittiya 20, tự đánh đấm chính mình mà không khóc phạm tội Dukkata(Sđd.). 28 [fl Hội chúng bi chia rẽ bởi hai cách: Là chia rẽ bằng cách thực hiện hành sự hoặc là bằng cách phân phát thể biểu quygt (S.). 29 [g] Hai loại tội vi phạm ngay tức thời: Là được phân theo Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (Sđd. 1383).



19. Trong việc giêt hại mạng sông bao nhiêu tội? Vì lời nói có bao nhiêu tội Pãrậịikaì Do việc nói lời [thô tục] bao nhiêu tội được nói đến? Hoặc do việc mai moi là bao nhiêu tội? 20. Trong việc giết hại mạng sống ba tội. Vì lời nói vi phạm ba tội Pãrãịika. [h]30 Do việc nói lời [thô tục] ba tội được đề cập đến. Hoặc do việc mai mối là ba tội. [i]31 21. Có bao nhiêu hạng người không được tu bậc trên? Các hành sự có bao nhiêu phân tông hợp lại? Bao nhiêu kẻ bị trục xuất được nói đên? Một tuyên ngôn cho bao nhiêu người? 22. Có ba hạng người không được tu bậc trên. Các hành sự có ba phần tổng hợp lại. [j]32 Ba kẻ bị trục xuất được nói đến. [k]33 Một tuyên ngôn cho ba người, [l]34 23. về việc lấy vật không được cho có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên việc đôi lứa? Bao nhiêu tội trong khi chặt đứt? Bao nhiêu do duyên đã quăng bỏ? 24. về việc lấy vật không được cho có ba tội. Bốn do duyên việc đôi lứa. Ba tội trong khi chặt đứt. Năm do duyên đã quăng bỏ. [m]35 25. ở phần giáo giới Tỳ-khưu-ni có các tội Dukkata và Pãcittiya? Nơi đây có bao nhiêu nhóm chín được nói đến? Và với y của bao nhiêu hạng? 26. ở phần giáo giới Tỳ-khưu-ni có các tội Dukkata và Pãcỉttiya. Nơi đây có bốn nhóm chín được nói đến. [n]36 Và với y của hai hạng. 27. Và đối với các Tỳ-khưu-ni bao nhiêu tội Pãtỉdesanĩya được nói đến? Có bao nhiêu tội Dukkata với tội Pâcittiya vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực?

30 [h] Vì lời nói vi phạm ba tội Pārājika'. Nói đến tội Pārājika 2, 3,4 của Tỳ-khưu-ni là che giấu tội, xu hướng theo vị bị phạt án treo và liên quan tám sự việc. Tuy nhiên, Chủ giai Kurundĩ nói đến việc trộm cắp co sự bàn bạc, giết người và khoe pháp thượng nhân (SđdỴ 31 [i] Do lời nói ba tội được đề cập: Do việc nói lời thô tục, vị Tỳ-khưu có thể vi phạm ba tội ỉa tội Sañghādisesa, Thullaccaya và tội Dukkata; xem điều học Sañghādisesa 3 của Tỳ-ứìưu. Cũng với ba tội trên ở điều học Sañghādisesa 5 của Tỳ-khưu về việc làm mai mối (Sdd). 32[j] Các hành sự có bạ phần gộp chung lại: Là việc tiến hành tuyên ngộn hành sự gồm ba phần: Phần đầu với lời đề nghị, phần giữa với phần thông báo và phần cuối là câu kết luận (Sđd.). 33 [k] Ba kẻ bi trục xuất được nói đến: Là Tỳ-khưu-ni Mettiyã (xem phần duyên khởi ở điều học Sanghādisesa 8 của Tỳ-khưu), kẻ vô căn được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu rồi đa làm điều nhơ nhóp (xem tr. 105 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. ỉ, chương I, tr. 213) và Sa-di Kantaka được nói đến ở điều học Pâcittiya 70củaTỳ4:hưu (VinA. VII. 1384). 34 [1] Một tuyên ngôn cho ba người: Là có thể tiến hành tuyên ngôn tu lên bậc trên cho hai hoặc ba vị mọt lượt (Sđd.). 35 [m] Năm do duyên đã quăng bỏ: Do việc đổ bỏ thuốc độc và đã hại chết người, hoặc dạ-xoa, hoặc loai thú phạm tôi Pārājika, hoạc tội Thullaccaya^ hoặc tội Pãcittỉya (xem âiềÙPârâ/ikấ thứ ba cua Ty- khưu), lam xuất ra tinh dịch liên quan tội Sañghādisesa

thứ nhất và việc đổ bỏ chất thải do tiêu tiểu len cỏ xanh phạm tội Dukkata ở phần Sekhiya(Sđd.). 36 [n] Bốn nhóm chín được nói đến: Là hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và đúng Pháp ở điều học Pãcittiya 21 của Tỳ-khưu (Sdd).



28. Và đối với các Tỳ-khưu-ni có tám tội Pātidesanīya đã bị vi phạm được nói đến. Tội Dukkata với tội Pãcittiya đã bi vi phạm vì thóc lúa chưa xay trong lúc đang thọ thực, [o]37 29. Đối với vị đang đi có bao nhiêu tội? Hoặc ngay cả đối với vị đang đứng có bao nhiêu tội? Đối với vị đã ngồi xuống có bao nhiêu tội? Ngay cả đối với vị đã năm xuông có bao nhiêu? 30. Đôi với vi đang đi có bôn loại tội. Hoặc ngay cả đôi với vị đang đứng cũng có bây nhiêu. Đôi với vị đã ngôi xuông có bôn loại tội. Ngay cả đôi với vị đã nằm xuống cũng có bấy nhiêu. 31. Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm bao nhiêu tội Pãcittỉya đong một lượt không trước không sau? 32. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có thể vi phạm năm tội Pâcỉttiya đồng một lượt không trước không sau. [a]38 33. Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm bao nhiêu tội Pãcỉttiya đồng một lượt không trước không sau? 34. - Tát cả các sự việc đêu khác nhau, có thê vi phạm chín tội Pācittiya đồng một lượt không trước không sau. [b]39 35. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pâcỉttỉya! Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? , 36. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội Pãcỉttỉya. Có the sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vi Thân Quyến Của Mặt Trời. 37. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pācittiyai Có thể sám hối tội với bao nhiêu lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? 38. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội Pãcittiya. Có thể sám hối tội chỉ với một lời nói, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 39. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pãcittiya? Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? 40. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có năm tội Pãcittiya. Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

37 [o] Các vị thọ thực thóc lúa chưa xay đã vi phạm hai loại tội Dukkata và Pãcỉttỉya, được đề cập đến ở điêu học Pâcittiya 7 của Tỳ-khưu-ni (Sđd.). 38 [a] Vi phạm năm tội Pãcỉttiya đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh năm loại dược phẩm rồi trọn chung vào trong vật chưa khác nhau, hoặc trong cùng một vật chứa rồi để quá bảy ngay. Vị ấy phạm năm tội Nissaggiya Pãcittiya khác sự vật đồng một lúc, không thể phân biệt tội nào tnrớc tối nào sau (Sđấ. 1385). 39 [b] Vi phạm chín tội Pâcỉttiya đồng một lượt: Vị Tỳ-khưu không bị bệnh sau khi yêu cầu chín loại vật thực hảo hạng trộn chung lại với nhau, roi thọ thực thì phạm chín tội Pãcittiya 39 (S.).



41. Tất cả các sự việc đều khác nhau, có bao nhiêu tội Pâcỉttịyải Và sau khi báo điều gì thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời? 42. - Tất cả các sự việc đều khác nhau, có chín tội Pãcỉttiya, Sau khi báo sự việc thì có thể sám hối tội, đã được đề cập đến bởi vị Thân Quyến Của Mặt Trời. 43. Bao nhiêu loại tội vi phạm

cho đến lần thứ ba? Bao nhiêu do duyên phát biểu? Bao nhiêu loại tội trong khi nhai? Bao nhiêu do duyên vật thực? 44.  Ba loại tội vi phạm cho đến lần thứ ba. [a]40 Sáu loại do duyên phát biểu, [b]41 Ba loại tội trong khi nhai, [c]42 Năm tội do duyên vật thực, [d]43 45. Tất cả các điều học cho đen lan thứ ba đưa đen bao nhiêu trường hợp tội? Và là tội của chính bao nhiêu hạng người? Và do sự tranh tụng của bao nhiêu hạng người? 46. - Tát cả các điêu học cho đên lân thứ ba đưa đên năm trường hợp tội. [e]44 Và là tội của chính năm hạng người. [f]45 Và do sự tranh tụng của năm hạng. 47. Công việc xét xử [tội] là của bao nhiêu hạng người? Và việc giải quyết là của bao nhiêu hạng người? Sự không vi phạm tội của chính bao nhiêu hạng người? Vị chói sáng với bao nhiêu trường hợp? 48.  Công việc xét xử [tội] là của năm hạng người. Và việc giải quyết là của năm hạng. Sự không vi phạm tội của chính năm hạng. Vị chói sáng với ba trường hợp. [g]46 40 [a] Ba loại tôi vi phạm cho đến lần thứ ba: Là ba loại tội được thành lập khi đã được hội chúng nhác nhở đến lần thư ba gồm có: Tội Pārājika 3 cho vị Tỳ-khưủ-ni xu hương theo Tỳkhưu tà kiến, tội Sañghādisesa 11 đến vị Tỳ-khưù ủng họ việc chia rẽ hội chúng, tội Pācittiya 68 đến vị Tỳ-khưu không dứt bỏ tà kiến (Sdd\ 41 [b] Sáu loại tội vi phạm do duyên phát biểu: Nói về sáu trường hợp hư hỏng vì nguyên nhân nuôi mạng đã được đề cập trước đây ơ trang 1271: Vì lý do nuôi mạng, VI nguyên nhân nuối mạng, vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng, tội Pārājika. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vi thực hành việc mai nìoi,ztội Sañghādisesa. Vì lý do nuôi mạng, VI nguyên nhân nuôi mạng, vị noi rang: [Tỳ-khưu] nào sống trong trú xá của đạo hữu, vi Ty-fíiưu ẩy là bậc A-la-han^, tội Thullaccaya. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị Tỳ-íchưu yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích cua bận thân rồi thọ thực, tội Pacittiya. Vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân nuôi mạng, vị ìy-khưu-ni yêu cầu vật thực hảo hạng vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tọí Pātidesanīya. Vì lý do nuối mạng, VI nguyên nhân nuôi mạng, vị không bi bệnh yêu cầu súp hoạc cơm vì lợi ích của bản thân rồi thọ thực, tội Dukkata (Sdd. 1385-86). 42 [c] Ba loại tội trong khi nhai: Trong trường hợp nhai thịt người thì phạm tội Thullaccaya, nhai chín loại thịt không được phép còn lại phạm tội Dukkaịa, Tỳ-khưu-ni nhai tỏi phạm tội Pãcittỉya (Sđd. 1386). 43 [d] Năm tội do duyên vật thực: Ba loại tội trên thêm vào tội Sañghādisesa đến vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng roi thọ thực và tội Pãtỉdesanĩya đen vị Ty-khưú-ni yêu cau vật thực hao hạng roi thọ dụng; tong cộng là năm loại tội (Sđd.). 44 [e] Các điều học cho đến lần thứ ba đưa đến năm trường hợp tội: Là tội Dukkata, tội Thullaccaya, tội Pārājika được nói đến ở điều Pārājika 3 của Tỳ-khưu-ni ve việc xu hướng theo vị Tỳ-khưu bị án treo, thêm vào tội Sañghādisesa l o về chia rẽ hội chúng và tội Pâcỉttỉya 68 ve việc không chịu dứt bỏ tà kiến ác của Tỳ-khưu (Sđd.). 45 [í] Tội của chính năm hạng người: Tức là năm hạng người đồng đạo gồm có Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni, cô Ni tủ tập sự, Sa-di và Sa-di-m (Sdd). 46 [g] Vị chói sáng với ba trường hợp: Là nói đến ba nơi là ở giữa hội chúng, ở nhóm và trong sự hiện diện của cá nhân (Sdd. 1387).

sưu TẬP VỀ CÁC BÀI KỆ . PHẦN HAI  1381

49. Bao nhiêu về ban đêm có liên quan đến thân? Bao nhiêu về ban ngày có liên quan đến thân? Đối với vị đang nhìn chăm chú có bao nhiêu tội? Bao nhiêu do duyên đồ ăn khất thực? 50. Hai loại vê ban đêm có liên quan đên thân. Hai loại vê ban ngày có liên quan đến thân. [h]47 Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội. [i]48 Một tội do duyên đồ ăn khất thực. [j]49 51. - Trong khi thay được bao nhiêu điều lợi ích roi sám hoi vì niềm tin kẻ khác? Các vị bị phạt án treo đã được nói đen bao nhiêu loại? Bao nhiêu sự thực hành đúng đắn? 52. Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác. [k]50 Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại, [l]51 Bốn mươi ba việc ấy là các sự thực hành đúng đắn. [m]52 53. Nói dối trong bao nhiêu trường hợp? Bao nhiêu được gọi là "tối da”? Bao nhiêu tội Pãtidesanĩya? Và do sự thú tội là của bao nhiêu? 54. Nói dối trong năm trường hợp. [n]53 Mười bốn được gọi là "tối da.” [o]54 Mười hai tội Pãtỉdesanĩya. [p]55 Và do sự thú tội là của bốn hạng, [q]56 55. Nói doi bao nhiêu chi phan? Bao nhiêu việc của lễ ưposatha? Bao nhiêu yếu tố của vi sứ giả? Bao nhiêu sở hành của ngoại đạo?

47 [h] Hai loại tội về ban đêm có liên quan đến thân và hai loại về ban ngày có liên quan đến thân. Xem cước chú [n] và [o] của trang 275. 48 [i] Đối với vị đang nhìn chăm chú có một tội: Vị Tỳ-khưu-ni nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh phạm tội Dukkata. Xem tr. 921 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương x, tr. 509. 49 [j] Một tội do duyên đồ ăn khất thực: Là nhìn vào mặt nữ thí chủ trong khi thọ lãnh vật thực phạm tội Dukkata (§dd., chương VIII, tr. 357). 50 [k] Trong khi thấy được tám điều lợi ích rồi sám hối vì niềm tin kẻ khác: về điều này, ngài Buddhaghosa giai thích là ở Kosambakakkhandhakam (VinA. vu. 1387). Tuy nhiên, ở chương Kosambī có đe cập đến tám điều nhưng không xác định rõ là tám điều lợi ích. Xem tr. 450-52 trong tạp này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương x, tĩ. 331-33. 51 [1] Các vị bị phạt án treo đã được nói đến ba loại: Là ba loại hành phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không chịu tư bỏ tà kiến ác. Xem tr. 523, 533, 542 trông tập nàyr/PK, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 87, 109, 129. 52 [m] Bốn mươi ba sự thực hành đúng đắn: Là bốn mươi ba phận sự của vị Tỳ-khưu thực thi hành sự án treo (Sdd., chương I, tr. 99). 53 [n] Nói dối trong năm trường hợp: Là nói dối có thể đưa đến việc vi phạm năm tội là Pãrặịika, Sañghādisesa, Thullaccaya, Pãcittỉya và Dukkata (VinA. VII. 1387). 54 [o] Mười bốn được gọi là "t6i da": Là các điều học có từ ^paramaYỴỈ\ như là dasāhaparamam, masaparamam, santaruttaraparamam, v.v... tổng cộng trong hai bộ Giới bổn có tất cả là 14 điều học (Sđdỵ 55 [p] Mười hai tội Pātidesanīya'. Nghĩa là thuộc về Tỳ-khưu có bốn điều học Pātidesanīya, còn Tỳ- khưu-ni có tám (Sdd.). 56 [q] Sự thú tội là của bốn hạng: Là sự sám hối của những người do Devadatta sai đi đến giết đức Thế Tôn (xem tr. 819 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 281), của người đàn bà đã quyến rũ ngài Anuruddha ở phan duyên khởi của điều Pācittiya 7, của Vaddha Licchavī bị hành phạt úp ngược binh bát (Sdd., chương v, ír. 63), việc sám hối của các vị Tỳ-khĩu đến Đại đức Kassapagotta ở làng Vãsabha (xem tr. 403 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương IX, tr. 245).

56. Nói dôi tám chi phần. Tám việc của lê Uposatha. Tám yêu tô của vị sứ giả. [r]57 Tám lối hành xử của ngoại đạo. [s]58 57. Việc tu lên bậc trên có bao nhiêu lời đọc? Nên đứng dậy đối với bao nhiêu hạng người? Nên nhường chô ngôi cho bao nhiêu hạng người? Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với bao nhiêu [yếu tố]? 58. Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc. [a]59 Nên đứng dậy đối với tám hạng người. Nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người, [b]60 Vị giáo giới Tỳ- khưu-ni với tám yếu tố. [c]61 59. Dự tính chia rẽ là của bao nhiêu vi? Tội Thullaccaya dành cho bao nhiêu vị? Và không phạm tội đối với cả thảy bao nhiêu vị? Có phải tất cả có chung một sự việc? 60. Sự chia rẽ là của một vị. Tội Thullaccaya dành cho bốn vị. Và không phạm tội đối với cả thảy bốn vị. Tất cả có chung một sự việc, [d]62 61. Bao nhiêu sự việc gây nóng giận? Hội chúng bị chia rẽ bởi số lượng bao nhiêu? ở đây bao nhiêu vị phạm tội tức thời? Bao nhiêu do tác động của lời đề nghị? 62. Chín sự việc gây nóng giận. Hội chúng bị chia rẽ bởi chín vị Tỳ-khưu. ở đây, có chín vị phạm tội tức thời. Chín việc do tác động của lời đề nghị. 63. Bao nhiêu hạng người không nên được đảnh lễ, chắp tay và với hành động thích hợp? Tội Dukkata là của bao nhiêu người? cất giữ y bao nhiêu ngày? 64. Mười hạng người không nên được đảnh lễ? chắp tay và với hành động thích hợp. [e]63 Tội Dukkata đối với mười hạng người. [í]64 cất giữ y mười ngày. 65. ở đây, y nên dâng đến bao nhiêu vị đã trải qua mùa mưa? Nên dâng trong sự hiện diện của bao nhiêu vị? Không nên dâng đến bao nhiêu vị?

57 [r] Tám yếu tố của vị sứ giả. Xem chú thích [k] của trang 75. 58 [s] Tám lối hành xử của ngoại đạo. Xem tr. 89 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chưcmg I, tr. 175. 59 [a] Việc tu lên bậc trên có tám lời đọc: Là việc tu lên bậc trên của Tỳ-khưu-ni ở hai hội chúng (VìnA. VII. 1388). ^ 60 [b] Nên đứng dậy đối với tám hạng người, nên nhường chỗ ngồi cho tám hạng người: Hai điều này áp dụng cho Tỳ-khưu-ni ở trong nhà ăn (Sdd) 61 [c] Vị giáo giới Tỳ-khưu-ni với tám yếu tố: Là nên chỉ định vị Tỳ-khưu có tám chi phần làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni (S7.). Xem chi tiết ở điều học Pâcittiya 21 của Tỳ-khưu. 62 [d] Câu kê này có liên quan đến việc chia rẽ hội chúng: Là nói đến trường hợp chia rẽ hội chúng có liên quan đen chín vị: Mọt vị là vị phân phát thẻ như trường hợp của Devadatta, bốn vị phạm trọng tội là các vị xu hướng theo như là VI Kọkắlika, v.v..., bốn vị nói đúng Pháp thì vô tội, việc chia rẽ hội chúng là một sự việc có liên quan đen tất cả (Sđd.). 63 [e] Mười hạng người không nên được đảnh lễ: Được đề cập ở tr. 779 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 179. 64 [í] Tội Dukkata đối với mười hạng người: Là tội Dukkata đối với vị thực hiện các hành động chắp tay, đảnh lễ, v.v., đối với mười hạng người trên (VÌYiA. VIL 1388).



66. ở đây, y nên dâng đến năm vi đã trải qua mùa mưa. [g]65 Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị. [h]66 Không nên dâng đến mười sáu vị. [i]67 67. Sau khi che giấu bao nhiêu trăm tội trong thời gian một trăm đêm, vị hành Parivãsa có thể được tự do sau khi ngụ được bao nhiêu đêm? 68. Sau khi che giấu một ngàn tội trong thời gian một trăm đêm, vi hành Parivâsa có thể được tự do sau khi ngụ được mười đêm.[j]68 69. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của

Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc sai Pháp là bao nhiêu? 70. Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời, [k]69 Trong sự việc về Luật ở Campā, toàn bộ tất cả các việc đã làm đều sai Pháp. 71. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đúng Pháp là bao nhiêu? 72. Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, [a]70 vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, tất cả các việc đã làm đều đúng Pháp. 73. Có bao nhiêu loại hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā, các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu? 74. Có sáu loại hành sự [b]71 đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về luật ở Campā, nơi ấy, một việc đã làm đúng Pháp, năm việc sai Pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời.

65 [g] ở đây, y nên dâng đến năm vị đã trải qua mùa mưa: Là nên dâng trong sự hiện diện của năm vị đã trai qua mua [an cư] rnưa là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di va Sa-di-ni (Sđd.). 66 [h] Nên dâng trong sự hiện diện đối với bảy vị: Là nên dâng đến vị nhận giùm thích hợp đối với trường hợp bảy vị là vị đi xa, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ và ba vi bị ba loại án treo d). 67 [i] Không nên dâng đến mười sáu vị: Là mười sáu vị được đề cập ở chương Y phục (xem tr. 392 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 227) bắt đầu là kẻ vô căn, v.v... (VinA. VII. 1388). 68 [j] Sau khi che giấu 1000 tội trong thời gian 100 đêm, vị hành Parivãsa có thể được tự do sau khi ngụ đừơc 10 đêm: Trong trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa nhưng mỗi một tội chỉ che giấu l O ngày, nên chỉ chịu hành phạt Parỉvãsa là l o ngày đêm (Sđd. 1389). 69 [k] Mười hai sự hư hỏng của hành sự: Bốn loại hành sự [hành sự vớiJời5CÔng bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đê nghị đến lần thứ 2, hanh sự co lơi đề nghị đến lần thư 4] được thực hành sai trai theo 3 cách [sai Pháp theo phe nhóm, sai Pháp có sự hợp nhát, đúng Pháp theo phe nhóm], tổng cộng lại là 12 (Sdd\ 70 [a] Bốn sự thành tựu của hành sự: Là 4 loại hành sự trên được thực hành đúng Pháp có sự hợp nhất (SđdỴ 71 [b] Sáu loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp (Sdd).



75. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Trong sự việc về Luật ở Campā các việc đúng Pháp, sai Pháp là bao nhiêu? 76. Bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Trong sự việc về Luật ở Campā, nơi ấy, một việc đã làm đúng Pháp, ba việc sai Pháp đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. 77. Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây bao nhiêu tội được làm lắng dịu không với các sự dàn xép? Hỡi vị rành rẽ vê phân tích, tôi hỏi ngài điêu ây? xin hãy trả lời. 78. - Các nhóm tội vi phạm đã được giảng bởi đấng Chiến Thắng Vô Biên như thế ấy, bậc Thấy Được Sự Thoát Ly, ở đây một tội được lắng dịu

không với các sự dàn xếp? [c]72 Hỡi vi rành rẽ về phân tích, tôi trả lời ngài điều này. 79. Bao nhiêu kẻ chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 80. Một trăm bôn mươi bôn kẻ chịu khô địa ngục tôn tại tròn một kiêp, là các vi chia rẽ hội chúng, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời, [d]73 Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 81. Bao nhiêu vị không phải chịu khổ đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 82. Mười tám vị không phải chiu khổ, đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 83. Có bao nhiêu nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích về Luật. 84. Có mười tám nhóm tám đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vi đang giải thích về Luật. 85. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích về Luật.

72 [c] ở đây, một tội được lắng dịu không có các sự dàn xếp: Là nhóm tội Pārājika (Sdd. 1390). 73 [d] Một trăm bốn mươi bốn kẻ chịu khổ địa ngục: Là những trường hợp của vị Tỳ-khưu với mười tám cách tuyên bố sai trái phân theo tám tình huống (Sđd. 1390). Xem tám tình huống ở tr. 837-41 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 325-31.



86. - Có mười sáu hành sự74 đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 87. Bao nhiêu sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích về Luật. 88. Mười hai sự hư hỏng của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 89. Bao nhiêu sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 90. Bốn sự thành tựu của hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích ve Luật. 91. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích vế Luật. 92. Có sáu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lang nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích ve Luật. 93. Có bao nhiêu hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích vế Luật. 94. Có bốn hành sự đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 95. Bao nhiêu tội Pãrãịika đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 96. - Tám tội Pārājika

đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 97. Bao nhiêu tội Sañghādisesa đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vi đang giải thích về Luật. 98. Hai mươi ba tội Sañghādisesa đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích ve Luật. 99. Bao nhiêu tội Ānīyata đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thh về Luật.

74 Xem phần 4tnên biết về mười sáu hành sự " ở trang 1306 (ND).



100. Hai tội Ānīyata đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 101. Bao nhiêu tội Nissaggỉya đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 102. - Bốn mươi hai tội Nissaggỉya đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vi đang giải thích về Luật. 103. Bao nhiêu tội Pãcỉttiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 104. Một trăm tám mươi tám tội Pãcittiya đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vi đang giải thích về Luật. 105. Bao nhiêu tội Pātidesanīya đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 106. Mười hai tội Pātidesanīya đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 107. Bao nhiêu điều Sekhỉya đã được nói đến bởi đức Phật, vị Thân Quyến Của Mặt Trời? Chúng tôi lắng nghe các luận điểm của ngài, là vị đang giải thích về Luật. 108. Bảy mươi lăm điều Sekhiya đã được nói đến bởi đức Phật, vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Hãy lắng nghe các luận điểm của tôi, là vị đang giải thích về Luật. 109. Khi nào còn được hỏi khéo léo bởi ngài thì sẽ còn được giải đáp rõ ràng bởi tôi. Do việc hỏi và đáp không có gì không rõ. Dứt sưu tập về các bài kệ [phần hai]. —ooOoo—

## CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT MÒ HÔI1

1. Vị không đồng cộng trú với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni9 không đạt được một việc thọ hưởng chung nào đó ở nơi vị ấy, sao không bị phạm tội do việc không xa lìa? [a]2 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 2. Không nên phân tán, không được phân chia, năm vật đã được nói đên bởi vi Đại Ẩn Sĩ. Sao không phạm tội trong lúc phân chia và trong lúc thọ dụng? [b]3 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 3 Tôi không đề cập đến mười hạng cá nhân, hạng thứ mười một cũng cần phải tách ra? [c]4 Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn? [d]5 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 4. Vi không bi án treo và cũng không phải là vị hành Parỉvãsa. không bị chia rẽ hội chúng và cũng không thay đổi phe nhóm, là vi tồn tại trên nền tảng, cùng chung đồng cộng trú, vì sao lại có sự riêng biệt về việc học tập? [e]6 Câu hỏi này đã

được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

1 Trong chương này, các câu trả lời được ghi lại theo lời giải thích ở Atthakathā và Tīkā. Các phần trích dẫn nhơ vào cong lao của dịch giả L B. Homer. Tuy nhiên, có một so câu hỏi vẫn còn chưa xác định được ý nghĩa (ND). 2 [a] Câu kệ 1: Có liên quan đến đứa bé trai được người mẹ là Tỳ-khưu-ni mang thai, rồi sanh ra và nuôi dưỡng ở Ni viên (Schương x, tr. 533). 4Khong đồng cộng trú" là không có sự cộng trú chung về các việc như là le ùposatha, lễ Pavāranā, v.v... uKhong đạt được một việc thọ hưởng chung nào đo ở nơi vị y" nghĩa là không đạt được sự thọ hưởng chung không được phép [với các Ty-khuù-ni], tuy nhiên lại đượcphép làm VƠI chính người mẹ ruột va 4tkhong bị phạm tội do việc không xa rời" nghĩa la không phạm tội trong việc ngụ chung nhà (VỉnA. VII. 1391). 3 [b] Câu kệ 2: Năm trọng vật thuộc về hội chúng không được phân tán và không được phân chia (xem tr. 78891 trong tạp này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI* tr. 203-09). Trường hợp không phạm tội đề cập đến vị Tỳ-khựu-ni là người me của đứa bé trai, do việc cô ta phải nuôi dương đứa bé trai cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết (VinA. VII. 1391). 4 [c] Câu kệ 3: Đe cập đến mười hạng người không nên đảnh lễ: Vi tu lên bậc trên sau, vị chưa tu lên bậc trên, vi thâm niên hơn thuộc nhóm khác nói sai Pháp, phụ nữ, người vô căn, vị bị hành phạt Parỉvãsa, vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị xưng đáng hành phạt Mãnaita, vị thực hành hành phạt Mānatta, VỊ chưa được giải tội (xêm tr. 778 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 179). Hạng thứ mươi một là vị Tỳ-ídiưú loa thể (VinA. VIL 1391). 5 [d] Tại sao lại phạm tội khi đảnh lễ vị lớn?: Ngài Buddhaghosa không giải thích câu này. Có thể là nói đên vị thâm niên nói sai Pháp ở mười hạng người không nên đảnh lễ (ND). 6 [e] Câu kệ 4: Nói đến vị Tỳ-khưu trước đây làm nghề thợ cạo (xem tr. 748 trong tập này; TTPV, táp 5, Mv. II, chương VI, tr. 103). Do vị này không được phép thực hành việc cạo tóc, còn các vị khác van được; vì thế có sự riêng biệt về việc học tập (VinA. VII. 1391).



5. Vi đi đến pháp tốt đẹp, có liên hệ mục đích, trong khi đang được hỏi, không sống, không phải đã chết, không phải đã Niết-bàn, chư Phật nói về nhân vật ấy thế nào? [f]7 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 6. Tôi không đề cập đến phần trên của xương đòn, bỏ qua phần dưới rốn, do duyên việc đôi lứa vì sao lại phạm tội Pārājikcf! [g]8 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 7. Vị Tỳ-khưu tự yêu câu roi xây dựng cóc liêu, nên đát chưa được xác định, vượt quá kích thước, ở chô có sự nguy hiêm, không khoảng trông trải, không phạm tội? [h]9 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 8. Vị Tỳ-khưu tự yêu câu roi xây dựng cóc liêu, nên đát được xác định, theo kích thước, không có sự nguy hiểm, có khoảng trống trải, lại phạm tội? [i]10 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 9. Vị không làm hành động gì có liên quan đến thân và cũng không nói về những người khác bằng lời nói lại vi phạm tội nặng có nền tảng bi cắt rời? [a]11 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 10. Người tốt không làm điều gì ác có liên quan đến thân, khẩu, luôn cả ý, vì sao vị ấy lại bị trục xuất, còn bị trục xuất hoàn toàn? [b]12 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 11. Không chuyện trò với bất cứ người nào bằng lời và không nói câu nào với những người

khác lại có thể phạm tội liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân? [c]13 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 12. Các điều học được đức Phật vi cao quý ca ngợi, có bốn điều Sañghādisesa. có thể phạm tất cả chỉ do một hành động? [d]14 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo.

7 [f] Câu kệ 5: Câu hỏi này nói đến hình tượng đức Phật (Sđd.ỵ 8 [g] Câu kệ 6: Là thực hiện việc đôi lứa qua đường miệng với hạng phi nhân không có đầu, các cọn mat và miệng thì ở trên ngực (Sđd.). Hạng này thây được đề cập ở câu chuyện dẫn giải 51 của điều Pārājika thứ tư. 9 [h] Câu kệ 7: Vị Tỳ-khưu tự yêu cầu rồi thực hiện cốc liêu lợp bằng cỏ thì không phạm tội (Sđd.). 10 [i] Câu kệ 8: Vị làm cốc liêu toàn bằng đất sét (Sđd.ỵ việc này đức Phật không cho phép. Xem câu chuyện của Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gom ở phan duyên khởi của điều Pārqjika 2. 11 [a] Câu kệ 9: Vị Tỳ-khưu-ni che giấu tội Pārājika của vị Tỳ-khưu-ni khác phạm tội Pārājika (Sdd). 12 [b] Câu kệ 10: Đề cập đến mười một hạng người không thể tu lên bậc trên như người vô căn, kẻ trộm tương mạo [Tỳ-khưu], v.v... (S.).Xem chi tiet ở tr. 105-10 trong tập này; T7PK, tập 4, Mv. I, chướng I, tr. 213-21. 13 [c] Câu kệ 11: Liên quan đến phần mở đầu của Giới bổn (Patimokkho) có đoạn: "... vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đã có thì VỊ ấy cố tình nói dối...,^ (VinA. VIL 1391). Xem chi tiết ở tr. 124 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương II, tr. 251. 14 [d] Câu kệ 12: Liên quan đến bốn việc làm của vị Tỳ-khưu-ni ở điều Sanghãdỉsesa 3: Vào rạng sáng, vị Ty-khưu-ni rời khỏi nhóm, sang sông đi vào làng, khi đã sang ngày mới, VỊ Ni ấy phạm bốn tọi Sañghādisesa là đi vào làng một minh, đĩ sang bờ sông bên kia mọt minh, trong đêm tru ngụ riêng mọt mình, một mình tách rời ra khối nhóm (VinA. VII. 1392).

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT Mồ HÔI « 1389

13. Cả hai [vi Ni] đã được tu lên bậc trên từ một hội chúng, vị thọ nhận y từ tay của cả hai, các tội vi phạm có the khác nhau? [e]15 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 14. Bốn người sau khi hẹn hò trước đã lấy trộm trọng vật, ba vị phạm Pārājika. còn một vị không phạm Pārājikal [f]16 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 15. Người nữ ở bên trong và vi Tỳ-khưu là ở bên ngoài, không có lỗ hổng ở ngôi nhà, vì sao lại vi phạm tội Pārājika do duyên việc lứa đôi? [g]17 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 16. Dầu ăn, mật ong và cả đường, bơ lỏng, sau khi tự mình thọ lãnh rồi để riêng, khi bảy ngày chưa trải qua đối với vị thọ dụng khi có duyên cớ lại có tội? [h]18 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 17. Tội Nỉssaggỉya. tội Păcỉttiya thuần túy là cùng một lân cho vi đang vi phạm? [i]19 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 18. Hai mươi vị Tỳ-khưu tụ hội làm hành sự tưởng rang có hợp nhất, có vị Tỳ-khưu đứng xa mười hai do-tuàn làm hỏng hành sự ấy vì lý do phe nhóm? [a]20 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 19. Và với vị đã nói lên băng lời, dâu chỉ truyên đạt giữa khoảng cách của bước chân, có thể vi phạm cùng một lượt sáu mươi bốn tội, tất cả đều là tội nặng có sự sửa chữa được? [b]21 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 20. Vi đã quân vào với y nội, đã trùm lên y Sañghāti hai lớp, tát cả các y ây là phạm tội Nỉssaggỉycỉl [c]22 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

15 [e] Câu kệ 13: Vị Tỳ-khiru-ni thọ nhận y từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hội chúng, Tỳ-khưu phạm Pãcittiya (các vị Tỳ-khưu-ni này gồm có 500 vị Tỳ-khưu-ni dòng Sakyã, được tu lên bậc trên sau bà Mahãpajãpati Gotamĩ), từ tay vị Tỳ-khưu-ni chỉ được tu ở hợi chúng Tỳ-khưu-ni phạm Dukkata (Sdd). 16 [í] Câu kệ 14: Vị thầy dạy học và ba học trò đã trộm vật giá tri sáu mãsaka. Vị thầy tự tay lấy trộm 3 tnâsaka, còn 3 mãsaka kia là do sự ra lệnh, nên tội vi phạm là Thullaccaya\ còn mồi người học trò trộm l mãsaka, nhưng liên quan đến việc ra lệnh là 5 mãsaka nên đã phạm tội Pãrãjika. Chi tiết được đề cập ở điều Pãrãjika thứ nhì về trộm cắp (Sdd). 17 [gi Câu kệ 15: Đây là câu hỏi về vật bao bọc được làm bằng vải, được đề cập có liên quan đến việc đã được che phu lại 18 [h] Câu kệ 16: Câu kệ này được đề cập có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng (Sđd.ỵ 19 [i] Câu kệ 17: Đối với vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng cho bặn than mình và dâng cho vị khác nữa, nên phạm luôn cả hai tội là tội Nissaggiya và tội Pãcittỉya thuần túy (S.). 20 [a] Câu kệ 18: Liên quan đến gãmasĩmã ở các thành phố rộng 12 do-tuần như thành Bãrãnasĩ, v.v... ). 21 [b] Câu kệ 19: Liên quan đến việc làm mai mối. Bởi vì lời nói của vị ấy đem lại sự trả lời của sáu mươi bốn người nữ (VinA. III. 558-59). 22 [c] Câu kệ 20: Liên quan đến việc bảo vị Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ. Trường hợp vị Ty-khựu đang mặc ba y và bị phân chim quạ hoặc bị lấm bun, nên bảo vị Tỳ-ldiưu-ni không phải la thân quyến dùng nước rưa sạch. Các y ấy bị phạm vào Nissaggiya vì đã được mặc ở trên than của vị Tỳ-khưu (VinA. VII. 1392)



y r r 21. Không có lời đê nghi, cũng không có tuyên ngôn hành sự và đang Chiên Thắng đã không nói: Hãy đến, này Tỳ-khiru, vi ấy cũng chẳng có sự đi đến nương tựa [Tam quy], mà đã được tu lên bậc trên và sự tu lên bậc trên là bền vững cho vị ấy? [d]23 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 22. Giêt người nữ không phải là mẹ và [giêt] người nam không phải là cha, kẻ ngu giêt người không phải là vị Thánh và do điêu ây phạm vào nghiệp vô gián? [e]24 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 23. Và giết người nữ là mẹ và giết người nam là cha, sau khi giết cả cha lẫn mẹ9 do điều ấy lại không phạm nghiệp vô gián? [f]25 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 24. Sau khi không cáo tội, sau khi không nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vị không hiện diện. Hành sự đã được thực hiện, đã được thực hiện hoàn hảo mà vi tiến hành và hội chúng là không phạm tội? [g]26 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 25. Sau khi đã cáo tội, sau khi đã nhắc nhở, rồi thực hiện hành sự đến vi đang hiện diện, và hành sự đã được thực hiện lại trở thành chưa được thực hiện, vị tiến hành và hội chúng là phạm tội? [h]27 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 26. Vị chặt đứt phạm tội, vị chặt đứt không phạm tội, vị che đậy phạm tội, vi che đậy không phạm tội? [i]28 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 27. Trong khi nói sự thật lại tội nặng và đối với vi nói lời dối trá là tội nhẹ, trong khi nói lời dối trá là tội nặng và đối với vị nói sự thật lại tội nhẹ? [j]29 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

23 [d] Câu kệ 2l: Nói đến sự tu lên bậc trên của bà Mahāpajāpati Gotamĩ (Sdd. 1392-93). Bà đã trở thanh Tỳ-khưu-ni do chấp nhận tám trọng pháp. Xem tr. 905 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương X, tr. 473. 24 [e] Câu kệ 22: Có liên quan đến việc biến đổi hiện tướng: Ngườiz cha biến đổi thành đàn bà [giết ngươi nữ không phải là mẹ] và người mẹ biến đổi thành đàïTông [giết người nam không phải là cha]; giết người không phải là vi Thánh [người nữ hay người nam ấy khòng phai là bậc Thánh], nên giết chết một trong hai người thì phạm vào tội vô gián (VinA. VII. 1393). 25 [í] Câu kệ 23: Trường hợp cha và mẹ là loài thú nên sau khi giết họ cũng không phạm vào tội vô gian (Sđd.). 26 [g] Câu kệ 24: Nói đến việc vị Ni tu lên bậc trên thông qua người đại diện (Sdd.). Xem câu chuyện của kỹ nữ Addhakāsī ở tr. 930-32 trong tập này; TTPV, tạp 7, Cv. II, chương x, tr. 527-31. 27 [h] Câu kệ 25: Nói đến việc tu lên bậc trên của các hạng người: Vô căn, v.v... (VinA. VII. 1393) 28 [i] Câu kệ 26: Vị chặt đứt cây gỗ theo lối trộm cắp phạm tội Pārājika, vị chặt đứt dây leo, cỏ thì phạm tội Pãcìttiya, vị cắt đứt dương vật thì phạm tội Thullaccaya. Vị cắt tóc và móng tay không phạm tội. Vị che đậy tội vị khác phạm tội, vị che đậy mái nhà không phạm tội (Sđd.). 29 U] Câu kệ 27: Nói sư thát đề cập đến các bộ phận kín của người nữ vi phạm tội nặng, nói dối cố tình vi phạm tội nhẹ. Nói dối về pháp thượng nhân ídiông thực chưng vi phạm tội nặng, nói sự thật về pháp thượng nhân co thực chứng vi phạm tội nhẹ (Sđd.).

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT Mồ HÔI 1391

7 . 28. Vật đã được chú nguyện đê dùng riêng, đã được nhuộm băng thuôc nhuộm, là vật đã được làm thành đúng phép, đoi với vị sử dụng lại có tội? [k]30 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 29. Khi mặt trời đã lặn, vị Tỳ-khưu nhai các miếng thịt, không phải là vi bị điên và cũng không có tâm bị roi loạn, vị ây cũng không bị thọ khô hành hạ, tuy nhiên vị ấy không có tội và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải, [a]31 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 30. Không có tâm nhiễm dục, hơn nữa không có ý trộm cắp, vị ấy cũng đã không nghĩ đến việc giết hại người khác, đối với vị trao thẻ thì bị cắt đứt, đối với vị nhận lấy [thẻ] thì phạm tội Thullaccaya! [b]32 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 31. Và cũng không phải là chỗ ở rừng được xác định có nguy hiểm, cũng không có sự đồng ý đã được hội chúng ban cho, Kathỉna của vị ấy đã không được thành tựu ở ngay chỗ ấy9 [vi ấy] sau khi xa lìa y roi đi nửa do-tuần, khi rạng đông đã đến ở ngay tại nơi ấy, vẫn không phạm tội. [c]33 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 32. Có liên quan đến thân, không liên quan đến khẩu, tất cả có sự việc khác biệt, có thể vi phạm chung một lượt không trước không sau? [d]34 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 33. Có liên quan đến khẩu, không liên quan đến thân, tất cả có sự việc khác biệt, có the vi phạm chung một lượt không trước không sau? [e]35 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 34. Không thực hiện việc đôi lứa ấy nơi ba hạng người nữ, nơi ba hạng người nam, nơi ba hạng không phải Thánh hay là kẻ vô căn và không hành việc đôi lứa ở người lưỡng căn, sao lại bi cắt đứt do duyên việc đôi lứa? [f]36 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 35. Vị xin y cho mẹ và không phải là y được dành riêng dâng đến hội chúng, do điều ấy, vị ấy phạm tội và không tội [nếu xin] ở thân quyến? [g]37 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo.

30 [k] Câu kệ 28: Liên quan đến việc sử dụng y đã bị phạm vào Nissaggiya mà chưa được sám hối (Sdd). 31 [a] Câu kệ 29: Vị có tật nhai lại như trâu bò (Sdd). Xem câu chuyện về vị Tỳ-khưu nọ có tật nhai lại thúc ăn ở tr. 740 trông tập này; TTPV, tập 7, Cv. II, chương v, tr. 83. 32 [b] Câu kệ 30: Vị Tỳ-khưu xu hướng theo kẻ chia rẽ hội chúng và nhận lấy thẻ thì phạm vào tội Thuíỉaccaya (VinA. VII. 1393). , 33 [c] Câu kệ 31: Đe cập đến chỗ trú ngụ là cội cây của một gia đình, tương tợ như loại cây đa to lớn có the đến l hoặc 2 do-túần (Sđd.). 34 [d] Câu kệ 32: Liên quan đến việc nắm ngón tay hoặc tóc của nhiều người nữ cùng một lúc (Sdd) 35 [e] Câu kệ 33: Liên quan đến việc nói lời thô tục đến nhiều người nữ, ví dụ: "Tất cả các cô đều là người bị dị căn...,, 36 [f] Câu kệ 34: Liên quan đến điều Pārājika của Tỳ-khưu-ni có liên quan đến tám sự việc (Sđd. 1394). 37 [g] Câu kệ 35: Liên quan đến vị xin y choàng tắm mưa ngoài thời hạn cho phép (Sdd)



36. Bị giận dữ lại hài lòng, bị giận dữ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến nổi giận lại nên cười? [h]38 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 37. Được hoan hỷ rồi hài lòng, hoan hỷ là đáng chê bai. Vậy điều ấy có tên là gì khiến hoan hỷ lại đáng chê bai? Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 38. Vị phạm chung một lượt tội Sanghãdỉsesa. tội Thullaccaya, tội Pâcỉttỉya, tội Pātidesamya và tội Dukkatai [i]39 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 39. Cả hai đều tròn đủ hai mươi tuổi, cả hai có chung vị thầy tế độ, chung thầy giáo thọ, chung tuyên ngôn hành sự, một vị được tu lên bậc trên, một vị không được tu lên bậc trên? [a]40 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 40. Chưa làm thành được phép, cũng chưa được nhuộm với thuốc nhuộm, được quấn vào với y ấy rồi có thể đi theo ý thích, không tội cho vi ấy, [b]41 và điều ấy đã được đức Thiện Thệ giảng giải. Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 41. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội năng không phải nhẹ? [c]42 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. 42. Không cho, không thọ nhận, việc thọ nhận vì thế không được biết đến. Và do duyên thọ dụng vật ấy vi phạm tội nhẹ không nặng? [d]43 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vi thiện xảo. 43. Vi phạm tội nặng còn dư sót roi che giâu bởi vì không tôn trọng, Tỳ- khưu-ni không phạm và không đưa đến tội? [e]44 Câu hỏi này đã được nghĩ ra bởi các vị thiện xảo. Dứt các bài kệ làm xuất mồ hôi.

38 [h] Câu kệ 36 & 37: Hai câu kệ này liên quan đến ba sự thực hành của du sĩ ngoại đạo (xem thêm chi tiết ở Sdd). 39 [i] Câu kệ 38: Vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ lãnh vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng, trộn lẫn vơi thịt người, tỏi, thức an hảo hạng và các loại thịt không được phép rồi nuốt vào thì phạm chung một lượt năm tội đã được đề cập (SđdĂ 40 [a] Câu kệ 39: Nói đến vị Sa-di không được thành tựu việc tu lên bậc trên, là vị có thần thông ngồi hỏng lên khỏi mặt đất dầu chỉ là khoảng cách của sợi tóc (Sdd). 41 [b] Câu kệ 40: Liên quan đến vị Tỳ-khưu có y bị cướp đoạt (Sđd.). 42 [c] Câu kệ 41: Liên quan đến điều Sañghādisesa 6 về vị Tỳ-khưu-ni xúi giục vị Tỳ-khưu-ni khác thọ nhận vật thực từ tay người đàn ông nhiêm dục vong. Bản thân vị Ni xúi giục 4tkhỗng cho, không thọ nhan" và "việc thọ nhận vì thế không được biết đến" vì vị thọ nhận là vị Tỳ-khưu-ni khác. Khi VỊ này thọ dụng thì vị Ni xúi giục

phạm tội Sañghādisesa (Sđd. 1394-95). 43 [d] Câu kệ 42: Liên quan đến việc phạm tội Dukkata của vị Tỳ-khưu-ni trên, trong việc xúi giục vị Ty-khưu-ni khác thọ nhận nước và tăm xỉa răng từ tay người nam nhiễm dục vọng (Sđd. 1395). 44 [e] Câu kệ 43: Vị Tỳ-khưu-ni vi phạm Sañghādisesa dầu có che giấu hay không che giấu, không phạm thêm tội mới và chỉ phải chịu hành phạt Mānatta nửa tháng (Sđd.).

CÁC BÀI KỆ LÀM XUẤT Mồ HỒI 1393

TÓM LƯỢC PHÀN NÀY: 1. Sự không đồng cộng trú, không được phân tán, mười [hạng] và vị không bị án treo, vị đi đến với pháp, phần trên của xương đòn, sau đó hai điều tự mình ; x yêu câu. 2. Và không liên quan đến thân, tội nặng, liên quan đến thân, được khéo giảng, trong khi không nói, điều học, cả hai và bốn vị. 3. Người nữ, dầu ăn, tội Nỉssaggiya, các vi Tỳ-khưu, với khoảng cách bước dài đã quấn y và không điều quy định, không giết mẹ cha. 4. Sau khi không cáo tội, sau khi đã cáo tội, trong khi chặt đứt luôn cả sự thật, đã được chú nguyện, khi mặt trời đã lặn, không có tâm nhiễm dục và không phải chỗ ở rừng. 5. Liên quan đến thân, liên quan đến khẩu, ba người nữ luôn cả người mẹ, giận dữ, hài lòng, được hoan hỷ, tội Sañghādisesa và cả hai. 6. Chưa làm thành được phép, vị không cho, vị phạm tội nặng, những bài kệ làm xuất mồ hôi, là những câu hỏi, đã được giải rõ nhờ các bậc Trí. —ooOoo—

NĂM PHẨM

L PHẨM HÀNH Sự 1. Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? Bốn loại hành sự này bị hư hỏng vì năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc la vì lời đề nghi, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể. 2. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? Hành sự nên được thực hiện với sự có mặt, mà thực hiện theo lối vắng mặt, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thẩm vấn, mà thực hiện không có sự thẩm vấn, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Hành sự nên được thực hiện với sự thú nhận, mà thực hiện không có sự thú nhận, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vị xứng đáng cách hành xử Luật bang sự ghi nhớ, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự theo tội của vị ấy, đối với vi xứng đáng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự khiển trách đối với vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị xứng đáng hành sự khiển trách, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai __ 2 • < i • Pháp. Thực hiện hành sự xua đuôi đôi với vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự hòa giải đoi với vi xứng đáng hành sự xua đuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện hành sự án treo đối với vi xứng đáng hành sự hòa giải, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt Parỉvãsa đến vị xứng đáng hành sự án treo, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Đưa ve lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt Parivãsa thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Ban cho hình phạt Mânatta đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban

đầu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Giải tội vi xứng đáng hình phạt Mãnatta thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên vị xứng đáng sự giải tội, thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ Uposatha không vào ngày Uposatha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Thực hiện lễ Pavāranā. không



vào ngày Pavāranā thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc. 3. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị? Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, không đề cập đến lời đề nghi, xác định lời đề nghi sau. Các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện này. 4. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố? Các hành sự bi hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện này. 5. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới? Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc bị gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có điểm mốc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không có điểm mốc, thỏa thuận ranh giới khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở sông, thỏa thuận ranh giới ở biển, thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện. 6 Thế nào là các hành sự bi hư hỏng vì tập thể? Các hành sự bị hư hỏng vì tập thê với mười hai biêu hiện: ơ hành sự là công việc của nhóm bôn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vi ấy không đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yểu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị5 toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vj,...(nt)...ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khiru thiết yếu đối với hành sự các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vi, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đen, các vị hiện diện phản đoi. Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này.

7. ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị, bốn vị Tỳ-khưu trong sạch là thiêt yêu đôi với hành SỊT, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, năm vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đoi với hành SỊT, các vi trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đoi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đoi với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vi nào, vị ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. 8. Bôn loại hành sự: Hành sự với lời công bô, hành sự với lời đê nghị, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Bốn loại hành sự này bi hư hỏng với bao nhiêu biểu hiện? Bốn loại hành sự này bị hư hỏng với năm biểu hiện: Hoặc là vì sự việc, hoặc là vì lời đề nghị, hoặc là vì lời tuyên bố, hoặc là vì ranh giới, hoặc là vì tập thể. 9. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc? Cho tu lên bậc trên kẻ vô căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ đã chuyển sang ngoại đạo thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên loài thú thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết mẹ thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết cha thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ giết A-la-hán thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm nhơ nhớp Tỳ-khưu-ni9 thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ chia rẽ hội chúng thì bi hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ làm [đức Phật] chảy máu, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên kẻ lưỡng căn thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi, thì bị hư hỏng vì sự việc, là hành sự sai Pháp. Như vậy là các hành sự bị hư hỏng vì sự việc. 10. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời đề nghị? Các hành sự bi hư hỏng vì lời đề nghị với năm biểu hiện: Không đề cập đên sự việc, không đê cập đên hội chúng, không đê cập đên nhân sự, không đê



cập đến lời đề nghị, hoặc là xác định lời đề nghị sau. Các hành sự bi hư hỏng vì lời đe nghị với năm biểu hiện này. 11. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố? Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bố với năm biểu hiện: Không đề cập đến sự việc, không đề cập đến hội chúng, không đề cập đến nhân sự, bỏ bớt phần tuyên bố, hoặc là tuyên bố không đúng thời. Các hành sự bị hư hỏng vì lời tuyên bô với năm biêu hiện này. 12. Thế nào là các hành sự bi hư hỏng vì ranh giới? Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện: Thỏa thuận ranh giới quá nhỏ, thỏa thuận ranh giới

quá lớn, thỏa thuận ranh giới có điểm r 2 9 r móc bi gián đoạn, thỏa thuận ranh giới có diêm móc là bóng râm, thỏa thuận ranh giới không điểm mốc, thỏa thuận ranh giới trong khi đứng ở ngoài ranh giới, thỏa thuận ranh giới ở dòng sông, thỏa thuận ranh giới ở biển cả? thỏa thuận ranh giới ở hồ nước, gối ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ], trùm ranh giới [mới] lên ranh giới [cũ]. Các hành sự bị hư hỏng vì ranh giới với mười một biểu hiện này. 13. Thế nào là các hành sự bị hư hỏng vì tập thể? Các hành sự bị hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện: ở hành sự là công việc của nhóm bốn vị? toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ây không đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đên, các vị hiện diện phản đôi; ở hành sự là công việc của nhóm bôn vi5 toàn bộ các Tỳ-khmi thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vi hiện diện phản 9 r đôi; r ở hành sự là công việc của rnhóm bôn vj, toàn bộ các. :ỉ

Tỳ-khưu thiêt yêu đôi với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ..(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, ..(nt)... ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị? toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vi ấy không đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vi ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị xửng đáng sự tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối; ở hành sự là công việc của nhóm hai mươi v j, toàn bộ các Tỳ-khưu thiết yếu đối với hành sự các vị ây đã đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng sự tùy thuận đã được đem đên, các vi hiện diện phản đối. Các hành sự bi hư hỏng vì tập thể với mười hai biểu hiện này. 14. Hành sự với lời công bố hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời đề nghi hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghi đến lần thứ



nhì hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bao nhiêu trường hợp? Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp. Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp. 15. Hành sự với lời công bố hành xử năm trường hợp nào? Sự nhận vào, sự đuổi đi, [a]1 hành sự cạo tóc, hình phạt Phạm thiên [Phạm đàn] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. [b]2 Hành sự với lời công bo hành xử năm trường hợp này. 16. Hành sự với lời đề nghi hành xử chín trường hợp nào? Sự nhận vào, [c]3 sự mời ra, [d]4 lễ Uposatha, [e]5 lễ Pavãraụã. sự đồng ý5 [f]6 sự cho lại, [g]7 sự ghi nhận [tội], [h]8 việc dời lui [ngày lễ Pavārariā] và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ chín. [i]9 Hành sự với lời đề nghị hành xử chín trường hợp này.

1 [a] Sự đuổi đi: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trường hợp "du6i di" Sa-di Kantaka trong phần câu chuyện ở điều Pacittiya 70. Hiện nay, việc đuổi đi được áp dụng cho vị Sa-di chê bai đức Phật, chê bai Giáo pháp, che bai Hội chúng, tuyên bố về điều không được phép là được phép, v.v... (Sdd. 1402-03). 2 [b] Hành sự có sự khác biệt ve tướng

trạng: Ngài Buddhaghosa giải thích rang hành sự của các Tỳ- khưu-ni đối với vị Tỳ-khưu có những hanh đọng khiếm nhã như rảy nước, cởi ra cho thấy thân thể, cho thấy đùi, v.v... là loại hành sự này (Sđd. 1404-09). 3 [c] Hành sự với lời đề nghị - sự nhận vào: Là trường hợp vị Tỳ-khưu Ācariyā sau khi giảng giai về các pháp chướng ngại trong hành sự tu lên bậc trên cho giới tử, rồi gọi người ấy đĩ vào trong hội chúng để cầu xin hội chung sự tu lên bậc trên: (iSunātu me bhante sañgho, itthannāmo ỉtthannãmassa āyasmato upasampadãpekkho, anusittho so mayā, yadi sañghassa pattakallarn, itthannāmo āgaccheyyāti, 'āgacchāhTti vattabbo " (Sdd. 1409). Xem chi tiêt ở tr. 117 trong tập này; TTP V, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 235. 4 [d] Hành sự với lời đề nghị - sự mời ra: Là trong khi đang phán xét sự tranh'tụng bằng lối đại biểu, các vị Tỳ-khưu dùng lời thông báo để mời ra vi Tỳkhưu la Pháp sư nhưng kiến thưc cua chính vi ấy không được truyền thừa, không biết sự phân tích về Giới bổn, v.v... (VinA. VII. 1410). Xem chi tiết ở tr. 690 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 407. 5 [e] Hành sự với lời đề nghị - lễ Uposatha'. Nói đến tuyên ngôn đọc ở lễ Uposatha: (iSunātu me bhante sañgho, cỳj 'uposatho pamaraso. Yadi sañghassa pattakallam, sangho uposatharn kareyya'ti. " Tương tợ cho trương hợp lễ Pavaranā (VinA. VII. 1410). 6 [f] Hành sự với lời đề nghị - sự đồng ý: Là trường hợp thỉnh cầu sự đồng ý của hội chúng để hỏi và đáp về Luật trong ngày lê ùposatha, v.v... (Sđd.) 7 [g] Hành sự với lời đề nghị - sự ban cho: Là hành sự với tuyên ngôn cho lại y trong trường hợp sám hoi tội Nissấggiya Pācittiya (SdH.). 8 [h] Hành sự với lời đề nghị - sự ghi nhận tội: Là trường hợp vị Tỳ-khưu đại diện hội chúng để ghi nhận tội cho vị Tỳ-khưu đã phạm tội sam hối trước hội chúng(Sđd.). 9 [i] Hành sự với lời đề nghị - ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa đề cập đến trương hợp sán^hối tội bang cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngon cua hành sự như sau: "... ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư ŚT" (Sđd. 1411) Xem chi tiết ởtr. 674 trong tập nay; 77PK, tạp 6, Cv. I, chương IV, tr. 373.



e 5 9 r y 17. Hành sự có lời đê nghị đên lân thứ nhì hành xử bảy trường hợp nào? -Sự nhận vào, sự mời ra, [j]10 sự đồng ý, [k]11 sự ban cho, [l]12 sự thu hồi [Kathina], sự xác định [nền đất], [m]13 và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [n]14 Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì hành xử bảy trường hợp này. 18. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp nào? Sự nhận vào, sự mời ra, sự đông ý, sự ban cho, sự kiêm chê, sự nhác nhở và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ bảy. [o]15 Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư hành xử bảy trường hợp này. 19. ở hành sự là công việc của nhóm bốn vi, bốn vi Tỳ-khun trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vi ấy là không thiết yếu đối với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của nhóm năm vị, ...(nt)...ở hành sự là công việc của nhóm mười vị, mười vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành SỊT, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ây là không thiêt yêu đôi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. ở hành sự là công việc của

nhóm hai mươi vị, hai mươi vị Tỳ-khưu trong sạch là thiết yếu đối với hành sự, các vị trong sạch còn lại là xứng đáng sự tùy thuận. Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào, vị ây là không thiêt yêu đôi với hành sự và cũng không xứng đáng sự tùy thuận, tuy nhiên xứng đáng với hành sự. Phẩm í6Hành sụ*” là thứ nhất

I ° [j] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự nhận vào và sự mời ra: Đe cập đến trường hợp úp ngược và mở ra bình bát đối với Vaddha Licchavī (VinA. VII. I4ll). Xem chi tiết ở tr. 730-33 trong tập này; TTPV, tập 7, Cv. n, chương v, ti*. 59-67. II [k] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự đồng ý: Nói về các trường hợp như sau: Sự đồng ý về ranh giới không phạm tội vì xa lìa ba y, sự đồng ý ve ngọa cụ, sự đồng ý về VỊ phân phối chỗ tru ngụ, N.N...(VinA. VII. 1411). * • 12 [1] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự ban cho: Nói đến trường hợp hành sự giao y Kathina hoạc trao quyền thừa kế y cua vị đã chết (Sđd.). 13 [m] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì - sự xác định [nền đất]: Liên quan đến điều Sañghādisesa 6 và 7 của Tỳ-khưu về việc xây dựng cốc liêu và trú xá lớn (Sdd.). 14 [n] Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì -ở hành sự có sự khác biệt về tướng trạng: Ngài Buddhaghosa noi về sự dàn xếp bàng cách dùng cỏ che lấp, có tuyên ngôn hành sự chung cho hội chúng sau khi hai vị Tỳ-khưu đại diện cho hai phe, đã sám hối tội của phe mình (Sdd. 1412). Xem chi tiết ở tĩ. 675 trong tạp này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 375. 15 [o] Ngài Buddhaghosa đề cập đến bảy loại hành sự, bắt đầu là sự mời ra ở các loại hành sự nhự là hành sự khiển tráclC v.v..., sự nhận vào ơ trường hợp thu hồi hành sự của các loại hành sự trên, sự đồng ý là sự đồng ý về việc giáo giới Tỳ:khưu-ni, sự ban cho là ban cho hành phạt Parivãsa và hành phạt Mānqtta, sự kiềm chế la việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, sự nhắc nhở là các trường hợp nhắc nhở đến lần thứ ba được đề cập trong một số điều học và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng, là nói về hành sự tu lên bậc trên vả hành sự giải tội (VinA. VII. 1412).

NĂM PHẦM 1401

2. PHẨM ĐIỀU LỢI ÍCH 1. Đàng Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 2. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc tru của các Tỳ-khưu hiền thiện. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 3. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 4. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự oán hận trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 5. Đang Như Lai quy đinh điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các lỗi làm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 6. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 7. Đấng Như Lai

quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các pháp bất thiện trong hiện tại, nhằm trừ diệt các pháp bất thiện trong tương lai. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích này. 8. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhăm tách rời các nhóm của những kẻ ác xâu. Đang Nhu Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 9. Đang Như Lai quy định điêu học cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đấng Như Lai quy đinh điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 10. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, nhằm sự hỗ trợ của Luật. Đấng Như Lai quy định điều học cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. Phẩm 66Điều lợi ích" là thứ nhì.



3. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH 1. Giới bổn (Pãtỉmokkhă) được quy định cho các đệ tử bởi đức Như Lai vì hai điều lợi ích: ...(nt).. Sự đọc tụng Giới bổn (Patimokkho) được quy định ..(nt).. Sự đình chỉ Giới bổn (Pâtỉmokkhd) được quy đinh ...(nt).. Lễ Pavāranā được quy định ...(nt).. Sự đình chỉ lễ Pavāranā được quy định ...(nt).. Hành sự khiên trách được quy định Hành sự chỉ dạy được quy đinh ...(nt).. Hành sự xua đuổi được quy định ...(nt)... Hành sự hòa giải được quy định ...(nt)... Hành sự án treo được quy đinh ...(îìt)... Sự ban cho hình phạt Parỉvãsa được quy định ...(nt).. Sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu được quy định ...(nt).. Sự ban cho hình phạt Mãnatta được quy định ...(nt).. Sự giải tội được quy đinh ..(nt).. Sự nhận vào được quy định ...(nt).. Sự đuổi đi được quy định ...(nt)... Sự tu lên bậc trên được quy định ...(nt).. Hành sự với lời công bố được quy định ...(nt)... Hành sự với lời đề nghị được quy định ...(nt).. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì được quy định ...(nt).. Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư được quy định ...(nt). Phẩm ẾÍĐã được quy định59 là thứ ba.

4. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH VÈ ĐIỀU CHƯA ĐƯỢC QUY ĐỊNH 1. Điều đã được quy định ve điều chưa được quy đinh ...(nt)... Điều đã được quy đinh thêm ở điều đã được quy định ...(nt).. Cách hành xử Luật với sự hiện diện đã được quy đinh ...(nt).. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được quy định ...(nt).. Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được quy định ...(nt)... Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đã được quy định ...(nt).. Thuận theo số đông đã được quy định ...(nt).. Theo tội của vi ấy đã được quy đinh ...(nt).. Cách dùng cỏ che lấp đã được quy định nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chiing. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 2. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham việc tran áp những nhân vật ác xấu, nham sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 3. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 4. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham ngăn ngừa các sự oán

hận trong hiện tại, nham trừ diệt các sự oán hận trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này.

NĂM PHẦM 1403

5. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các lỗi lầm trong hiện tại, nhằm trừ diệt các lỗi lầm trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 6 Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm ngăn ngừa các sự sợ hãi trong hiện tại, nhằm trừ diệt các sự sợ hãi trong tương lai. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 7. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điêu lợi ích: Nhăm ngăn ngừa các pháp bát thiện trong hiện tại, nhăm trừ diệt các pháp bát thiện trong tương lai. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 8. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Vì lòng thương tưởng hàng tại gia, nhằm tách rời các nhóm của những kẻ ác xấu. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 9. Cách dùng cỏ che lâp đã được đang Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. 10. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy đinh cho các đệ tử vì hai điều lợi ích: Nham sự ton tại của Chánh pháp, nham sự hỗ trợ của Luật. Cách dùng cỏ che lấp đã được đấng Như Lai quy định cho các đệ tử vì hai điều lợi ích này. Phẩm uĐã được quy đinh về điều chưa được quy đinh55 là thứ tư.

5. PHẨM CHÍN CÁCH TÔNG HỢP 1. Chín cách tổng hợp: Tổng hợp theo sự việc, tổng hợp theo sự hư hỏng, tổng hợp theo tội, tổng hợp theo duyên khởi, tổng hợp theo nhân sự, tổng hợp theo nhóm, tong hợp theo nguồn sanh tội, tong hợp theo sự tranh tụng, tong hợp theo sự dàn xếp. 2. Khi sự tranh tụng sanh khởi, nếu cả hai phe đối địch của sự kiện đều đi đến, sự việc nên được cho công bố đến cả hai bên; sau khi sự việc đã được cho công bố đến cả hai bên, sự thừa nhận của cả hai bên nên được lắng nghe; sau khi đã lắng nghe sự thừa nhận của cả hai bên, cả hai bên nên được nói rằng: “Khi sự tranh tụng này của chúng ta được giải quyết, cả hai bên sẽ được hoan hỷ.” Nếu cả hai bên nói rằng: "Chúng tôi sẽ hoan hy”, hội chúng nên gánh vác sự tranh tụng ấy. Nếu tập thể là có đông kẻ vô liêm sỉ, nên giải quyết bằng đại

1404 TẬP YẾU

biểu. Nếu tập thể là có đông kẻ ngu dốt, nên tìm kiếm vị nắm vững về Luật. Sự tranh tụng ấy được giải quyết bằng Pháp nào, bằng Luật nào, bằng lời dạy nào của bậc Đạo sư thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết theo như thế ấy. Cần hiểu biết về sự việc, cần hiểu biết về thể loại, cần hiểu biết về tên gọi. Cần hiểu biết về tội vi phạm. 3. "Việc đôi lứa” vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājika" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 4. "Lấy vật không được cho" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājika" vừa là tên gọi, vừa

là tội vi phạm. 5. "Mạng sông con nguôi" vừa là sự việc, vừa là thê loại. "Pārājikc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 6. 'Tháp thượng nhân,, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Pārājikc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 7. “Sự xuất ra tinh dịch,, vừa là sự việc, vừa là thê loại. "Sanghãdisesâ" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 8. "Sụ* xúc chạm cơ th vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sanghãdisesà" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 9. “Lòi nói thô tục” vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Scừighldisesâ" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 10. “Tinh dục cho bản thân" vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesci^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 11. “Sụ* mai mối^, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesā" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 12. "Việc cho xây dựng cốc liêu do tự mình yêu cầu [vật liêu]" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesā" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 13. "Việc cho xây dựng tru xá lớn^, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 14. "Việc bôi nhọ Tỳ-khưu về tội Pãrặịỉka không có nguyên vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 15. "Việc bôi nhọ ly-khưu về tội Pārājika sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhặt thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biêt” vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 16. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là người chia rẽ hội chúng,, vừa là sự việc, vừa là thể loại. "ScừighddisescT vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 17. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các vị Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng]vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Sanghãdisesă" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm.

NẢM PHẦM 1405

18. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu khó dạy" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Saùghãdisesà" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. 19. "Việc không dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị Tỳ-khưu là kẻ làm hư hỏng các gia dinh" vừa là sự việc, vừa là the loại. "Sañghādisesc^ vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. ...(nt). 20. "Việc đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng,5 vừa là sự việc, vừa là thể loại. "Dukkata" vừa là tên gọi, vừa là tội vi phạm. Phẩm "Chín cách tổng hợp” là thứ năm.

TÓM LƯỢC NHÓM NẤM PHẨM: 1. Lời công bố, lời đề nghi, thứ nhì ya đến lần thứ tư, sự việc, lời đề nghị, lời tuyên bố, ranh giới và luôn cả tập thể nữa. 2. Hiện diện, sự thẩm vấn, sự thú nhận, vị xứng đáng về Luật, sự việc, hội chúng và cá nhân, [thiếu] lời đe nghị và lời đe nghị sau. 3 Sự việc, hội chúng, nhân sự, sự tuyên bố, sái thời, quá nhỏ và lớn rộng, bị gián đoạn, bóng râm, các điểm mốc. 4. ở bên ngoài, dòng sông, ở biển, ở hồ nước, gối lên, trùm lên ranh giới [cũ], các nhóm bốn và năm. 5. Mười và nhóm hai mươi, không được đem lại và đà được đem lại, các vị thiết yếu với hành sự, các vị xứng đáng gởi tùy thuận, các vị xứng đáng hành sự. 6. Lời công bố có năm trường họp, lời đề nghi có chín trường hợp, lời đề nghị đến lần thứ hai có bảy trường hợp, đến lần thứ tư có bảy trường hợp. 7. Sự tót đẹp, sự an lạc, đôi với các kẻ ác xâu, các vị hiên thiện luôn cả các lậu hoặc, sự oán hận, lôi lâm luôn cả sự sợ hãi, điêu bát thiện và đôi với hàng tại gia. 8. Có ước muốn ác xấu, đối với những người không niềm tin, đã tin tưởng, việc duy

trì Chánh pháp luôn cả sự hỗ trợ Luật và việc đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă). 9. Và về sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha), sự đình chỉ lễ Pavāranā. [hành sự] khiển trách và chỉ dạy9 xua đuổi, hòa giải. 10. Án treo và hình phạt Parỉvãsa, từ ban đầu, hình phạt Mãnatta, việc giải tội, việc nhận vào, việc đuổi đi, tương tợ y như thế là việc tu lên bậc trên. 11. Sự công bô, lời đê nghi, lân thứ nhì, lân thứ tư, điêu chưa được quy định, điều được quy định thêm, cách hành xử Luật với sự hiện diện, sự ghi nhớ.



12. Khi không điên cuồng, được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội, cách dùng cỏ che lấp sự việc, điều hư hỏng, tội vi phạm, duyên khởi với nhân sự. 13. Và luôn cả các nhóm [tội], các nguồn sanh khởi luôn cả sự tranh tụng nữa, các sự dàn xếp luôn cả sự tổng hợp, tên và tội vi phạm là tương tợ. TẬP YẾU ĐƯỢC CHẤM DỨT

1. Sau khi hỏi đường lôi của các vị thây tiên bôi ở nơi này nơi khác, bậc có đại trí tuệ tên là Dīpā, vi ghi nhớ điều đã nghe, có tầm nhìn bao quát. 2. Sau khi suy nghĩ rồi đã cho ghi lại bộ sách này, một cách chi tiết và tóm tắt, đem lại niềm an lạc cho các vi học trò với đường lối học tập về Trung đạo. 3 Tập ấy được gọi là "Tập yếu”với tất cả các sự việc, cùng với điểm đặc biệt, có ý nghĩa theo ý nghĩa ở Chánh pháp, có giáo lý theo giáo lý ở điều quy định. 4. Vi ây đã bao.2trùm lời giáo huân, r như là biên cả bao quanh xứ Jambudīpa, trong khi không hiên được bộ Tập yêu. làm sao xác đinh pháp? 5. Điều hư hỏng, sự việc, điều quy định, điều quy đinh thêm, nhân vật, một [hội chúng] và luôn cả hai phái, việc quy đinh vì thế gian, do lỗi lầm. 6. Đối với vị nào có hoài nghi sanh khởi thì được dứt bỏ nhờ Tập yếu. là vị Chuyên Luân Vương ở đoàn quân vĩ đại, ví như con sư tử giữa bây thú rừng. 7. Là mặt trời tỏa ánh hào quang, giông như mặt trăng ở nơi chòm sao, là vị Phạm thiên nơi tập thể Phạm thiên, tợ như vị lãnh đạo ở giữa tập thể; cũng vậy, Chánh pháp và Luật chói sáng nhờ bộ Tập yếu. -ooOoo—

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*